LEGS

Tiêu chuẩn và hướng dẫn về cứu trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp

LEGS

Những lời khen tặng dành cho cuốn sách

'Cuốn sách hướng dẫn này là một đóng góp đáng được hoan nghênh cho kho tài liệu ngày càng phong phú về hoạt động nhân đạo, vì nó tập trung vào cứu trợ con người cũng như các hoạt động sinh kế cho người chăn nuôi, bao gồm cả tài sản vật nuôi mà họ sống nhờ vào. Được xây dựng dựa trên các phương pháp và khái niệm chặt chẽ, cuốn sách trình bày hàng loạt hướng dẫn đầy thuyết phục về thời gian, địa điểm cũng như đối tượng mà các hoạt động cứu trợ dựa trên sinh kế hướng tới trong tình trạng khẩn cấp. Cuốn sách đặc biệt hữu ích đối với những người hoạt động nhân đạo và các nhà hoạch định chính sách khi đưa ra những quyết định về thời gian và biện pháp cứu trợ nhân đạo cần thực hiện trong thảm họa.'

***Peter D. Little**, Giáo sư Nhân chủng học và Chủ nhiệm khoa Phát triển học, Đại học Emory.*

'Theo kinh nghiệm của bản thân tôi, các tổ chức cứu trợ thường có những cách khác nhau để cứu trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp. Việc thiếu các hướng dẫn hay tiêu chuẩn đã dẫn tới tình trạng lập kế hoạch không nhất quán và thiếu trách nhiệm trong cùng một tổ chức và giữa các tổ chức với nhau. LEGS giúp cho các tổ chức, như Oxfam, có thể cung cấp các chương trình cứu trợ vật nuôi nhất quán hơn, có trách nhiệm và chất lượng cao hơn. Cuốn sách mang lại lợi ích to lớn hơn cho đối tượng mà các chương trình nhân đạo hướng tới.'

***Lili Mohiddin**, An ninh Lương thực trong Tình trạng Khẩn cấp và Sinh kế, Ban hân đạo, Oxfam GBNs*

'Cuốn sách này đã thành công trong việc chuyển rất nhiều kiến thức và kinh nghiệm thành những hướng dẫn từng bước cho bất cứ ai đang nỗ lực ứng phó hoặc phòng tránh những thảm họa xảy ra với người chăn nuôi và vật nuôi của họ. Cuốn sách cung cấp các chuẩn mực của các hoạt động nhân đạo nhằm cứu trợ con người và sinh kế cho họ.'

***Tim Leyland**, Cố vấn Thương mại về Nông nghiệp và Vật nuôi, DFID*

'LEGS đề cập đến một lĩnh vực ít được chú trọng trong các hoạt động nhân đạo. Đây là một cuốn sách vô cùng giá trị bởi nó nhìn nhận vấn đề ứng phó với thảm họa từ góc độ sinh kế cho người dân và đã cung cấp một mô hình cứu trợ có tính thực tiễn cao được xây dựng trên một nền tảng tư tưởng rộng lớn. Cuốn sách do những người trực tiếp tham gia ứng phó với thảm họa viết và do đó nó là nguồn tài liệu quan trọng để giải quyết các thách thức ngày càng gia tăng mà người chăn nuôi ở Châu Phi và trên toàn thế giới đang phải đối mặt.'

***Sara Pantuliano**, Lãnh đạo Chương trình Cứu trợ, Viện Phát triển quốc tế*

Nhà xuất bản
Practical Action
Trung tâm Công nghệ và phát triển
Schumacher Bourton on Dunsmore, Rugby,
Warwickshire CV23 9QZ, Anh Quốc
www.practicalactionpublishing.org

© Dự án Hướng dẫn và Tiêu chuẩn Cứu trợ Vật nuôi
trong Tình trạng Khẩn cấp, 2009
Xuất bản lần đầu năm
2009

ISBN 978 1 85339 679 3

Bản quyền của tác giả. Không được in ấn, sao chép hay sử dụng dưới bất cứ hình thức nào, bao gồm cả photo và thu băng, không lưu trữ hay phục hồi thông tin nếu không có sự cho phép của tác giả.

Sơ lược cuốn sách có thể tìm thấy ở Thư viện Anh

Quyền tác giả được đảm bảo theo luật Bản Quyền và Sáng Chế năm 1988 đối với những phần mà họ đã đóng góp cho cuốn sách.

Kể từ năm 1974, Practical Action (trước đây được gọi là Intermediate Technology Publications and ITDG Publishing) đã xuất bản và truyền bá các ấn phẩm và thông tin nhằm hỗ trợ công cuộc phát triển quốc tế trên toàn thế giới. Practical Action Publishing (Giấy phép đăng ký số 1159018) là công ty trực thuộc của Practical Action, Ltd. Practical Action Publishing chỉ kinh doanh nhằm hỗ trợ mục tiêu từ thiện của công ty mẹ. Mọi lợi nhuận từ Practical Action Publishing được chuyển lại cho Practical Action (Đăng ký từ thiện số 247257, Đăng ký thuế VAT Nhóm số 880992476)

Chịu trách nhiệm sắp chữ: Công ty dịch vụ SJI
Chịu trách nhiệm in ấn: Hobbs the Printers Ltd, Totton, Hampshire
www.hobbs.uk.com

Mục lục

Giới thiệu về LEGS 1
- Định nghĩa về LEGS 2
- Nguồn gốc của LEGS 2
- Người sử dụng LEGS 2
- Nội dung chính của LEGS 3
- Những vấn đề LEGS không đề cập đến 4
- Cách thức sử dụng LEGS 5

Chương 1: Cứu trợ vật nuôi dựa trên sinh kế trong tình trạng khẩn cấp 7
- Sinh kế và tình trạng khẩn cấp 8
- Tác động của tình trạng khẩn cấp đối với người chăn nuôi 11
- Những vấn đề xuyên suốt 15

Chương 2: Đánh giá và cứu trợ 20
- Đánh giá sơ bộ về tình trạng khẩn cấp 21
- Xác định biện pháp cứu trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp 24
- Phụ lục 2.1. Danh mục đánh giá sơ bộ 34
- Phụ lục 2.2. Các phương pháp đánh giá 38
- Phụ luc 2.3. Ma trận xác định biện pháp cứu trợ có sự tham gia của người dân 40
- Tài liệu tham khảo 44

Chương 3: Các tiêu chuẩn tối thiểu áp dụng cho tất cả hoạt động cứu trợ vật nuôi 45
- Giới thiệu 47
- Các tiêu chuẩn tối thiểu 48
- Tiêu chuẩn chung 1: Sự tham gia của cộng đồng 48
- Tiêu chuẩn chung 2: Đánh giá ban đầu 51
- Tiêu chuẩn chung 3: Cứu trợ và điều phối 53
- Tiêu chuẩn chung 4: Xác định nhóm được trợ giúp 55
- Tiêu chuẩn chung 5: Giám sát & đánh giá, và tác động tới sinh kế 56
- Tiêu chuẩn chung 6: Hỗ trợ kỹ thuật và năng lực của tổ chức 59
- Tiêu chuẩn chung 7: Chuẩn bị sẵn sàng 60
- Tiêu chuẩn chung 8: Tuyên truyền Vận động và Chính sách 62
- Tài liệu tham khảo 65

Chương 4: Các tiêu chuẩn tối thiểu đối với việc giảm đàn vật nuôi 66

Giới thiệu 68
Các tiêu chuẩn tối thiểu 75
Giảm đàn - Tiêu chuẩn chung 1: Đánh giá và lập kế hoạch 75
Tiêu chuẩn 1: Giảm đàn nhanh 77
Tiêu chuẩn 1: Giảm đàn bằng phương pháp giết mổ 82
Phụ lục 4.1 Danh mục đánh giá việc giảm đàn vật nuôi 87
Phụ lục 4.2 Danh mục giám sát và đánh giá chương trình giảm đàn vật nuôi 88
Tài liệu tham khảo 91

Chương 5: Các tiêu chuẩn tối thiểu cho dịch vụ thú y 92
Giới thiệu 94
Các tiêu chuẩn tối thiểu 104
Tiêu chuẩn chung 1 về dịch vụ thú y: Đánh giá và lên kế hoạch 104
Tiêu chuẩn 1 về cung cấp dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu: Thiết kế và thực hiện dịch vụ 107
Tiêu chuẩn 1 về hệ thống thú y nhà nước: Các bệnh lây truyền từ động vật 111
Tiêu chuẩn 2 - Hệ thống thú y nhà nước: Vệ sinh và an toàn thực phẩm 112
Tiêu chuẩn 1- Hệ thống thông tin về bệnh vật nuôi: Giám sát bệnh vật nuôi 113
Phụ lục 5.1 Danh mục đánh giá việc cung cấp dịch vụ thú y 115
Phụ lục 5.2 Ví dụ về các chỉ số giám sát và đánh giá quá trình cung cấp dịch vụ thú y 116
Tài liệu tham khảo 117

Chương 6: Các tiêu chuẩn tối thiểu đảm bảo cung cấp thức ăn chăn nuôi 119
Giới thiệu 121
Các tiêu chuẩn tối thiểu 130
Tiêu chuẩn chung 1 về đảm bảo nguồn cung cấp thức ăn chăn nuôi: Đánh giá và lập kế hoạch 130
Tiêu chuẩn 1 về di dời vật nuôi: Hỗ trợ cho việc chuẩn bị di dời vật nuôi 134
Tiêu chuẩn 1 về cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: Các mức độ cung cấp thức ăn chăn nuôi 137
Tiêu chuẩn 2 về cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: An toàn thực phẩm 138
Tiêu chuẩn 3 về cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: Nguồn gốc thức ăn và phân phối các nguồn thức ăn 140
Phụ lục 6.1. Danh mục đánh giá việc cung cấp thức ăn chăn nuôi 143
Phụ lục 6.2. Danh mục giám sát và đánh giá hoạt động cung cấp thức ăn chăn nuôi 147

Tài liệu tham khảo 149

Chương 7: Các tiêu chuẩn tối thiểu về cung cấp nước 150
Giới thiệu 152
Các tiêu chuẩn tối thiểu 157
Tiêu chuẩn 1 về nước: Đánh giá và lên kế hoạch 160
Tiêu chuẩn 1 về các điểm cấp nước: Vị trí của các điểm cấp nước 161
Tiêu chuẩn 2 về các điểm cấp nước : Phục hồi và xây mới các điểm cấp nước 163
Tiêu chuẩn 1 về vận chuyển nước bằng xe tải: Nguồn và chất lượng nước 165
Tiêu chuẩn 2 về vận chuyển nước bằng xe tải: Vấn đề hậu cần và phân phối nước 167
Phụ lục 7.1: Danh mục đánh giá nhanh về điểm cấp nước 169
Phụ lục 7.2: Danh mục các tiêu chí ảnh hưởng đến hoạt động cung cấp nước 171
Tài liệu tham khảo 172

Chương 8: Các tiêu chuẩn tối thiểu về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi 173
Giới thiệu 175
Các tiêu chuẩn tối thiểu 179
Tiêu chuẩn 1 về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi: Đánh giá và lập kế hoạch 179
Tiêu chuẩn 2 về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi: Nơi ở cố định cho vật nuôi 182
Tiêu chuẩn 3 về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi: Cơ sở hạ tầng nơi ở cố định cho vật nuôi 184
Tiêu chuẩn 4 về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi: Nơi ở tạm cho vật nuôi 185
Tiêu chuẩn 5 về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi: Chuẩn bị đối phó và giảm thiểu rủi ro thiên tai 187
Phụ lục 8.1: Danh mục đánh giá việc cung cấp nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi 189
Phụ lục 8.2: Danh mục giám sát và đánh giá việc cung cấp nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi 191
Tài liệu tham khảo 193

Chương 9: Các tiêu chuẩn tối thiểu về hoạt động cung cấp vật nuôi 194
Giới thiệu 196
Các tiêu chuẩn tối thiểu 202
Tiêu chuẩn 1 về cung cấp vật nuôi: Hoạt động đánh giá 203
Tiêu chuẩn 2 về cung cấp vật nuôi: Xác định 'gói' chăn nuôi 207
Tiêu chuẩn 3 về cung cấp vật nuôi: Cơ chế cho vay, thu mua, vận chuyển và phân phối vật nuôi 209

Tiêu chuẩn 4 về cung cấp vật nuôi: Các hỗ trợ khác 211
Phụ lục 9.1 Danh mục đánh giá hoạt động cung cấp vật nuôi 214
Phụ lục 9.2 Danh mục giám sát và đánh giá hoạt động cung cấp vật nuôi 216
Phụ lục 9.3 Cung cấp vật nuôi ở các trại tị nạn/ các trại giành cho người tị nạn ngay trên quê hương mình (IDP) 218
Phụ lục 9.4 Thảo luận về cỡ đàn tối thiểu có thể trụ vững được 219
Phụ lục 9.5 Chợ phiên vật nuôi 220
Tài liệu tham khảo 221

Nghiên cứu tình huống 222

Phụ lục 251
1 Bảng chú giải thuật ngữ 252
2 Ký hiệu viết tắt 254
3 Tài liệu tham khảo 256
4 Lời cảm ơn 258
5 Phiếu lấy ý kiến phản hồi về LEGS 262

Sơ đồ, ô và bảng biểu

Sơ đồ

1.1 Khung sinh kế bền vững 9
2.1 Nghiên cứu tình huống A: Động đất ở Châu Á (khởi phát nhanh) 29
2.2 Nghiên cứu tình huống B: Hạn hán ở Châu Phi (khởi phát chậm) 31
4.1 Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định phương án giảm đàn 79
5.1 Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định thực hiện các dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu 105
6.1 Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định các phương án cung cấp thức ăn chăn nuôi 132
7.1 Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định các phương án cung cấp nước 157
8.1 Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định cung cấp nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi 180
9.1 Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định cung cấp vật nuôi 204

Bảng biểu

2.1 Mục tiêu sinh kế LEGS và các biện pháp cứu trợ 25
2.2 Ma trận xác định biện pháp cứu trợ có sự tham gia của người dân – Nghiên cứu tình huống A 28
2.3 Ma trận xác định biện pháp cứu trợ có sự tham gia của người dân – Nghiên cứu tình huống B 30
2.4 Ma trận xác định biện pháp cứu trợ có sự tham gia của người dân – Nghiên cứu tình huống C 32
2.5 Áp dụng các phương pháp đánh giá có sự tham gia của người dân 39
2.6 Ma trận xác định biện pháp cứu trợ có sự tham gia của người dân – Tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh 40
2.7 Ma trận xác định biện pháp cứu trợ có sự tham gia của người dân – Tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm 40
4.1 Ưu, nhược điểm và các yêu cầu cơ bản của các phương pháp giảm đàn 71
4.2 Thời điểm thích hợp để cứu trợ vật nuôi bằng phương pháp giảm đàn 72
5.1 Ưu, nhược điểm của các phương thức cung cấp dịch vụ thú y 99
5.2 Thời điểm thích hợp để cứu trợ thú y 101
6.1 Ưu, nhược điểm của các phương thức cung cấp thức ăn chăn nuôi 125
6.2 Thời điểm thích hợp để cung cấp thức ăn chăn nuôi 127
7.1 Ưu, nhược điểm của các phương thức cung cấp nước 154
7.2 Thời điểm thích hợp để cung cấp nước 155
8.1 Thời điểm thích hợp để cung cấp nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi 177
9.1 Ưu, nhược điểm của các hình thức cung cấp vật nuôi 199
9.2 Thời điểm thích hợp để cung cấp vật nuôi 200

Ô

0.1 Thách thức đặt ra với ý tưởng cứu trợ dựa trên sinh kế trong các tình trạng khẩn cấp 3
1.1 Khả năng dễ bị tổn thương 10
1.2 Phương pháp cứu trợ dựa trên quyền 10
1.3 Ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm 12
1.4 Ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh 13
1.5 Ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp phức hợp 14
2.1 Hệ thống phân loại và cảnh bảo các tình trạng khẩn cấp 22
2.2 Cứu trợ bằng tiền mặt 25

Cấu trúc của LEGS

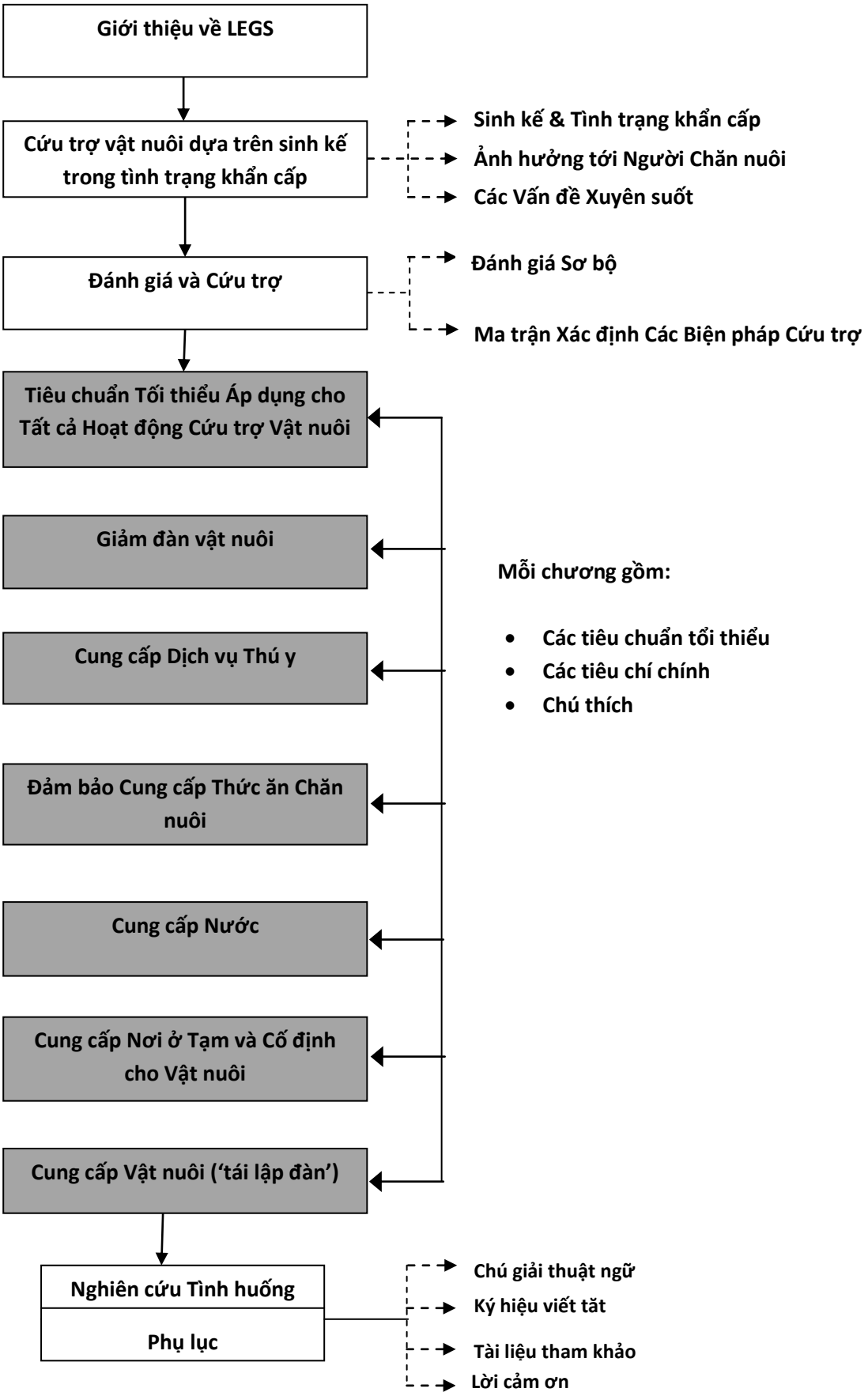

Photo credit: Kelly Lynch/Save the Children, USA

Giới thiệu về LEGS

Định nghĩa về LEGS

Tiêu chuẩn và Hướng dẫn về Cứu trợ Vật nuôi trong Tình trạng Khẩn cấp (LEGS) là tập hợp các hướng dẫn và tiêu chuẩn quốc tế cho việc thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động cứu trợ vật nuôi để giúp người dân bị ảnh hưởng bởi các cuộc khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo. Những hướng dẫn và tiêu chuẩn này dựa trên các mục tiêu sinh kế nhằm hỗ trợ nhanh chóng để bảo vệ và phục hồi tài sản vật nuôi của cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng.

Do đó, mục tiêu của LEGS là nhằm cứu sinh mạng và sinh kế của người dân thông qua hai chiến lược chính: hỗ trợ xác định các biện pháp cứu trợ vật nuôi phù hợp nhất trong tình trạng khẩn cấp và cung cấp các tiêu chuẩn, tiêu chí và chú thích cho các biện pháp cứu trợ dựa trên những bài học thành công.

Nguồn gốc của LEGS

Quá trình xây dựng LEGS xuất phát từ nhận thức rằng mặc dù vật nuôi là tài sản sinh kế thiết yếu của người dân trên khắp thế giới và các hoạt động can thiệp vào chăn nuôi thường là biểu hiện cứu trợ, nhưng cho đến nay những hướng dẫn cho các nhà tài trợ, các nhà quản lí chương trình hoặc các chuyên gia kĩ thuật để thiết kế hay thực hiện các biện pháp cứu trợ vật nuôi trong thảm họa vẫn chưa được phổ biến rộng rãi. Đồng thời, LEGS cũng nhận thấy rằng các xu hướng thời tiết đang gây ra các khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo thường xuyên hơn và đa dạng hơn, đặc biệt ảnh hưởng tới những cộng đồng phụ thuộc chủ yếu vào vật nuôi.

LEGS phản ánh quá trình xây dựng Hiến chương Nhân đạo và Các tiêu chuẩn Tối thiểu trong Ứng phó Thảm họa của Dự án Sphere (năm 2004). Do đó, việc xây dựng LEGS dựa trên sự đóng góp của nhiều tổ chức, với những nhận xét phong phú và tập hợp kinh nghiệm của những người hoạt động trong lĩnh vực này. Nội dung và hình thức của LEGS được thiết kế để đảm bảo rằng LEGS bổ sung thông tin cho Sổ tay Sphere.

Người sử dụng LEGS

LEGS dành cho người thực hiện các biện pháp cứu trợ vật nuôi trong thảm họa. Đặc biệt, LEGS hướng đến các tổ chức phi chính phủ, tổ chức song phương và đa phương và các nước đang thực hiện các biện pháp cứu trợ ở những khu vực mà sinh kế dựa một phần hoặc hoàn toàn vào vật nuôi. LEGS cũng phù hợp với các nhà hoạch định chính sách và những người ra quyết định ở các tổ chức tài trợ và các cơ quan chính phủ. Ngân sách và các quyết định thực hiện của các tổ

chức này có ảnh hưởng tới việc cứu trợ trong thảm họa. Đối tượng thứ ba của LEGS bao gồm các cơ quan giáo dục và các tổ chức dựa vào cộng đồng.

Nội dung chính của LEGS

LEGS tập trung vào những điểm chung giữa các tình huống thảm họa, hoạt động chăn nuôi và sinh kế, và nhằm mục đích đưa quan điểm sinh kế vào hoạt động cứu trợ vật nuôi trong thảm họa.Theo quan điểm toàn cầu, một trong những nhu cầu bức thiết nhất hiện nay là cải thiện chương trình cứu trợ vật nuôi cho các cộng đồng phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động chăn nuôi nhằm phục vụ đời sống kinh tế và xã hội. LEGS đề cập đến các hoạt động cứu trợ vật nuôi ở những cộng đồng này, và cũng hỗ trợ cho vật nuôi ở các cộng đồng định canh và vật nuôi được nuôi ở khu vực thành thị.

LEGS có phạm vi trên toàn cầu, mặc dù có thể thấy rằng lần xuất bản đầu tiên này có xu hướng ban đầu thiên về kinh nghiệm của khu vực châu Phi cận Sahara, chủ yếu là do hầu hết những tài liệu sẵn có về các biện pháp cứu trợ vật nuôi dựa vào các bài học kinh nghiệm ở vùng này. Hi vọng rằng quá trình chỉnh sửa sẽ có nhiều thông tin bổ sung và các nghiên cứu để có thể mở rộng sang các vùng khác theo phương thức hiệu quả hơn trong các lần xuất bản sau.

Giống như Sổ tay Shere, LEGS được xây dựng trên phương pháp tiếp cận dựa trên quyền, đặc biệt là *quyền có lương thực* và *quyền được hưởng một mức sống phù hợp*. Nói một cách khác, những người dân bị ảnh hưởng bởi thảm họa có quyền bảo vệ sinh kế của họ. Quan điểm sinh kế của LEGS cũng cho rằng những hướng dẫn không chỉ đề cập đến hành động cứu trợ ngay lập tức trong tình trạng khẩn cấp mà còn bao gồm các hoạt động trong giai đoạn phục hồi và mối liên kết với quá trình phát triển lâu dài (xem ô 0.1). Do đó chuẩn bị là một khía cạnh quan trọng trong ứng phó với thảm họa của LEGS, tương đương với tầm quan trọng của việc bảo tồn tài sản sinh kế nhằm bảo vệ và duy trì sinh kế trong tương lai, và cứu sinh mạng con người. Tuy nhiên, LEGS chỉ là một công cụ ứng phó trong tình trạng khẩn cấp nên LEGS không thể giải quyết tất cả các vấn đề liên quan tới phát triển lâu dài. [1]

Ô 0.1 Những thách thức của quan điểm dựa trên sinh kế khi ứng phó với tình trạng khẩn cấp

Quan điểm sinh kế trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa cứu trợ và phát triển, thông qua việc chuẩn bị ứng phó với thảm họa và phục hồi sau thảm họa. Quan điểm sinh kế có xu hướng thu hẹp ranh giới vốn từng tách biệt các chương trình cứu trợ và chương trình phát triển. Tại thời điểm viết sách này, sự tách biệt này vẫn tồn tại trong cơ cấu và chính sách của nhiều cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên một số nhà tài trợ và tổ chức phi chính phủ đang hướng đến một chương trình toàn diện hơn và đang phát triển các cách tiếp cận mới như hệ thống bảo trợ xã hội quy

mô lớn hoặc mạng lưới an sinh xã hội cho người chăn thả và chương trình bảo hiểm liên quan đến thời tiết để bảo vệ người nông dân và chủ đàn vật nuôi trước tác hại của hạn hán.

Trọng tâm của LEGS là nâng cao chất lượng của các hoạt động cứu trợ nhân đạo và do đó giải quyết các vấn đề liên quan tới việc kết nối cứu trợ và phát triển hay những thách thức của phát triển lâu dài đối với các chủ vật nuôi là vượt quá phạm vi của LEGS. Nhiều trong số những vấn đề trên rất phức tạp, vẫn chưa giải quyết được và tiếp tục là chủ đề của các cuộc tranh luận, ví dụ như khả năng tồn tại trong tương lai của những người chăn thả trong một môi trường bị ảnh hưởng, vì những người này phải gánh chịu nhiều thảm họa triền miên do biến đổi khí hậu gây ra.

LEGS thừa nhận rằng không có câu trả lời rõ ràng cho những vấn đề này nhưng LEGS đang nỗ lực nâng cao chất lượng của hoạt động cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp qua việc thúc đẩy quan điểm sinh kế với các sáng kiến cứu trợ nhanh chóng và thừa nhận mối liên kết với các chương trình dài hạn hơn.

Những vấn đề LEGS không đề cập đến

LEGS đưa ra những hướng dẫn và tiêu chuẩn để đạt được hiệu quả tối ưu, và trợ giúp quá trình ra quyết định. LEGS không phải là sách hướng dẫn thực hành chi tiết để thực hiện các hoạt động cứu trợ vật nuôi trong thảm họa. Hướng dẫn mang tính "thực hành" hơn được đề cập trong các nguồn tài liệu liệt kê trong mục tài liệu tham khảo ở cuối mỗi chương, và bao gồm một loạt các sách hướng dẫn thực hành về cứu trợ vật nuôi được Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO) xây dựng để bổ sung cho LEGS (FAO, 2009).

Ở một số nước, các hướng dẫn quốc gia về cứu trợ vật nuôi đã được xác định. LEGS có mục đích bổ sung cho những hướng dẫn này và hỗ trợ cho các diễn đàn quốc gia liên quan để xây dựng hướng dẫn ở những nước chưa có.

LEGS được xây dựng dựa trên các hướng dẫn và luật nhân đạo, do đó mối quan tâm đầu tiên của LEGS là sức khỏe của con người chứ không phải của động vật. Tuy nhiên, những chuyên gia về vật nuôi – đặc biệt là những bác sĩ thú y – buộc phải quan tâm đến tác động của những hành động của họ tới sức khỏe vật nuôi. Những hướng dẫn về sức khỏe vật nuôi, bao gồm những vấn đề như giết mổ vật nuôi một cách nhân đạo, có trong các tài liệu như Quy tắc Thú y theo Lãnh thổ được xây dựng bởi Tổ chức Thú y Quốc tế (OIE) (www.oie.int; xem Oxfam, 2007). Các cứu trợ dựa trên sinh kế nhằm mang lại lợi ích cho con người thông qua việc cải thiện sức khỏe, nơi ở và thức ăn của vật nuôi được cho là có tác động tích cực đến cả con người và động vật.

Giống như Sphere, LEGS tập trung vào các nước đang phát triển, và do đó không đề cập đến nhu cầu của động vật nuôi trong nhà để làm bạn. LEGS cũng không đề cập đến việc phòng chống hay kiểm soát một số bệnh trên động vật lây lan qua biên giới, những bệnh này được đề

cập đến trong các hướng dẫn khác được chấp nhận trên phạm vi quốc tế, ví dụ như những hướng dẫn của FAO – EMPRES (Hệ thống Dự phòng Khẩn cấp các bệnh Động thực vật Lan truyền qua Biên giới) và của OIE (xem Hướng dẫn của Hệ thống Dự phòng Khẩn cấp do Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO) đưa ra để giải quyết những đợt bùng phát dịch bệnh, www.fao.org/ag/againfo/programmes/en/empres/home.asp).

Cách thức sử dụng LEGS

Về cơ bản, LEGS là một công cụ hoạch định chính sách và lên kế hoạch để hỗ trợ xây dựng hoạt động cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp một cách hợp lý. Tuy nhiên, những hướng dẫn và tiêu chuẩn của LEGS cũng có thể được sử dụng làm chuẩn cho việc xem xét và đánh giá hành động cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp, có thể trong thời gian đang xảy ra thảm họa hoặc sau khi thảm họa xảy ra.

Xác định các biện pháp cứu trợ vật nuôi phù hợp

Chương đầu tiên của LEGS - Cứu trợ vật nuôi dựa trên sinh kế trong tình trạng khẩn cấp - giới thiệu tổng quan các vấn đề trọng tâm cần cân nhắc khi lập kế hoạch cho các hoạt động cứu trợ vật nuôi, đặc biệt là các vấn đề liên quan tới sinh kế, và mô tả các giai đoạn của thảm họa khởi phát nhanh và thảm họa khởi phát chậm. Chương 2 – Đánh giá và cứu trợ – nhấn mạnh những vấn đề cần đánh giá bước đầu và cung cấp công cụ hoạch định chính sách (Ma trận Xác định Biện pháp Cứu trợ có sự Tham gia của Người dân - PRIM) để giúp xác định những hoạt động cứu trợ hợp lí nhất và giai đoạn cần cứu trợ của tình trạng khẩn cấp.

Các tiêu chuẩn chung

Chương 3 của LEGS – Các tiêu chuẩn tối thiểu áp dụng cho tất cả các hoạt động cứu trợ vật nuôi – cung cấp thông tin và hướng dẫn cách thức thực hiện phổ biến cho tất cả các hình thức cứu trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp. Nội dung của chương bao gồm các tiêu chuẩn, các tiêu chí chính và chú thích cho từng tiêu chuẩn. Mỗi chương có cấu trúc như sau:

- Phần mở đầu đưa ra những vấn đề quan trọng cần xem xét
- Sơ đồ hoạch định chính sách hình cây giúp quá trình lựa chọn các phương án thực hiện khác nhau trở nên thuận lợi, nếu phù hợp.
- Các tiêu chuẩn, các tiêu chí chính và chú thích
- Phần phụ lục gồm các thông tin kĩ thuật ví dụ như danh mục đánh giá và các tài liệu tham khảo quan trọng.

Các tiêu chuẩn, tiêu chí chính và chú thích được sắp xếp như sau:

Tiêu chuẩn
Tiêu chuẩn thường là những văn bản định tính được áp dụng trong tình huống khẩn cấp

Các tiêu chí chính

- Các tiêu chí chính gắn với từng tiêu chuẩn là phương pháp để đo một cách định tính hoặc định lượng việc đạt chuẩn và những tiến bộ đạt được.

Chú thích

1. Phần chú thích nên được xem xét cùng với các tiêu chí chính. Phần này nêu ra những vấn đề cụ thể cần xem xét khi áp dụng Các Tiêu chuẩn.

Các chương về hoạt động cứu trợ vật nuôi

Những hoạt động cứu trợ mang tính chuyên môn của LEGS bao gồm: giảm đàn vật nuôi (Chương 4), dịch vụ thú y (Chương 5); cung cấp thức ăn (Chương 6), cung cấp nước uống (Chương 7); chỗ ở tạm thời và cố định cho vật nuôi (Chương 8), cung cấp vật nuôi (Chương 9). Những chương này có cấu trúc giống như Chương 3 về phần các tiêu chuẩn chung, và cung cấp các hướng dẫn và thông tin kĩ thuật cụ thể về hoạt động cứu trợ.

Công cụ điện tử hỗ trợ quá trình ra quyết định

Công cụ điện tử trong đĩa CD-Rom của LEGS được xây dựng để hỗ trợ cho quá trình hoạch định chính sách, có sử dụng các đặc điểm chính của văn bản cùng với các câu hỏi bổ sung và hướng dẫn. Đĩa CD-ROM cũng bao gồm tập hợp các nguồn tài liệu tham khảo trong thư mục của LEGS.

Ghi chú

1. Mối quan hệ giữa ứng phó trong tình huống khẩn cấp và các mục tiêu phát triển lâu dài cũng là chủ đề thảo luận của Dự án Sphere và việc soạn lại Sổ tay Sphere (Xem Young và đồng tác giả, 2004, tr.155).

Photo credit: Kelly Lynch/Save the Children, USA

CHƯƠNG 1

Cứu trợ vật nuôi dựa trên sinh kế trong tình trạng khẩn cấp

Sinh kế và tình trạng khẩn cấp

Các hoạt động cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp cần phải xét đến sinh kế của những người dân bị ảnh hưởng – không chỉ 'cứu sinh mạng' mà còn 'bảo vệ và tăng cường sinh kế.' Điều này không chỉ giúp khôi phục sinh kế ngay lập tức cho những người dân bị ảnh hưởng bởi tình trạng khẩn cấp, mà còn có thể nâng cao khả năng phục hồi về lâu dài và giảm khả năng bị tổn thương đối với những thảm họa và khủng hoảng trong tương lai.

Phương pháp tiếp cận dựa trên sinh kế của hoạt đông cứu trợ khẩn cấp cũng giúp cân đối giữa hoạt động cứu trợ và sáng kiến phát triển, trước đây hai điều này thường tác rời nhau và đôi khi còn xung đột với nhau. Một số biện pháp cứu trợ khẩn cấp đã cứu sinh mạng người trong ngắn hạn nhưng không thể bảo vệ, và đôi khi còn phá hủy chiến lược sinh kế của địa phương, làm hỏng những sáng kiến phát triển hiện có, và ảnh hưởng tiêu cực đến việc cung ứng dịch vụ ở địa phương. Phát triển cũng có thể gây ra những tác động tiêu cực, và trong một vài trường hợp, việc tách biệt ở mức độ nào đó giữa cứu trợ khẩn cấp và phát triển là điều có lợi, tuy nhiên, những hoạt động cứu trợ cần hiểu được và tính đến những hoạt động phát triển của địa phương, đặc biệt là những hoạt động nhằm mục đích tăng cường sinh kế của địa phương. Đây chính là cơ sở của LEGS, nhằm xác định những hoạt động cứu trợ có thể hỗ trợ cuộc sống và sinh kế của những người chăn nuôi bị ảnh hưởng bởi thảm họa.

Vật nuôi và sinh kế

Vật nuôi là nguồn sinh kế quan trọng theo nhiều phương diện khác nhau của rất nhiều người trên thế giới. Đối với những người chăn thả vật nuôi (vật nuôi, lạc đà, bò, cừu, dê, lừa), vật nuôi là nguồn sinh kế chính của họ. Đối với những người chăn thả trên đồng cỏ thì sinh kế của họ phụ thuộc vào đàn vật nuôi và cây trồng. Những hộ nông dân qui mô nhỏ phụ thuộc chủ yếu vào vụ mùa, nhưng những đàn bò, dê, lợn hay gia cầm nhỏ cũng mang đến nguồn dinh dưỡng và thu nhập thêm khá quan trọng. Đối với những người cung cấp dịch vụ qui mô nhỏ như những người có xe lừa hoặc xe la thì nguồn thu nhập của họ phụ thuộc vào vật nuôi. Vật nuôi cũng đóng vai trò quan trọng đối với những người buôn bán và chủ cửa hàng. Vật nuôi cũng tạo ra nguồn thu nhập hoặc/và thức ăn bổ sung cho người dân thành thị hoặc vùng ngoại ô.

Khung sinh kế bền vững (xem Hình 1.1) giờ đây đã được công nhận rộng rãi, cung cấp cơ sở để tìm hiểu và phân tích sinh kế trong các tình huống khẩn cấp cũng như là quá trình phát triển về lâu dài. Phân tích sinh kế tập trung vào *'tài sản vốn'* (Xem Chú giải thuật ngữ) mà các hộ gia đình thường sử dụng làm cơ sở cho các chiến lược sinh kế của họ.

Đối với tất cả những người sở hữu vật nuôi, vật nuôi đóng vai trò là một *nguồn tài chính* quan trọng (và là nguồn tài chính duy nhất đối với nhiều người chăn thả vật nuôi), cung cấp thực phẩm (sữa, thịt, tiết và trứng) và mang lại thu nhập (thông qua việc bán, trao đổi, vận chuyển, sức kéo và thuê nhân công). Vật nuôi cũng là nguồn *tài sản xã hội* quan trọng đối với nhiều chủ sở hữu vật nuôi, đặc biệt là những người chăn thả vật nuôi và chăn thả trên đồng cỏ. Vật nuôi đóng vai trò chủ chốt trong việc xây dựng và củng cố các mối quan hệ và mạng lưới xã hội giữa hầu hết những người chăn thả, giữa các thành viên trong một họ tộc, gia đình thông gia và bạn bè, và thường được dùng làm quà tặng và để nộp phạt.

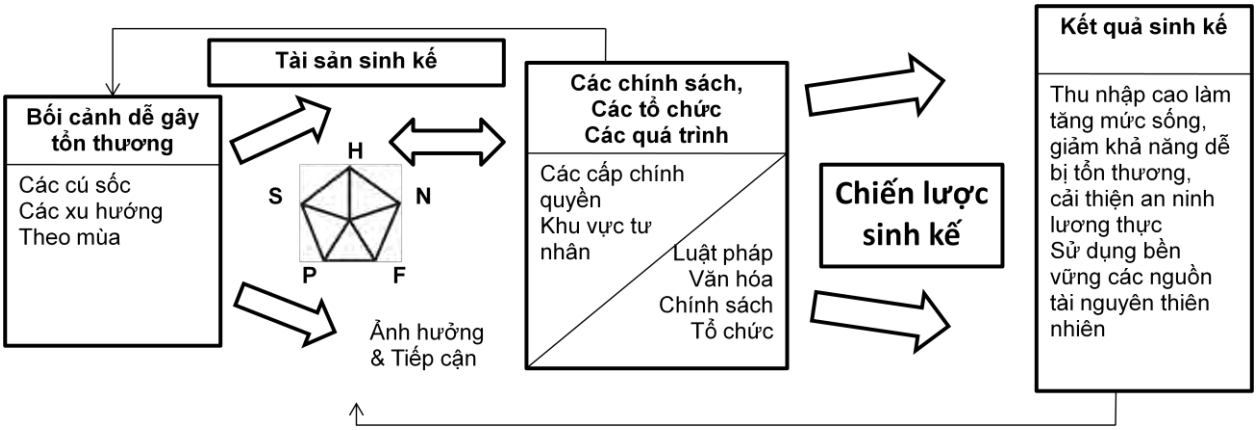

Hình 1.1. Khung sinh kế bền vững

Chú giải: H = human capital (nguồn vốn con người); N= natural capital (nguồn vốn tự nhiên); P = physical capital (nguồn vốn vật chất);
F = financial capital (nguồn tài chính)

Nguồn: Ô hướng dẫn sinh kế bền vững của Bộ phát triển quốc tế Anh, www.livelihoods.org/info/guidance_sheets_rtfs/Sect2.rtf

Ghi chú: Thông tin thêm về phân tích sinh kế có ở trang web www. Livelihoods.org

Khung sinh kế đã nhấn mạnh rằng *các chính sách và tổ chức* có ảnh hưởng đến khả năng sử dụng tài sản của chủ vật nuôi để hỗ trợ sinh kế. Ví dụ như các tổ chức dịch vụ thú y, các chính sách thuế, chính sách tiếp thị và xuất khẩu đều có ảnh hưởng đến sinh kế dựa vào vật nuôi.

Khả năng bị tổn thương liên quan đến khả năng của con người chống lại các cú sốc và xu hướng bất lợi (Xem Ô 1.1). Đối với những hộ gia đình coi vật nuôi là sinh kế thì khả năng này có liên quan trực tiếp tới tài sản vật nuôi của họ - giá trị tài sản vật nuôi càng lớn thì các gia đình càng có nhiều khả năng chống chọi và phục hồi sau các cú sốc. Do đó việc bảo vệ và phục hồi những tài sản này có tác động to lớn đến việc giảm khả năng bị tổn thương. Tuy nhiên, trong

một số trường hợp sinh kế của những chủ vật nuôi bị tổn thương đến mức việc khôi phục lại tài sản sinh kế không còn phù hợp nữa và các chiến lược cứu trợ khác ví dụ như sử dụng mạng lưới an sinh xã hội có thể phù hợp hơn. Chương 2 giới thiệu vai trò của vật nuôi đối với sinh kế và tác động của tình trạng khẩn cấp. Điều này quyết định sự phù hợp của các biện pháp cứu trợ vật nuôi. Các biện pháp cứu trợ không liên quan đến vật nuôi như hỗ trợ lương thực, tiền mặt hoặc tiền/đồ ăn đổi công cũng có thể thực hiện cùng với các biện pháp cứu trợ vật nuôi để giảm bớt áp lực lên các tài sản vật nuôi trong ngắn hạn và giúp phục hồi tài sản vật nuôi.

Do đó việc bảo vệ và củng cố đàn vật nuôi như một nguồn tài sản sinh kế chính là vấn đề quan trọng nhất trong các biện pháp ứng cứu vật nuôi trong thảm họa. Sổ tay Sphere (2004) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ và thúc đẩy các chiến lược sinh kế (tr.112) và đặc biệt là 'bảo vệ tài sản phục vụ sản xuất hoặc là khôi phục những tài sản bị mất do thiên tai' (tr.120)

Ô 1.1. Khả năng dễ bị tổn thương

Có thể định nghĩa khả năng dễ bị tổn thương là việc các cộng đồng hay hộ gia đình không thể ứng phó với các sự kiện xảy ra bất ngờ và với áp lực. Khả năng dễ bị tổn thương gồm ba nhân tố:

- Hứng chịu những nguy hiểm và hiểm họa (hạn hán, lũ lụt, động đất)
- Dễ bị tổn thương bởi thảm họa
- Khả năng chống chọi với thảm họa hay phục hồi sau thảm họa (chiến lược ứng phó)

Nguồn: Trench và cộng sự (2007)

Vật nuôi và phương pháp tiếp cận dựa trên quyền

Giống như Sphere, LEGS được xây dựng dựa trên phương pháp tiếp cận dựa trên quyền (Xem ô 1.2), đặc biệt LEGS dựa vào hai quyền quốc tế cơ bản: *quyền có lương thực* và *quyền được hưởng một mức sống phù hợp.* Do đó, những người chăn nuôi có quyền được hỗ trợ trong tình huống khẩn cấp để bảo vệ và khôi phục đàn vật nuôi là tài sản chính của họ vì những tài sản này đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất lương thực và duy gì mức sống có thể nuôi sống gia đình họ. Luật nhân đạo quốc tế cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ vật nuôi như là tài sản chính để tồn tại trong trường hợp xảy ra xung đột và chiến tranh.

Ô 1.2 Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền

Đạt được những thành tựu về nhân quyền là một trong những mục tiêu của phương pháp tiếp cận dựa trên quyền trong phát triển và tình trạng khẩn cấp. Trong bối cảnh này, nhân quyền không chỉ là những quyền nêu trong Tuyên bố Nhân quyền Thế giới năm 1948 mà còn đề cập đến nhân quyền trong các

công ước và tuyên bố đã được công bố từ trước đến nay, đặc biệt là quyền chính trị và công dân, quyền kinh tế, văn hóa và xã hội, được công bố năm 1966, và các công ước bổ sung về phân biệt chủng tộc, phân biệt đối xử với phụ nữ, về tra tấn, quyền trẻ em và nhiều vấn đề khác.

Mỗi nhóm quyền đều qui định 'những người có trách nhiệm' là những người chịu trách nhiệm đảm bảo rằng những quyền này được bảo vệ và duy trì. Một số quyền (ví dụ như quyền có lương thực) yêu cầu các quốc gia thực hiện dần từng bước để tất cả mọi người dân đều có quyền này chứ không phải cố gắng đạt được thành tựu ngay lập tức.

Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền trong phát triển và tình trạng khẩn cấp có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau, nhưng hầu hết các cách đều dựa trên các công cụ về nhân quyền và các tuyên bố nhấn mạnh trách nhiệm và nhiệm vụ của những người chịu trách nhiệm chính và thêm trọng trách cho mục tiêu của họ. Do đó, phương pháp tiếp cận dựa trên quyền tập trung vào sự tham gia, sự trao quyền, trách nhiệm giải trình và chống phân biệt đối xử trong việc thực hiện các chương trình phát triển hay cứu trợ khẩn cấp. Đồng thời, những quyền cụ thể như quyền được có lương thực cũng được nhấn mạnh.

Nguồn: Aklilu và Wekasa (2002)

Các mục tiêu sinh kế của LEGS

Dựa trên những quyền này và vai trò của vật nuôi trong sinh kế, LEGS được xây dựng dựa trên ba mục tiêu sinh kế:

1. để *hỗ trợ nhanh chóng* cho những cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng thông qua các biện pháp cứu trợ dựa trên sinh kế;
2. để *bảo vệ các tài sản sinh kế quan trọng* của các cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng;
3. để *khôi phục các tài sản sinh kế quan trọng* của các cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng.

Trong tất cả các loại tình trạng khẩn cấp (xem bên dưới), phương pháp tiếp cận dựa trên sinh kế có mục tiêu thiết kế hoạt động cứu trợ để hạn chế gián đoạn đối với quá trình phát triển dài hạn.

Tác động của tình trạng khẩn cấp đối với người chăn nuôi

Tình trạng khẩn cấp cần cứu trợ nhân đạo có thể được phân loại thành: khởi phát chậm, khởi phát nhanh, phức tạp và/hoặc triền miên.

Tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm

Trong số những tình trạng khẩn cấp cần phải có biện pháp cứu trợ vật nuôi, thì loại khởi phát chậm phổ biến nhất ở những vùng có khí hậu khô cằn và bán khô cằn là hạn hán. Khi hạn hán xảy ra, trước trước hết vật nuôi suy yếu do điều kiện thời tiết và sau đó bị chết chủ yếu là do thiếu thức ăn và nước uống. Chủ vật nuôi sẽ phải chịu tác động kép. Trước hết, thực phẩm và nguồn thu nhập từ vật nuôi sẽ bị giảm, do điều kiện không thuận lợi làm giảm giá thực phẩm trên thị trường và do quan hệ giao dịch còn hạn chế của chủ vật nuôi. Vật nuôi cũng dễ bị mắc bệnh trong thời kì hạn hán, dẫn đến giảm sản xuất, giá cả tăng hoặc là vật nuôi bị chết. Thứ hai, khi tình hình hạn hán trở nên tồi tệ thì vật nuôi sẽ bị chết, làm mất đi nguồn tài sản sinh kế quan trọng ở hiện tại và cả tương lai (Xem Ô 1.3).

Một đợt hạn hán điển hình thường trải qua bốn giai đoạn: cảnh báo, báo động, khẩn cấp và phục hồi, trước khi trở về trạng thái 'bình thường' (Xem Chú giải thuật ngữ). (Không phải tất cả các tình trạng khẩn cấp đều có mô hình như thế này – một số xảy ra theo chu kì (ví dụ những đợt hạn hán tái diễn mà có rất ít hoặc không có thời gian cho giai đoạn phục hồi), còn trong những tình huống khác, các giai đoạn có thể chồng chéo hoặc xảy ra liên tiếp). Chủ vật nuôi có những nhu cầu khác nhau trong những giai đoạn khác nhau của một đợt hạn hán. Ví dụ như trong giai đoạn cảnh báo và báo động, sản lượng của vật nuôi giảm nhưng tài sản sinh kế quan trọng chưa bị mất.

Ô 1.3. Tác động của tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm

Trong đợt hạn hán từ năm 1999-2001 ở Kenya, ước tính có khoảng 2 triệu con cừu và dê, 900.000 vật nuôi và 14.000 con lạc đà đã bị chết. Con số này chiếm khoảng 30% vật nuôi nhỏ và vật nuôi, và 18% số lạc đà của những người chăn thả bị ảnh hưởng bởi đợt hạn hán. Đợt hạn hán cũng gây ra những tác động xã hội nghiêm trọng: gia đình bị li tán, gây tổn hại đến mạng lưới cung cấp an sinh xã hội cho người chăn thả, và nhiều người đã chuyển đến những khu định cư và trung tâm trợ cấp lương thực. Không có đủ vật nuôi để đáp ứng nhu cầu về thức ăn nên nhiều người chăn thả đã trở nên phụ thuộc vào trợ cấp lương thực. Khi hạn hán kết thúc, nhiều người không thể chăn thả vật nuôi được nữa vì số vật nuôi bị chết là quá lớn và sinh kế của họ đã bị phá hoại.

Nguồn: Aklilu và Wekasa (2002)

Chủ vật nuôi cũng có thể thực hiện các chiến lược đối phó khác như bán bớt vật nuôi để mua thực phẩm, tuy nhiên việc này có cả có những chiến lược bất lợi đối với an ninh lương thực về lâu dài (ví dụ như việc bán vật nuôi sinh sản). Do đó, nên ưu tiên cho việc bảo vệ tài sản vật nuôi và đồng thời hỗ trợ an ninh lương thực cho các hộ gia đình. Trong giai đoạn khẩn cấp, vật nuôi

có thể bị chết và nhu cầu cấp thiết lúc này của gia đình là có lương thực và bảo vệ các tài sản vật nuôi còn lại. Trong giai đoạn phục hồi, gia đình cần khôi phục lại tài sản vật nuôi.

Tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh

Các tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh như động đất, lụt lội và các điều kiện thời tiết cực đoan (sóng thần, bão lốc, bão nhiệt đới- các dịch bệnh được đề cập đến trong hướng dẫn về Hệ thống Phòng chống Khẩn cấp của Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO), www. fao.org/ag/againfo/programmes/en/empres/home.asp) có những đặc điểm rất khác so với các tình trạng khởi phát chậm. Hậu quả của thảm họa khởi phát chậm hoặc khởi phát nhanh là vật nuôi có thể chết hoặc có thể sống sót được, tuy nhiên sự khác biệt về thời gian diễn biến có nghĩa là trong các thảm họa khởi phát nhanh, vật nuôi thường phải chịu tác động rất bất ngờ, trái với việc vật nuôi bị suy yếu dần do hạn hán. Những cư dân bị ảnh hưởng bởi thảm họa có thể sẽ phải di dời nhanh chóng, và có thể phải bỏ lại vật nuôi của họ. Do đó, chủ vật nuôi vừa bị mất nguồn thức ăn/nguồn thu nhập nhanh chóng, vừa bị mất tài sản phục vụ sản xuất trong tương lai (xem Ô 1.4).

Các giai đoạn của thảm họa khởi phát nhanh thường khác so với các giai đoạn của thảm họa khởi phát chậm. Thảm họa có thể đến mà hầu như không có sự báo trước, và hầu hết những ảnh hưởng ban đầu diễn ra trong vòng vài giờ hoặc vài ngày. Tiếp nối giai đoạn *ngay sau thảm thảm họa* (Xem Chú giải thuật ngữ) là đến *giai đoạn phục hồi ban đầu*, rồi *giai đoạn phục hồi chính*, tùy thuộc vào bản chất của thảm họa mà giai đoạn này có thể kéo dài nhiều ngày (ví dụ lũ rút), nhiều tháng hoặc nhiều năm (ví dụ khôi phục sau động đất).

Ô 1.4. Tác động của tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh

Đợt sóng thần ở bờ biển Ấn Độ Dương năm 2004 có ảnh hưởng to lớn đến vật nuôi của những người phải hứng chịu thảm họa, bao gồm cả vật nuôi trong trang trại gia đình (gia cầm, cừu, dê, vật nuôi và trâu). Ví dụ như ở Indonesia, hơn 78.000 con vật nuôi và 61.000 con trâu đã bị chết, cùng với 52.000 con dê, 16000 con cừu và gần 1.5 triệu con gà. Sinh kế cũng bị ảnh hưởng do cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động chăn nuôi như chuồng, nhà kho, thiết bị sản xuất bị phá hủy. Ngoài ra, những nguồn tài nguyên thiên nhiên mà vật nuôi phụ thuộc vào cũng bị ảnh hưởng như rơm, rạ và đồng cỏ bị phá hủy.

Nguồn: www.fao.org/ag/tsunami/assessment/animal.html

Tuy nhiên, một số tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh cũng có giai đoạn 'báo động' báo trước thảm họa sắp xảy ra. Giai đoạn này có thể rất ngắn, hoặc trong một số trường hợp có thể có đủ thời gian để chuẩn bị hoặc lên kế hoạch ứng phó.

Tình trạng khẩn cấp phức tạp và triền miên

Văn phòng Điều phối các Vấn đề Nhân đạo của Liên Hợp Quốc định nghĩa tình trạng khẩn cấp phức tạp 'là một khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo xảy ra trong phạm vi quốc gia, khu vực hoặc xã hội ở những nơi mà quyền lực bị gián đoạn hoặc mất hẳn do xung đột trong hoặc ngoài nước, cần có sự cứu trợ của quốc tế, vượt xa khả năng hoặc nhiệm vụ của một tổ chức riêng lẻ và/hoặc các chương trình quốc gia hiện có của Liên Hợp Quốc (Văn phòng Điều phối các Vấn đề Nhân đạo của Liên Hợp Quốc, 1999).[3] Thảm họa phức tạp có thể là kết quả của sự quản lí kém hoặc xung đột kéo dài, và có thể trở nên phức tạp hơn do các hiện tượng thiên nhiên như hạn hán hoặc lụt lội. Điều này có thể gây ra những ảnh hưởng đối với sinh kế của chủ vật nuôi:

- phải di dời chỗ ở, có khả năng bị mất tài sản vật nuôi và/hoặc mất khả năng sử dụng tài nguyên thiên nhiên như bãi chăn thả và quyền sử dụng nước
- bị quân đội cướp vật nuôi
- bị gián đoạn dịch vụ như dịch vụ thú y
- bị hạn chế về quản lý và tiếp thị chăn nuôi, như hạn chế sử dụng bãi chăn thả, nước và thị trường
- cơ sở hạ tầng bị phá hủy, giao thông liên lạc gián đoạn, gây cản trở cho việc tiếp cận thông tin và thị trường

Một số khu vực phải trải qua tình trạng khẩn cấp triền miên hoặc theo chu kì trong một thời gian dài, ví dụ các đợt hạn hán liên tiếp làm giai đoạn phục hồi của thảm họa này lẫn với tác động của một tình trạng khẩn cấp mới, hoặc các cuộc xung đột kéo dài làm suy thoái sinh kế trong một thời gian dài (xem Ô 1.5).

Ô 1.5. Tác động của tình trạng khẩn cấp phức tạp

Trong nhiều năm qua khu vực Darfur của Sudan phải hứng chịu những cuộc xung đột và hạn hán triền miên. Khoảng một nửa nguồn lương thực/thu nhập của những người chăn thả trong vùng là dựa vào vật nuôi. Tuy nhiên, xung đột và hạn hán đã gây ra những thiệt hại to lớn về vật nuôi. Ví dụ như ở một số làng, 70-100% vật nuôi bị mất do trộm cắp. Vật nuôi quá đông và sự gián đoạn của dịch vụ thú y (đều xuất phát từ việc không đảm bảo về an ninh) đã làm tăng tỉ lệ vật nuôi bị chết. Việc đóng cửa biên giới Sudan – Libya cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc buôn bán vật nuôi và do đó có tác động nghiêm

trọng đến sinh kế. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên bị phá hủy do hạn hán và lũ lụt đã hạn chế việc tiếp cận với những con đường di cư đã có từ lâu đời và những khu vực đồng cỏ rộng lớn. Những vật nuôi còn lại chỉ được bán khi không còn lựa chọn nào khác vì giá quá thấp.

Nguồn: ICRC (2006); Helen Berton, pers.com

Những vấn đề xuyên suốt

Trong tất cả các hoạt động cứu trợ khẩn cấp, cần xem xét bốn vấn đề xuyên suốt quan trọng: vấn đề giới, HIV/AIDS, an ninh và bảo vệ, và môi trường. Phần này mang đến một cái nhìn tổng quát về những vấn đề này khi thực hiện các biện pháp cứu trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp. Ý nghĩa của những vấn đề này đối với mỗi hoạt động cứu trợ sẽ được đề cập đến trong các chương phù hợp.

Vấn đề giới và công bằng xã hội

Công bằng xã hội là mối quan tâm chủ yếu của hoạt động cứu trợ khẩn cấp, lí do chính là vì các thảm họa ảnh hưởng đến các nhóm người khác nhau theo nhiều cách khác nhau và cứu trợ công bằng là một phần trong cơ sở quyền của LEGS. Các hoạt động cứu trợ trong thảm họa có thể làm bất công xã hội trầm trọng hơn hoặc cũng có thể góp phần mang lại nhiều công bằng hơn cho các nhóm cư dân xã hội bị phân biệt đối xử, như phân biệt dựa vào tuổi tác (người già, trẻ mồ côi hoặc những trẻ dễ bị tổn thương, những gia đình do trẻ em làm chủ), phân biệt đối xử dựa vào sắc tộc hay giới tính.

Giới là vấn đề đặc biệt quan trọng vì trong bất kì thảm họa nào thì phụ nữ và nam giới cũng có những nguồn lực sẵn có khác nhau và những cách đối phó khác nhau, và những tổ chức cứu trợ cần hiểu được và nhận ra những sự khác nhau này. Trong một số trường hợp, cách đối phó của phụ nữ có thể làm tăng khả năng bị tổn thương, ví dụ như bị lạm dụng tình dục hoặc bi bóc lột. Các tình trạng khẩn cấp thường làm tăng gánh nặng lao động đối với phụ nữ và làm giảm khả năng tiếp cập với các tài sản quan trọng.

Vấn đề về quyền sở hữu và kiểm soát đàn vật nuôi như là tài sản sinh kế là vấn đề tối quan trọng trong các hoạt động cứu trợ vật nuôi. Do đó, các hành động cứu trợ cần dựa trên sự hiểu biết đúng đắn về vai trò của người phụ nữ trong hoạt động chăn nuôi, những đóng góp và trách nhiệm hàng ngày cũng như thời vụ, khả năng tiếp cận và kiểm soát tài sản vật nuôi, trong đó có quyền sử dụng và chuyển nhượng; sự khác biệt giữa các loài vật nuôi và vật nuôi ở các nhóm tuổi (ví dụ phụ nữ chỉ có thể chăm sóc vật nuôi còn nhỏ, không chăm sóc vật nuôi trưởng thành).

Theo truyền thống văn hóa ở một số cộng đồng chăn thả thì phụ nữ quản lí các sản phẩm từ chăn nuôi (ví dụ như sữa, bơ, da sống và da thuộc), đây là một phần trong việc quản lí toàn bộ nguồn cung cấp thức ăn, còn nam giới có quyền sử dụng vật nuôi (bán, trao đổi hoặc tặng).

Do đó, các đánh giá trước khi tiến hành hoạt động cứu trợ cần xem xét vai trò của hai giới đối với vật nuôi ở các cộng đồng bị ảnh hưởng và phổ biến thông tin về tác động và phạm vi của tình trạng khẩn cấp. Cần phải nghiên cứu kĩ những tác động tiềm tàng của bất kì hoạt động cứu trợ nào đối với vai trò của hai giới, khối lượng công việc của người phụ nữ, việc tiếp cận và quản lí các nguồn lực (đặc biệt là vật nuôi và sản phẩm từ vật nuôi). Cũng cần lưu ý rằng vai trò của hai giới cũng có thể thay đổi trong tình trạng khẩn cấp (ví dụ như phụ nữ có thể có trách nhiệm lớn hơn đối với vật nuôi nếu như người đàn ông đi xa tìm việc làm, ngược lại phụ nữ có thể bị bỏ lại trong các trại tị nạn trong khi nam giới vẫn kiểm soát vật nuôi). Cuối cùng, cần chú ý đến các qui tắc về giới trong từng nền văn hóa, như giới tính của nhân viên cứu trợ và việc tiếp cận văn hóa của phụ nữ. Các phương pháp để đánh giá vấn đề này được đề cập đến dưới đây (để biết thêm thông tin về vấn đề giới trong tình trạng khẩn cấp, xem trong thông tin của Ủy ban Thường trực Liên cơ quan (IASC), 2006).

Tương tự, những vấn đề như những tác động khác nhau của thảm họa, việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực và tài sản, và tác động tiềm tàng của các hoạt động cứu trợ được lên kế hoạch trước đối với khối lượng công việc và vai trò của mỗi giới cần được xem xét cho các nhóm người khác nhau về mặt xã hội – ví dụ như khác nhau về tuổi tác, sắc tộc hay địa vị.

Dịch bệnh HIV/AIDS

Dịch bệnh HIV/AIDS vẫn là mối đe dọa tới sức khỏe của con người trên toàn cầu, cho dù tỉ lệ nhiễm bệnh ở một số nước có giảm và thuốc kháng vi rút (ARV) ngày càng phổ biến. Khu vực cận Sahara là nơi cư trú của rất nhiều chủ vật nuôi, vẫn là khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất, và tỉ lệ phụ nữ bị nhiễm bệnh ngày càng tăng cao. Đại dịch này có tác động lớn đến chủ vật nuôi và khả năng đáp ứng những nhu cầu cơ bản của họ. Dịch bệnh HIV/AIDS cũng làm trầm trọng thêm các nhân tố như bệnh ở vật nuôi, hạn hán, lũ lụt, xung đột, cơ sở hạ tầng yếu kém và khả năng tiếp cận với tín dụng và thị trường. Một trong những tác động chính là ảnh hưởng đến nguồn lao động trong gia đình, làm giảm sản xuất và mất thu nhập vì không có đủ lao động để chăm sóc vật nuôi. Ngoài ra, kiến thức và kĩ năng cũng mất đi do cha mẹ chết trước khi truyền lại cho con cái, và các dịch vụ mở rộng và trợ giúp như dịch vụ thú y cũng không thể hoạt động do nhân viên bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Những người sống chung với HIV có thể bị cô lập khỏi đời sống xã hội và bị xã hội chối bỏ, ví dụ như họ không được sử dụng các nguồn nước ở

cộng đồng hoặc là bị đuổi khỏi làng xóm, những điều này gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sinh kế của họ. Vật nuôi thường bị bán đi để trang trải các chi phí y tế và ma chay, đàn vật nuôi của gia đình bị giảm do phải đối phó với những tác động của HIV/AIDS, làm suy giảm nguồn tài sản sinh kế chính.

Khi thảm họa hoặc tình trạng khẩn cấp xảy ra, những người sống chung với HIV thường dễ bị tổn thương hơn những người khác do cơ chế ứng phó thường yết ớt nay lại bị ảnh hưởng. Các thảm họa như nạn đói hay lũ lụt làm tăng nguy cơ thiếu lương thực và dễ bị nhiễm bệnh, đồng thời tăng nguy cơ tranh chấp các nguồn tài nguyên ít ỏi như đồng cỏ và nguồn nước. Xung đột và các thảm họa khác thường làm gián đoạn sinh kế vì người dân chạy sang các khu vực an toàn hơn. Khi thảm họa xảy ra, nếu như các qui định và luật lệ không được tuân thủ sẽ làm tăng tỉ lệ tội phạm và bạo lực giới, điều này có thể khiến cho dịch bệnh HIV/AIDS ngày càng gia tăng và làm trầm trọng thêm khả năng bị tổn thương của phụ nữ.

Do dịch bệnh HIV/AIDS thường ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của cộng đồng, nên những trẻ em mồ côi, những hộ gia đình do trẻ em hoặc người già đứng đầu phải chịu trách nhiệm mưu sinh, bao gồm cả việc chăm sóc và quản lí vật nuôi. Do đó, thiếu lao động có thể là nhân tố quan trọng để thực hiện các biện pháp cứu trợ vật nuôi, ví dụ như phân phối vật nuôi. Đồng thời, những người sống chung với HIV thường có những nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt mà các sản phẩm từ chăn nuôi (như sữa, các sản phẩm làm từ sữa, trứng) có thể đáp ứng được, ví dụ như để thuốc kháng virut có tác dụng thì phải có chế độ dinh dưỡng tốt. Do đó, việc mất đi vật nuôi trong thảm họa có ảnh hưởng tiêu cực đến chế độ dinh dưỡng của người sống chung với HIV, chỉ có cách bảo vệ hoặc khôi phục lại tài sản vật nuôi thì mới có thể giúp cải thiện cuộc sống của họ.

Những người sống chung với HIV cũng thường dễ bị mắc các bệnh khác, bao gồm các bệnh lây từ vật nuôi sang người. Các bệnh lây truyền từ vật nuôi sang người gồm có các loại bệnh lao và một số bệnh khác. Lao là một bệnh đặc biệt nguy hiểm, là nguyên nhân chính gây ra cái chết của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến cái chết của những người dương tính với HIV (chiếm 1/3 số người chết vì AIDS trên toàn thế giới). Bệnh lao đe dọa những nhóm người nghèo và người có ít quyền nhất. Do đó, phòng chống các bệnh lây truyền từ vật nuôi là điều quan trọng để giảm khả năng tổn thương của những người sống chung với HIV.

Do đó, cần chú ý đến tác động của thảm họa đối với những người sống chung với HIV và những nhu cầu đặc biệt của họ khi lập kế hoạch cứu trợ. Những hoạt động cứu trợ vật nuôi nên dựa trên những chiến lược ứng phó mà các gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS đang áp dụng và cũng cần xét đến 'giai đoạn ứng phó' của các gia đình bị ảnh hưởng.

An ninh và bảo vệ

Hướng dẫn bảo vệ liên quan tới sự an toàn, phẩm giá và sự toàn vẹn của cá nhân (Xem Slim và Bonwick, 2005), và dựa vào luật nhân đạo quốc tế và nhân quyền quốc tế. Khi tình trạng khẩn cấp xảy ra, đặc biệt là kèm theo xung đột, thì việc bảo vệ những người dân chịu tác động của thảm họa sẽ bị ảnh hưởng, và các cộng đồng cũng như cá nhân có thể phải chịu đựng bạo lực tình dục, trộm cắp, cướp bóc, cưỡng ép, lợi dụng, tấn công, tình trạng nghèo khổ, bị chiếm đoạt đất hoặc dịch vụ bị phá hủy. Do đó, các cơ quan cứu trợ cần có trách nhiệm đảm bảo rằng những hoạt động cứu trợ ít nhất không được làm tăng nguy cơ cho những người hưởng lợi, và nếu có thể thì giảm nguy cơ và tăng cường bảo vệ cho họ.

LEGS được xây dựng dựa trên phương pháp tiếp cận dựa trên quyền, và cũng giống như Hiến chương Nhân đạo của Sphere, LEGS công nhận 'quyền sống có nhân phẩm' (Xem www.sphereproject.com). Do đó, mục tiêu của LEGS là bảo đảm an toàn cho những người tham gia vào các hoạt động cứu trợ vật nuôi và giảm thiểu thiệt hại. Có thể thực hiện việc này nếu có sự phân tích hợp lí các vấn đề về bảo vệ trước khi thực hiện các biện pháp cứu trợ. Ví dụ, phân chia vật nuôi có thể khiến cho từng gia đình dễ bị trộm hoặc cướp bóc, những hoạt động khiến phụ nữ phải đi xa (ví dụ như tìm thức ăn hoặc nước uống cho vật nuôi) có thể khiến bản thân họ gặp nguy hiểm; xây dựng nguồn nước mà không có hệ thống quản lí hợp lí khiến các cá nhân dễ bị bóc lột. Khi nguồn tài nguyên thiên nhiên đang khan hiếm, việc di chuyển vật nuôi sang vùng đất khác có thể làm tăng nguy cơ xung đột giữa cộng đồng bản xứ và cộng đồng di cư.

Vấn đề bảo vệ và an ninh cũng được đặt ra đối với nhân viên của tổ chức cứu trợ. Không đảm bảo về an ninh có thể đe dọa nghiêm trọng đến sự an toàn của những nhân viên này cũng như khả năng tiếp cận và hoạt động ở những vùng bị ảnh hưởng. Những điều này có thể làm tăng chi phí thực hiện do cần phải có hệ thống thông tin liên lạc tốt, cần thêm nhiều phương tiện, quân đội bảo vệ và nhiều chi phí khác. Do đó, những sự chậm trễ có thể dẫn đến việc các hành động cứu trợ được thực hiện ở thời điểm không hợp lí và/hoặc những thay đổi ở phút cuối có thể ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả của những hành động này.

Môi trường

Quản lí môi trường bền vững là vấn đề trọng tâm đối với sự thành công của sinh kế dựa vào hoạt động chăn nuôi, vì vật nuôi phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên môi trường như đồng cỏ và nguồn nước để tồn tại. Khi nguồn tài nguyên sẵn có và nhu cầu của vật nuôi cân bằng thì sẽ ít có khả năng gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Trên thực tế, những phương pháp quản lí vật nuôi (ví dụ như di cư theo mùa) có gắn với các yếu tố có thể giảm thiểu tác động tiêu cực

đối với môi trường và thúc đẩy chăn nuôi bền vững. Tuy nhiên, một số biện pháp chăn nuôi như tập trung vật nuôi vào một chỗ (ví dụ như trại chăn nuôi, chuồng gà) có thể gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường như làm ô nhiễm đất và nguồn nước nếu như không thực hiện các biện pháp giảm nhẹ. Điều kiện vệ sinh môi trường kém làm cho vật nuôi dễ bị mắc bệnh hoặc bị chết, làm giảm giá trị vật nuôi và tăng chi phí chăn nuôi.

Những điều kiện trước hay trong thảm họa có thể làm gia tăng tác động tiêu cực của vật nuôi đối với môi trường. Ví dụ như đồng cỏ, cỏ khô và nước khan hiếm do hạn hán khiến vật nuôi tập trung vào quanh nguồn nước đã bị suy giảm dẫn đến hoạt động chăn thả quá mức ở địa phương. Tương tự như vậy, ở các trại tạm cư cho người dân bị di dời, số lượng vật nuôi tập trung quá cao. Mặc dù việc cung cấp thức ăn và nước uống có thể nuôi sống vật nuôi trong những tình huống này, nhưng nếu sớm nhận ra những tác động tiềm tàng đến môi trường thì có thể hạn chế thiệt hại đối với tài nguyên thiên nhiên. Việc người dân phải di dời và bị hạn chế di cư do xung đột hoặc các nhân tố khác làm hạn chế sự di chuyển của vật nuôi và khiến cho vật nuôi tập trung quá nhiều có thể gây ra hoạt động chăn thả quá mức và làm vật nuôi suy yếu.

Trong một số thảm họa khác cần quan tâm đến các vấn đề về môi trường như quản lí chất thải vật nuôi, vứt bỏ phần ruột, đầu, đuôi của vật nuôi sau giết mổ. Một số thảm họa, đặc biệt là lũ lụt, có thể làm cho hàng nghìn vật nuôi chết, tạo ra thách thức to lớn trong việc phòng tránh các tác động tiêu cực đối với môi trường (và sức khỏe con người).

Ghi chú

1. Công ước Quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, điều 11(2) và Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền, điều 25 (1). Để biết thêm thông tin về nhân quyền, xem www.ohchr.org/english/law/index.htm
2. Công ước Geneva 1949; Công ước Bổ sung về Bảo vệ Nạn nhân của các Xung đột Vũ trang trên Thế giới, Nghị định thư 1 (Điều 54) 1977; Nghị định thư Bổ sung về Bảo vệ Nạn nhân của Xung đột Vũ trang trong nước, Nghị định thư 2 (Điều 14) 1977. Để biết thêm thông tin về luật nhân đạo quốc tế, xem www.icrc.org/web/eng/siteeng0.nsf/htmlall/genevaconventions
3. Số tay Văn phòng Điều phối các Vấn đề Nhân đạo của Liên Hợp Quốc cho biết đặc trưng của những tình trạng khẩn cấp phức tạp là 'bạo lực xảy ra trên phạm vi rộng, và gây ra chết người, rất nhiều người phải di chuyển chỗ ở, thiệt hại lan rộng về kinh tế và xã hội, nhu cầu cần viện trợ nhân đạo qui mô lớn trên nhiều mặt, sự cản trở hoặc ngăn cản viện trợ nhân đạo do trở ngại về chính trị hoặc quân đội; và những nguy cơ an ninh đặc biệt nghiêm trọng đối với nhân viên cứu trợ nhân đạo ở một số khu vực.'

Photo credit: Stephen Blakeway/Vetwork UK

CHƯƠNG 2

Đánh giá và cứu trợ

Đánh giá sơ bộ về tình trạng khẩn cấp

Trước khi thực hiện bất kỳ hoạt động cứu trợ khẩn cấp nào, cũng cần đánh giá độ phù hợp và tính khả thi của các biện pháp cứu trợ vật nuôi dựa trên sinh kế trong từng hoàn cảnh cụ thể. Tùy theo từng loại tình trạng khẩn cấp, giai đoạn và mức độ nghiêm trọng để xác định xem có thực sự cần cứu trợ hay không. Sổ tay Sphere và một số tài liệu hướng dẫn khác đã nêu rõ, đánh giá sơ bộ không phải là nhân tố then chốt, song lại chính là bước đầu tiên trong việc quyết định xem cần có biện pháp cứu trợ về chuyên môn nào. Đánh giá sơ bộ cung cấp nguồn thông tin hữu ích, đóng vai trò nền tảng cho các đánh giá cụ thể về sau trong từng phạm vi chuyên môn nhất định.

Quy trình đánh giá theo LEGS gồm 3 nội dung, có thể tiến hành đồng thời:

1. Đánh giá vai trò của vật nuôi trong hoạt động sinh kế
2. Đánh giá đặc điểm và tác động của tình trạng khẩn cấp
3. Phân tích tình huống

Danh mục đánh giá chi tiết xem tại Phụ lục 2.1, gồm có các câu hỏi chính cần giải đáp và kết luận. Xem bảng tóm tắt các phương pháp có thể áp dụng cho những đánh giá này tại Phụ lục 2.2. Cần có đánh giá chi tiết cho từng biện pháp cứu trợ và hoạt động này sẽ được trình bày ở các chương liên quan.

Thông tin về đánh giá tốt nhất là nên thu thập trước khi khởi phát tình trạng khẩn cấp để có kế hoạch chuẩn bị cứu trợ (xem Chương 3 – Các tiêu chuẩn chung, Tiêu chuẩn số 7). Đặc biệt, trong các thảm họa khởi phát nhanh, cần thu thập thông tin chuẩn bị cho những vùng có nguy cơ xảy ra thảm họa. Vì vậy, các tổ chức đã từng có những sáng kiến phát triển lâu dài sẽ ở vị thế phù hợp nhất để nâng cao năng lực chuẩn bị ứng phó trong nội bộ và phối hợp với cộng đồng.

Các hệ thống cảnh báo sớm (EWSs) cần được lắp đặt tại từng khu vực nhằm dự báo thảm họa (đặc biệt là thiên tai) và cho phép thời gian chuẩn bị cũng như giảm thiểu thiệt hại trước. Những hệ thống này chủ yếu tập trung vào an ninh lương thực và các dữ liệu về dinh dưỡng, một số hệ thống kết hợp thêm chỉ số về tình trạng vật nuôi. Ngoài ra cũng có nhiều hệ thống phân loại đang được xây dựng để hỗ trợ diễn giải dữ liệu nhằm đánh giá tình trạng khẩn cấp và cảnh báo sớm. Một số cách tiếp cận được trình bày ở Ô 2.1.

Kết quả của hệ thống phân loại và cảnh báo sớm sẽ rất có ích cho việc phân tích tình trạng khẩn cấp và cung cấp thông tin cho hoạt động cứu trợ. Tuy nhiên, cần xác định rõ sự khác biệt giữa yêu cầu phân tích hợp lý - phân loại chính xác tình trạng khẩn cấp với yêu cầu cứu trợ nhanh chóng - hiệu quả. Trong các trường hợp thảm họa khởi phát chậm như hạn hán thì việc cứu trợ sớm và kịp thời có vai trò đặc biệt quan trọng, do tỉ lệ lợi ích – chi phí của các hoạt động cứu trợ có thể giảm dần theo thời gian.

Ô 2.1 Các hệ thống phân loại và cảnh báo tình trạng khẩn cấp đã chọn lọc

- Chỉ số các chiến lược cứu trợ: phương pháp đánh giá nhanh an ninh lương thực hộ gia đình do CARE đưa ra, dựa trên 4 thay đổi cơ bản: thay đổi thực đơn, tăng khả năng sử dụng lương thực ngắn hạn, giảm số lượng người cần cung cấp lương thực, và chế độ phân phối, kết quả điểm có gắn trọng số trong một chỉ số, đánh giá hiện trạng và dự kiến về an ninh lương thực.
- Mạng lưới hệ thống cảnh báo sớm nạn đói (FEWS-NET): sáng kiến do Cơ quan Phát Triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, nhằm cung cấp thông tin cảnh báo sớm về các mối đe dọa an ninh lương thực, tạo ra mạng lưới thông tin và xây dựng năng lực địa phương trong việc cung cấp và chia sẻ thông tin.
- Hệ thống cảnh báo sớm và Thông tin toàn cầu (GIEWS): là một cơ quan của FAO có vai trò cung cấp các báo cáo về tình hình lương thực thế giới và cảnh báo sớm về các cuộc khủng hoảng lương thực có nguy cơ xảy ra tại từng quốc gia; đồng thời phối hợp với Chương trình Lương thực Thế giới (WFP) tổ chức các đoàn đánh giá về cung cấp lương thực có nguồn thông tin cho các quốc gia và các tổ chức quốc tế.
- Phương pháp kinh tế hộ gia đình (HEA): do tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh Quốc đưa ra, dựa trên khung sinh kế bền vững để xác định khu vực sinh kế và sau đó phân tích tác động của thảm họa đối với việc gián đoạn sinh kế, thực hiện việc lượng hóa các nhu cầu thực phẩm.
- Phân loại lồng ghép an ninh lương thực và giai đoạn cứu trợ nhân đạo (IPC): phát triển bởi Bộ phận Phân tích An ninh lương thực Sômali (FSAU) do FAO quản lý, nhằm đáp ứng nhu cầu phân loại tương đối và cố định các tình huống an ninh lương thực tại từng địa phương và trong các tình trạng khẩn cấp; sử dụng bảng tham chiếu về các chỉ số sinh kế và phúc lợi liên quan đến ứng phó chiến lược và cảnh báo sớm; bản đồ hướng dẫn truyền tải thông tin với hình ảnh phức tạp, các mẫu phân tích để lập tư liệu cho bằng chứng, và bảng thống kê dân số.
- Hướng dẫn về Giám sát Chuẩn và Đánh giá Hiệu quả Cứu trợ và Quá trình chuyển đổi (SMART): gồm các sáng kiến liên cơ quan nhằm cung cấp dữ liệu nhất quán, đáng tin cậy về con số tử vong, tình trạng dinh dưỡng và an ninh lương thực, tạo điều kiện cho việc đưa ra quyết định; cung cấp hướng dẫn khảo sát và phần mềm phân tích; đồng thời phát triển cơ sở dữ liệu về các tình trạng khẩn cấp phức tạp (CE-DAT).
- Ủy ban Đánh giá Khả năng Dễ bị tổn thương (VACs): do Cộng đồng phát triển các nước Nam Phi (SADC) thành lập nhằm phối hợp với đánh giá nhu cầu trong tình trạng khẩn cấp và khả năng dễ bị tổn thương tại các nước thành viên; kết hợp phân tích dữ liệu thứ cấp hiện có với thu thập dữ liệu sơ cấp về hoạt động sinh kế.

Các hướng đánh giá

Các đánh giá mô tả trong chương này nằm trong quy trình lập kế hoạch chuẩn bị cứu trợ, có sự tham gia của các bên liên quan chính và đại diện của các cộng đồng được trợ giúp (xem Chương 3 – Các tiêu chuẩn chung, Tiêu chuẩn 1 về "việc tham gia"). Trong tình trạng khẩn cấp, đặc biệt với thảm họa khởi phát nhanh, nhu cầu về tốc độ và cứu trợ cấp bách có thể hạn chế việc áp dụng phương pháp có sự tham gia của người dân. Tuy nhiên, cả cách đánh giá và các phương pháp đã lựa chọn đều quan trọng như nhau. Cách đánh giá đóng vai trò làm nền tảng vững chắc cho cứu trợ dựa trên sự hợp tác và tham gia.Vì vậy, cho dù sử dụng phương pháp nào thì cách đánh giá cũng phải dựa trên sự đồng thuận.

Hoạt động đánh giá không được thiết kế để thực hiện theo bất kỳ trình tự cụ thể nào. Đối với nhiều trường hợp, một số thông tin có được từ ba bản đánh giá có thể thu thập đồng thời – trong quá trình thảo luận tại cộng đồng (khi tham khảo ý kiến cán bộ địa phương) hoặc từ dữ liệu thứ cấp. So với đánh giá tình trạng khẩn cấp của con người, đánh giá dựa trên hoạt động chăn nuôi thiên về định tính nhiều hơn, phụ thuộc vào ý kiến đánh giá của chuyên gia, do phân tích định lượng thường không khả thi (chẳng hạn, hiện tại vẫn chưa có đánh giá tương đương về dinh dưỡng cho người và vật nuôi; cũng không có phương pháp chuẩn để xác định số lượng vật nuôi chết) và đôi khi người chăn nuôi cũng không muốn khai báo số lượng vật nuôi thực tế. Ngoài ra, vai trò của chăn nuôi đối với hoạt động sinh kế cũng chính là một nhân tố quan trọng trong việc đánh giá, nhân tố này thay đổi tùy theo từng cộng đồng cũng như khu vực khác nhau.

Các phương pháp đánh giá

Nhóm đánh giá nên cân bằng về giới, gồm cả những người có kiến thức phổ thông và các chuyên gia trong lĩnh vực chăn nuôi. Mặc dù thời gian thực hiện đánh giá bị hạn chế, đặc biệt là trong trường hợp thảm họa khởi phát nhanh nhưng vẫn cần có sự tham gia từ đại diện của các khu vực bị ảnh hưởng. Do đó, nhóm đánh giá cần làm việc với đại diện của cộng đồng và các tổ chức của địa phương, để nâng cao chất lượng dữ liệu thu thập được.

Đối với đánh giá sơ bộ nhanh trong tình trạng khẩn cấp, lấy mẫu có chủ đích (xem Phụ lục 2.2) là phương pháp có hiệu quả nhất, trong đó cần tính đến các biến số chính như giới tính, độ tuổi, sắc tộc và hoạt động sinh kế.

Trong tình trạng khẩn cấp, do thiếu thời gian nên phạm vi thực hiện khảo sát định lượng chi tiết có thể bị thu hẹp. Vì vậy, nên áp dụng chủ yếu là các phương pháp định tính, dựa trên yêu cầu tham gia của người dân và kiểm tra chéo với đại diện cộng đồng, chính quyền địa phương và nhân viên các tổ chức. Danh sách các phương pháp đánh giá được tóm tắt trong Phụ lục 2.2. Cần phân tách kết quả nghiên cứu theo các chỉ số chính như tuổi, giới, tình trạng

HIV và sắc tộc nhằm hiểu rõ hơn về tác động của thảm họa lên từng nhóm dễ bị tổn thương khác nhau.[1]

Thông tin cần thiết để hoàn thành các đánh giá sơ bộ bao gồm dữ liệu chính liên quan đến bốn vấn đề xuyên suốt đã nêu ở trên. Việc thu thập thông tin sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu nhóm đánh giá đã từng hoạt động hoặc cộng tác với một tổ chức đã từng làm việc ở khu vực bị ảnh hưởng. Vì như vậy những kiến thức, hiểu biết sẵn có về các hoạt động sinh kế, hệ thống sản xuất, chuẩn mực về văn hóa, xã hội và các tổ chức có vai trò then chốt sẽ góp phần nâng cao tính chính xác của các đánh giá sơ bộ.

Xác định các biện pháp cứu trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp

Liên hệ các biện pháp cứu trợ với các mục tiêu sinh kế của LEGS

Để đạt được các mục tiêu sinh kế của LEGS, có thể áp dụng đơn lẻ hoặc kết hợp một số biện pháp. Mối quan hệ giữa các mục tiêu sinh kế và các biện pháp cứu trợ được trình bày trong Bảng 2.1, cùng với phân tích cụ thể cho từng biện pháp.

Những phân tích này sẽ được mô tả cụ thể hơn ở các chương sau.

Ma trận Xác định Biện pháp Cứu trợ có sự Tham gia của Người dân

Ma trận Xác định Biện pháp Cứu trợ có sự Tham gia của Người dân (PRIM) là công cụ trong đó có sử dụng kết quả của các đánh giá sơ bộ, hỗ trợ thảo luận với các bên liên quan của địa phương nhằm xác định biện pháp cứu trợ phù hợp và khả thi nhất để bảo vệ và phục hồi đàn vật nuôi (xem các nghiên cứu tình huống bên dưới). PRIM hoàn thiện dựa trên kết quả đánh giá của các bên liên quan, trong đó có đại diện của cộng đồng.

PRIM tập trung vào 3 mục tiêu sinh kế (hỗ trợ nhanh, bảo vệ và phục hồi đàn vật nuôi), với hàng loạt biện pháp cứu trợ (giảm đàn vật nuôi, dịch vụ thú y, cung cấp thức ăn, nước uống, chỗ ở cho vật nuôi) dựa trên kết quả đánh giá. PRIM nhấn mạnh tầm quan trọng của cả 3 mục tiêu nhằm hỗ trợ sinh kế trong tình trạng khẩn cấp và xác định tính phù hợp, trùng lặp của từng biện pháp cứu trợ trong giai đoạn khẩn cấp. Phần bên phải của ma trận sẽ giúp cho tổ chức cứu trợ lập kế hoạch đúng lúc, phù hợp với từng giai đoạn khẩn cấp và bố trí đủ thời gian chuẩn bị cho các hoạt động về sau. Các giai đoạn của thảm họa sẽ khác nhau tùy thuộc đó là thảm họa khởi phát nhanh hay khởi phát chậm . Định nghĩa khái quát về các giai đoạn này được trình bày trong bảng Chú giải Thuật ngữ, song những người tham gia nên nhất trí về các định nghĩa cụ thể dùng trong bối cảnh làm việc hiện tại. Với những thảm họa phức tạp, xảy ra bất ngờ hoặc từ từ, có thể áp dụng từng ma trận PRIM phù hợp (xem ví dụ

trong nghiên cứu tình huống C bên dưới). Riêng mục bên trái của PRIM (ví dụ - các mục tiêu chăn nuôi) chỉ phù hợp đối với các trường hợp thảm họa phức tạp và/hoặc thường xuyên xảy ra, không bao gồm thảm họa khởi phát nhanh hoặc khởi phát chậm.

Do đó, ma trận PRIM dùng hình ảnh tóm tắt về các biện pháp cứu trợ có thể thực hiện và có hiệu quả nhất đối với việc bảo vệ sinh kế trong giai đoạn khẩn cấp. Ví dụ về PRIM hoàn thiện được trình bày trong các nghiên cứu tình huống bên dưới, các bảng biểu ma trận được trình bày trong Phụ lục 2.3.

Cần lưu ý là không loại trừ bất kì biện pháp cứu trợ nào được trình bày trong LEGS. Để đảm bảo và tăng cường sinh kế, cần cứu trợ thông qua lồng ghép từng biện pháp cứu trợ, cũng như thực hiện các biện pháp kế tiếp nhau trong suốt quá trình xảy ra thảm họa. Các biện pháp cứu trợ cụ thể, bao gồm đánh giá chi tiết và hướng dẫn lựa chọn từng biện pháp, được trình bày ở các chương sau.

Ô 2.2 Cứu trợ bằng tiền mặt

Hiện tại đang có nhiều tranh cãi về vai trò của tiền mặt đối với việc cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp. Tiền mặt không chỉ thay thế cho hỗ trợ lương thực/ đồ ăn đổi công mà còn là nguồn cung cấp thức ăn, nước uống và vật nuôi. Việc cung cấp tiền mặt sẽ giúp cho những người được trợ giúp có thể tự do lựa chọn và thay đổi cách ứng phó theo nhu cầu của họ. Mặc dù chưa được kiểm chứng, nhưng ngày càng có nhiều nước quan tâm xây dựng phương pháp này (Tham khảo thêm - Mattinen & Ogden, 2006).

Bảng 2.1. Mục tiêu sinh kế LEGS và các biện pháp cứu trợ

Mục tiêu sinh kế	Biện pháp cứu trợ	Phân tích vấn đề
1. Hỗ trợ nhanh các cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng bằng cách cứu trợ vật nuôi	**Giảm nhanh đàn vật nuôi**	• Có thể phù hợp trong giai đoạn đầu của tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm • Có thể bảo vệ đàn vật nuôi còn lại trong thời gian dài hơn • Hỗ trợ tiền mặt cho người chăn nuôi • Có thể hiệu quả trong các tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh, cung cấp tiền mặt cho các hộ gia đình trong tình trạng thiếu lương thực, chỗ ở tạm thời hoặc thiếu người chăm sóc đàn vật nuôi • Cần có cơ sở hạ tầng, người mua bán, và môi trường chính sách thuận lợi
	Giảm đàn vật nuôi bằng phương pháp giết mổ	• Có thể phù hợp khi tình trạng khẩn cấp diễn ra quá nhanh, không đủ thời gian cho việc giảm đàn vật nuôi. • Hỗ trợ tiền mặt hoặc lương thực • Cần có trang thiết bị, kĩ năng và cơ chế phân phối cho việc giết

		mổ • Cần có thêm nguồn hỗ trợ từ các tổ chức khác nhau
2. *Bảo vệ đàn vật nuôi chủ chốt trong các cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng*	**Dịch vụ thú y** (dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu; hỗ trợ các cơ sở thú y của nhà nước)	• Có thể có ảnh hưởng tích cực tới việc bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi trong tất cả các giai đoạn của tình trạng khẩn cấp • Có thể áp dụng các biện pháp chuẩn bị như tiêm vắc-xin, điều trị dự phòng • Có thể thực hiện đồng thời với các biện pháp khác (cung cấp thức ăn, nước uống) để bảo vệ tốt hơn cho vật nuôi • Cần có các dịch vụ thú y đã/ hoặc có tiềm năng hoạt động (của nhà nước, tư nhân) và các trang thiết bị thú y
	Cung cấp thức ăn (di dời, cung cấp thức ăn cho vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp)	• Đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đàn vật nuôi còn lại trong và sau khủng hoảng • Cần có sẵn thức ăn, đồng cỏ, các phương tiện vận chuyển/ dự trữ • Trong trườn hợp xảy ra hạn hán, có thể bổ sung cho việc cung cấp nước • Cung cấp thức ăn cho vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp có thể rất tốn kém và đòi hỏi khắt khe về công tác hậu cần
	Cung cấp nước (phục hồi, xây mới các điểm cấp nước, vận chuyển nước bằng xe tải)	• Đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đàn vật nuôi còn lại • Cần có sẵn nguồn nước đáp ứng đủ nhu cầu về chất và lượng, hoặc phải có khả năng lắp đặt điểm cấp nước mới • Yêu cầu hệ thống quản lý nước địa phương hiệu quả • Đòi hỏi nguồn vốn lớn (đặc biệt khi lắp đặt điểm cấp nước mới) hoặc tốn kém (vận chuyển nước bằng xe tải)

	Nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi (nơi ở cố định, cơ sở hạ tầng, nơi ở tạm)	• Đáp ứng nhu cầu của vật nuôi: bảo vệ vật nuôi khỏi thời tiết nóng hoặc lạnh quá; an ninh; đề phòng vật nuôi đi lung tung; tạo môi trường sống thuận lợi cho cả người và vật nuôi; tiện lợi cho việc quản lý • Nhìn chung (mặc dù không ngoại trừ) là phù hợp hơn cho tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh - trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt so với thảm họa khởi phát chậm như hạn hán • Có thể yêu cầu các phương án dự phòng (nơi ở cho vật nuôi có thể chống chịu động đất) cũng như bảo vệ vật nuôi sau thảm họa • Giải quyết các vấn đề về chỗ ở (quyền sử dụng đất, ảnh hưởng đối với môi trường và việc sử dụng thức ăn, nước uống)
3. Tái lập đàn vật nuôi trong các cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng	Cung cấp vật nuôi (tái lập đàn; phân phối vật nuôi khác)	• Có thể giúp chủ vật nuôi tái lập đàn sau thảm họa, hoặc thay thế số lượng nhỏ vật nuôi), góp phần tạo sinh kế • Phù hợp trong giai đoạn phục hồi ngay sau thảm họa và có thể xác định thiệt hại về lượng vật nuôi • Có thể rất tốn kém và đòi hỏi quản lý hiệu quả • Yêu cầu có nguồn cung cấp vật nuôi phù hợp trong địa phương hoặc trong phạm vi có thể vận chuyển được • Thành công phụ thuộc chủ yếu vào các yếu tố: mục tiêu của người được trợ giúp; lựa chọn vật nuôi hợp lý; khả năng chăm sóc và quản lý vật nuôi; các dịch vụ hỗ trợ hoạt động chăn nuôi • Các biện pháp cứu trợ về thú y đối với vật nuôi, bao gồm tập huấn sẽ góp phần tăng tỉ lệ sống sót cho vật nuôi • Việc tái lập đàn vật nuôi cần có sự hỗ trợ về lương thực và các hỗ trợ ngắn hạn khác cho người được trợ giúp.
	Dịch vụ thú y, cung cấp thức ăn, nước uống, chỗ ở	• Như trên • Tiếp tục có biện pháp cứu trợ trong giai đoạn phục hồi sẽ giúp cho việc tái lập và tăng cường khả năng chống chịu của vật nuôi và giảm thiểu mức độ tổn thương với các thảm họa về sau

Các nghiên cứu tình huống của ma trận PRIM

Các nghiên cứu tình huống dưới đây thể hiện cách áp dụng PRIM đối với từng loại tình trạng khẩn cấp khác nhau. Trong mỗi nghiên cứu đều có giải thích về kết quả sau từng ma trận PRIM. Lưu ý rằng, PRIM là công cụ được thiết kế phục vụ cho quá trình lập kế hoạch, dựa trên kết quả đánh giá và ý kiến của người tham gia; không phải là yêu cầu bắt buộc và

những ví dụ này chỉ mang tính chất minh họa. Người tham gia cũng cần hiểu rõ rằng ý kiến của các cá nhân hoặc chuyên gia trong quá trình hoàn thiện ma trận chỉ mang tính chủ quan.

Nghiên cứu tình huống A: Động đất tại châu Á (khởi phát nhanh)

Bảng 2.2. Ma trận PRIM dùng trong nghiên cứu A

Biện pháp cứu trợ	Mục tiêu sinh kế			Các giai đoạn của tình trạng khẩn cấp		
	Hỗ trợ nhanh	Bảo vệ đàn vật nuôi	Tái lập đàn vật nuôi	Ngay sau thảm họa	Phục hồi sớm	Phục hồi
Giảm đàn vật nuôi	n/a	n/a	n/a			
Dịch vụ thú y	**	*****	*****	→	→	→
Cung cấp thức ăn	**	*****	*****	→		
Cung cấp nước	*	*	*	→		
Cung cấp chỗ ở	***	***	***	→	→	
Cung cấp vật nuôi	n/a			n/a	*****	→

Chú thích:

Cho điểm theo các mục tiêu sinh kế:

***** rất có ích/ rất phù hợp

**** có ích/ phù hợp

*** có một số lợi ích

** có 1 vài lợi ích

* có rất ít lợi ích/ không phù hợp lắm

n/a không phù hợp

Các giai đoạn của thảm họa:

➔ Thời điểm cứu trợ thích hợp

Một số lưu ý về Nghiên cứu Tình huống A:

- Việc giảm đàn vật nuôi không thể hỗ trợ nhanh chóng cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng, vì khi xảy ra thảm họa thì các chợ cũng không hoạt động. Giảm đàn vật nuôi bằng phương pháp giết mổ là phù hợp nhất trong các trường hợp đàn vật nuôi có nguy cơ chết, do thiếu thức ăn, nước uống và khó có thể đem lại lợi nhuận cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng.
- Các biện pháp cứu trợ về thú y có thể vừa hỗ trợ nhanh sau thảm họa (như chăm sóc vật nuôi còn sống sót sau thảm họa), vừa góp phần bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi trong giai đoạn phục hồi sớm và phục hồi.

- Việc cung cấp thức ăn tuy không hỗ trợ nhanh nhưng có thể góp phần bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi. Nếu động đất được cảnh báo trước, có thể áp dụng một số biện pháp dự trữ thức ăn (và nước).
- Việc cung cấp nước có thể đem lại một số lợi ích nhỏ, tùy thuộc vào ảnh hưởng của động đất tới nguồn nước cho chăn nuôi hiện có.
- Các biện pháp cứu trợ về chỗ ở có thể vừa hỗ trợ nhanh, vừa bảo vệ, tái lập đàn vật nuôi, tùy theo từng loại vật nuôi và nhu cầu chỗ ở. Nếu có dự báo trước, việc cung cấp chỗ ở sẽ góp phần cứu sống vật nuôi trong giai đoạn báo động (ví dụ, di chuyển vật nuôi ra khỏi các địa điểm có nguy cơ sụp đổ). Ngay sau thảm họa và giai đoạn phục hồi sớm, việc cung cấp nơi ở có điều kiện ấm áp, khô ráo cho vật nuôi bị ảnh hưởng sẽ góp phần quan trọng trong việc bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi.
- Việc cung cấp vật nuôi sẽ giúp những người bị mất vật nuôi có thể khôi phục lại đàn vật nuôi. Tuy nhiên, biện pháp cứu trợ này chỉ có thể diễn ra trong giai đoạn phục hồi.

Nghiên cứu tình huống này được trình bày trong bảng 2.1 dưới dạng biểu đồ, mô tả các biện pháp cứu trợ nhằm cứu trợ với các giai đoạn của thảm họa.

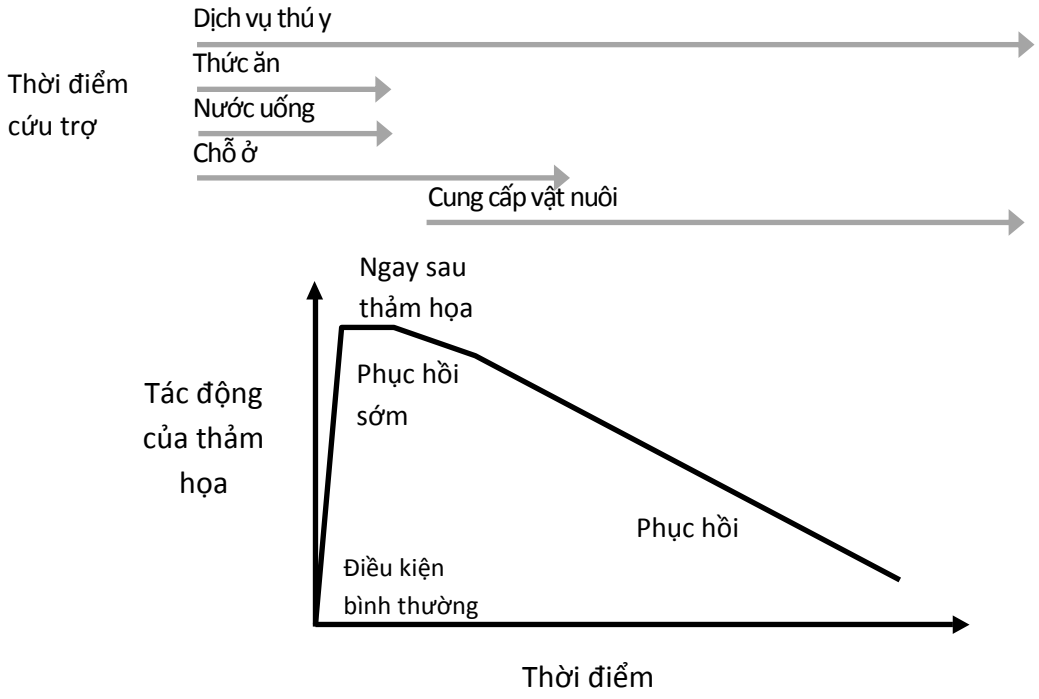

Hình 2.1 Nghiên cứu tình huống A: Động đất tại châu Á (khởi phát nhanh)

Nghiên cứu tình huống B: Hạn hán tại Châu Phi (khởi phát chậm)

Bảng 2.3 Ma trận PRIM dùng trong tình huống B

Biện pháp cứu trợ	Mục tiêu sinh kế			Các giai đoạn của tình trạng khẩn cấp			
	Hỗ trợ nhanh	Bảo vệ đàn vật nuôi	Tái lập đàn vật nuôi	Cảnh báo	Báo động	Khẩn cấp	Phục hồi
Giảm đàn vật nuôi	*****	***	**	→	→	⇢	
Dịch vụ thú y	(*)	*****	****	→	→	→	→
Cung cấp thức ăn	(*)	***	****		→	→	
Cung cấp nước	(*)	***	****		→	→	
Cung cấp chỗ ở	n/a	n/a	n/a				
Cung cấp vật nuôi	n/a	n/a	*****				→

Chú thích

Cho điểm theo các mục tiêu sinh kế:

***** rất có ích/ rất phù hợp

**** có ích/ phù hợp

*** có một số lợi ích

** có 1 vài lợi ích

* có rất ít lợi ích/ không phù hợp lắm

n/a không phù hợp

Các giai đoạn của thảm họa:

➔ Thời điểm cứu trợ thích hợp

Một số lưu ý về Nghiên cứu tình huống B

- Hạn hán khởi phát chậm ở Châu Phi cho thấy rõ sự khác biệt về các biện pháp và thời điểm cứu trợ so với động đất ở Châu Á (nghiên cứu tình huống A). Ở giai đoạn cảnh báo và báo động, việc giảm đàn vật nuôi có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nhanh cho các gia đình bị ảnh hưởng bằng tiền mặt để có thể bảo vệ đàn vật nuôi (khi số vật nuôi còn lại ít phải cạnh tranh nguồn tài nguyên khan hiếm, hoặc khi một phần tiền mặt được dùng vào chăm sóc sức khỏe vật nuôi và cung cấp thức ăn cho đàn vật nuôi còn lại). Nếu đợi đến giai đoạn khẩn cấp mới có những biện pháp cứu trợ thì sẽ không thể giảm đàn được vì khi đó đàn vật nuôi đã quá yếu. Trong trường hợp này, giảm đàn vật nuôi bằng phương pháp giết mổ (minh họa bằng mũi tên có dấu chấm) có thể hỗ trợ nhanh cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng.
- Trong ví dụ này, hạn hán vẫn còn đang ở các giai đoạn đầu (cảnh báo, báo động), vì vậy giảm đàn nhanh sẽ mang lại hiệu quả hơn giảm đàn bằng phương pháp giết mổ,

do khi giảm đàn nhanh, các chủ vật nuôi được hỗ trợ tiền mặt và có thể giúp cho việc mua bán vật nuôi dễ dàng hơn.

- Các biện pháp cứu trợ về thú y có thể thực hiện trong tất cả các giai đoạn của hạn hán, có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi thông qua phòng bệnh và tăng cường khả năng chịu hạn cho vật nuôi.
- Cung cấp thức ăn, nước uống trong giai đoạn báo động và khẩn cấp của hạn hán có thể bảo vệ đàn vật nuôi còn lại và tái lập đàn vật nuôi sau này.
- Trong ví dụ này, việc cung cấp chỗ ở là không cần thiết.
- Ở giai đoạn phục hồi, cung cấp thêm vật nuôi sẽ góp phần quan trọng trong việc tái lập đàn vật nuôi.

Nghiên cứu tình huống này được minh họa trong Hình 2.2 dưới dạng biểu đồ, mô tả các biện pháp cứu trợ với từng giai đoạn của thảm họa.

Nghiên cứu tình huống cuối cùng cho thấy mức độ ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm, đi kèm xung đột đối với sự phù hợp và tính khả thi của một vài biện pháp cứu trợ (đã được đánh dấu).

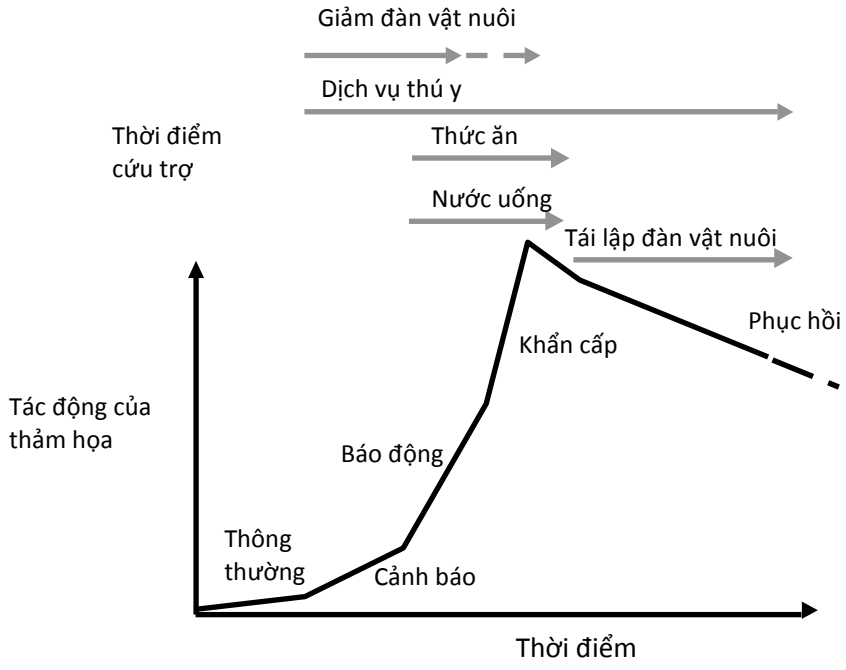

Hình 2.2 Nghiên cứu tình huống B: Hạn hán ở châu Phi (thảm họa khởi phát chậm)

Nghiên cứu tình huống C: Hạn hán (khởi phát chậm) xảy ra trong thời điểm xung đột ở châu Phi (Thảm họa phức tạp)

Bảng 2.4 Ma trận PRIM nghiên cứu tình huống C

Biện pháp cứu trợ	Mục tiêu sinh kế			Các giai đoạn của tình trạng khẩn cấp			
	Hỗ trợ nhanh	Bảo vệ đàn vật nuôi	Tái lập đàn vật nuôi	Cảnh báo	Báo động	Khẩn cấp	Phục hồi
Giảm đàn vật nuôi	***	*	*			⇢	
Dịch vụ thú y	(*)	*****	****	→	→	→	→
Cung cấp thức ăn	(*)	*****	*****		→	→	
Cung cấp nước	(*)	**	**		→	→	
Cung cấp chỗ ở	***	***	***	→	→	→	→
Cung cấp vật nuôi	n/a	n/a	*****				→

Chú thích

Cho điểm theo các mục tiêu sinh kế:

***** rất có ích/ rất phù hợp

**** có ích/ phù hợp

*** có một số lợi ích

** có 1 vài lợi ích

* có rất ít lợi ích/ không phù hợp lắm

n/a không phù hợp

Các giai đoạn của thảm họa:

➔ Thời điểm cứu trợ thích hợp

Một số lưu ý về Nghiên cứu tình huống C:

- So sánh ma trận này với nghiên cứu tình huống B, hầu hết các biện pháp cứu trợ như cung cấp dịch vụ thú y, thức ăn, nước uống và vật nuôi đều phù hợp và có lợi cho những cộng đồng bị ảnh hưởng.
- Tuy nhiên, giảm đàn nhanh không phù hợp trong thời điểm xảy ra xung đột, vì thị trường và cơ sở hạ tầng đã bị gián đoạn nghiêm trọng. Có thể giảm đàn vật nuôi bằng phương pháp giết mổ, tùy thuộc vào yêu cầu hoạt động của tổ chức cứu trợ.
- Việc cung cấp thức ăn giúp bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi, đặc biệt đối với các cộng đồng bị giới hạn không gian tại các lều trại, không thể đưa đàn vật nuôi ra ngoài đồng cỏ. Tương tự, cung cấp nước cho đàn vật nuôi (không được sử dụng nguồn nước sạch do mất an ninh) cũng sẽ giúp bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi.

- Trong nghiên cứu tình huống B, cung cấp chỗ ở và hàng rào vây quanh là không cần thiết nhưng trong trường hợp này lại có vai trò quan trọng do ảnh hưởng của quá trình di dời và an ninh không đảm bảo (như nguy cơ bị trộm vật nuôi).
- Tất cả các biện pháp cứu trợ phụ thuộc vào khả năng hoạt động của tổ chức cứu trợ trong thời điểm xảy ra xung đột.

Xác định biện pháp cứu trợ vật nuôi dựa trên sinh kế trong các tình trạng khẩn cấp

Kết quả của đánh giá sơ bộ và thảo luận về kế hoạch có sự tham gia của người dân dựa trên ma trận PRIM, cùng với phân tích năng lực và ủy quyền của tổ chức cứu trợ sẽ giúp cho việc lựa chọn các biện pháp cứu trợ về chuyên môn phù hợp, khả thi và đúng lúc nhằm hỗ trợ và bảo vệ sinh kế dựa trên hoạt động chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp.

Các phụ lục dưới đây bao gồm danh mục đánh giá sơ bộ, tóm tắt về phương pháp đánh giá và tài liệu tham khảo (để hỗ trợ). Các chương tiếp theo của LEGS trình bày về các tiêu chuẩn và hướng dẫn cho từng biện pháp cứu trợ đã nêu ở trên, và các công cụ để quyết định lựa chọn các biện pháp khác nhau.

Ghi chú

1. Yêu cầu tham gia ở đây được hiểu là việc thu thập có hệ thống (hoặc nhanh chóng) và phân tích dữ liệu với sự tham gia của người dân địa phương. Khi đã được thực hiện tốt, yêu cầu này hướng tới mục đích hiểu rõ nhận thức của các nhóm dễ bị tổn thương và có nguy cơ bị tổn thương, vì vậy sẽ tự động tách dữ liệu theo nhóm nhỏ.

Phụ lục 2.1 Danh mục đánh giá sơ bộ

Những mục kiểm tra này tương ứng với quá trình đánh giá sơ bộ đã nêu ở trên, dựa vào 3 đánh giá: 1) vai trò của vật nuôi trong hoạt động sinh kế; 2) bản chất và tác động của tình trạng khẩn cấp; 3) phân tích tình huống.

Đánh giá sơ bộ 1: Quản lý vật nuôi và vai trò của vật nuôi trong hoạt động sinh kế

***Mục tiêu của đánh giá**: khẳng định vai trò quan trọng của vật nuôi trong hoạt động sinh kế của những người dân bị ảnh hưởng, xác định vai trò đó để đưa ra biện pháp cứu trợ vật nuôi phù hợp, và để hiểu cách quản lý vật nuôi.*

Những câu hỏi chính:

1.1 Các chiến lược sinh kế chủ đạo tại khu vực bị ảnh hưởng trong điều kiện thông thường là gì?

1.2 Chức năng chính của vật nuôi là gì (cung cấp nguồn thực phẩm, tạo thu nhập, làm phương tiện chuyên chở)?

1.3 Trong các thời điểm thông thường, nguồn thực phẩm từ vật nuôi chiếm bao nhiêu phần trăm?

1.4 Trong điều kiện thông thường, nguồn thu nhập từ hoạt động chăn nuôi chiếm bao nhiêu phần trăm?

1.5 Các thành viên hộ gia đình có vai trò gì trong việc chăm sóc, quản lý vật nuôi, bao gồm quyền sử dụng, mua bán (lưu ý từng loại và tuổi của vật nuôi, những thay đổi theo mùa), đặc biệt lưu ý đến giới tính của vật nuôi?

1.6 Các tổ chức, cơ quan nào thường tham gia vào hoạt động chăn nuôi và quản lý tài nguyên thiên nhiên? Vai trò của các tổ chức này là gì?

1.7 Các chiến lược cứu trợ chủ đạo là gì, chỉ dẫn cho các tình trạng khẩn cấp (như nạn đói, giết mổ vật nuôi quá nhiều để đem bán, di cư, sơ tán). Các chiến lược này có ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh sinh kế sau này không?

***Kết luận**:* Vật nuôi có đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sinh kế của người dân bị ảnh hưởng không? Hoạt động cứu trợ vật nuôi có phù hợp không?

Đánh giá sơ bộ 2: Bản chất và tác động của tình trạng khẩn cấp

Mục tiêu đánh giá: *quyết định xem có cần cứu trợ khẩn cấp hay không, hiểu được tác động ban đầu của thảm họa lên những người dân bị ảnh hưởng; và xác định những thông tin cần khai thác thêm.*

Những câu hỏi chính:

2.1. Tình trạng khẩn cấp thuộc loại nào: khởi phát nhanh, khởi phát chậm hay thảm họa phức tạp?

2.2. Nguyên nhân của tình trạng khẩn cấp (hạn hán, lũ lụt, chiến tranh)?

2.3. Quá trình diễn biến của tình trạng khẩn cấp loại này là gì?

2.4. Tình trạng khẩn cấp đã tới giai đoạn nào? (cảnh báo, báo động, khẩn cấp, ngay sau thảm họa, phục hồi)?

2.5. Khu vực nào bị ảnh hưởng?

2.6. Tác động của thảm họa đối với người dân bị ảnh hưởng là gì:

- 2.6.1 Tình trạng dinh dưỡng của người dân trong khu vực bị ảnh hưởng?
- 2.6.2 Dịch bệnh lan tràn như thế nào?
- 2.6.3 Tỉ lệ tử vong là bao nhiêu?
- 2.6.4 Tác động lên các nhóm dễ bị tổn thương (phụ nữ, trẻ em, người sống chung với HIV/AIDS, người dân tộc thiểu số) (xem Phụ lục 2.4 để tham khảo thêm về phân tích khả năng bị tổn thương)
- 2.6.5 Có dấu hiệu nào cho thấy có thể thực hiện được các chiến lược ứng phó/ các chỉ dẫn cho tình trạng khẩn cấp đã nêu trong câu hỏi 1.7 hay không?
- 2.6.6 Cộng đồng bị ảnh hưởng có phải di chuyển hoặc bị di dời không? Nếu có, ai là người bị ảnh hưởng? Họ có mang theo đàn vật nuôi hay không? Tác động như thế nào đến cộng đồng sở hữu vật nuôi?

2.7 Tác động của tình trạng khẩn cấp tới các chiến lược quản lý vật nuôi?

- 2.7.1 Tác động như thế nào tới thức ăn của vật nuôi?
- 2.7.2 Tác động như thế nào đến nguồn nước cho vật nuôi?
- 2.7.3 Tác động như thế nào đến việc di chuyển hàng ngày và theo mùa?
- 2.7.4 Tác động như thế nào đến người mua bán vật nuôi và các thị trường mua bán vật nuôi chính?
- 2.7.5 Tác động như thế nào đến các dịch vụ chăn nuôi?
- 2.7.6 Tác động như thế nào đến nguồn tài nguyên thiên nhiên?
- 2.7.7 Tác động như thế nào đến việc phân công lao động theo giới?
- 2.7.8 Người dân bị ảnh hưởng có kế hoạch gì cho hoạt động chăn nuôi trong tương lai?

2.8 Tình trạng khẩn cấp tác động như thế nào đến vật nuôi? (phân biệt rõ theo loại vật nuôi nếu cần thiết):

2.8.1 Tác động như thế nào đến việc mua bán vật nuôi?
2.8.2 Tác động như thế nào đến giá vật nuôi?
2.8.3 Tỷ lệ mua bán giữa giá vật nuôi và ngũ cốc có thay đổi hay không?
2.8.4 Sức khỏe vật nuôi bị suy giảm như thế nào?
2.8.5 Năng suất vật nuôi có giảm hay không (sữa, tiết, trứng)?
2.8.6 Vật nuôi có thêm dịch bệnh hay không?
2.8.7 Nhu cầu giết mổ vật nuôi trong hộ gia đình có tăng hay không?
2.8.8 Tỉ lệ vật nuôi chết là bao nhiêu?
2.8.9 Có tác động đến chỗ ở/ hàng rào chắn cho vật nuôi không?
2.8.10 Phạm vi ảnh hưởng như thế nào?

2.9 Tác động của tình trạng khẩn cấp đến môi trường như thế nào? Tác động về môi trường và các biện pháp cứu trợ cần được đánh giá rõ ràng. Cần nêu ra các phương pháp cụ thể. Xem thêm công cụ Đánh giá nhanh Tác động lên Môi trường (REA) được phát triển bởi Trung tâm Nghiên cứu Thảm họa Benfield UCL và CARE International; công cụ Đánh giá FRAME (xem Tài liệu tham khảo ở cuối chương).

2.10 Dự báo và các hoạt động cho mùa tới là gì? (dự báo về tuyết, mưa, nhiệt, mùa khô, tình trạng an ninh không đảm bảo, nguồn cung cấp thức ăn)?

Kết luận: cần có biện pháp cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp hay không?

Đánh giá sơ bộ 3: Phân tích tình huống

***Mục tiêu đánh giá**: hiểu rõ hơn về môi trường hoạt động, những yêu cầu về công tác hậu cần và phối hợp với các bên liên quan.*

Những câu hỏi chính:

3.1 Những người đóng vai trò chủ đạo trong khu vực bị ảnh hưởng là ai? Chức năng của họ là gì?

3.2 Có bên liên quan nào đóng vai trò điều phối hay không?

3.3 Các loại dịch vụ, trang thiết bị nào luôn sẵn có, và tác động của thảm họa đến các dịch vụ này như thế nào (cơ quan hành chính nhà nước, thị trường, chăn nuôi và các dịch vụ sức khỏe)?

3.4 Đối với từng chiến lược cứu trợ cụ thể thì có sẵn các nguồn lực nào?

3.5 Với các khu vực từng bị ảnh hưởng, trước đây đã được cứu trợ như thế nào? Các bài học kinh nghiệm rút ra là gì?

3.6 Bối cảnh hiện tại là gì (đánh giá cụ thể hơn về những vấn đề này sẽ giúp thực hiện các biện pháp cứu trợ đã nêu (xem các chương sau). Những câu hỏi này đặc biệt quan trọng (đôi khi đó cũng chính là "vấn đề nan giải") trong thời điểm xảy ra xung đột)?

3.6.1 Thông tin liên lạc đóng vai trò như thế nào?

3.6.2 Thực trạng an ninh ra sao?

3.6.3 Đề xuất gì cho việc di dời vật nuôi?

3.6.4 Các vấn đề chính liên quan tới việc bảo vệ chủ vật nuôi là gì?

3.6.5 Cơ sở hạ tầng ra sao (đường xá, giao thông)?

3.6.6 Có các vấn đề xuyên biên giới không?

3.6.7 Chính sách/ quy định nào có ảnh hưởng đến các biện pháp cứu trợ vật nuôi? (như quy định cấm di dời hoặc xuất khẩu; quy định về giết mổ; chính sách thuế; quy định cấp phép; điều phối các tổ chức cứu trợ; các chính sách quốc gia về quản lý thảm họa; các chính sách trong tổ chức của những bên liên quan chính)?

***Kết luận**:* Có bất kì "vấn đề nan giải" nào cản trở các hình thức cứu trợ trong khu vực hay không (như tình hình an ninh gây khó khăn cho việc di dời; các tổ chức khác đã hỗ trợ đầy đủ cho cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng)?

Phụ lục 2.2 Các phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá có sự tham gia của người dân bao gồm:

- Quan sát: các thông tin chính như tình trạng vật nuôi, sự suy thoái tài nguyên thiên nhiên, tỉ lệ vật nuôi chết và tác động của thảm họa đến cơ sở hạ tầng có thể quan sát tương đối dễ dàng.
- Phỏng vấn đối tượng cung cấp thông tin chính: những bên liên quan chủ chốt gồm nhân viên thuộc các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các nhà lãnh đạo cộng đồng, người đứng đầu các tôn giáo và các tổ chức dân sự.
- Thảo luận nhóm tập trung với các nhóm bị ảnh hưởng, lưu ý về giới, tuổi tác, tình trạng HIV và các nhân tố khác.
- Dữ liệu định lượng: đối với một vài thông tin có thể thu thập dữ liệu định lượng, như giá cả vật nuôi và ngũ cốc tại các chợ địa phương hoặc ước tính số vật nuôi chết, sử dụng bảng câu hỏi nếu đủ thời gian.
- Dữ liệu định tính có thể thu thập từ đại diện của cộng đồng bị ảnh hưởng, sử dụng phương pháp PRA (Đánh giá nông thôn có sự tham gia) (xem Bảng 2.5), bao gồm:
  - Lập bản đồ
  - Xác định thời hạn
  - Tính toán và cho điểm theo tỉ lệ
  - Xếp loại
  - Phân tích về giới – khả năng sử dụng nguồn lực
  - Lịch theo ngày và theo mùa
  - Biểu đồ Venn

  Những kỹ thuật này phụ thuộc vào việc áp dụng **phỏng vấn bán cấu trúc** và có thể áp dụng khi phỏng vấn người cung cấp thông tin chính hoặc/ và thảo luận nhóm tập trung.
- Lấy mẫu: hầu hết các đánh giá đều bị hạn chế về thời gian, do đó nên áp dụng phương pháp lấy mẫu nhanh, đơn giản, dựa trên kỹ thuật lấy mẫu có chủ đích. Lấy mẫu có chủ đích bao gồm việc lựa chọn một nhóm đại diện "điển hình", dựa trên các đặc điểm cụ thể (như các chủ vật nuôi bị ảnh hưởng bởi hạn hán, chủ vật nuôi là phụ nữ, dân cư của một làng chịu ảnh hưởng của lũ lụt).
- Dữ liệu thứ cấp gồm có: báo cáo của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ, thống kê về thú y và sức khỏe, và một số tài liệu sẵn có khác. Các cơ quan khác đang hoạt động trong khu vực có thể thực hiện đánh giá sơ bộ hoặc đánh giá chi tiết, như đánh giá khả năng bị tổn thương, đó sẽ là nguồn thông tin hữu dụng. Các Hệ thống cảnh báo sớm (EWSs) cũng có thể cung cấp thông tin có ích. Các bên liên quan chính là người cung cấp dữ liệu định tính và định lượng quan trọng.

- Nên lập mức chuẩn, có sử dụng dữ liệu thứ cấp nếu có sẵn. Nếu không, có thể lập đánh giá mức chuẩn thông qua khảo sát cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng, sử dụng các phương pháp định tính đã mô tả ở trên (ví dụ tính toán theo tỉ lệ, theo dõi theo thời gian để xác định những thay đổi về nguồn thức ăn từ điều kiện "bình thường" cho đến tình trạng "khẩn cấp")
- Dữ liệu về không gian cũng có ích, như ảnh chụp vệ tinh/ GIS, sơ đồ các điểm cấp nước.

Bảng 2.5 trình bày cách áp dụng một số công cụ thu thập dữ liệu theo phương pháp PRA đã nêu ở trên trong quá trình đánh giá sơ bộ về tình trạng khẩn cấp.

Bảng 2.5 Áp dụng các phương pháp đánh giá có sự tham gia của người dân

Phương pháp	Danh mục kiểm tra đánh giá	Vấn đề
Lịch hàng ngày/ theo mùa	1.5	Vai trò của giới/ lứa tuổi và thời vụ
Phân tích về giới – sử dụng nguồn lực (xem Pasteur, 2002)	1.5	Kiểm soát giới và việc sử dụng nguồn lực
Lập bản đồ	2.5 2.7 2.7 2.6.4 2.6.4 2.10	Phạm vi của khu vực bị ảnh hưởng Các dịch vụ và trang thiết bị trong điều kiện bình thường và khẩn cấp Lập bản đồ nguồn tài nguyên thiên nhiên (trước và sau thảm họa): đồng cỏ, nguồn nước, di dời Các nhóm bị tổn thương Tác động đến môi trường Thay đổi theo thời vụ
Xác định thời hạn/ theo dõi xu hướng thay đổi theo thời gian	2.4 2.8 2.8 2.8 2.8	Các giai đoạn của khủng hoảng/ thảm họa Xu hướng bán vật nuôi Xu hướng giá cả vật nuôi Xu hướng về năng suất đàn vật nuôi Xu hướng về bệnh dịch của đàn vật nuôi
Tính toán theo tỉ lệ	1.3, 1.4 2.6 2.6 2.8	Nguồn thu nhập/ thực phẩm Thay đổi về điều kiện dinh dưỡng Thay đổi về bệnh của người Thay đổi về việc mua bán, giá cả, năng suất của đàn vật nuôi
Xếp loại/ cho điểm	1.3, 1.4 2.8 3.5	Nguồn thu nhập/ thực phẩm Tình trạng vật nuôi, dịch bệnh Tính hiệu quả của các hoạt động cứu trợ trước đây
Phân loại về tài sản	2.6	Cộng đồng bị ảnh hưởng
Biểu đồ Venn	1.6 3.1, 3.2	Vai trò và mối quan hệ của các tổ chức thường xuyên tham gia Các tổ chức chủ chốt và vai trò điều phối

Xem thêm về phương pháp PRA tại mục Tài liệu tham khảo ở cuối Chương này.

Phụ lục 2.3 Ma trận Xác định Biện pháp Cứu trợ có sự Tham gia của Người dân

Bảng 2.6 Ma trận PRIM dùng trong tình trạng khẩn cấp (khởi phát nhanh)

Biện pháp cứu trợ	Mục tiêu sinh kế			Các giai đoạn của thảm họa		
	Hỗ trợ nhanh	Bảo vệ đàn vật nuôi	Tái lập đàn vật nuôi	Ngay sau thảm họa	Phục hồi sớm	Phục hồi
Giảm đàn vật nuôi						
Dịch vụ thú y						
Cung cấp thức ăn						
Cung cấp nước						
Cung cấp chỗ ở						
Cung cấp vật nuôi						

Bảng 2.7 Ma trận PRIM dùng trong tình trạng khẩn cấp (khởi phát chậm)

Biện pháp cứu trợ	Mục tiêu sinh kế			Các giai đoạn của thảm họa			
	Hỗ trợ nhanh	Bảo vệ đàn vật nuôi	Tái lập đàn vật nuôi	Cảnh báo	Báo động	Khẩn cấp	Phục hồi
Giảm đàn vật nuôi							
Dịch vụ thú y							
Cung cấp thức ăn							
Cung cấp nước							
Cung cấp chỗ ở							
Cung cấp vật nuôi							

Chú thích

Cho điểm theo các mục tiêu sinh kế:

***** rất có ích/ rất phù hợp

**** có ích/ phù hợp

*** có một số lợi ích

** có 1 vài lợi ích nhỏ

* có rất ít lợi ích/ không phù hợp lắm

n/a không phù hợp

Các giai đoạn của thảm họa:

➔ Thời điểm cứu trợ thích hợp

Tài liệu tham khảo

Đánh giá tình trạng khẩn cấp

Devereux, S. (2006) *"Nghiên cứu tài liệu: Xác định các phương pháp và công cụ đánh giá trong tình trạng khẩn cấp nhằm phân biệt giữa mất an ninh lương thực tạm thời và triền miên, đánh giá tác động của từng loại và ảnh hưởng kết hợp đối với những nhóm sinh kế khác nhau"*, Dự án Tăng cường Năng Lực Đánh giá Nhu cầu trong Tình trạng khẩn cấp (SENAC), Viện Nghiên cứu Phát triển và Chương trình Lương thực Thế giới, Brighton, www.livelihoods.org/static/sdevereux_NN338.html Tóm tắt phương pháp "Tự đánh giá trong hộ gia đình" của Devereux (T24-25)

FAO (2007) *Bộ công cụ Đánh giá sinh kế: Phân tích và Ứng phó với Tác động của Thảm họa lên Hoạt động Sinh kế và Người dân*, Tổ chức Nông Lương Thế Giới của Liên Hợp Quốc và Tổ chức Lao Động Thế Giới, Rome & Geneva, www.fao.org/fileadmin/templates/tc/tce/pdf/Livelihood_Assessment_Toolkit.pdf

Frankenberger, T., R. Caldwell (2003) "Các phương pháp lấy mẫu và đánh giá nhu cầu trong tình trạng khẩn cấp, Chương trình Lương Thực Thế giới, 2003", trích *Các vấn đề Cơ bản khi Đánh giá Nhu cầu trong Tình trạng Khẩn cấp*: *Tài liệu chuyên môn cơ sở Tập II.* Bổ sung cho Báo cáo về Hội thảo Chuyên môn, ngày 28-30 tháng 10 năm 2003, Đơn vị Đánh giá Nhu cầu trong Tình trạng Khẩn cấp (OEN), Chương trình Lương thực Thế giới, Rome, (theo Watt, Simon và Lyndsay Halliwell 1996 & TANGO International 2002), www.wfp.org/policies/policy/background/OEN_Vol2.pdf

Viện nghiên cứu phát triển (2005) *Nghiên cứu tài liệu: Xác định các Nhân tố tạo nên Đánh giá Nhu cầu trong Tình trạng Khẩn cấp khi có Thảm họa được Cảnh báo trước*, Dự án Nâng cao Năng lực Đánh giá Nhu cầu trong Tình trạng Khẩn cấp (SENAC), Đơn vị Đánh giá Nhu cầu trong Tình trạng Khẩn cấp (ODAN), Chương trình Lương thực Thế giới, Brighton.

Viện Nghiên cứu phát triển (2006) *Nghiên cứu tài liệu: Phân biệt giữa Mất an ninh Lương thực Tạm thời và Triền miên khi Đánh giá Nhu cầu trong Tình trạng Khẩn cấp*, Dự án Nâng cao Năng lực Đánh giá Nhu cầu trong Tình trạng Khẩn cấp (SENAC), Đơn vị Đánh giá Nhu cầu trong Tình trạng Khẩn cấp (ODAN), Chương trình Lương thực Thế giới, Brighton.

Mattinen, H. & K. Ogden (2006) "Các biện pháp cứu trợ dựa trên tiền mặt: Bài học kinh nghiệm từ các thảm họa ở miền Nam Somali, 30 (3): 297-315

Oxfam (2008) "Bản đồ Tri thức Phân tích Tình huống", (chương trình tương tác theo yêu cầu từ Oxfam), liên hệ: EFSLteam@Oxfam.org.uk

Hiệp hội Pro Vention, "Bộ công cụ đánh giá nguy cơ cộng đồng", www.proventionconsortium.org/?pageid=39

Dự án Sphere (2004) *Hiến chương Nhân đạo và Các Tiêu chuẩn Tối thiểu khi Ứng phó với Thảm họa*. Dự án Sphere, Geneva, www.sphereproject.org Xem Tiêu chuẩn 2: Đánh giá sơ bộ (T.29-33)

UNICEF (2005) *Sổ tay Cứu trợ trong Tình trạng Khẩn cấp: Hướng dẫn cho Nhân viên UNICEF*, UNICEF, New York www.unicef.org/publications/fields/UNICEF_EFH_2005.pdf

Young, H. & S. Jaspars (2006) *Đánh giá An ninh Lương thực trong Tình trạng Khẩn cấp: Phương pháp Tiếp cận về Sinh kế*, Tài liệu số 36 của Mạng lưới Hành động Nhân đạo, Viện Phát triển Quốc tế (ODI), London, www.odihpn.org/documents/networkpaper036.pdf

Các hệ thống phân loại tình trạng khẩn cấp và cảnh báo sớm (Xem Ô 2.1)

Vấn đề Dinh dưỡng trong Tình trạng Khẩn cấp (2007) "Chỉ số Chiến lược Cứu trợ: Kiểm soát Thực trạng An ninh Lương thực trong Tình trạng Khẩn cấp", www.ennonline.net/fex/13/rs5-1/html

Nạn đói và Mạng lưới Hệ thống Cảnh báo sớm (FEWS-NET), www.fews.net

FAUS (2006) *Phân loại Lồng ghép An ninh Lương thực và Giai đoạn Cứu trợ Nhân đạo; Sổ tay Hướng dẫn Chuyên môn*. Phiên bản 1, Đơn vị Phân tích An ninh Lương thực Somali, Nairobi, www.fao.org/docrep/009/a0748e/a0748e00/html Xem thêm www.IPC-net.org

Thông tin Toàn cầu và Hệ thống Cảnh báo sớm (GIEWS), www.fao.org/GIEWS/english/index.html

Howe, P. & S. Dvereux (2004) "Tác động và mức độ nghiêm trọng của nạn đói. Đề án xác định nạn đói, *Các thảm họa*, 28 (4): 353-372.

MFS (2004) *Chỉ dẫn về Dinh dưỡng*, bản sửa, MSF, London.

PASS, *Đánh giá về Phương pháp của Ủy ban Đánh giá Mức độ Tổn thương (VAC)*, Chương trình Dịch vụ Hỗ trợ và tư vấn DFID, Cục Phát triển triển quốc tế, London, www.passlivelihoods.org.uk/site_files%5Creports%5Cproject_id_77%5CExecutive%20Summary_%20MA0060.pdf

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh Quốc (2000) Phương pháp Tiếp cận Kinh tế Hộ gia đình: hướng dẫn cho Người hành nghề. *Sổ tay Hướng dẫn của Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh quốc - Số 6*, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh Quốc, London, www.savethechildren.org.uk/en/54_2331.html

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh Quốc (2008) Phương pháp Tiếp cận Kinh tế Hộ gia đình: Hướng dẫn cho Người lập chương trình và Hoạch định Chính sách, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh Quốc, London, www.savethechildren.org.uk/en/54_5678.html

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh Quốc (2005) *Phương pháp Tiếp cận Kinh tế Hộ gia đình: Khái niệm và Chức năng?* Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh Quốc, London, www.odi.org.uk/hpg/papers/SCF_HEA.pdf

SMART (2005) *Xác định Tỉ lệ Tử vong, Tình trạng Dinh dưỡng và An ninh Lương thực trong Khủng hoảng*: *Nghị định thư SMART phiên bản 1*, SMART, Đại học Tulane, New Orelands, www.smartindicators.org

Đánh giá tác động đến môi trường

Công cụ Đánh giá Môi trường nhanh (REA) phát triển bởi Trung tâm Nghiên cứu Thảm họa UCL Benfiled và CARE International, www.benfieldhrc.org/disaster_studies/rea/rea_guidelines.html

Khung đánh giá UNHCR, Giám sát và Đánh giá Môi trường trong các Hoạt động Liên quan đến Tị nạn (FRAME), dự án phối hợp của UNHCR-CARE, www.benfieldhrc.org/disaster_studies/rea/rea_unhcr_framework.html

Phân tích về giới và đánh giá

FAO & WFP, *Quá trình Lồng ghép Phân tích về Giới vào các Tình trạng Khẩn cấp: Những Câu hỏi Phân tích Chủ yếu khi Trình bày về các Biện pháp Cứu trợ Nhân đạo Nhạy cảm về Giới*, Chương trình Phân tích Kinh tế Xã hội và Giới tính (SEAGA), FAO & WFP, Rome, www.fao.org/sd/seaga/downloads/En/passporten.pdf

Ban chỉ đạo Liên cơ quan (2006), *Phụ nữ, Trẻ em gái, Trẻ em trai và Nam giới: Khác biệt về Nhu cầu – Cơ hội là Như nhau*, Sổ tay Phân tích về giới trong Chương trình Hành động về Nhân đạo, http://ochaonline.un.org/AboutOCHA/GenderEquality/KeyDocuments/IASCGenderHandbook/tabid/1384/Default.aspx

Pasteur, K. (2002) *Phân tích về Giới của khung Sinh kế Bền vững: Công cụ và Liên kết với các nguồn khác*, bản phác thảo, http://www.eldis.org/go/topics/dosseirs/livelihoods&id=41450&type=Document

Vavra, J. (2005) *Những Bài học Kinh nghiệm quý giá nhất: Giới tính và Xung đột tại Châu Phi*, Management Systems International & Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, Washington DC, www.ansa-africa.net/uploads/documents/publications/Gender_conflict_Africa_Aug2005.pdf

HIV/AIDS

Goe, M.R (2005) *Mối liên hệ giữa HIV/AIDS và Hoạt động Chăn nuôi tại các nước Đông, Nam Châu Phi*, tài liệu thảo luận, FAO, Rome, www.fao.org/ag/AGAinfo/resources/en/pubs_aprod/html

Harvey, P. (2004) *HIV/AIDS và Chương trình Hành động Nhân đạo*, Báo cáo HPG 16, Nhóm Chính sách Nhân đạo, Viện Phát triển Nước ngoài, London www.odi.org.uk/hpg/papers/hpdreport16.pdf

Bảo vệ

Slim, H. & Bonwick (2005), *Bảo vệ: Hướng dẫn ALNAP Dành cho các Cơ quan Chịu trách nhiệm về Nhân đạo,* Viện phát triển Nước ngoài, London

Các phương pháp đánh giá có sự tham gia của người dân

HED (1995) *Lưu ý RRA 20: Hoạt động chăn nuôi*, April, IIED, London, www.iied.org/NR/agbioliv/pla_notes/pla_backissues/20.html

HED (2002) *Lưu ý PLA 45: Chăm sóc Sức khỏe Vật nuôi theo Cộng đồng,* tháng 10, IIRD, London, www.iied.org/NR/agbioliv/pla_notes/pla_backissues/45/html

Pretty, J., I. Guijt, J. Thompson & I. Sconnes (1995) *Bài học Tham gia và Hành động: Cẩm nang dành cho Người huấn luyện*, IIED, London www.iied.org/pubs/display.php?o=6-21IIED&n=1&l=1&k=participatory%20Learning%20and%20Action%20A%20trainer's%20guide

Đánh giá mức độ tổn thương

ActionAid International *Phân tích Mức độ Tổn thương của Người tham gia*: *Hướng dẫn Từng bước cho Nhân viên trong ngành*, ActionAid International, London, www.actionaid.org.uk/wps/content/documents/PVA%20final.pdf

Trench, P., J. Rowley, M.Diarra, F.Sano & B. Keita (2007) *Phía sau Một đợt Hạn hán: Nguyên nhân Sâu xa cho Tình trạng Triền miên chịu Tác động của Thảm họa tại vùng Sahel*, Nhóm cộng tác vùng Sahel, IIED, London

Các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền

ODI (1999) *Chúng ta Có thể Làm gì với Phương pháp Tiếp cận dựa trên Quyền cho Phát triển?* ODI, Bản tóm tắt 3, Viện phát triển Nước ngoài, London

Cơ quan Liên Hợp Quốc của Ủy Ban cấp cao về Nhân Quyền (OHCHR) (2002) Những câu hỏi thường gặp về phương pháp tiếp cận dựa trên quyền trong việc hợp tác phát triển" www.ohchr.org/Documents/Publications/FAQen.pdf

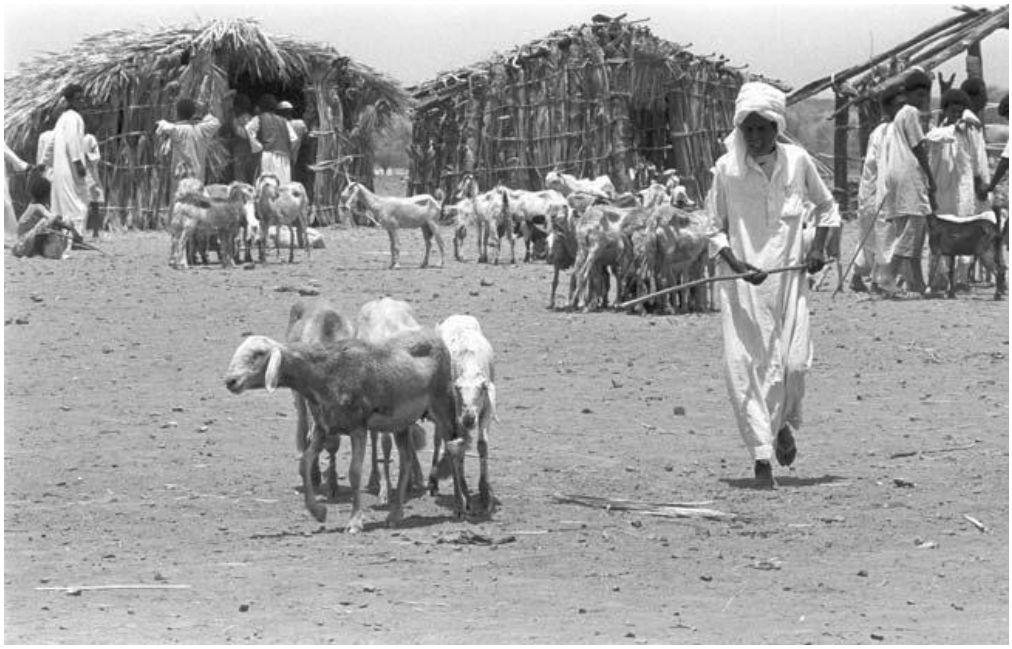

Photo credit: Andy Catley

CHƯƠNG 3

Các tiêu chuẩn tối thiểu áp dụng cho tất cả hoạt động cứu trợ vật nuôi

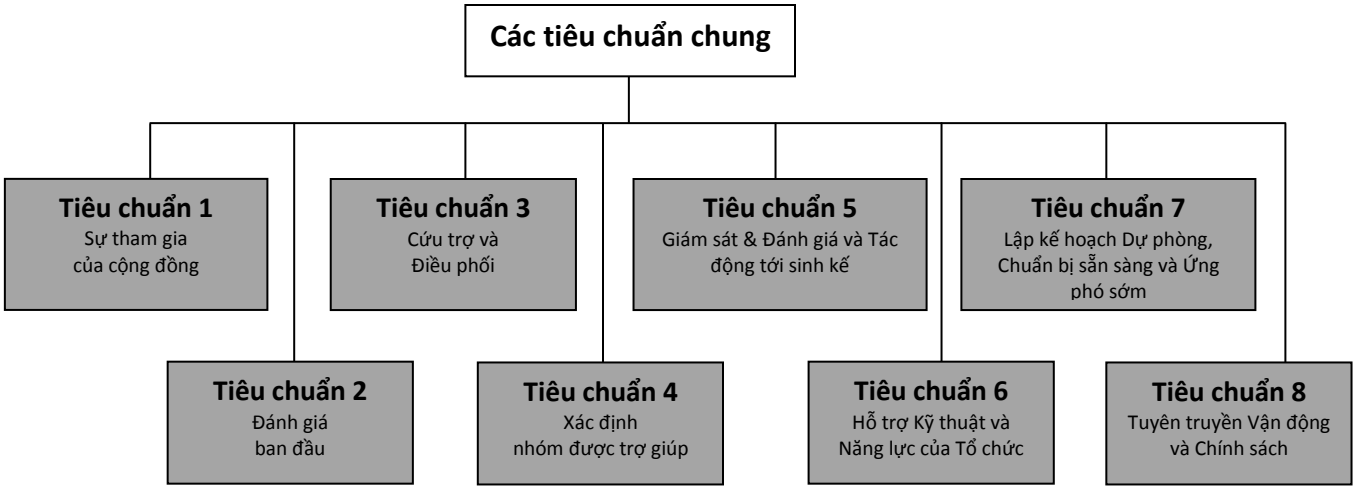
Các tiêu chuẩn chung
Tiêu chuẩn 1
Sự tham gia
của cộng đồng
Tiêu chuẩn 2
Đánh giá
ban đầu
Tiêu chuẩn 3
Cứu trợ và
Điều phối
Tiêu chuẩn 4
Xác định
nhóm được trợ giúp
Tiêu chuẩn 5
Giám sát & Đánh giá và Tác
động tới sinh kế
Tiêu chuẩn 6
Hỗ trợ Kỹ thuật và
Năng lực của Tổ chức
Tiêu chuẩn 7
Lập kế hoạch Dự phòng,
Chuẩn bị sẵn sàng và Ứng
phó sớm
Tiêu chuẩn 8
Tuyên truyền Vận động
và Chính sách

Giới thiệu

Tầm quan trọng của các tiêu chuẩn chung

Chương này đề cập đến tám tiêu chuẩn chính, áp dụng chung cho từng hoạt động cứu trợ vật nuôi được nói đến trong các chương tiếp theo. Các tiêu chuẩn là: 1) sự tham gia của cộng đồng; 2) đánh giá ban đầu; 3) ứng phó và điều phối; 4) xác định các nhóm được trợ giúp; 5) giám sát & đánh giá và tác động tới sinh kế; 6) hỗ trợ kỹ thuật và năng lực của các tổ chức; 7) lập kế hoạch dự phòng, chuẩn bị sẵn sàng và cứu trợ sớm; và 8) tuyên truyền vận động và chính sách.

Những tiêu chuẩn chung này liên quan đến từng hoạt động cứu trợ vật nuôi sẽ được mô tả trong các chương khác, và là phần không thể thiếu trong tất cả các chương. Khi áp dụng những tiêu chuẩn này, các tổ chức sẽ góp phần để đạt được những tiêu chuẩn được đề cập trong những chương khác. Bạn đọc cũng nên tham khảo Sổ tay Sphere để biết thêm về những tiêu chuẩn chung đối với cứu trợ của chương trình nhân đạo và chuẩn của Chương trình Hợp tác Nhân đạo với Trách nhiệm Giải trình trong Hành động Nhân đạo (xem HAP, 2007).

Liên hệ với các chương khác

Cần đọc chương này đầu tiên, trước khi đọc những chương chuyên sâu về từng hình thức cứu trợ vật nuôi cụ thể.

Khả năng bị tổn thương và năng lực của các cộng đồng chịu tác động của thảm họa

Sổ tay Sphere chỉ ra rằng các nhóm dân cư nhất định có thể đặc biệt dễ bị tổn thương khi thảm họa xảy ra. Những nhóm này gồm có phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật, người sống chung với HIV/AIDS, các nhóm dân tộc thiểu số hoặc nhóm tôn giáo. Vật nuôi có thể là nguồn tài sản có giá trị đối với những nhóm người này, ví dụ, các loại thực phẩm từ vật nuôi như sữa và trứng có hàm lượng dinh dưỡng cao và là nguồn thực phẩm quan trọng cho trẻ nhỏ và phụ nữ mang thai hoặc đang cho con bú. Những động vật có sức kéo như lừa có thể giúp phụ nữ đi lấy nước hoặc chất đốt, hoặc vận chuyển hàng hóa đến chợ.

Đánh giá ban đầu về khả năng cứu trợ vật nuôi cần đặc biệt chú ý tới cách những nhóm dễ bị tổn thương sử dụng vật nuôi, và năng lực của họ trong việc quản lý vật nuôi hoặc tiếp cận các sản phẩm hoặc dịch vụ từ vật nuôi. Trong một số cộng đồng, người sở hữu vật nuôi có thể rất khác nhau về tài sản và giới, nên khâu đánh giá và thiết kế chương trình cần bảo đảm rằng các

nhóm dễ bị tổn thương được xác định cụ thể. Các nhóm khác nhau có thể được hưởng lợi từ các hình thức hỗ trợ khác nhau, do vậy, chương trình sẽ phức tạp hơn và cũng cần nhiều kinh nghiệm tổ chức hơn để thực hiện chương trình.

Đồng thời, các cộng đồng được trợ giúp cũng tự có năng lực ứng phó với tình huống khẩn cấp. Năng lực này bao gồm những kiến thức và kỹ năng gắn với đặc thù địa phương, đặc biệt liên quan đến hoạt động chăn nuôi và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Những tổ chức tại địa phương cũng đóng vai trò quan trọng trong ứng phó với thảm họa, tạo điều kiện tham gia và quản lý các hoạt động cứu trợ của cộng đồng.

Áp dụng những cách tiếp cận có sự tham gia của người dân trong quá trình đánh giá có thể đẩy nhanh hoạt động phân tích nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương cũng như xác định được những năng lực và kỹ năng của người dân địa phương để từ đó xây dựng kế hoạch cứu trợ khẩn cấp.

Các tiêu chuẩn tối thiểu

Tiêu chuẩn chung 1: Sự tham gia của cộng đồng

Người dân chịu tác động của thảm họa tham gia trực tiếp vào quá trình đánh giá, thiết kế, thực hiện, đánh giá và giám sát chương trình cứu trợ vật nuôi.

Các tiêu chí chính

- Tất cả các phân nhóm và các nhóm dễ bị tổn thương trong một cộng đồng được xác định, được thông tin rằng quá trình đánh giá và (những) hoạt động cứu trợ có thể được tiến hành, và họ được khuyến khích tham gia vào bước đánh giá và thực hiện (xem chú thích 1 và 2), và bước giám sát và đánh giá (xem chú thích 3).
- Hoạt động chăn nuôi chính tại địa phương cùng với kiến thức và dịch vụ y tế, các chiến lược ứng phó và những dịch vụ chăn nuôi vốn có được lập hồ sơ và được sử dụng để đảm bảo tính bền vững của các nguồn đầu vào (xem chú thích 4).
- Hoạt động cứu trợ được dựa trên hiểu biết về những chuẩn mực văn hóa và xã hội (xem chú thích 5).
- Các nguồn lực cho chương trình đã được lập kế hoạch và cách thức thực hiện được thảo luận giữa đại diện các cộng đồng và/ hoặc giữa các nhóm cộng đồng đại diện cho các phân nhóm dân cư và các nhóm dễ bị tổn thương (xem chú thích 6).

Chú thích

1. **Đại diện cho các nhóm:** việc xác định, xây dựng và thực hiện một cách hiệu quả hoạt động cứu trợ vật nuôi cần có sự tham gia của người dân địa phương, trong đó có những nhóm chịu nhiều thiệt thòi và dễ bị tổn thương đang chăn nuôi hoặc có thể hưởng lợi từ việc sử dụng vật nuôi hoặc các sản phẩm từ vật nuôi. Khả năng sử dụng và hình thức sở hữu vật nuôi trong hiện tại hoặc tương lai thường có sự khác biệt giữa các cộng đồng, dựa trên điều kiện kinh tế, giới hoặc các yếu tố khác. Do đó, đánh giá ban đầu cần nêu được hình thức sở hữu vật nuôi dựa trên điều kiện kinh tế và giới, và diễn giải được cách hoạt động cứu trợ có thể được hướng đến các nhóm dân cư khác nhau, với những tác động tiềm tàng khác nhau như thế nào. Trong khi những người giàu có hơn có thể có nhiều vật nuôi lớn hơn, như lạc đà, và yêu cầu hỗ trợ cho những con vật này, thì các hộ nghèo hơn, do phụ nữ quán xuyến, có thể sẽ cần hỗ trợ cho đàn cừu, dê, gia cầm hoặc lừa. Các tổ chức cứu trợ cần lưu ý những khác biệt này và đảm bảo rằng các nhóm khác nhau đều có đại diện một cách thích hợp. Cần tính đến những rào cản (như năng lực, kỹ năng, an ninh và các vấn đề văn hóa) đối với sự tham gia của phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương khác trong giai đoạn đánh giá và thực hiện.
2. **Hình thức tham gia:** trong khuôn khổ LEGS, sự tham gia được hiểu là các cộng đồng chịu tác động có quyền được tham gia vào chương trình và có thể đóng góp trí lực của mình để cải thiện hiệu quả và hiệu suất. Các cộng đồng cũng có thể lựa chọn hình thức và cách xây dựng những hoạt động cứu trợ tại địa phương họ. Tiêu chuẩn chung về sự tham gia xác định rằng những kiến thức và kỹ năng đặc thù địa phương là nguồn lực quý giá cho các tổ chức cứu trợ và cần được tích cực tận dụng. Tiêu chuẩn chung này cũng chỉ ra rằng những chương trình dựa trên sự tham gia tích cực thường đem lại những lợi ích hoặc dịch vụ ổn định. Sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xác định mục tiêu nhìn chung cũng là một phương tiện hiệu quả để bảo đảm phân phối lợi ích một cách hợp lý (xem Tiêu chuẩn 4 bên dưới). Dù có những thách thức đáng kể để đạt được mức tham gia này, đặc biệt trong những thảm họa khởi phát nhanh, nhưng sự tham gia của cộng đồng vẫn là một mục tiêu chính của LEGS, phản ánh hướng tiếp cận trên cơ sở quyền và mối liên hệ với khả năng bền vững dài hạn của các hoạt động.
3. **Trách nhiệm giải trình và sự tham gia:** việc chú ý tới sự tham gia của cộng đồng vào quá trình giám sát và đánh giá (M&E) những hoạt động cứu trợ khẩn cấp là một cách quan trọng để cải thiện trách nhiệm giải trình ở cấp địa phương của các tổ chức cứu trợ nhân đạo – xem phần dưới đây về Tiêu chuẩn chung 5: Giám sát & Đánh giá và Tác động đối với sinh kế.

4. **Tính bền vững:** những cộng đồng phụ thuộc nhiều vào vật nuôi thường có vốn kiến thức bản địa sâu sắc về cách quản lý và chăm sóc vật nuôi, điều này rất có ý nghĩa đối với các dự án về chăn nuôi. Các dịch vụ ổn định hoặc thông tin đầu vào thường nảy sinh từ những cứu trợ cho thảm họa khi những hoạt động này thúc đẩy được sự tham gia của cộng đồng, ghi nhận những kiến thức và kỹ năng đặc thù địa phương, xây dựng được những chiến lược ứng phó bền vững, gắn với điều kiện địa phương, đồng thời sử dụng và củng cố các dịch vụ và hệ thống đã có. Trong trường hợp cứu trợ vật nuôi, các tổ chức cần đặc biệt nhận thức rõ rằng khi hoạt động cứu trợ được triển khai mà không có sự gắn kết với những nhà cung ứng dịch vụ tại địa phương, thì những hệ thống sở tại sẽ bị ảnh hưởng.
5. **Chuẩn mực văn hóa và xã hội:** những tín ngưỡng và lễ nghi tôn giáo, văn hóa, xã hội, đều ảnh hưởng đến hình thức sở hữu vật nuôi, cũng như cách sử dụng và tiêu thụ các sản phẩm từ vật nuôi. Việc sử dụng một số loại vật nuôi nhất định hoặc thức ăn chăn nuôi có thể là bình thường và quen thuộc đối với người ngoài, nhưng lại có thể đi ngược lại những phong tục địa phương. Dù không phải lúc nào người ta cũng phủ nhận việc tiếp thu những cái mới, nhưng quá trình này mất nhiều thời gian và cần có sự giúp đỡ của các cán bộ địa phương vốn có nhiều kinh nghiệm về các cộng đồng được quan tâm. Khi cần cứu trợ nhanh, sự hiểu biết về những chuẩn mực văn hóa và xã hội sẽ góp phần bảo đảm rằng hoạt động cứu trợ là thích hợp.
6. **Các nhóm cộng đồng:** các tổ chức địa phương hoặc tổ chức vùng có thể đóng vai trò quan trọng để thực hiện hoạt động cứu trợ trong thảm họa, bao gồm từ việc xác định các nhóm dễ bị tổn thương, xây dựng và quản lý các hoạt động cứu trợ, đến tham gia giám sát và đánh giá các sáng kiến. Những tổ chức vùng thường có vai trò then chốt trong việc quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bao gồm diện tích đất chăn thả và các nguồn nước. Nói chung, sự tham gia của các tổ chức này vào hoạt động cứu trợ vật nuôi là yếu tố cần thiết để bảo đảm tính bền vững của các hoạt động và đóng góp tích cực vào sinh kế.

Tiêu chuẩn chung 2: Đánh giá ban đầu

Quá trình đánh giá giúp tìm hiểu vai trò của vật nuôi đối với sinh kế của các nhóm kinh tế xã hội khác nhau trong cùng một cộng đồng dân số, phân tích bản chất và phạm vi của tình trạng khẩn cấp và thẩm định các hoạt động cứu trợ thích hợp trong tương quan với bối cảnh hoạt động và chính sách, các hệ thống và nhà cung ứng dịch vụ sẵn có.

Các tiêu chí chính

- Quá trình đánh giá bao gồm những chủ đề chính đã được nêu trong Chương 2, sử dụng quá trình điều tra có hệ thống và có sự tham gia của các bên, do các các cán bộ chuyên nghiệp đảm nhiệm, và khi có thể, so sánh, đối chiếu các kết quả thu được với các dữ liệu kỹ thuật đã có (xem chú thích 1).
- Các kết quả được phân tách theo các nhóm dân số và các nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng chịu tác động của thảm họa.
- Quá trình đánh giá xem xét năng lực của các cơ quan chức năng có liên quan trong việc bảo vệ các nhóm dân cư tại địa phương mình quản lý, và bao gồm bản phân tích môi trường hoạt động và các tác dụng bảo vệ của những hoạt động cứu trợ vật nuôi khác nhau (xem chú thích 2).
- Quá trình đánh giá mô tả rõ ràng các nhà cung ứng dịch vụ đang hoạt động tại địa phương, lý giải xem các hoạt động cứu trợ sẽ tương tác với họ như thế nào, và xác định chiến lược rút lui nhằm tối đa hóa việc sử dụng ổn định các dịch vụ và thị trường địa phương (xem chú thích 3).
- Quá trình đánh giá bao gồm bước phân tích nhanh các chính sách và quy định có tác động đến sinh kế hoặc có thể cản trở một số hoạt động cứu trợ, và nhìn nhận năng lực của các cơ quan chức năng sở tại để thực thi các quy tắc và quy định chính thức (xem chú thích 4).

Chú thích

1. **Chủ đề và phương pháp đánh giá:** Chương 2, Đánh giá và cứu trợ, đã chỉ ra những chủ đề chính để đánh giá, bao gồm *vai trò của vật nuôi đối với sinh kế, bản chất và phạm vi của tình trạng khẩn cấp* và *phân tích tình huống*. Danh mục đánh giá và các nguồn thông tin bổ sung được nêu trong Phụ lục 2.1 và trong mục Tài liệu tham khảo của Chương 2.
2. **Biện pháp bảo vệ:** vật nuôi là nguồn tài sản có giá trị, do đó, việc sở hữu hoặc quản lý có thể đặt con người trước những rủi ro lớn về bạo lực, bị bắt giữ hoặc lạm dụng. Việc phân tích điều kiện an ninh địa phương liên quan đến các hình thức sở hữu vật nuôi, tình hình

cướp bóc vật nuôi gần đây, hoạt động chăn nuôi và nhu cầu tiếp cận các dịch vụ và thị trường về chăn nuôi cần chỉ ra những việc làm và hoạt động có nguy cơ cao; trong đó bao gồm việc di chuyển vật nuôi tới những bãi chăn thả hoặc nguồn nước không an toàn, sử dụng những bãi thả có mìn hoặc vật liệu nổ chưa được tháo gỡ, tập kết vật nuôi vào ban đêm tại những khu vực không an toàn, hoặc chăn giữ những loại vật nuôi có thể là mục tiêu của các nhóm vũ trang. Quá trình đánh giá cần phân tích sự hài hòa giữa những lợi ích sinh kế tiềm năng của việc sở hữu vật nuôi lớn hoặc khả năng tiếp cận các sản phẩm từ vật nuôi với những rủi ro về biện pháp bảo vệ. Quá trình đánh giá cũng cần xác định các nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương để có thể nắm được nhu cầu cần được bảo vệ của họ.

3. **Các dịch vụ và thị trường địa phương:** những hoạt động cứu trợ vật nuôi mà hỗ trợ được các dịch vụ và thị trường địa phương là một khía cạnh quan trọng của việc lập chương trình dựa trên sinh kế. Những nhà cung ứng dịch vụ địa phương gồm có những người bán thức ăn vật nuôi, cung cấp nước, bác sĩ thú y và y sĩ thú y, những người buôn bán và vận chuyển vật nuôi. Là một phần của quá trình phân tích tình huống (xem Phụ lục 2.1), bước đánh giá cần mô tả những nhà cung ứng dịch vụ này và năng lực hiện thời cũng như tiềm tàng của họ. Tại một số quốc gia và theo quá trình tư nhân hóa chưa trọn vẹn các dịch vụ chăn nuôi, có sự cạnh tranh giữa nhân viên thú y của nhà nước và của tư nhân, điều này có thể khiến các đối tác chính phủ xem nhẹ vai trò của khối tư nhân.
4. **Chính sách và quy định:** các chính sách và quy định của quốc gia có thể cản trở hoặc hỗ trợ một số hình thức cứu trợ vật nuôi. Tại một số nước, các cán bộ thú y tại cộng đồng không được chính thức công nhận, hoặc chỉ có thể được quản lý một số lượng dược phẩm ít ỏi dành cho thú y. Trong những hoàn cảnh khác, các khoản thuế, lệ phí hải quan hoặc thói quan liêu tại địa phương có thể cản trở hoạt động cứu trợ nhanh dựa trên thị trường. Quá trình phân tích tình huống cần đánh giá các chính sách và quy định, nhưng cũng cần xác định khả năng thực thi những quy định đó trong bối cảnh khẩn cấp, bởi xét trên khía cạnh nào đó, việc thử nghiệm các phương pháp mới trong tình trạng khẩn cấp có thể là bằng chứng để thay đổi chính sách. Trong một số tình trạng khẩn cấp, đặc biệt những trường hợp có thể nảy sinh xung đột, chính phủ hoặc các tổ chức khác áp dụng những chính sách chính thức hoặc không chính thức mà rõ ràng có thể tác động tiêu cực đến sinh kế của người dân. Các ví dụ liên quan đến vật nuôi gồm có những quy định hạn chế di chuyển vật nuôi qua biên giới, đóng cửa thị trường hoặc cố tình tước tài sản của các cộng đồng. Đánh giá ban đầu những chính sách này có thể giúp các tổ chức xác định được các hoạt động về chính sách (cũng xem Tiêu chuẩn chung 8: Tuyên truyền Vận động và Chính sách).

Tiêu chuẩn chung 3: Cứu trợ và điều phối

Các hành động cứu trợ vật nuôi khác nhau được điều hòa và bổ sung cho những cứu trợ nhân đạo khác nhằm bảo vệ cuộc sống và sinh kế của người dân, và không gây trở ngại cho những hoạt động tức thời được thiết lập để cứu sinh mạng của con người.

Các tiêu chí chính

- Ở những nơi mà sinh mạng của con người gặp nguy hiểm, hành động cứu trợ vật nuôi không được cản trở cứu trợ nhân đạo nhằm cứu sinh mạng của con người (xem chú thích 1).
- Các hoạt động cứu trợ vật nuôi được điều phối để đảm bảo những cách tiếp cận hài hòa giữa các tổ chức, và theo những chiến lược thực hiện đã thống nhất từ trước (xem chú thích 2).
- Khi một tổ chức không thể đánh giá vật nuôi hoặc đáp ứng nhu cầu của chúng, cần thông báo những bất cập này cho những tổ chức khác có thể có năng lực cứu trợ vật nuôi (xem chú thích 3).
- Khi có thể, những hoạt động cứu trợ vật nuôi được lồng ghép với những hình thức hỗ trợ nhân đạo khác để tối đa hóa tác động và đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực chung (xem chú thích 4).
- Hoạt động điều phối, bao gồm sự hài hòa trong các cách tiếp cận của chính phủ và nhà tài trợ, được tất cả các bên cùng ưu tiên để vừa có thể cứu trợ khẩn cấp, vừa có được những sáng kiến phát triển dài hạn hơn (xem chú thích 5).

Chú thích

1. **Ưu tiên cứu trợ nhân đạo:** trong một thảm họa, nhu cầu cấp bách nhất có thể là cứu sinh mạng cho những cộng đồng dân cư chịu tác động của thảm họa. Những cứu trợ đó không nhượng bộ hoặc bị tác động bất lợi trước hành động cứu trợ vật nuôi. Trên thực tế, điều đó có nghĩa là khi giao thông vận tải, thông tin liên lạc hoặc các nguồn lực khác bị hạn chế trong tình trạng khẩn cấp, các nhóm cứu trợ vật nuôi cần tuân thủ theo những điều kiện thức ăn, nước uống, chỗ ở, y tế cần thiết để hỗ trợ những người cần ứng cứu. Ví dụ, các chương trình cấp nước cần đồng thời đáp ứng nhu cầu về nước của con người và vật nuôi, hoặc tận dụng chất lượng nước khác nhau cho hai nhóm trên, giữ nguồn nước chất lượng tốt hơn cho con người và dành nguồn chất lượng kém hơn cho vật nuôi.
2. **Điều phối:** với các hình thức cứu trợ vật nuôi khẩn cấp có thể thực hiện và nhu cầu xây

dựng những hoạt động cứu trợ dành riêng cho các nhóm dân cư hoặc các nhóm dễ bị tổn thương, việc điều phối các biện pháp cứu trợ là rất quan trọng. Nếu các tổ chức khác nhau cung cấp những hình thức hỗ trợ khác nhau, những hoạt động này cần được điều phối để tránh trùng lặp và để bảo đảm rằng không một hình thức hỗ trợ quan trọng nào bị bỏ qua. Điều này rất quan trọng nếu cần biện pháp cứu trợ kết hợp nguồn thức ăn, nước uống và y tế cho vật nuôi, bởi trục trặc trong một mảng cứu trợ có thể gây rủi ro đến hiệu quả của các mảng cứu trợ khác. Ví dụ, vật nuôi có thể được ăn uống đầy đủ, nhưng sau đó vẫn bị chết vì bệnh dịch. Khi các tổ chức khác nhau cùng cung cấp một hoạt động cứu trợ tại các địa phương khác nhau, hoạt động điều phối cần đảm bảo các cách tiếp cận hài hòa với nhau và quá trình lập chương trình được nhất quán. Ví dụ, nếu các tổ chức hoạt động ở những địa phương liền kề nhau lại đặt ra những mức giá mua khác nhau cho vật nuôi bị giảm đàn, thì vật nuôi có thể sẽ được di chuyển đến khu vực có giá mua cao nhất. Trong tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm như hạn hán, một khía cạnh của nỗ lực điều phối là cần thúc đẩy chuỗi hoạt động cứu trợ thích hợp, dựa theo giai đoạn của đợt hạn hán. Cứu trợ vật nuôi cũng cần được điều phối với các hình thức hỗ trợ khác. Hoạt động điều phối này có thể mang lại một quy trình lập kế hoạch chung và chia sẻ các nguồn lực, trang thiết bị với các khu vực khác một cách hiệu quả (Xem Nghiên cứu 3.1 và 3.2 trong chương Nghiên cứu Tình huống).

3. **Năng lực và chuyên môn:** đánh giá vật nuôi dựa trên sinh kế và đưa ra biện pháp cứu trợ là một lĩnh vực chuyên môn và không phải tổ chức nào cũng sẵn có đội ngũ chuyên gia cần thiết. Các tổ chức không có đủ chuyên gia làm việc trong những tình huống nhất thiết cần cứu trợ vật nuôi cần kêu gọi sự hỗ trợ từ các tổ chức khác.
4. **Lồng ghép hoạt động cứu trợ và chia sẻ nguồn lực:** trong phần lớn các khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo, một loạt các biện pháp cứu trợ khác nhau sẽ được tiến hành đồng thời. Khi có thể, hoạt động cứu trợ vật nuôi nên được lồng ghép với các lĩnh vực khác để tận dụng tối đa các nguồn lực. Ví dụ, xe tải chuyên chở hàng cứu trợ có thể chở thêm vật nuôi ở phía sau như một phần việc của một chương trình giảm đàn; tủ lạnh có thể trữ thuốc cho cả người và động vật; những vật liệu đã hư hỏng hoặc không dùng được từ nơi ở của người có thể được tận dụng làm nơi ở cho vật nuôi.
5. **Ưu tiên điều phối:** kinh nghiệm cho thấy hoạt động điều phối giữa các tổ chức thực thi, các nhà tài trợ và chính phủ là hết sức thiết yếu đối với một biện pháp cứu trợ nhân đạo có hiệu quả, nhưng việc điều phối này cần cam kết về thời gian và sự tham gia của tất cả các bên. Các nhà tài trợ và chính phủ có trách nhiệm hiểu được ý nghĩa của các biện pháp khẩn cấp mà họ ủng hộ và mối liên hệ với sinh kế. Việc hình thành các nhóm làm việc

cho các vùng cụ thể hoặc thảm họa cụ thể có thể góp phần điều hòa các cách thực hiện, thống nhất vai trò và trách nhiệm, tạo ra mối liên hệ với sinh kế và các sáng kiến phát triển liên tục nảy sinh. Ví dụ, việc thiết lập một diễn đàn điều phối hoạt động giảm đàn vật nuôi (lý tưởng là ở cấp quốc gia và lặp lại mô hình này ở cấp quận và các cấp khác) có thể tạo điều kiện để cân đối các chiến lược thực thi, xác định các tổ chức chịu trách nhiệm chính theo khu vực địa lý hoặc chuyên môn, và thông tin liên lạc nhất quán với các nhóm được trợ giúp. Việc điều hòa các cách thực hiện cũng đặc biệt quan trọng trong cung ứng dịch vụ thú y, lĩnh vực mà các chính sách khác nhau về thu hồi chi phí có thể cản trở hoạt động cứu trợ và gây ra sự hiểu biết không rõ ràng giữa các nhóm được trợ giúp. Các nhà tài trợ cũng có thể ở vào vị trí thích hợp để khuyến khích hoặc thậm chí yêu cầu các tổ chức thực thi phải điều hòa được các cách thực hiện, vì lợi ích của các cộng đồng chịu tác động của thảm họa.

Tiêu chuẩn chung 4: Xác định nhóm được trợ giúp

Cứu trợ dành cho vật nuôi phải được thực hiện một cách công bằng và vô tư, dựa trên việc sử dụng và nhu cầu của những người sử dụng vật nuôi khác nhau theo nhóm kinh tế xã hội.

Các tiêu chí chính

- Các tiêu chí xác định nhóm được trợ giúp phải dựa trên sự hiểu biết về việc sử dụng vật nuôi trên thực tế và tiềm năng của các nhóm dễ bị tổn thương, và các tiêu chí phải được xác định rõ ràng và phổ biến rộng (xem chú thích 1).
- Cơ chế xác định và việc lựa chọn trên thực tế các nhóm được trợ giúp được thống nhất với các cộng đồng, trong đó có đại diện của các nhóm dễ bị tổn thương (xem chú thích 2).

Chú thích

1. **Tiêu chí xác định nhóm được trợ giúp:** việc đặt ra các tiêu chí cần có sự tham gia của đại diện từ các cộng đồng và cần tiếp nhận thông tin từ kiến thức sẵn có của các nhóm dễ bị tổn thương, những thông tin mà nhân viên của tổ chức cứu trợ đã thu thập được trong quá trình đánh giá ban đầu. Trong những cộng đồng phụ thuộc nhiều vào vật nuôi, thường có các hệ thống cứu trợ xã hội tại địa phương nhằm giúp đỡ các cá nhân hoặc nhóm dễ bị tổn thương theo những tiêu chí của địa phương về điều kiện kinh tế, giới và quan hệ xã hội. Khi thích hợp và khả thi, các nhóm cộng đồng địa phương có thể góp phần xây dựng một hệ thống xác định nhóm được trợ giúp dựa trên các cách tiếp cận đặc

thù này.

2. **Cơ chế xác định nhóm được trợ giúp:** để đảm bảo tính minh bạch và vô tư trong quá trình lựa chọn nhóm được trợ giúp, một cơ chế xác định cần được thống nhất giữa đại diện của cộng đồng lớn hơn và/ hoặc các nhóm dễ bị tổn thương cụ thể. Các cơ chế có thể đa dạng để phù hợp với từng địa phương, nhưng có thể bao gồm những buổi họp công khai, trong đó các tiêu chí xác định nhóm được trợ giúp được giải trình và quá trình lựa chọn thực tế được tiến hành. Trong các cộng đồng khác, việc lựa chọn công khai có thể không thích hợp vì những lý do văn hóa và xã hội. Dù áp dụng cơ chế nào, quá trình xác định nhóm được trợ giúp cũng cần được giải thích rõ ràng và cộng đồng được trợ giúp cần được kiểm soát tối đa để tránh những quan ngại về việc phân bổ lợi ích không đồng đều và để bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Tiêu chuẩn chung 5: Giám sát & đánh giá, và tác động tới sinh kế

Việc giám sát, đánh giá và phân tích tác động đối với sinh kế cần được tiến hành để kiểm tra và điều chỉnh việc thực thi khi cần thiết, cũng như rút ra bài học cho các chương trình trong tương lai.

Các tiêu chí chính

- Một hệ thống giám sát & đánh giá phải được thiết lập càng sớm càng tốt trong quá trình thực thi (xem chú thích 1).
- Các hệ thống giám sát & đánh giá phải dựa trên sự tham gia tối đa đến mức có thể và thích hợp của các cộng đồng được trợ giúp (xem chú thích 2).
- Việc giám sát được thực hiện với tần suất vừa đủ, sao cho có thể nhanh chóng phát hiện ra những thay đổi và điều chỉnh cần thiết trong quá trình thực thi (xem chú thích 3).
- Hệ thống giám sát kết hợp được các chỉ số tiến bộ kỹ thuật và các chỉ số tác động được xác định bởi các nhóm được trợ giúp; các chỉ số tác động do nhóm được trợ giúp và nhân viên của tổ chức cứu trợ cùng xác định (xem chú thích 4).
- Đánh giá được tiến hành có đối chiếu với những mục tiêu dự án đã đặt ra, và kết hợp đưa ra các chỉ số kỹ thuật và các chỉ số do cộng đồng xác định (xem chú thích 4).
- Tác động được đánh giá theo những thay đổi về sinh kế của các cộng đồng chịu ảnh hưởng (xem chú thích 5).
- Khi nhiều tổ chức cùng tham gia cứu trợ vật nuôi, các hệ thống giám sát & đánh giá được chuẩn hóa để cho phép xác định được những tiến bộ và tác động của toàn chương trình;

các báo cáo giám sát & đánh giá được công bố cho các bên liên quan, trong đó có các nhóm cộng đồng và các tổ chức điều phối (xem chú thích 6).

- Các hệ thống giám sát & đánh giá tạo điều kiện học hỏi cho tất cả các bên (xem chú thích 7).

Chú thích

1. **Giám sát và đánh giá** là một ưu tiên: cho đến nay, chưa có nhiều thông tin về tác động đối với sinh kế của con người từ nhiều hoạt động cứu trợ vật nuôi, mà được thực hiện như một trong các hoạt động cứu trợ nhân đạo trong vài thập kỷ gần đây. Một lý do là việc giám sát và đánh giá các dự án cứu trợ vật nuôi thường không được quan tâm đầy đủ trong bước thiết kế dự án, được tiến hành sơ sài hoặc không được cấp vốn thích hợp. Dù những tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh có thể không chú ý đến việc giám sát và đánh giá trong giai đoạn lập kế hoạch cho hoạt động cứu trợ, nhưng nhiều hoạt động cứu trợ vật nuôi lại liên quan đến các khủng hoảng khởi phát chậm hoặc các tình trạng khẩn cấp phức tạp. Trong những tình huống này, thường có đủ thời gian để giám sát và đánh giá hoạt động cứu trợ. Cơ sở cho hoạt động giám sát và đánh giá có thể sẵn có từ nguồn tài liệu lưu trữ (chẳng hạn như các đánh giá khả năng bị tổn thương) hoặc có thể được xây dựng qua phân tích hồi cứu sử dụng các công cụ điều tra có sự tham gia của cộng đồng. Các danh mục giám sát và đánh giá được nêu trong phụ lục của mỗi chương sau đây.
2. **Giám sát và đánh giá có sự tham gia của cộng đồng:** theo tiêu chuẩn chung về sự tham gia của cộng đồng, quá trình giám sát và đánh giá hoạt động cứu trợ vật nuôi cần có sự tham gia tối đa đến mức có thể của cộng đồng. Tuy các hệ thống giám sát có sự tham gia trọn vẹn có thể không khả thi trong bối cảnh khẩn cấp, nhưng sự tham gia vào quá trình đánh giá và đánh giá tác động là hết sức quan trọng để nâng cao trách nhiệm giải trình và bảo đảm thu thập được dữ liệu có chất lượng, do người sử dụng vật nuôi được ở vào vị trí thuận lợi để quan sát tác động của hoạt động cứu trợ qua một khoảng thời gian.
3. **Giám sát:** giám sát là một công cụ quản lý quan trọng để cứu trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp, dù nó thường chỉ là một trong những phần ít đắc lực nhất. Nó cho phép các tổ chức theo dõi việc thực thi và chi tiêu dựa trên các mục tiêu và kế hoạch làm việc, đồng thời cũng bảo đảm xác định kịp thời những thay đổi về nhu cầu hoặc bối cảnh hoạt động để cải thiện hiệu quả. Ví dụ, trong công tác giảm đàn (dù là giảm đàn nhanh hoặc giảm đàn bằng phương pháp giết mổ), cần giám sát giá cả vật nuôi để bảo đảm rằng việc giảm đàn không làm tăng khả năng bị tổn thương. Trong giám sát cung ứng các dịch vụ

thú y, có thể áp dụng một cách hiệu quả các chỉ số y tế của con người được công nhận rộng rãi là: *khả năng tiếp cận*, *tính sẵn có*, *có thể chi trả được*, *được chấp nhận* và *chất lượng*. Các hệ thống giám sát như vậy cần bao gồm thông tin về tỉ lệ bệnh tật của vật nuôi và do đó góp phần cảnh báo dịch bệnh. Những cứu trợ liên quan đến khả năng cung cấp vật nuôi cần có cơ sở và các hệ thống đánh giá chi tiết để đánh giá được sự tăng trưởng và phát triển của đàn vật nuôi, nhằm phân tích các tác động. Dữ liệu giám sát tổng hợp là rất cần thiết cho trách nhiệm giải trình với cấp trên (các nhà tài trợ, chính phủ) và cấp dưới (các cộng đồng được trợ giúp và các tổ chức). Dữ liệu đó cũng hữu ích cho quá trình đánh giá.

4. **Chỉ số giám sát và đánh giá tại địa phương:** những cách tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng vào quá trình giám sát và đánh giá có thể sử dụng các chỉ số của chính người dân địa phương về các lợi ích từ vật nuôi. Khi kết hợp với dữ liệu giám sát về hoạt động dự án, có thể hình dung được một bức tranh chính xác về tác động của dự án.
5. **Tác động đối với sinh kế:** khi tiến hành đánh giá các cứu trợ vật nuôi khẩn cấp, thường chỉ xác định được việc thực hiện các hoạt động và tiến độ so với mục tiêu, bỏ qua tác động lên tài sản vật nuôi và do đó bỏ qua tác động đối với sinh kế. Nếu các mục tiêu đã nêu của dự án không bao gồm những thay đổi đối với sinh kế của con người, hoạt động đánh giá có thể không chú trọng đến tác động của dự án đối với sinh kế. Những tác động đó có thể bao gồm việc tiêu thụ thực phẩm từ vật nuôi của các nhóm dễ bị tổn thương, sử dụng thu nhập từ việc bán vật nuôi hoặc sản phẩm từ vật nuôi, lợi ích từ việc sử dụng vật nuôi cho sức kéo, hoặc các lợi ích xã hội như quà tặng hoặc cho vay bằng vật nuôi. Đánh giá tác động phải hiểu được vai trò của dự án trong việc làm gia tăng hoặc giảm các lợi ích này. Các phương pháp có sự tham gia của cộng đồng cho đánh giá tác động có thể góp phần bảo đảm kết quả có chất lượng cũng như làm tăng kiến thức và sự tham gia của nhóm được trợ giúp trong quá trình thiết kế dự án sau này.
6. **Các cách tiếp cận được điều phối:** đối với những chương trình có liên quan đến các bên khác nhau, các cách tiếp cận được chuẩn hóa và điều phối đối với quá trình giám sát và đánh giá sẽ tạo điều kiện rút ra những bài học chung cho toàn bộ chương trình. Các cách tiếp cận chuẩn có thể dựa trên một loạt các mục tiêu, vấn đề hoặc câu hỏi căn bản, chung cho mọi tổ chức, đồng thời cho phép sử dụng linh hoạt các chỉ số do cộng đồng xác định tại các địa phương khác nhau.
7. **Học hỏi:** kinh nghiệm cho thấy trong các tình trạng khẩn cấp, các tổ chức thực thi thường lặp lại các lỗi đã có và thiếu sự học hỏi (xem ví dụ ProVention, 2007). Một cam kết về thời gian và nỗ lực của tất cả các bên đối với việc giám sát và đánh giá hiệu quả các cứu trợ khẩn cấp, và chia sẻ các bài học kinh nghiệm sẽ góp phần giải quyết được vấn đề này.

Các hệ thống giám sát và đánh giá cần được thiết kế sao cho có thể tạo điều kiện cho quá trình học hỏi, thông qua việc chia sẻ các nguồn tài liệu cũng như những phương pháp có thể hỗ trợ quá trình học hỏi và cứu trợ (ví dụ về đánh giá tức thời). Thông tin giám sát và đánh giá cũng có thể là nguồn dữ liệu hữu ích trong hỗ trợ các sáng kiến tuyên truyền để giải quyết những vấn đề về chính sách, cản trở việc thực hiện hiệu quả những cứu trợ khẩn cấp dựa trên sinh kế (xem Tiêu chuẩn chung 8 dưới đây).

Tiêu chuẩn chung 6: Hỗ trợ kỹ thuật và năng lực của tổ chức

Các nhân viên cứu trợ vật nuôi có trình độ, thái độ và kinh nghiệm phù hợp để lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá một cách hiệu quả các chương trình dựa trên sinh kế trong các bối cảnh khẩn cấp.

Các tiêu chí chính

- Các nhân viên cứu trợ vật nuôi có trình độ, kiến thức và kỹ năng chuyên môn phù hợp để thực hiện đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng và lập kế hoạch chung về hoạt động cứu trợ cùng với tất cả các phân nhóm dân cư và các nhóm dễ bị tổn thương có liên quan (xem chú thích 1).
- Các nhân viên cứu trợ vật nuôi phải hiểu rõ về nhân quyền và các nguyên tắc nhân đạo, và sự tương thích của những vấn đề này với các hoạt động cứu trợ vật nuôi (xem chú thích 2).
- Các nhân viên cứu trợ vật nuôi phải nắm được các nguyên tắc xây dựng chương trình dựa trên sinh kế (xem chú thích 2).

Chú thích

1. **Kỹ năng và trình độ chuyên môn:** sự chuyên nghiệp và hiệu quả làm việc của các nhân viên cứu trợ vật nuôi phụ thuộc vào việc kết hợp một cách hợp lý kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm, thái độ và kỹ năng giao tiếp. Nhìn chung, những người quản lý chương trình hoặc các giám đốc quốc gia có thể hiểu biết rất rộng về ứng phó với thảm họa, nhưng lại hiểu tương đối ít về vật nuôi. Điều này ngược lại với các chuyên gia về vật nuôi như bác sĩ thú y hay những nhà động vật học, những người có kiến thức chuyên ngành về vật nuôi, nhưng không nhất thiết phải có những kỹ năng như khả năng đánh giá sự tham gia của cộng đồng, thiết kế dự án, hoặc xây dựng chương trình dựa trên sinh kế.

Kinh nghiệm thực địa với các cộng đồng dễ bị tổn thương là yếu tố quyết định chính đến khả năng của một cá nhân làm việc với cộng đồng và đưa ra những hoạt động cứu trợ phù hợp. Đối với các nhân viên cứu trợ vật nuôi, đào tạo các phương pháp tham gia để thiết kế chương trình, thực thi, giám sát và đánh giá cần phải là một hình thức chuẩn để phát triển chuyên môn.

2. **Các phương pháp tiếp cận sinh kế và dựa trên quyền:** sự phù hợp của các hoạt động cứu trợ vật nuôi cần phải được hiểu trong bối cảnh nhân quyền và bảo vệ con người, do đó các nhân viên cứu trợ vật nuôi cần nhận thức đầy đủ về các phương pháp tiếp cận dựa trên quyền đối với cứu trợ nhân đạo và các nguyên tắc nhân đạo. Ngoài ra, họ cần nắm được việc xây dựng chương trình dựa trên sinh kế. Tất cả các yêu cầu về kiến thức cần phải được đáp ứng qua các khóa tập huấn ngắn hạn trước khi thảm họa xảy ra.

Tiêu chuẩn chung 7: Chuẩn bị sẵn sàng

Các cứu trợ khẩn cấp được dựa trên những nguyên tắc giảm thiểu rủi ro thiên tai, bao gồm sự chuẩn bị sẵn sàng, lập kế hoạch dự phòng và cứu trợ sớm.

Các tiêu chí chính

- Việc giảm thiểu rủi ro thiên tai cung cấp thông tin và là một phần của quá trình lập kế hoạch khẩn cấp và thực thi (xem chú thích 1).
- Các tổ chức có chương trình phát triển dài hạn tiến hành báo cáo thường xuyên về các thiên tai đã xảy ra tại địa bàn hoạt động, về loại thiên tai, tần suất, mức độ nghiêm trọng và các bài học, nếu có, rút từ quá trình ứng phó với thảm họa (xem chú thích 2).
- Dựa trên những thông tin này, các tổ chức lập kế hoạch dự phòng để ứng phó với thảm họa với các nguyên nhân được xác định rõ ràng và biện pháp kế tiếp để cung cấp vốn và các nguồn lực khác (xem chú thích 2).
- Các kế hoạch dự phòng phải tính đến việc mua sắm của tổ chức và các quy trình hành chính cũng như bất cứ trở ngại nào đối với những cứu trợ khẩn cấp tiềm ẩn trong tương lai (xem chú thích 3).
- Các kế hoạch dự phòng cho hạn hán cần dựa trên các nguyên tắc quản lý chu kỳ hạn hán và ứng phó sớm, với chuỗi các hoạt động cứu trợ thích hợp (xem chú thích 4).
- Các cộng đồng được khuyến khích chuẩn bị sẵn sàng cho những tình trạng khẩn cấp có thể xảy ra trong tương lai (cả khởi phát nhanh và khởi phát chậm) (xem chú thích 5).

- Mỗi kế hoạch cứu trợ khẩn cấp cần đi kèm một chiến lược rút lui có liên hệ với khả năng phục hồi sau thảm họa và sự hỗ trợ dài hạn dành cho sinh kế (xem chú thích 6).

Chú thích

1. **Giảm thiểu rủi ro thiên tai:** nhu cầu cần lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai vào quá trình lập kế hoạch phát triển và thực thi dài hạn ngày càng được công nhận. Điều này có thể thấy qua hình thức lập kế hoạch dự phòng của các tổ chức và/ hoặc cộng đồng (đặt sang một bên các nguồn vốn và kế hoạch mở rộng quy mô hoạt động khẩn cấp trong trường hợp xảy ra thảm họa), hoặc các hoạt động chuẩn bị sẵn sàng để giảm tác động của các thảm họa trong tương lai.
2. **Lập kế hoạch và hành động dự phòng:** tại các vùng bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng liên tiếp như hạn hán hoặc lụt lội, các kế hoạch dự phòng tạo điều kiện để ứng phó sớm và nhanh chóng. Kinh nghiệm cho thấy ứng phó sớm trước hạn hán là một trong những yếu tố quyết định chính tác động vào sinh kế. Thậm chí trong các tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh, có thể đưa ra ít nhiều cảnh báo (ví dụ cảnh báo động đất hoặc lũ lụt), từ đó cho phép tiến hành các kế hoạch đã được chuẩn bị. Nhiều trong phần lớn các trường hợp cứu trợ vật nuôi hiệu quả trong hoàn cảnh khẩn cấp đã được tiến hành bởi các tổ chức cứu trợ với kinh nghiệm phát triển dài hạn tại một khu vực cụ thể, dựa trên các kế hoạch ứng phó thiên tai được lồng ghép với các chương trình phát triển. Những kế hoạch đó tiếp nhận thông tin về các khủng hoảng đã xảy ra và hình thức ứng phó có thể được tiến hành trong điều kiện đã biết về cách hoạt động và cấp vốn. Điều quan trọng là các kế hoạch dự phòng được xây dựng cùng với các đối tác tại địa phương và bao gồm những nguyên nhân cụ thể, rõ ràng và đã thống nhất để thúc đẩy hành động và giải ngân các nguồn vốn dự phòng (xem Nghiên cứu 3.3 trong Chương Nghiên cứu Tình huống). Mối liên hệ với các hệ thống cảnh báo sớm là tối quan trọng để hỗ trợ quá trình này.
3. **Tổ chức hành chính và mua sắm:** dù đã lập các kế hoạch dự phòng, trong quá trình thực hiện, một số tổ chức phải đối mặt với những rào cản tài chính và hành chính ngoài dự liệu trong chính tổ chức của họ (ví dụ việc mua sắm hoặc các hạn chế về hợp đồng). Việc cứu trợ vật nuôi khẩn cấp dựa trên sinh kế có thể cần phải nhanh chóng mua mới những mặt hàng như số lượng lớn thức ăn dành cho vật nuôi, hoặc hợp đồng với các đơn vị tư nhân như các công ty vận tải, người cung cấp thức ăn hoặc cán bộ thú y. Các tổ chức cần nhìn nhận các thủ tục hành chính từ góc độ nhu cầu về tính linh hoạt và nhanh chóng đưa ra quyết định để ứng phó khẩn cấp, để bảo đảm rằng những ứng phó trong tương lai cũng khả thi về mặt hành chính.

4. **Quản lý chu kỳ hạn hán:** dù hạn hán thường được mô tả là tình trạng khẩn cấp, nhưng quan điểm về sinh kế cho rằng hạn hán cũng có thể được nhìn nhận là một sự kiện bình thường và có thể dự đoán được tại nhiều khu vực đất khô cằn. Việc quản lý chu kỳ hạn hán cần dùng đến các chỉ số cụ thể để dẫn đến những ứng phó khác nhau và tạo điều kiện kết hợp các hoạt động cứu trợ phù hợp với các giai đoạn hạn hán khác nhau (xem phần Chú giải thuật ngữ về các giai đoạn của quá trình quản lý chu kỳ hạn hán). Cách tiếp cận này tạo điều kiện để ứng phó sớm và kịp thời với hạn hán, điều này ngày càng được ghi nhận là đạt được tỉ lệ chi phí – lợi ích cao hơn cho người sở hữu vật nuôi, so với các cách cứu trợ sau đó (ví dụ giảm đàn vật nuôi so với cung cấp thức ăn chăn nuôi hoặc tái lập đàn sau đó).
5. **Sự chuẩn bị sẵn sàng của cộng đồng:** các tổ chức làm việc lâu dài với cộng đồng cần khuyến khích sự sẵn sàng từ cộng đồng để chuẩn bị cho những tình trạng khẩn cấp trong tương lai, dù là khởi phát nhanh hay chậm. Điều này có thể bao gồm như chỗ ở (ví dụ chỗ ở chống chịu được động đất dành cho vật nuôi – xem Chương 8), ngân hàng thức ăn cho vật nuôi (xem Chương 6), chiến dịch tiêm chủng cho động vật (xem Chương 5) hoặc phát triển cơ hội thị trường cho vật nuôi (xem Chương 4).
6. **Các chiến lược rút lui:** thông thường, các ứng phó khẩn cấp được lập kế hoạch và thực hiện mà không có một chiến lược rõ ràng để giảm dần hoặc liên hệ với các sáng kiến phát triển dài hạn. Việc đột ngột chấm dứt các hoạt động do hết vốn tài trợ cho tình trạng khẩn cấp (ví dụ nếu khủng hoảng được cho là đã kết thúc) có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực đến mức đáng lo ngại cho các cộng đồng được trợ giúp. Từ quan điểm sinh kế, các hoạt động cứu trợ khẩn cấp trong giai đoạn phục hồi cần theo kế hoạch sao cho có thể lồng ghép được vào các hoạt động hỗ trợ sinh kế dài hạn và bền vững được chính tổ chức cứu trợ hoặc các bên khác thực hiện.

Tiêu chuẩn chung 8: Tuyên truyền Vận động và Chính sách

Khi có thể, cần xác định và xử lý những rào cản chính sách đối với việc thực hiện hoạt động cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ cho sinh kế của các cộng đồng chịu tác động của thảm họa.

Các tiêu chí chính

- Phải xác định những khó khăn về chính sách ảnh hưởng đến việc bảo vệ, sử dụng hoặc xây dựng lại tài sản vật nuôi (xem chú thích 1).

- Cùng với các bên khác, và phù hợp với bối cảnh, khó khăn về chính sách cần được giải quyết thông qua tuyên truyền hoặc các hoạt động khác ở các cấp tương ứng (địa phương, quốc gia, khu vực, quốc tế) (xem chú thích 2).
- Phân tích chính sách và hoạt động cần cân nhắc những nguyên nhân sâu xa của khả năng bị tổn thương trước thảm họa (xem chú thích 3).
- Các hệ thống giám sát & đánh giá đưa ra bằng chứng góp phần trực tiếp vào các đối thoại và vận động chính trị (xem chú thích 4).

Chú thích

1. **Phân tích các khó khăn về chính sách:** danh mục phân tích tình huống (xem Chương 2, Phụ lục 2.1) bao gồm các câu hỏi về hoàn cảnh chính sách có thể tác động đến việc thực hiện cứu trợ vật nuôi khẩn cấp, ví dụ các quy định hạn chế về việc di chuyển đàn vật nuôi hoặc cấm xuất khẩu, luật giết mổ, quy định về giấy phép, chính sách thuế, sự điều phối không hiệu quả của các tổ chức cứu trợ, đưa người hoặc vật nuôi qua biên giới, chính sách quốc gia về quản lý thảm họa, và chính sách tổ chức hoạt động của các đối tác chính. Những khó khăn về chính sách có khả năng sẽ làm chậm quá trình triển khai hoạt động cứu trợ khẩn cấp dựa trên sinh kế hoặc hạn chế hiệu quả và tác động. Ví dụ, quy định hạn chế về xuất khẩu vật nuôi từ vùng Sừng Châu Phi tới Trung Đông đã cản trở nghiêm trọng tiềm năng của các sáng kiến dựa trên thị trường đối với các chủ vật nuôi tại Ethiopia và Somalia. Điều quan trọng là những khó khăn về chính sách này được đánh giá ở các giai đoạn đầu của quá trình cứu trợ khẩn cấp, trước hết để bảo đảm rằng các hoạt động cứu trợ theo kế hoạch là thực tế và khả thi, thứ hai là để xác định những vấn đề có khả năng sẽ được giải quyết bởi các tổ chức và các bên liên quan.
2. **Tuyên truyền các vấn đề về chính sách:** ngày càng có sự quan tâm đến công tác tuyên truyền như là một hình thức ứng phó khẩn cấp thích hợp, đặc biệt khi ngày càng có nhiều tổ chức áp dụng cách tiếp cận dựa trên quyền đối với tình trạng khẩn cấp và công tác phát triển. Tuy nhiên, khả năng giải quyết những vấn đề này, đại diện cho hoặc phối hợp với các cộng đồng chịu tác động của thảm họa, lại phụ thuộc vào bối cảnh hoạt động. Trong một số tình trạng khẩn cấp do xung đột, các trở ngại về chính sách có thể là kết quả của một chiến lược cương quyết của chính phủ hoặc các tổ chức điều hành để gây áp lực lên các cộng đồng, các nhóm chống đối hoặc những người được cho là phe đối lập. Trong những trường hợp đó, việc vận động chính phủ có thể không hiệu quả và thậm chí còn gây nguy hiểm cho những người đề xuất. Khi tuyên truyền vận động chính sách, sự điều phối giữa các bên khác nhau (nhà tài trợ, các tổ chức thực thi trong nước và quốc tế, xã

hội dân sự) là hết sức quan trọng.

3. **Nguyên nhân sâu xa:** tuyên truyền để hỗ trợ sinh kế cho những người sở hữu vật nuôi không chỉ là một hoạt động khẩn cấp mà còn cần giải quyết các yếu tố về thể chế và chính trị dài hạn có thể gây ra hoặc làm tăng khả năng bị tổn thương trước thảm họa. Điều này tạo ra mối liên kết giữa cứu trợ khẩn cấp, phát triển dài hạn và sáng kiến chính sách cần thiết để quản lý thảm họa và hỗ trợ sinh kế một cách hiệu quả.
4. **Bằng chứng giám sát & đánh giá:** một trong những công dụng của thông tin giám sát và đánh giá có thể là cung cấp thông tin về tuyên truyền vận động và các sáng kiến chính sách nhằm hỗ trợ các hoạt động cứu trợ khẩn cấp dựa trên sinh kế. Do đó các hệ thống giám sát và đánh giá cần được thiết kế sẵn với công dụng tiềm năng.

Tài liệu tham khảo

ALNAP (2003) *Báo cáo Thường niên ALNAP 2003 về Hành động Nhân đạo: Cải thiện Công tác Giám sát để Nâng cao Trách nhiệm Giải trình và Khả năng Học hỏi*, ALNAP, Luân đôn, www.alnap.org/publications/rha.htm

ALNAP (2006) *Báo cáo Hành động Nhân đạo: Sử dụng Biện pháp Đánh giá*, ALNAP, Luân đôn, www.alnap.org/publications/rha.htm

Benson, C. và J. Twigg, với T. Rossetto (2007) *Công cụ để Định hướng Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai: Chú thích cho các Tổ chức Phát triển,* ProVention Consortium, Tulane University, New Orleans.

Catley, A., T. Leyland, và S. Bishop (2008) 'Chính sách, Hoạt động và sự Tham gia vào các Khủng hoảng Kéo dài: Trường hợp Cứu trợ Vật nuôi tại Nam Sudan', trong L. Alinovi, G. Hemrich và L. Russo (biên tập) *Hơn cả Cứu trợ: An ninh Lương thực trong các Khủng hoảng Kéo dài*, Practical Action Publishing, Rugby.

Gosling, L. và M. Edwards (2003) *Bộ công cụ: Hướng dẫn Thực hành lập Kế hoạch, Giám sát, Đánh giá, và Đánh giá Tác động*, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em, Luân đôn.

Hallam, A. (1998) *Đánh giá các Chương trình Cứu trợ Nhân đạo trong các Tình huống Khẩn cấp Phức tạp*, Báo cáo thành tích tốt Số 7, Viện Phát triển Quốc tế, Mạng lưới Hoạt động Nhân đạo, Luân đôn, www.odihpn.org/documents/gpr7. pdf

HAP (2007) *Tiêu chuẩn trong Trách nhiệm Giải trình Nhân đạo và Quản lý Chất lượng*, Hợp tác Trách nhiệm Giải trình Nhân đạo Quốc tế, Geneva, www.hapinternational.org

Herson, M. và J. Mitchell (không có ngày) *Đánh giá Tức thời: Giá trị nằm ở đâu?*, Mạng lưới Hoạt động Nhân đạo, Viện Phát triển Quốc tế, Luân đôn, www.odihpn.org/report.asp?id=2772

Oxfam (2007) *Tính toán Tác động và Trách nhiệm Giải trình trong Tình trạng Khẩn cấp: Bản hướng dẫn*, Oxfam, Oxford.

ProVention Consortium (2007) *Tài liệu nguồn về Giám sát và Đánh giá,* ProVention Consortium, Geneva, www.proventionconsortium.org/?pageid=61

Roche, R. (1999) *Đánh giá Tác động cho các Tổ chức Phát triển: Học cách thay đổi giá trị*, Oxfam, Oxford.

Sandison, P. (2003) *Báo cáo Kinh nghiệm Đánh giá Tức thời*, Báo cáo đánh giá, UNICEF, New York, www.unicef.org/evaldatabase/files/ FINAL_Desk_Review_TRE.pdf

Wood, A., R. Apthorpe và J. Borton (biên tập) (2001) *Đánh giá Hành động Nhân đạo quốc tế: Phản ánh từ chuyên gia,* Zed Books/ALNAP, Luân đôn.

Photo credit: Kelly Lynch/Save the Children, USA

CHƯƠNG 4

Các tiêu chuẩn tối thiểu đối với việc giảm đàn vật nuôi

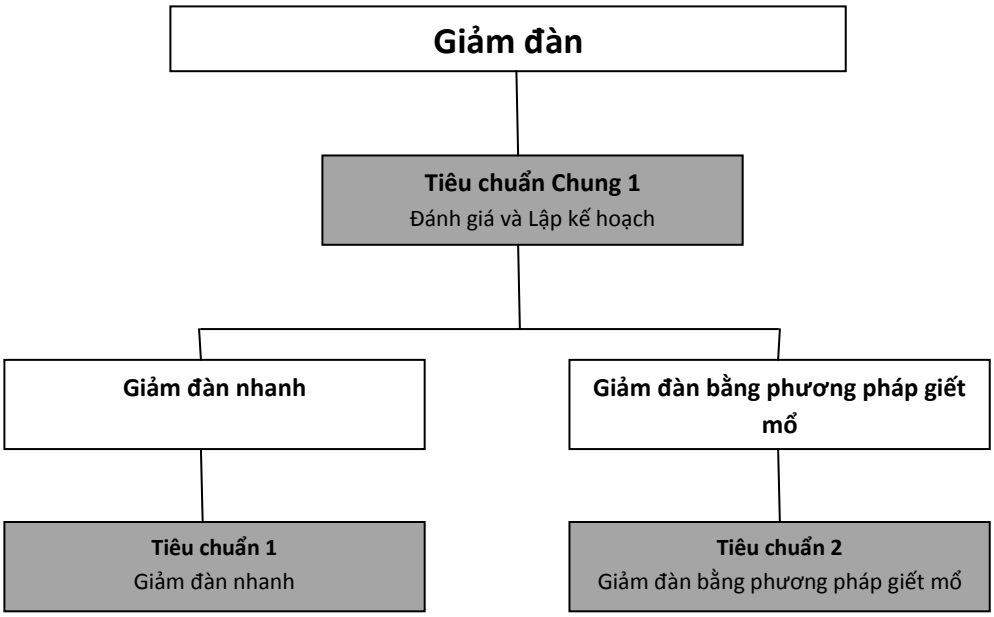
Giảm đàn
Tiêu chuẩn Chung 1
Đánh giá và Lập kế hoạch
Giảm đàn nhanh
Giảm đàn bằng phương pháp giết mổ
Tiêu chuẩn 1
Giảm đàn nhanh
Tiêu chuẩn 2
Giảm đàn bằng phương pháp giết mổ

Giới thiệu

Liên hệ với các mục tiêu sinh kế của LEGS

Các hoạt động giảm đàn vật nuôi liên quan tới mục tiêu sinh kế LEGS đầu tiên, đó là nhanh chóng hỗ trợ các nhóm cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng thông qua các hoạt động cứu trợ vật nuôi. Giảm đàn vật nuôi cũng góp phần thực hiện mục tiêu LEGS thứ hai, đó là bảo vệ tài sản vật nuôi quan trọng của các nhóm cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng sao cho số vật nuôi còn lại có cơ hội sống sót cao hơn và khoản tiền nhận được từ việc giảm đàn thường sẽ được trích dùng để tái đầu tư vào công tác y tế và cung cấp nước cùng thức ăn cho số vật nuôi còn lại.

Tầm quan trọng của viêc giảm đàn để ứng phó với thảm họa

Khi xảy ra thảm họa, dù vật nuôi thường dễ bị chết nhưng vẫn có thể là tài sản tiềm năng của người chủ nếu có những hành động kịp thời. Như vậy, vật nuôi sẽ có thể được quy đổi thành tiền mặt hoặc thịt tùy theo các giải pháp giảm đàn. Phương pháp này giúp giảm áp lực lên nguồn tài nguyên thiên nhiên vì lợi ích của số vật nuôi còn lại và cung cấp nguồn thực phẩm trực tiếp hoặc gián tiếp cho các gia đình chịu tác động của khủng hoảng. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, một kế hoạch giảm đàn đều có các yếu tố hoạt động phức tạp trong đó thời điểm cứu trợ phù hợp cùng với việc xác định các giai đoạn của tình trạng khẩn cấp là một trong những yếu tố quan trọng nhất.

Biện pháp giảm đàn vật nuôi thường được áp dụng trong các tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm hơn là trong các thảm họa khởi phát nhanh do vật nuôi thường hoặc bị chết hoặc sống sót (chứ không có tình trạng suy yếu dần) và một khi thảm họa đã xảy ra thì nhìn chung là tương đối muộn để thực hiện bất kỳ hình thức giảm đàn nào. Tuy nhiên, trong các tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm như hạn hán thì giảm đàn có thể là một biện pháp hỗ trợ kịp thời tốt đối với các gia đình bị ảnh hưởng và cũng giúp họ bảo vệ được tài sản vật nuôi còn lại.

Các phương thức giảm đàn

Chương này tập trung vào hai phương thức giảm đàn: giảm nhanh đàn vật nuôi (giảm đàn bằng cách mua hết đàn vật nuôi trước khi chúng bị chết) và giảm đàn bằng cách giết mổ.

Phương thức giảm đàn nhanh

Phương thức giảm đàn nhanh là phương pháp hỗ trợ những người mua bán và xuất khẩu vật nuôi mua hết số vật nuôi trước khi chúng chết. Phương pháp này đem lại tiền cho cộng đồng chịu tác động (số tiền này có thể để giải quyết nhu cầu trước mắt như thực phẩm, và cũng có thể để tái đầu tư vào số vật nuôi còn lại) và giúp thúc đẩy mạng lưới thị trường giữa người mua vật nuôi và chủ vật nuôi, đem lại những lợi ích lâu dài tiềm năng. So với các phương pháp khác thì phương pháp này có khả năng giảm nhanh một lượng lớn vật nuôi so với mức tiền phải đầu tư.

Các hình thức hỗ trợ người mua vật nuôi gồm: thúc đẩy mạng lưới, các đầu mối và thông tin; điều phối tín dụng; cho vay ngắn hạn; và đôi khi có trợ cấp vận chuyển. Hình thức đầu tiên - thúc đẩy mạng lưới - là hình thức cứu trợ đơn giản nhất, và do đó có tính bền vững nhất về lâu dài. Điều phối tín dụng và cho vay ngắn hạn có thể thực hiện đồng thời để đẩy nhanh quá trình giảm đàn, đặc biệt trong các giai đoạn đầu. Trợ cấp vận chuyển là hình thức còn gây nhiều tranh cãi vì những quan ngại về giám sát và trách nhiệm giải trình cũng như mâu thuẫn tiềm ẩn với việc thúc đẩy các hoạt động thị trường bền vững có thể duy trì trong tình trạng khẩn cấp nhất định và tiếp tục hỗ trợ cho sinh kế của chủ đàn vật nuôi. Mặc dù phương pháp giảm đàn nhanh thường do những người mua vật nuôi tư nhân thực hiện nhưng một số cơ quan hỗ trợ như các tổ chức phi chính phủ cũng tham gia vào hoạt động này, đặc biệt khi họ lo sợ rằng có thể giá thị trường sẽ sụt giảm nhiều, nhằm duy trì mức giá phù hợp để có thể hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn. Trước kia, một số chính phủ cũng đã thực hiện phương pháp giảm đàn nhanh bằng cách trợ cấp thu mua vật nuôi bị giết mổ tại các lò mổ của nhà nước. Tuy nhiên, việc này hiện giờ không còn phổ biến nữa.

Phương thức giảm đàn bằng cách giết mổ

Khác với phương thức giảm đàn nhanh, phương thức giảm đàn bằng cách giết mổ được thực hiện bởi các tổ chức bên ngoài hoặc chính phủ thay vì những người mua bán vật nuôi tư nhân. Phương thức này bao gồm cả việc thu mua và giết mổ các vật nuôi có nguy cơ bị chết do hạn hán, phục vụ cho việc phân phối thịt khô hoặc tươi cho các cộng đồng chịu tác động. Phương pháp này giảm áp lực địa phương về cỏ và nước uống cho số vật nuôi còn lại, giúp chủ vật nuôi chuyển đổi được một phần tài sản vật nuôi ít giá trị thị trường thành tiền mặt, và cung cấp nguồn thực phẩm trực tiếp cho các gia đình chịu tác động dưới hình thức thịt tươi hoặc khô. Phương pháp giảm đàn bằng cách giết mổ là phương pháp một tổ chức bên ngoài thu mua vật nuôi đang trong tình trạng xấu. Số vật nuôi này sau đó sẽ được giết mổ và thịt của chúng hoặc sẽ được phân phối dưới dạng thịt tươi hoặc dạng chế biến (muối, luộc hoặc sấy) và được bảo quản để phân phối định kỳ như một dạng thực phẩm cứu trợ bổ sung. Cần lên kế hoạch đầy đủ để hiểu về những nhóm được trợ giúp - bao gồm

cả những người đủ tiêu chuẩn để bán vật nuôi và những người đủ tiêu chuẩn để được phân phối thịt, và để đảm bảo việc giết mổ phù hợp với chuẩn mực văn hóa và tín ngưỡng địa phương và các tiêu chuẩn đã được thống nhất.

Phương thức giết mổ để tiêu hủy

Phương thức thứ ba, ít phổ biến hơn, là phương thức thu mua vật nuôi sắp chết (và do đó không còn khả năng bán hoặc để làm thực phẩm) để giết mổ và tiêu hủy. Cũng giống như phương thức giảm đàn nhanh, phương thức cứu trợ này giúp chủ vật nuôi thu được một khoản tiền mặt đổi lấy tài sản vật nuôi của họ. Điểm khác biệt giữa hai phương thức này là biện pháp giết mổ tiêu hủy về lâu dài sẽ không được áp dụng phổ biến và thường là giải pháp cuối cùng khi không còn cách nào khác. Phương thức này cũng có thể dùng để ứng phó với những tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh khi vật nuôi bị thương và không thể sống sót.

Ưu điểm, nhược điểm và các yêu cầu cơ bản của các phương thức trên được tổng kết trong Bảng 4.1.

Thời điểm cứu trợ

Việc lựa chọn phương thức giảm đàn thích hợp phụ thuộc chặt chẽ vào giai đoạn tình trạng khẩn cấp. Trong các giai đoạn cảnh báo và báo động sớm, trước khi tình trạng đàn vật nuôi sa sút nghiêm trọng thì phương thức giảm đàn nhanh vẫn có thể thực hiện được trên thị trường. Tuy nhiên, một khi đến giai đoạn báo động muộn hoặc khẩn cấp, tình trạng đàn vật nuôi đã sa sút đến mức người mua vật nuôi cũng không muốn thu mua, thì giảm đàn bằng giết mổ có thể là giải pháp duy nhất (xem Bảng 4.2).

Liên hệ với các chương khác

Giảm đàn vật nuôi tạo điều kiện cho những hộ gia đình gặp khó khăn có thể chuyển đổi một phần tài sản sinh kế có thể bị chết của họ thành tiền mặt. Một phần mục tiêu của hoạt động này, bên cạnh việc hỗ trợ nhanh chóng các gia đình chịu tác động, còn là giúp bảo vệ đàn vật nuôi còn lại, đặc biệt là đàn vật nuôi giống, và do đó tăng cơ hội sống sót của các vật nuôi khỏe mạnh tạo điều kiện để các gia đình có thể tái lập đàn vật nuôi. Vì vậy, nên xem xét nhiều phương thức cứu trợ nên được xem xét để hỗ trợ việc giảm đàn như một phần của phương pháp tiếp cận lồng ghép, cụ thể là việc cung cấp nước uống và thức ăn, và dịch vụ thú y cho vật nuôi (xem Chương 7,6 và 5). Những hoạt động này đều hỗ trợ số vật nuôi còn lại sau khi giảm đàn và thực sự có thể được thực hiện trong quá trình giảm đàn: ví dụ, những chủ vật nuôi tại Ê-ti-ô-pi-a hưởng lợi từ sáng kiến giảm đàn nhanh đã sử dụng hơn 36% thu nhập từ việc bán số vật nuôi còn lại, bao gồm việc chở vật nuôi

bằng xe tải tới những khu vực có cỏ tốt hơn (xem Nghiên cứu 4.1 trong chương Nghiên cứu Tình huống). Đối với những hộ rất nghèo chỉ còn lại một ít vật nuôi, việc giảm đàn có thể làm giảm tài sản vật nuôi của họ xuống tới mức mà họ có thể sẽ không thể tái lập được. Tuy nhiên, nếu đàn vật nuôi sẽ chết, ví dụ trong một trận hạn hán, thì giảm đàn có thể cứu trợ kịp thời những hộ này bằng tiền mặt hoặc thịt.

Trong những trường hợp chăn nuôi là yếu tố cơ bản của các biện pháp sinh kế, ví dụ như trong các cộng đồng chăn thả, biện pháp cứu trợ vật nuôi có thể sẽ cần được hỗ trợ bởi các hình thức không liên quan đến hoạt động này (ví dụ như cứu trợ thực phẩm) tuỳ theo số năm cần thiết để tái lập đàn vật nuôi và lại đạt được mức độ như trước khi diễn ra tình trạng khẩn cấp, ví dụ như sau hạn hán hoặc thảm hoạ tương tự. Sổ tay Sphere bao gồm những chỉ dẫn chi tiết về hình thức hỗ trợ này.

Bảng 4.1 Ưu điểm, nhược điểm và các yêu cầu cơ bản của các phương pháp giảm đàn

Phương thức	Ưu điểm	Nhược điểm	Yêu cầu cơ bản
Giảm đàn nhanh	• cung cấp tiền mặt cho các nhu cầu trước mắt và/hoặc tái đầu tư vào vật nuôi • xây dựng dựa trên các chiến lược sẵn có • giảm được số lượng lớn vật nuôi • chi phí tương đối thấp (phần lớn do người thu mua chịu) • ít phải quản lý • thúc đẩy mạng lưới thị trường lâu dài cho các lợi ích lâu dài cho các sinh kế tiềm năng trong tương lai	• phải được thực hiện trước khi đàn vật nuôi rơi vào tình trạng quá xấu • khó chủ động xác định nhóm dễ bị ảnh hưởng bởi thảm họa	• có người mua thu quan tâm có thị trường đầu mối hoặc xuất khẩu • cơ sở hạ tầng: đường xá, bãi giữ vật nuôi, thức ăn và nước uống, an ninh • chính sách ưu đãi đối với việc mua bán vật nuôi và tín dụng • chính sách ưu đãi nội bộ trong các cơ quan để liên kết khu vực tư nhân
Giảm đàn nhanh bằng phương pháp giết mổ: thịt tươi hoặc thịt khô	• cung cấp tiền mặt cho các nhu cầu trước mắt và/hoặc tái đầu tư, cũng như thực phẩm cứu trợ bổ sung • thịt tươi được ưa thích hơn trong nhiều nhóm cộng đồng so với thịt khô; thịt khô chứa nhiều protein hơn so với thịt	• mức độ quản lý và cứu trợ cao hơn so với phương pháp giảm đàn nhanh, chi phí cao hơn • tính bền vững lâu dài* thấp hơn • Khó quản lý hơn nếu phải giết mổ số lượng lớn	• các cơ quan địa phương có thể tổ chức, quản lý và giúp đỡ các nhóm được trợ giúp • diễn đàn phối hợp giữa các cơ quan thực hiện để thống nhất các phương pháp, đặc biệt là các chính sách giá • cơ quan thực hiện có

	tươi • cơ hội việc làm trong nhóm cộng đồng địa phương • thịt khô có thể được bảo quản việc phân phối sau này		năng lực tổ chức để quản lý • cơ sở hạ tầng cho việc giết mổ sẵn có hoặc có thể xây dựng được • chính sách y tế công thuận lợi • giết mổ và phân phối do cơ quan quản lý phù hợp với chuẩn mực văn hóa
Phương pháp giết mổ để tiêu hủy	• cung cấp tiền mặt cho các nhu cầu trước mắt và/hoặc tái đầu tư	• chủ vật nuôi được trả giá thấp cho số vật nuôi bị giết mổ • mức độ quản lý và cứu trợ cao • chi phí cao • không có thực phẩm cứu trợ hoặc các lợi ích lâu dài	• vật nuôi trong tình trạng nguy hiểm không thể bán được hoặc không còn giá trị thực phẩm • các tổ chức địa phương có khả năng tổ chức, quản lý và giúp đỡ các nhóm được trợ giúp • cơ sở vật chất cho việc giết mổ sẵn có hoặc có thể xây dựng được • chính sách y tế công thuận lợi

Lưu ý: * Việc tham gia chuẩn bị thịt khô và thịt tươi, da sống và da thuộc không những tạo cơ hội việc làm tạm thời mà còn giúp phát triển kỹ năng. Ví dụ, các nhóm phụ nữ ở Kê-ni-a tham gia vào việc giảm đàn đã học được kỹ năng kinh doanh và marketing cũng như có thêm các mối liên hệ và được khuyến khích tiếp tục việc kinh doanh sau khi chương trình đã kết thúc.

Bảng 4.2 Thời điểm thích hợp để cứu trợ vật nuôi bằng phương pháp giảm đàn

Phương pháp	**Khởi phát nhanh**			**Khởi phát chậm**			
	Ngay sau thảm họa	**Phục hồi sớm**	**Phục hồi**	**Cảnh báo**	**Báo động**	**Khẩn cấp**	**Phục hồi**
Giảm đàn nhanh	Nhìn chung không áp dụng được[1]			→			
Giảm đàn bằng giết mổ	Nhìn chung không áp dụng được				→	→	
Giết mổ tiêu hủy	→					→	

Khả năng bị tổn thương và năng lực của các nhóm cộng đồng chịu tác động của thảm họa

Xác định những nhóm dễ bị tổn thương nhất khi thực hiện giảm đàn thường gặp phải các thách thức, đặc biệt đối với phương pháp giảm đàn nhanh, do những người thu mua thường muốn tối đa hoá lợi nhuận và do đó có thể sẽ tránh các cộng đồng dễ bị tổn thương, hạn chế về giao thông, an ninh kém hoặc thiếu thức ăn, nước uống cho các bãi giữ vật nuôi. Các tổ chức bên ngoài có thể giảm bớt những ảnh hưởng tiêu cực này bằng cách: đưa ra các điều kiện đối với tín dụng hoặc trợ cấp; thúc đẩy và điều phối liên lạc với các cộng đồng dễ bị tổn thương hơn; giám sát và đánh giá khả năng tiếp cận tới các dịch vụ của các nhóm dễ bị tổn thương; đầu tư vào marketing trong các năm 'bình thường'; và bản thân các cộng đồng nên khích lệ các tổ chức địa phương để thúc đẩy và điều phối khả năng sử dụng chợ tạm của các nhóm và cá nhân.

Sự tham gia của cộng đồng vô cùng quan trọng trong việc xác định các hộ gia đình và cá nhân dễ bị tổn thương để có thể hình thành các nhóm cần trợ giúp. Đối với việc giảm đàn bằng phương pháp giết mổ, các nhóm này có những đặc điểm sau:

- Nhóm đầu tiên bao gồm những người *đủ tiêu chuẩn bán vật nuôi để giết mổ*. Các phương pháp giảm đàn có thể hướng tới các hộ gia đình dễ bị tổn thương (những hộ không có tài sản vật nuôi), đặc biệt là các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ, và các nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương hoặc bị tách biệt. Có thể tăng trợ giúp với nhóm này bằng cách xoay vòng các ngày chợ tạm, giữa các nhóm cộng đồng khác nhau, nhằm hỗ trợ được cả các nhóm bị tách biệt do ở xa đường và chợ.
- Nhóm thứ hai bao gồm những người *đủ tiêu chuẩn nhận thịt*. Nhóm này sẽ tập trung vào các gia đình dễ bị tổn thương trong cộng đồng (gia đình đông con, phụ nữ cho con bú, phụ nữ góa chồng và người già). Tuy nhiên, tại các khu chăn thả, các hộ thuộc nhóm này thường sẽ chia thịt cho các hộ thuộc nhóm khác. Trong những trường hợp này và nếu có đủ số lượng thịt cho toàn bộ cộng đồng thì cách đơn giản nhất để phân phối thịt là chia đều và do đó, tránh được phản ứng tiêu cực trong cộng đồng. Nhóm này có thể bao gồm cả những nơi ít được phân phối thịt như trường học, bệnh viện và nhà tù.
- Nhóm thứ ba gồm những người *đủ tiêu chuẩn tuyển dụng* để chế biến thịt khô. Những hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ sẽ được ưu tiên, vì cơ hội việc làm này giúp họ có thu nhập hỗ trợ gia đình và trong một vài trường hợp bổ sung kiến thức và kỹ năng cho họ về việc chuẩn bị và chế biến thịt. Nam giới không có việc làm hoặc có thu nhập thấp có thể được thuê để giết mổ, lột da và trông coi thịt. Nữ giới có thể tham gia vào việc chế biến (dựa theo cách phân chia lao động truyền thống). Thuộc da cũng là một cơ hội việc làm tốt.
- Nhóm thứ tư có thể gồm những người *ký hợp đồng thu mua vật nuôi* (trong trường hợp các cơ

quan quyết định không ký hợp đồng thu mua – xem Nghiên cứu 4.3 trong chương Nghiên cứu Tình huống). Nhóm này yêu cầu bên lập hợp đồng mua một số lượng (hoặc loại) vật nuôi nhất định từ mỗi nhà thầu với mức giá cố định. Hợp đồng phải nêu rõ thể trạng của vật nuôi sẽ được thu mua, giới hạn số lượng và chủng loại sẽ được thu mua để tạo cơ hội công bằng cho các thành viên trong cộng đồng. Việc sắp xếp này giúp các hộ gia đình dễ bị tổn thương kiếm được lợi nhuận bằng việc thu mua các vật nuôi từ các khu vực khó tiếp cận và bán lại cho chương trình giảm đàn (do mức giá cố định tại bên mua đã được công bố). Như vậy, các hộ dễ bị tổn thương có cơ hội thu mua vật nuôi giống hoặc phát triển kinh doanh nhỏ.

Quá trình này phải dựa trên các tiêu chuẩn cộng đồng về độ dễ tổn thương và các đánh giá trước đây về mức độ dễ bị tổn thương và/hoặc kết quả của các đánh giá sơ bộ trong Chương 2. Lãnh đạo cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc quản lý và tổ chức hoạt động giảm đàn vật nuôi, trong đó bao gồm việc xác định địa điểm thích hợp để lập chợ tạm, định giá các loại vật nuôi thích hợp để thu mua và giết mổ, và xác định địa điểm giết mổ khẩn cấp.

Bên cạnh đó, cần xem xét cả vai trò và chuẩn mực về **giới** khi thực hiện giảm đàn. Ví dụ, trong nhiều xã hội dựa vào chăn nuôi, tiền do nam giới quản lý còn nữ giới lo toan về thực phẩm. Trong những trường hợp như vậy, việc phân phối thịt có thể giúp nữ giới đảm bảo nguồn cung cấp thực phẩm cho gia đình trong đó có trẻ em, trong khi đó việc thu mua vật nuôi có thể giúp nam giới trong việc chi tiêu của gia đình. Do đó, trong một số trường hợp cần đảm bảo các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ cũng được thụ hưởng từ các hoạt động thu mua vật nuôi. Phụ nữ có thể cũng tham gia vào công việc chế biến thịt theo các chuẩn mực về giới của địa phương. Những người sống chung với **HIV/AIDS** có những yêu cầu đặc biệt về dinh dưỡng (đặc biệt là những người uống thuốc ARV) mà có thể được đáp ứng bằng các sản phẩm từ vật nuôi. Do đó, cần đảm bảo những nơi thực hiện việc giảm đàn không gây cản trở cho những người sống chung với HIV/AIDS trong việc tiếp cận các sản phẩm này do giảm quá nhanh vật nuôi cho năng suất cao. Cũng cần đảm bảo những người này cũng được phân phối thịt tươi hoặc khô. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng có thể những người sống chung với HIV/AIDS sẽ không thể tiếp cận với ARV trong hoặc ngay sau tình trạng khẩn cấp vì cơ sở hạ tầng cơ bản như vận tải hoặc y tế có thể đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Vấn đề an ninh và bảo vệ cũng tác động tới quyết định giảm đàn và cách thức thực hiện. Trong các môi trường không an toàn, vật nuôi có thể trở thành một mối nguy hiểm mới vì chúng dễ di chuyển, dễ đổi thành tiền mặt và/hoặc sử dụng để tích luỹ. Những người thu mua tư nhân cũng có thể không hào hứng đầu tư vào các khu vực thiếu an toàn. Việc giảm đàn (dù bằng phương pháp giảm đàn nhanh hay bằng phương pháp giết mổ) cũng có thể làm cho xung đột trầm trọng

hơn vì có liên quan tới các giao dịch tiền mặt lớn, khiến các cộng đồng dễ bị tổn thương hơn trước các nguy cơ. Trong khi đó, ngược lại việc phân phối thịt tươi hoặc thịt khô, nếu được quản lý chặt chẽ thì sẽ gây ít mạo hiểm cho các hộ gia đình. Các tổ chức làm việc ở khu vực có xung đột cần đảm bảo rằng vật nuôi để bán không phải là hàng ăn trộm. Nhân viên tổ chức cũng có thể gặp nguy hiểm khi vận chuyển một lượng tiền mặt lớn.

Về vấn đề môi trường, vẫn còn tranh cãi xung quanh những tác động của việc giảm đàn. Cần nghiên cứu sâu hơn nữa để đưa ra các bằng chứng xác thực về các ảnh hưởng, kể cả tiêu cực hay tích cực. Một mặt, việc giảm đàn bằng giết mổ sẽ thải ra các chất thải cần tiêu huỷ an toàn cũng như yêu cầu về nước mà có thể đang khan hiếm. Phương pháp này còn gây ô nhiễm đất, không khí và nước. Mặt khác, chính việc giảm đàn quy mô lớn có thể giải toả sức ép về tài nguyên thiên nhiên trong thời gian khan hiếm (ví dụ như hạn hán). Khi sự đa dạng sinh học của các loài vật nuôi bị đe doạ, cần đảm bảo rằng hoạt động giảm đàn không làm mất sự đa dạng đó bằng cách bảo tồn đàn giống và loài giống. Nếu việc thuộc da nằm trong một phần hoạt động giảm đàn đàn thì tuỳ theo số lượng vật nuôi bị giảm mà hoạt động này tác động tới môi trường ít hay nhiều.

Các cộng đồng chịu tác động của thảm hoạ có **năng lực** để ứng phó với tình trạng khẩn cấp. Về việc giảm đàn, các năng lực này có thể bao gồm các tổ chức địa phương có thể chỉ đạo việc xác định nhóm được trợ giúp, tổ chức địa điểm bán, thống nhất chính sách giá và giám sát hoạt động giết mổ. Các cộng đồng sở hữu vật nuôi nhìn chung cũng có kiến thức bản địa về giết mổ cũng như các phương pháp chế biến và bảo quản thịt. Bên cạnh đó, họ dựa vào kinh nghiệm quản lý vật nuôi tại địa phương để lựa chọn đàn và loại vật nuôi cụ thể để giảm đàn (hoặc bằng phương pháp giảm đàn nhanh hoặc bằng phương pháp giết mổ) và loại nào nên bảo vệ để tạo đàn giống trong tương lai.

Các tiêu chuẩn tối thiểu

Phần 1: Tiêu chuẩn chung về giảm đàn

Giảm đàn tạo điều kiện chủ vật nuôi giữ lại được một phần giá trị từ đàn vật nuôi có nguy cơ mất hết giá trị nếu không được cứu trợ. Hình 4.1 dưới đây thể hiện quá trình đưa ra quyết định, nhấn mạnh vào các câu hỏi quan trọng của việc lập kế hoạch giảm đàn. Theo sơ đồ, tính hiệu quả của việc giảm đàn liên quan chặt chẽ tới thời điểm cứu trợ, trước khi vật nuôi chết hàng loạt và/hoặc thị truờng tràn ngập các nguồn cung hàng dẫn đến việc vật nuôi bị rớt giá mạnh. Do đó, phân tích ban đầu ở giai đoạn sớm của thảm hoạ là rất quan trọng để đánh giá tính khả thi và thích hợp của việc giảm đàn và để lập kế hoạch ứng phó.

Giảm đàn - Tiêu chuẩn chung 1: Đánh giá và lập kế hoạch

Phương thức giảm đàn được lựa chọn phù hợp với giai đoạn của tình trạng khẩn cấp và các dấu hiệu tương ứng.

Các tiêu chí chính

- Cần đánh giá cẩn thận các giai đoạn của thảm họa (xem chú thích 1).
- Cần giám sát điều kiện vật nuôi và các tỷ lệ mua bán (xem chú thích 2).
- Giảm đàn nhanh chỉ được xét đến trong giai đoạn cảnh báo và báo động sớm của tình trạng khẩn cấp, khi người thu mua vật nuôi tư nhân sẵn sàng mua và tình trạng vật nuôi thích hợp để bán (xem chú thích 1 và 2).
- Phương pháp cứu trợ bằng giảm đàn dựa trên việc lựa chọn loài, độ tuổi và loại vật nuôi theo kiến thức và kinh nghiệm của địa phương (xem chú thích 3).
- Việc đánh giá phải xem xét bối cảnh chính trị, khách quan và chủ quan (xem chú thích 4).
- An ninh đảm bảo, không có các nguy cơ đối với giao dịch thương mại, đối với chủ vật nuôi và những người triển khai chương trình (xem chú thích 5).

Chú thích

1. **Giai đoạn khẩn cấp:** theo Bảng 4.2, giảm đàn nên được áp dụng trong giai đoạn cảnh báo và báo động sớm của tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm. Do vậy, để các hoạt động giảm đàn khả thi và thành công, cần giám sát tình huống chặt chẽ.
2. **Giám sát tình trạng vật nuôi** và các tỷ lệ mua bán: nếu nguồn cung vật nuôi cho thị trường đã tăng mà không tương ứng với nhu cầu, dẫn đến việc rớt giá vật nuôi, cho thấy chủ vật nuôi sẽ sử dụng cách tiêu huỷ để cứu vãn một phần giá trị của đàn vật nuôi thông qua kênh thị trường thông thường. Tình trạng vật nuôi xấu dần cũng có thể là dấu hiệu của nguy cơ khủng hoảng. Nếu giá vật nuôi giảm 25% (trong các điều kiện như trên) thì đó là thời điểm để bắt đầu việc giảm đàn. Từ giai đoạn cảnh báo trở đi, các tỷ lệ mua bán ngũ cốc-vật nuôi có xu hướng thay đổi theo chiều hướng giá ngũ cốc tăng không tương ứng với giá vật nuôi. Nếu tỷ lệ mua bán giữa ngũ cốc-vật nuôi tăng 25% thì đó là dấu hiệu nên thực hiện giảm đàn.
3. **Lựa chọn vật nuôi:** phần lớn chủ vật nuôi hiểu tương đối rõ loại vật nuôi nào nên giảm đàn (bằng phương pháp giảm đàn nhanh hoặc bằng phương pháp giết mổ) và nên coi những kiến thức này là nền tảng của chiến lược giảm đàn. Trong mọi trường hợp, vật nuôi nhỏ có khả năng sinh sản nên để riêng do chúng là nhân tố quan trọng để tái lập tài sản vật nuôi

sau tình trạng khẩn cấp. Chi tiết cụ thể sẽ được nêu ở các tiêu chuẩn tương ứng phía dưới.

4. **Bối cảnh chính trị:** nên xem xét chính sách khách quan và chủ quan (của tổ chức cứu trợ) khi thực hiện đánh giá ban đầu để xác định các trở ngại tiềm ẩn đối với việc triển khai và cũng để xác định các hoạt động hỗ trợ tiềm năng (xem Tiêu chuẩn chung 8). Các khó khăn khách quan có thể bao gồm hạn chế mua bán và di chuyển vật nuôi xuyên biên giới hoặc trong vùng; cơ chế cấp phép, thuế và hệ thống chuyển tiền; hoặc cung cấp tín dụng cho người thu mua. Các khó khăn chủ quan có thể làm hạn chế khả năng phối hợp với khu vực tư nhân (ví dụ, thông qua việc cho vay) của cơ quan thực hiện. Những vấn đề này cần được làm rõ khi đánh giá và lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp khắc phục. Các hoạt động giảm đàn bằng cách giết mổ cũng cần môi trường chính sách thuận lợi, đặc biệt là các vấn đề y tế công liên quan tới việc giết mổ vật nuôi. Các cơ quan thực hiện có thể đều thấy chính sách của mình hạn chế khả năng thu mua vật nuôi từ các thành viên cộng đồng.
5. **Vấn đề an ninh:** tại các khu vực tiềm ẩn xung đột, giảm đàn vật nuôi có thể ảnh hưởng tới vấn đề an ninh vì việc giao dịch liên quan tới việc di chuyển khối lượng lớn tiền mặt. Cần đánh giá tính khả thi của việc vận chuyển tiền trong các khu vực này cũng như mức độ làm trầm trọng hơn tình trạng mất an ninh hiện nay của hoạt động giảm đàn trước khi đưa ra quyết định.

Phần 2: Giảm nhanh đàn vật nuôi

Tiêu chuẩn 1: Giảm đàn nhanh
Có hỗ trợ khi giảm nhanh những vật nuôi có thể bán được.

Các tiêu chí chính

- Đánh giá tiềm năng về thị trường vật nuôi và xác định người thu mua/người xuất khẩu/chủ trại/quản lý nơi vỗ béo vật nuôi (xem chú thích 1 và 2).
- Tư vấn và đàm phán được thực hiện thông qua diễn đàn hợp tác(xem chú thích 3).
- Khu vực cứu trợ được lựa chọn theo điều kiện cơ sở vật chất và an ninh (xem chú thích 4).
- Lựa chọn vật nuôi và chính sách giá được thống nhất với cộng đồng địa phương và người thu mua (xem chú thích 5).
- Đánh giá thuế và các yêu cầu hành chính (xem chú thích 6).
- Đánh giá hỗ trợ cơ bản được cung cấp (xem chú thích 7).
- Hỗ trợ và giám sát liên tục (xem chú thích 8).

Chú thích

1. **Đánh giá tiềm năng thị trường vật nuôi:** nhu cầu xuất khẩu toàn quốc, và những nơi thích hợp để tiếp nhận mức cung dư tạm thời cần được đánh giá đối với kế hoạch giảm đàn nhanh. Mặc dù vật nuôi chịu tác động hạn hán có thể không bán được nhiều ngay tại các thị trường đầu mối hoặc xuất khẩu, chủ trại và người điều hành trại vỗ béo có thể tận dụng cơ hội này để mua vật nuôi đã yếu và phục hồi chúng. Tại một số quốc gia, thường có trại nuôi cho thuê và những người thu mua vật nuôi có thể tận dụng trang thiết bị sẵn có cho đến khi họ có thể bán được vật nuôi. Một vài thông tin về trang thiết bị, mạng lưới giao dịch và xu hướng cung cầu có thể phổ biến toàn quốc. Những thành viên của diễn đàn hợp tác cũng có thể cung cấp các thông tin quan trọng đối với các khu vực hoạt động tương ứng của mình và nhờ thế giúp điều phối sự tham gia của người thu mua trong hoạt động giảm đàn.
2. **Xác định người thu mua chính:** vì người thu mua đóng vai trò quyết định trong phương pháp giảm đàn nhanh nên rất cần xác định càng sớm càng tốt người thu mua/xuất khẩu vật nuôi, chủ trại và người điều hành trại vỗ béo vật nuôi bằng cách hỏi trực tiếp danh bạ giao dịch của các hiệp hội tương ứng tại những nơi không có danh sách hội viên. Tuy nhiên cần lường trước việc một số người điều hành ngần ngại tham gia vào việc giảm đàn nhanh vì không đủ năng lực tài chính và các năng lực khác. Nếu có thể thì nên xác định một số lượng nhỏ những người thu mua tận tâm dựa theo mức độ quan tâm và năng lực thực hiện kế hoạch (xem Nghiên cứu 4.1 trong chương Nghiên cứu Tình huống).

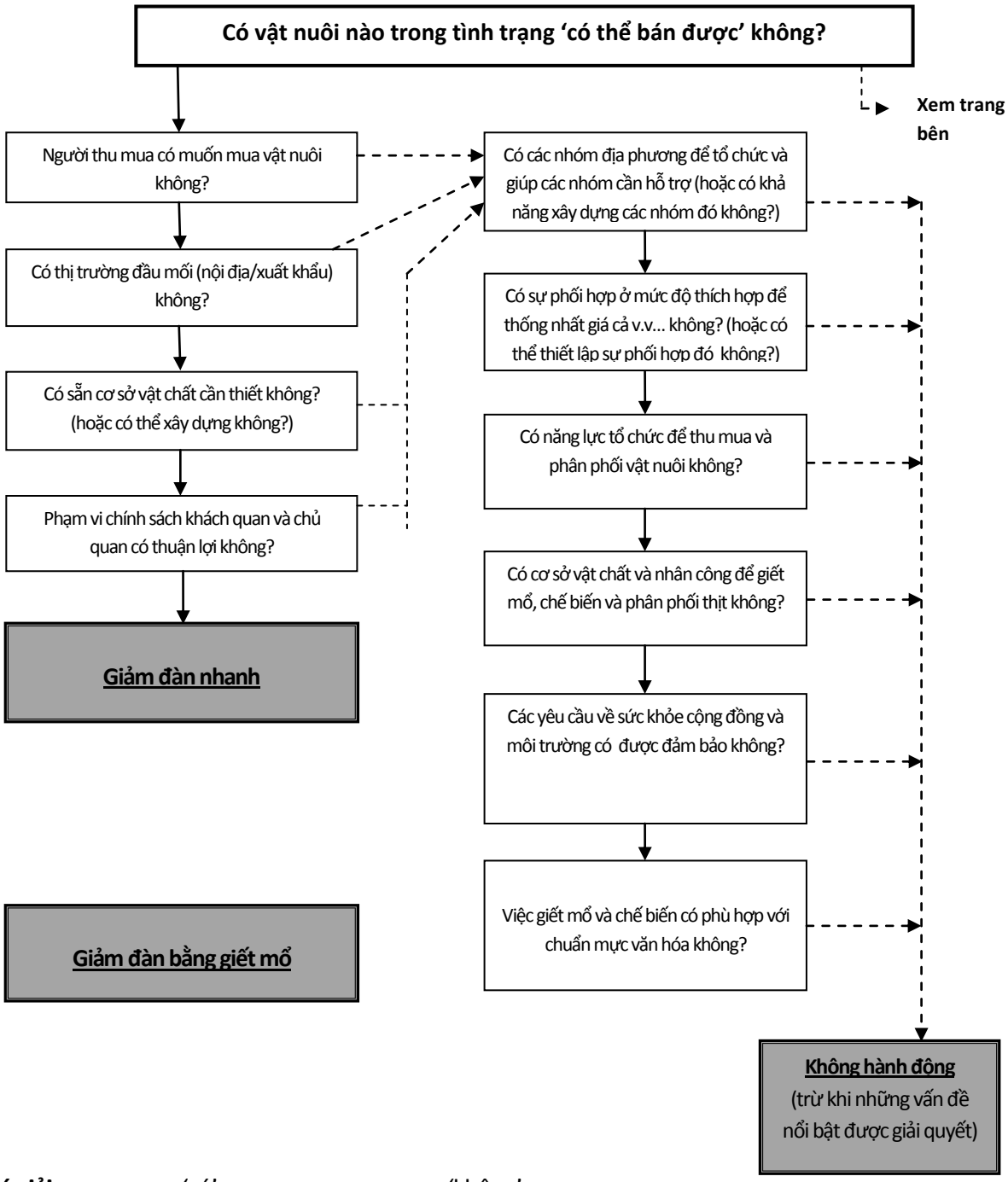

Chú giải: ⟶ = 'có' - - - ▸ = 'không'

Chú ý: Kết quả 'Không hành động (trừ khi những vấn đề nổi bật được giải quyết)' có nghĩa là phải tăng cường đào tạo hoặc xây dựng năng lực để có thể trả lời 'có' cho các câu hỏi chính, chứ không phải à không thực hiện biện pháp cứu trợ nào.

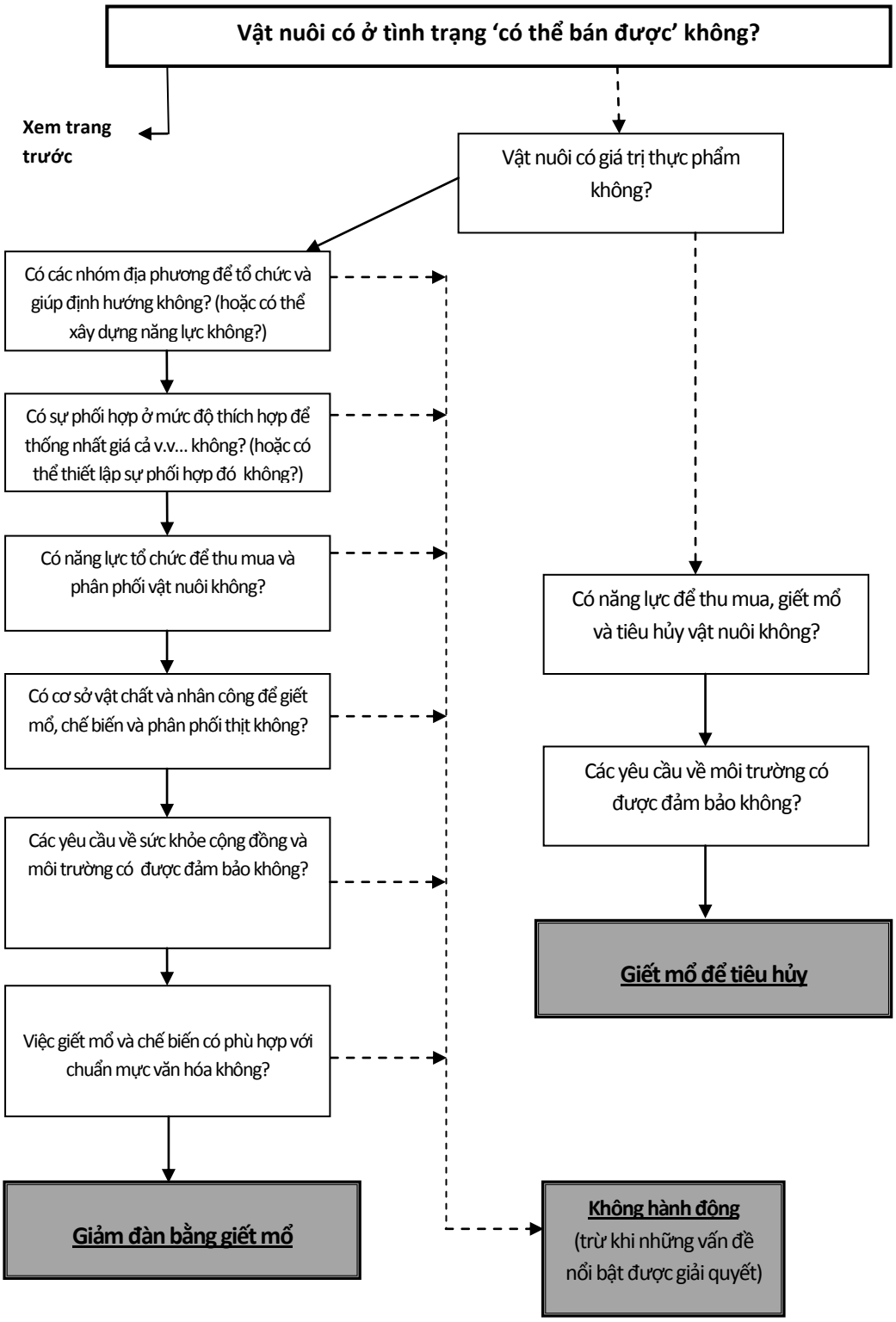

Hình 4.1 Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định phương án giảm đàn

3. **Tham vấn và đàm phán thông qua diễn đàn điều phối:** cần thiết lập một diễn đàn hợp tác gồm những người tham gia chủ chốt để giám sát quá trình ở cấp độ quốc gia và địa phương. Diễn đàn này cần tổ chức họp mặt giữa những người thu mua/xuất khẩu vật nuôi, chủ trại và người điều hành trại vỗ béo vật nuôi để đánh giá và thảo luận tình thế và vai trò của từng người khi tham gia vào hoạt động giảm đàn nhanh. Nếu ở nơi phù hợp và khả thi thì đại diện cộng đồng địa phương cũng nên tham gia họp mặt. Như vậy sẽ tạo điều kiện bàn bạc chi tiết hơn về địa điểm thu mua và hình thức hỗ trợ mà người thu mua có thể yêu cầu từ phía chính phủ, chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ và tổ chức dân sự. Cuộc họp mặt cũng sẽ giúp đánh giá hình thức hỗ trợ mà các cơ quan tương ứng có thể đáp ứng.
4. **Khu vực cứu trợ:** việc lựa chọn khu vực cứu trợ cần dựa trên đánh giá tình trạng an ninh (như đã lưu ý ở tiêu chuẩn 1 phía trên, những người thu mua sẽ không muốn vào những khu vực không an toàn) và dựa trên độ sẵn có của cơ sở vật chất thích hợp như đường xá và bãi giữ vật nuôi.
5. **Lựa chọn vật nuôi và giá cả:** do việc giảm đàn nhanh nhằm thiết lập và thúc đẩy mạng lưới thị trường lâu dài giữa chủ vật nuôi và người thu mua tư nhân, những người có thể tiếp tục giúp chủ vật nuôi duy trì sinh kế ngay cả khi không phải là tình trạng khẩn cấp, nên loại vật nuôi để bán cần phù hợp với thị trường 'bình thường' - thường là nhiều con đực- càng nhiều càng tốt. Trong hầu hết các trường hợp, chủ vật nuôi có chiến lược thị trường riêng và sẽ có kiến thức rộng về loại vật nuôi phù hợp nhất để bán. Chính sách giá cũng cần thảo luận giữa người thu mua và cộng đồng để đạt được mức giá công bằng.
6. **Thuế và các yêu cầu hành chính:** thuế và các yêu cầu hành chính đối với việc thu mua và di chuyển vật nuôi nội địa hoặc xuất khẩu ở mỗi quốc gia là khác nhau. Trong một số trường hợp, những yếu tố này còn hạn chế khả năng của người thu mua tư nhân trong việc tham gia vào giảm nhanh đàn vật nuôi. Những yêu cầu này cần được đánh giá trong giai đoạn lập kế hoạch và khi cần để điều hành việc di chuyển và mua bán vật nuôi.
7. **Đánh giá hỗ trợ cơ bản:** cần làm rõ ngay từ đầu loại hình hỗ trợ mà chính quyền địa phương hoặc tổ chức cứu trợ có thể cung cấp cho người thu mua để tránh những kỳ vọng không thực tế sau này. Để thúc đẩy thị trường tham gia một cách lâu dài, bền vững vào hoạt động giảm nhanh đàn vật nuôi, chỉ nên yêu cầu rất ít hỗ trợ, đặc biệt là khi bắt đầu. Có những hình thức hỗ trợ sau: hình thức đầu tiên và đơn giản nhất là điều phối thông tin liên lạc giữa những người thu mua có quan tâm và chủ vật nuôi bao gồm cung cấp thông tin liên lạc với lãnh đạo địa phương, người có thể tổ chức nơi họp và thời điểm họp chợ tạm thời, bãi giữ vật nuôi tạm thời, an ninh, cung cấp thức ăn và/hoặc nước uống, v.v… Việc này

cũng có thể bao gồm cả việc điều phối mạng lưới kinh doanh để thiết lập các văn phòng địa phương tạm thời v.v… Vai trò điều phối này tốt nhất nên do cơ quan thực hiện dự án đảm nhiệm, có mặt ở hiện trường và có kinh nghiệm cùng kiến thức về khu vực. Hình thức thứ hai là cung cấp tín dụng (hoặc điều phối tính dụng của người khác) cho những người thu mua quan tâm. Như đã lưu ý ở trên, môi trường chính sách (cả khách quan lẫn chủ quan đối với tổ chức) là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới tính khả thi của việc hỗ trợ. Hình thức thứ ba là hỗ trợ hậu cần dưới dạng đảm bảo bãi giữ vật nuôi tạm thời, cung cấp nước uống, thức ăn, hoặc chăm sóc thú y cho vật nuôi. Cuối cùng, một vài tổ chức có thể hỗ trợ vận chuyển cho người thu mua mặc dù việc này còn gây nhiều tranh cãi về tính bền vững và tính độc lập của mạng lưới thị trường vật nuôi mà phương pháp giảm đàn nhanh hy vọng thúc đẩy để hỗ trợ sinh kế lâu dài.

8. **Hỗ trợ và giám sát liên tục:** nhu cầu tiếp tục hỗ trợ cần đánh giá ngay từ đầu để đảm bảo các cơ quan có năng lực hỗ trợ trong quá trình thực hiện. Có thể hỗ trợ dưới hình thức dàn xếp tranh chấp địa phương hoặc đảm bảo thanh toán đúng thời hạn cũng như giám sát giá cả để tránh việc lợi dụng chủ vật nuôi. Cần giữ các ghi chép định tính và định lượng để đánh giá tác động và ghi lại các cách làm tốt nhất.

Phần 3: Giảm đàn bằng giết mổ

Tiêu chuẩn 1: Giảm đàn bằng giết mổ
Giá trị thu lại từ vật nuôi bị tác động của thảm họa để cung cấp thịt cứu trợ và/hoặc tiền mặt cho các cộng đồng bị tác động.

Các tiêu chí chính

- Địa điểm và ngày thu mua được quyết định với sự tham gia của cộng đồng (xem chú thích 1).
- Giá thu mua được quyết định riêng cho từng loại và phương pháp thanh toán được thống nhất (xem chú thích 2 và 3).
- Xác định các hộ gia đình được trợ giúp và các đóng góp liên quan được thống nhất trong cộng đồng (xem chú thích 4).
- Xem xét khả năng thiết lập và làm việc với 'ủy ban cứu trợ' (xem chú thích 5).
- Việc lựa chọn vật nuôi dựa vào loại vật nuôi thích hợp nhất theo kiến thức bản địa (xem chú thích 6).

- Xác định phương pháp thu mua (xem chú thích 7).
- Quyết định nên phân phối thịt tươi hay thịt khô (xem chú thích 8).
- Phương pháp giết mổ, chế biến và bảo quản dựa theo các chuẩn mực địa phương và các tiêu chuẩn quốc tế (xem chú thích 9).
- Không có bệnh dịch và nguy cơ về sức khỏe cộng đồng liên quan tới việc giết mổ vật nuôi (xem chú thích 10).
- Đánh giá quá trình tiêu hủy da thuộc và da sống (xem chú thích 11).
- Nếu các biện pháp khác không thích hợp thì có thể xem xét để tiêu hủy vật nuôi bị suy yếu nghiêm trọng (xem chú thích 12).

Chú thích

1. **Chọn địa điểm và ngày thu mua:** việc cộng đồng tham gia vào việc chọn địa điểm và ngày thu mua rất quan trọng trong việc đảm bảo phạm vi hiệu quả và việc lựa chọn địa điểm thích hợp. Tạo lập các địa điểm thu mua gần với các làng hiện tại có thể giúp cộng đồng tránh được việc di chuyển vật nuôi đã bị suy yếu tới các chợ. Phiên chợ nên được thống nhất trước để chủ vật nuôi biết được thời gian cảnh báo và tạo điều kiện cho nhân viên thu mua luân chuyển giữa các địa điểm khác nhau vào các ngày khác nhau. Số lượng địa điểm và ngày thu mua sẽ phụ thuộc vào đơn vị thu mua và năng lực địa phương để tổ chức chợ tạm (xem Nghiên cứu 4.5 trong chương Nghiên cứu Tình huống).
2. **Giá thu mua cho từng loại:** giá thu mua cho các loại khác nhau cần được thống nhất trước qua diễn đàn điều phối và đàm phán với cộng đồng địa phương. Một việc quan trọng là các đơn vị thu mua nên thống nhất với nhau để tránh 'sự cạnh tranh' giữa các khu vực gần gũi về địa lý và diễn đàn điều phối đóng vai trò quan trọng trong quá trình hài hòa này. Một khi đạt được thỏa thuận, mức giá thống nhất mỗi loại nên được thông báo tới mọi thành viên trong cộng đồng một cách công khai để đảm báo tính minh bạch. Mức giá không nhất thiết phải phản ánh giá thị trường vì mức giá có thể quá thấp và không đem lại bất kỳ lợi nhuận nào cho những người bán tiềm năng. Ngược lại, mức giá cũng không nên quá cao khiến thị trường địa phương bị bất ổn hoặc phạm vi bao phủ bị hạn chế.
3. **Thống nhất phương pháp thanh toán:** việc di chuyển với một khoản tiền mặt lớn và phương pháp thanh toán tại vùng sâu vùng xa có thể là vấn đề gây lo lắng, đặc biệt ở các khu vực không an toàn. Phương pháp thanh toán cần được đàm phán trước khi thực hiện với cộng đồng, về việc có nên dùng hệ thống phiếu thưởng hiện vật để đổi lấy tiền sau này ở nơi an toàn hơn (xem Nghiên cứu 4.4 trong chương Nghiên cứu Tình huống).

4. **Xác định các hộ gia đình được trợ giúp:** các nhóm được trợ giúp cần được xác định thông qua các quá trình do cộng đồng thực hiện, dựa trên tiêu chí dễ bị tổn thương và bao gồm các nhóm cơ bản đã được nêu ở trên, bao gồm: những người đủ tiêu chuẩn bán vật nuôi; những người đủ tiêu chuẩn nhận phân phối thịt; những người có thể tuyển dụng (khi cần thiết) để giết mổ và chế biến thịt; và những người có thể đại diện chương trình ký hợp đồng thu mua vật nuôi. Cần thực hiện đàm phán với cộng đồng về những đóng góp liên quan mà họ có thể đáp ứng cho chương trình. Những đóng góp này có thể bao gồm việc chịu trách nhiệm về đảm bảo an ninh, nhân lực hoặc quản lý đến điều phối các hoạt động.
5. **Thiết lập và làm việc với 'ủy ban cứu trợ':** có thể sẽ thành lập 'ủy ban cứu trợ' chịu trách nhiệm xác định nhóm được trợ giúp, và theo đó đảm bảo sự phân phối. Vừa chịu trách nhiệm thực hiện trong cộng đồng, các ủy ban này cũng đóng vai trò như một đối trọng đối với 'các ủy ban thực phẩm cứu trợ' có thể được thành lập để phân phối thực phẩm (xem Nghiên cứu 4.6 trong chương Nghiên cứu Tình huống). Các vai trò khác có thể xác định dựa theo chuẩn mực văn hóa và kỹ năng của người địa phương, ví dụ, phụ nữ thường thạo việc chế biến và bảo quản thịt, trong khi nam thanh niên có thể bắt, mổ xẻ vật nuôi và/hoặc trông coi thịt.
6. **Lựa chọn vật nuôi:** giảm đàn bằng phương pháp giết mổ nên tập trung vào những vật nuôi không tái sản xuất, ví dụ vật nuôi giống đực dư thừa trong tình trạng quá xấu và không thể bán được, các con đực già và loại các con cái. Trong trường hợp vô cùng khẩn cấp, có thể xem xét đến những yếu tố khác như khả năng bị tổn thương vì hạn hán và dịch bệnh. Trong một vài trường hợp nếu vật nuôi quá gầy không có giá trị về thịt thì cũng có thể đem giết mổ để tiêu hủy (xem chú thích 12 phía dưới).
7. **Xác định phương thức thu mua:** các chương trình giảm đàn có thể thu mua trực tiếp từ chủ vật nuôi hoặc giao cho các nhóm trong cộng đồng thực hiện việc thu mua (ví dụ các hội phụ nữ hoặc cộng tác viên - xem Nghiên cứu 4.3 trong chương Nghiên cứu Tình huống). Việc này giảm sự tham gia của các tổ chức vào việc mua bán và đem lại lợi ích kinh tế cho các nhóm trong cộng đồng. Nó cũng giúp sáng kiến thu mua có thể đến được các cộng đồng cách biệt do những nhà thầu có thể tìm nguồn cung ở các khu vực xa. Nên thông báo rõ với các thành viên trong cộng đồng về mức giá cố định mà đơn vị thu mua từng loại vật nuôi từ nhà thầu và giá mà nhà thầu mua từ người chăn nuôi để đảm bảo tính minh bạch trong việc thỏa thuận giá cả.
8. **Quyết định về việc phân phối thịt tươi hay thịt khô:** cần thảo luận kỹ lưỡng với cộng đồng về việc phân phối thịt tươi hay thịt khô. Thường các cộng đồng thích thịt tươi hơn mặc dù thịt khô có hàm lượng protein cao hơn. Thịt khô cũng có ưu điểm là cho phép giết mổ một

lượng lớn vật nuôi cùng một lúc và có thể phân phối trên phạm vi rộng và dài hơn, trong khi thịt tươi thì phải phân phối ngay lập tức và do đó chỉ có thể thực hiện trong một phạm vi địa lý hạn chế. Mặt khác, thịt khô đòi hỏi phải chế biến, có nguồn nước sạch và trang thiết bị bảo quản trong thời gian ngắn. Phân phối thịt tươi cần thực hiện thường xuyên để hoàn tiền mặt cho những chủ có vật nuôi bị giết mổ và đảm bảo cung cấp thịt cho các cộng đồng bị tác động của khủng hoảng, vì mỗi lần chỉ có thể phân phối lượng thịt đủ tiêu thụ trong vài ngày.

9. **Phương thức giết mổ:** phương thức giết mổ, chế biến và phương thức bảo quản thịt khô cần dựa theo các chuẩn mực như tôn giáo, văn hóa và/hoặc khẩu vị của địa phương. Cơ sở hạ tầng cơ bản cũng phải xét đến, ví dụ như bàn để giết mổ tạm thời hoặc lâu dài, cũng như nhân lực để thực hiện. Có nơi thịt được luộc chín trước rồi mới đem đi sấy trong khi có những nơi lại muối thịt rồi mới đem đi sấy. Tổ chức Thú y Thế giới (OIE) đã đưa ra hướng dẫn về việc giết mổ động vật trong phần Quy tắc Thú y theo Lãnh thổ, tài liệu đưa ra các tiêu chuẩn cho quá trình giết mổ (www.oid. int/eng/normes/mcode/en_chapitre_3.7.5.htm). Xem thêm hướng dẫn về kiểm tra thịt trước và sau khi mổ (www.oie.int/eng/normes/mcode/ en_chapitre_3.10.1.htm).
10. **Nguy cơ về sức khỏe:** các bệnh dịch lây nhiễm cao như bệnh than và sốt thung lũng Rift rất dễ truyền sang người, đặc biệt những ai sức khỏe bị suy giảm do tình trạng khẩn cấp như hạn hán. Việc giết mổ một lượng lớn vật nuôi tại cùng một nơi có thể khiến việc lây lan những bệnh này và các bệnh dịch khác diễn ra nhanh hơn. Kiểm định trước và sau khi mổ của nhân viên có trình độ và luân phiên thay đổi địa điểm giết mổ có thể làm giảm nguy cơ. Cần thực hiện đánh giá kỹ lưỡng các nguy cơ tiềm ẩn đối với sức khỏe cộng đồng trước khi thực hiện phương pháp giảm đàn (xem Chương 5 về các dịch vụ thú y).
11. **Quyết định về việc tiêu hủy da thuộc và da sống:** việc tiêu hủy da thuộc và da sống (bằng cách bán) giúp cộng đồng lớn hơn hoặc các thành viên dễ bị tổn thương thu gom và bán da thuộc và da sống từ phân phối thịt tươi hoặc thịt khô. Trong một số trường hợp, có thể việc thanh toán đổi lại bằng lao động v.v… (xem Nghiên cứu 4.3 và 4.5 trong chương Nghiên cứu Tình huống).
12. **Giết mổ để tiêu hủy:** khi các phương pháp giảm đàn khác đều không phù hợp và cộng đồng vẫn cần hỗ trợ trực tiếp từ tiền mặt thu được từ các vật nuôi không thể bán được thì có thể xét đến phương pháp giết mổ để tiêu hủy. Do cần quản lý sát sao, chi phí cao và không có tính bền vững nên phương pháp này chỉ nên áp dụng như giải pháp cuối cùng trong giai đoạn khẩn cấp. Cộng đồng cần tham gia để lựa chọn các nhóm được trợ giúp và phải tham gia càng nhiều càng tốt vào việc quản lý và điều phối hoạt động thông qua các tổ chức hoặc

ủy ban địa phương được thiết lập để thực hiện phương pháp này. Như đã đề cập, giết mổ phải phù hợp với các chuẩn mực về tôn giáo và/hoặc văn hóa địa phương và tuân theo đúng tiêu chuẩn vệ sinh để giảm thiểu nguy cơ bệnh dịch và lây nhiễm. Xem hướng dẫn OIE nêu ở chú thích 9 và những hướng dẫn về việc giết mổ vật nuôi để kiểm soát bệnh dịch (www.oie. int/eng/normes/mcode/en_chapitre_3.7.6.htm).

Ghi chú

1. Trong những tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh, phương pháp giảm đàn nhanh có thể không áp dụng được do không có thời gian để chuẩn bị cho tình trạng này và sau đó vật nuôi sống sót có thể không bị nguy hiểm. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp ngoại lệ. Ví dụ, một lượng lớn vật nuôi bị giết trong một trận động đất ở Pakistan. Trong số những con sống sót, một số bị bán sau đó vì một số lý do như: bị thương, thiếu thức ăn và chuồng trại, thiếu tiền, thiếu nhân công. Trong những trường hợp này, việc giảm đàn nhanh đem lại những lợi ích rõ rệt cho các hộ gia đình chịu tác động (Roger Lough, pers.com.).

Phụ lục 4.1 Danh mục đánh giá việc giảm đàn vật nuôi

- Tình trạng khẩn cấp đã ở giai đoạn nào?
- Vật nuôi đem bán đang ở tình trạng nào?
- Có phải số lượng vật nuôi đem bán đang tăng không?
- Giá cả của vật nuôi như thế nào?
- Những người liên quan nào đang hoạt động trong khu vực?
- Có thể thiết lập một diễn đàn điều phối không?
- Khu vực có an toàn đối với việc di chuyển vật nuôi và vận chuyển tiền không?
- Những tổ chức bản địa và địa phương nào có thể điều phối việc giảm đàn? Họ đóng vai trò gì?

Đối với giảm nhanh đàn vật nuôi:

- Có phải những người thu mua đang hoạt động ở khu vực đó không?
- Cơ sở vật chất hiện có có thể dùng để giảm nhanh đàn vật nuôi không?
- Có bãi giữ vật nuôi (tạm thời) không?
- Xe tải có thể vào được không?
- Có sẵn nguồn thức ăn và nước uống không?
- Có bất kỳ khó khăn nào về chính sách liên quan tới việc vận chuyển và mua bán vật nuôi không?
- Những khó khăn nào có thể ảnh hưởng tới việc tiếp cận thị trường của những người dễ bị tổn thương nhất?

Giảm đàn bằng phương pháp giết mổ:

- Có các phương tiện giết mổ nào?
- Những yêu cầu về tôn giáo và văn hóa địa phương liên quan tới việc giết mổ vật nuôi là gì?
- Vai trò giới trong việc giết mổ, chế biến thịt, thuộc da, v.v… như thế nào?
- Cộng đồng, hộ gia đình và cá nhân nào dễ bị tổn thương nhất bởi tình trạng khẩn cấp và sẽ được hưởng lợi từ việc giảm đàn?
- Có khu vực chợ tạm để phục vụ cho các làng ở xa không?
- Nhóm dễ bị tổn thương nào sẽ được phân phối thịt từ việc giảm đàn?
- Cá nhân nào có thể được tuyển dụng khi giảm đàn?
- Có thể thiết lập được một hệ thống tiêu hủy da thuộc và da sống không?

Phụ lục 4.2 Danh mục giám sát và đánh giá chương trình giảm đàn vật nuôi

Danh mục sau là dàn ý có thể được các tổ chức điều chỉnh ở mức độ cộng đồng hoặc hộ gia đình (xem Tiêu chuẩn chung 5 về đánh giá ảnh hưởng) và áp dụng tùy theo các phương pháp khác nhau.

Giảm đàn nhanh

Quá trình:

- xác định giai đoạn tình trạng khẩn cấp (cảnh báo, báo động, khẩn cấp);
- lên kế hoạch thị trường, tìm hiểu cơ hội và nguy cơ;
- dự đoán nhu cầu nội địa và xuất khẩu;
- số lượng người thu mua vật nuôi tham gia;
- số lượng khu vực thực hiện chương trình (địa điểm chợ hiện có và chợ tạm);
- những thứ cần cung cấp (điểm cung cấp nước, bãi giữ vật nuôi, dịch vụ thú y, v.v…) cho người thu mua vật nuôi (số lượng và chất lượng);
- cung cấp phương tiện vận chuyển;
- số lượng và loài vật nuôi được thu mua;
- tổng giá trị thu được từ vật nuôi;
- giá trung bình mỗi loài;
- số lượng thực nhóm được trợ giúp so với số lượng được dự đoán;
- các loại nhóm được trợ giúp.

Sau khi thực hiện:

Người thu mua:

- số lượng tử vong từng loài sau khi thu mua;
- tổng giá trị thiệt hại do tử vong;
- giá trị thiệt hại do vật nuôi chết/người thu mua;
- mức lợi nhuận ước tính của mỗi người thu mua;

- điểm mạnh/điểm yếu của chương trình theo quan điểm của người thu mua.

Cộng đồng:

- giá trị trung bình thu được của mỗi nhóm được trợ giúp;
- tỷ lệ mức thu nhập được sử dụng (so với mức cơ bản hoặc tái thu gom so với thời điểm trước tình trạng khẩn cấp) cho:
  - thức ăn
  - học phí
  - thuốc men
  - thức ăn cho vật nuôi;
  - dịch vụ thú y;
  - quần áo;
  - vận chuyển vật nuôi tới nơi khác;
  - đầu tư vào kinh doanh hoặc vật nuôi nhỏ;
  - các hoạt động khác.
- đánh giá của các nhóm được trợ giúp về mức độ lợi ích được thụ hưởng
- điểm mạnh và điểm yếu của chương trình theo quan điểm của cộng đồng về các vấn đề sau:
  - thời điểm thực hiện;
  - giá cả;
  - thanh toán đúng hạn và phương pháp thanh toán;
  - các vấn đề liên quan khác;
- nhận định của nhóm được trợ giúp về năng lực bắt đầu lại hoạt động sinh kế (hiệu quả của đàn vật nuôi còn lại, v.v…).

Giảm đàn bằng giết mổ

Quá trình:

- xác định giai đoạn tình trạng khẩn cấp (cảnh báo, báo động, khẩn cấp);
- ngân sách hoạt động sẵn có;
- giá thu mua ước tính theo loài;
- lượng thu mua để giết mổ ước tính (theo loài);
- tiêu chí, số lượng ước tính và các nhóm được trợ giúp (người bán, người nhận thịt phân phối, nhân lực, v.v…);

- phương pháp thực hiện (trực tiếp hoặc thông qua 'các ủy ban cứu trợ');
- độ bao phủ (cố định hoặc xoay vòng);
- tần suất giết mổ (một lần mỗi trung tâm hoặc thường kỳ theo thời gian dự án);
- thu mua (trực tiếp, hợp đồng).

Trong khi và sau khi thực hiện:

- người được trợ giúp phù hợp với tiêu chí;
- số lượng thực người được trợ giúp (người bán, người nhận thịt phân phối, nhân lực, v.v…);
- tổng số vật nuôi được thu mua và giết mổ theo loài;
- tổng lượng thịt (tính theo tấn) thu được (ước tính theo thịt tươi hoặc thịt khô) và phân phối;
- số lượng thịt (tươi hoặc khô) mỗi nhóm được trợ giúp (hộ gia đình) nhận được;
- giá thu mua thực theo loài;
- tổng chi phí thu mua vật nuôi;
- số lượng người bán vật nuôi và thu nhập bình quân mỗi gia đình;
- số lượng nhà thầu và thu nhập bình quân của mỗi người (nếu có);
- số lượng nhân công và thu nhập bình quân của mỗi nhân công tạm thời;
- vai trò của các ủy ban cứu trợ trong việc đạt được mục tiêu dự án (định lượng);
- lợi ích của dự án theo nhận định của cộng đồng (xếp hạng);
- điểm yếu của dự án theo nhận định của cộng đồng (thời điểm, đối tượng, giá thu mua, v.v…);
- tỷ lệ thu nhập (đối với tất cả các nhóm được trợ giúp bằng tiền mặt) được sử dụng cho:
    - thức ăn
    - học phí
    - thuốc men
    - thức ăn cho vật nuôi
    - dịch vụ thú ý
    - quần áo
    - vận chuyển vật nuôi đến nơi khác
    - đầu tư vào kinh doan/vật nuôi nhỏ
    - các hoạt động khác.

Tài liệu tham khảo

Barton, D. và J. Morton (1999) 'Thị trường vật nuôi và giảm thiểu hạn hán tại bắc Kenya', Tài liệu chưa xuất bản, NRI, London.

Gill, R. và W. Pinchack (1999) *Chiến lược Giảm đàn Vật nuôi Khi Hạn hán*, Texas A&M University, College Station, Texas, http://agfacts.tamu.edu/D11/Drought/ asweb016-destocks.pdf

Morton, J. và D. Barton (2002) 'Giảm đàn như là một chiến lược giảm thiểu hạn hán: Làm rõ lý do và giải đáp các ý kiến phản biện', *Thảm họa*, 26 (3): 213–28 www. ncbi.nlm.nih.gov/entrez/query.fcgi?cmd=Retrieve&db=PubMed&list_uids=12227590&dopt=Abstract

Toulmin, C. (1994) 'Theo cơn hạn hán: Những phương án để giảm đàn hoặc tái lập đàn vật nuôi', trong I. Scoones (biên tập) *Sống chung với Bất trắc: Định hướng Mới trong Phát triển Chăn nuôi tại châu Phi*, trang 95–115, Intermediate Technology Publications, London.

Turner, M. D. và T. O. Williams (2002) 'Cơ chế hoạt động của thị trường vật nuôi và khả năng bị tổn thương tại Sahel', *Phát triển Thế giới*, 30 (4): 683 – 705(23), www.ingentaconnect.com/content/els/0305750x/2002/00000030/00000004/art00133

Photo credit: Kelly Lynch/Save the Children, USA

CHƯƠNG 5

Các tiêu chuẩn tối thiểu cho dịch vụ thú y

Các Dịch vụ Thú y

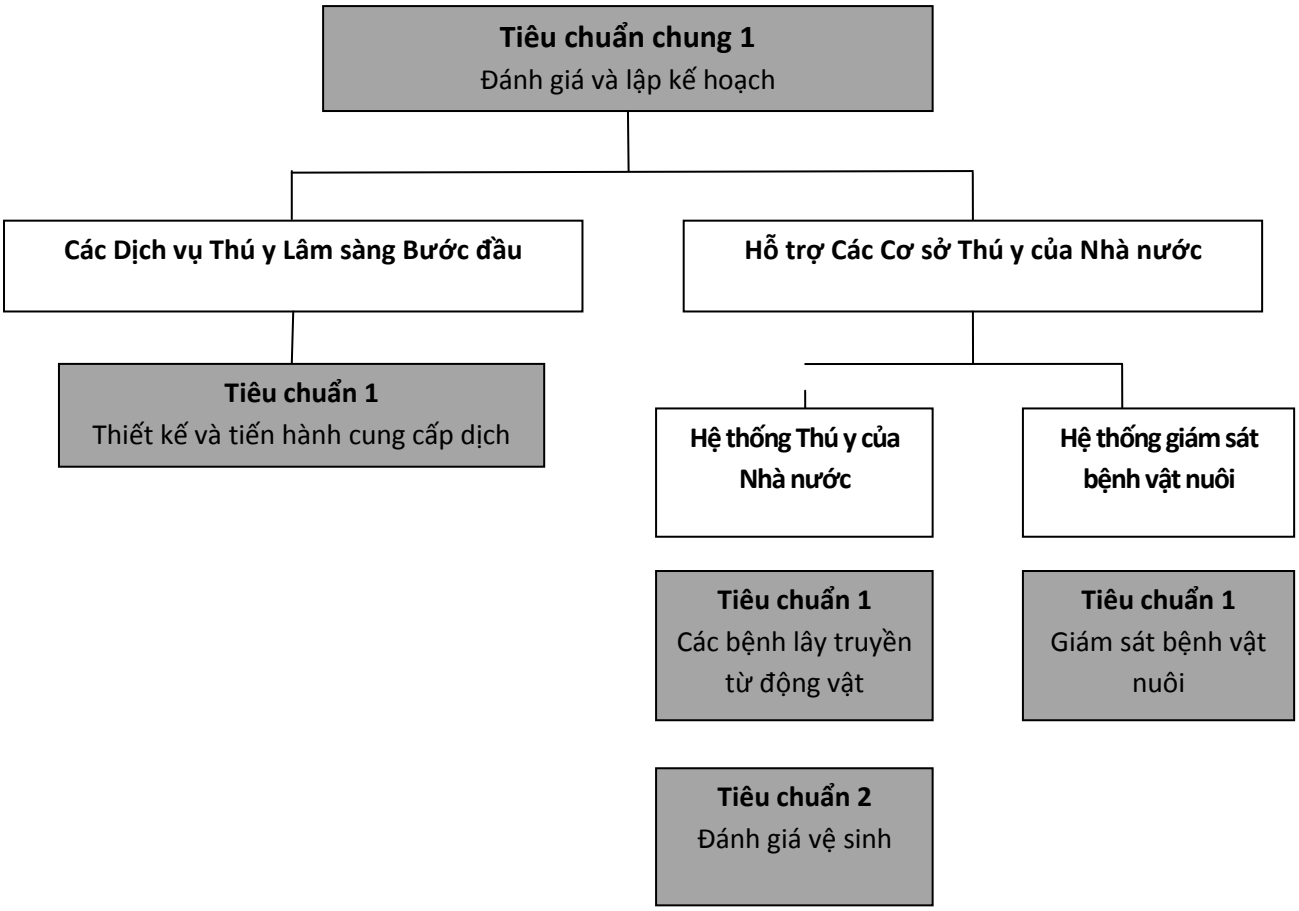

Giới thiệu

Liên hệ với các mục tiêu sinh kế của LEGS

Việc cung cấp các dịch vụ thú y trong tình huống khẩn cấp liên quan chủ yếu tới các mục tiêu sinh kế thứ hai và thứ ba của LEGS, đó là:

- Bảo vệ các tài sản vật nuôi quan trọng của cộng đồng bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng
- Phục hồi tài sản vật nuôi quan trọng của cộng bị ảnh hưởng khủng hoảng

Các dịch vụ thú y giúp bảo vệ và tăng cường sức khỏe vật nuôi, và trong nhiều trường hợp giúp vật nuôi sống sót. Sự hỗ trợ này còn có thể tăng nguồn cung cấp các sản phẩm từ vật nuôi trong tình huống khẩn cấp (thông qua việc cải thiện sức khỏe động vật) và do đó có tác động tới mục tiêu sinh kế thứ nhất của LEGS - cung cấp sự trợ giúp nhanh chóng đối với các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng thông qua các biện pháp cứu trợ vật nuôi – bằng cách tăng cường đóng góp cho nguồn cung cấp thực phẩm gia đình.

Tầm quan trọng của các dịch vụ thú y trong ứng phó với thảm họa

Việc cung cấp dịch vụ thú y trong thảm họa là một chiến lược quan trọng nhằm hỗ trợ con người bảo vệ vật nuôi và đảm bảo lợi ích từ quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng vật nuôi của họ. Nhiều thảm họa làm trầm trọng thêm các nguy cơ sức khỏe của động vật và làm tăng khả năng bị nhiễm bệnh của vật nuôi. Chăm sóc thú y có thể giúp ngăn chặn việc đột ngột sụt giảm số lượng vật nuôi do các căn bệnh hiểm nghèo gây tỉ lệ tử vong cao. Ví dụ, hạn hán hoặc lụt lội có thể làm suy yếu tình trạng vật nuôi và làm tăng nguy cơ bùng phát dịch bệnh; còn tình trạng ngập úng có thể làm mất lớp đất mặt, tạo điều kiện thuận lợi cho sự lan tràn của bệnh than. Những thảm họa khác như động đất có thể làm vật nuôi bị thương hoặc tàn tật . Trong những tình huống dẫn tới tỉ lệ tử vong cao ở vật nuôi, cộng đồng có thể mất đến hàng năm để phục hồi tài sản vật nuôi. Bất kể những tài sản này là những đàn vật nuôi lớn của các chủ đàn vật nuôi, một con lừa, một đôi bò kéo hay vài con gà thì đều có đóng góp đáng kể cho sinh kế của họ. Chăm sóc thú y còn có thể hạn chế bớt ảnh hưởng của các bệnh mãn tính, dẫn tới giảm khả năng cung cấp sữa, chất lượng sinh sản hoặc giảm khả năng sử dụng vật nuôi để vận chuyển. Nhìn chung, các vắc xin và thuốc thú y hoàn toàn không đắt đỏ so với giá trị kinh tế (và những giá trị khác) của vật nuôi.

Trong lịch sử, các bệnh dịch của vật nuôi như bệnh dịch hạch đã gây ra nhiều cuộc khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo. Tuy nhiên, ngày nay, bệnh dịch hạch đã bị xóa sổ gần như trên toàn thế giới và rất ít bệnh dịch gây tử vong cao còn tồn tại trên phạm vi rộng. Các bệnh dịch vật nuôi có thể vẫn xảy ra trong các khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo, nhưng thường không phải là nguyên nhân gây ra những khủng hoảng này. Tiêu chuẩn và Hướng dẫn về Cứu trợ Vật nuôi tronng Tình trạng Khẩn cấp không bao gồm thông tin về phương

thức phòng ngừa hay cách kiểm soát những bệnh dịch nghiêm trọng mang tầm quốc tế vì những hướng dẫn này đã được cung cấp trên mạng của OIE và FAO (xem www.oie.int; www.fao.org/ag/againfo/programmes/en/empres/home.asp).

Các biện pháp cứu trợ thú y

Chương này giới thiệu hai biện pháp cứu trợ thú y. Loại thứ nhất là *dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu*, đây là biện pháp ưu tiên được dùng trong tình trạng khẩn cấp. Tuy nhiên, biện pháp cứu trợ thứ hai là *hỗ trợ cơ sở thú y của nhà nước* cũng có thể phù hợp, đặc biệt trong những trường hợp thảm họa kéo dài hoặc trong giai đoạn phục hồi của thảm họa khởi phát chậm hoặc khởi phát nhanh.

Dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu

Ở nhiều quốc gia đang phát triển, việc cung cấp dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu đang trong giai đoạn quá độ, chuyển từ nhà nước sang tư nhân. Đối với những tình huống sau thảm họa, sự phát triển của hệ thống thú y tư nhân có thể đem lại các dịch vụ thú y có chất lượng. Nhìn chung, ở bất cứ quốc gia nào thì dịch vụ thú y cũng được cung cấp chủ yếu ở các thành phố và thị trấn lớn. Ở những vùng xa xôi, ở nông thôn hay những vùng bị thiệt thòi, hoạt động chăm sóc thú y do đội ngũ y sỹ thú y đảm nhiệm. Họ được ký hợp đồng phụ trong thời gian xảy ra khủng hoảng để cung cấp dịch vụ thú y, hoặc cung cấp các dịch vụ này thông qua chương trình phát phiếu chữa bệnh.

Khám và điều trị cá thể hoặc cả đàn vật nuôi

Thông qua các dịch vụ cố định hoặc lưu động, các cứu trợ thú y trong tình trạng khẩn cấp có thể nhằm mục đích cung cấp dịch vụ thú y lâm sàng cho người chăn nuôi, bao gồm việc điều trị vật nuôi bị ốm hoặc tiêm vắc xin. Những dịch vụ như vậy có thể mang lại lợi ích tức thời cho người sử dụng, giúp họ tiếp cận được với dịch vụ, với điều kiện quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh có chất lượng đảm bảo.

Trong trường hợp dịch vụ thú y có thể được cung cấp miễn phí, thì độ bao phủ của dịch vụ còn phụ thuộc vào nguồn tài chính sẵn có từ các tổ chức cứu trợ. Trong nhiều trường hợp, chỉ một phần nhỏ trong số vật nuôi bị ảnh hưởng bởi thảm họa được sử dụng những dịch vụ này. Hơn nữa, nếu không được giám sát chặt chẽ, có thể xảy ra rủi ro là những dịch vụ miễn phí không thực sự đến được với người chăn nuôi, và người sử dụng dịch vụ phải trả phí dịch vụ tại điểm cung cấp. Việc quyết định loại vật nuôi và loại bệnh cần được điều trị, cũng như phương pháp điều trị được xác định dựa trên mục đích của từng tổ chức cụ thể và đánh giá lâm sàng của nhân viên thú y tại nơi xảy ra bệnh. Nếu nhân viên cứu trợ cung cấp dịch vụ thú y lâm sàng độc lập với chi cục thú y địa phương, thì rất có thể họ sẽ làm suy giảm vai trò

và khả năng phát triển dài hạn của thú y địa phương. Việc hợp tác là hết sức thiết yếu để các biện pháp cứu trợ của những tổ chức khác nhau không mâu thuẫn, ảnh hưởng xấu đến nhau cũng như ảnh hưởng không tốt tới các đơn vị cung cấp dịch vụ sẵn có.

Các hệ thống cung cấp dịch vụ thú y lâm sàng khác nhằm sử dụng đội ngũ thú y viên sẵn có, hoặc tuyển chọn và đào tạo nhanh y sỹ thú y. Những phương thức này giúp nâng cao năng lực địa phương, hỗ trợ cải thiện các hệ thống phân phối dịch vụ tiềm năng về lâu dài và khi mức độ cảnh báo giảm đi. Chúng còn có thể giúp cải thiện khả năng sử dụng và tính sẵn có của dịch vụ, nhưng việc các hộ chăn nuôi có khả năng chi trả hay không cũng rất quan trọng. Phương thức thứ ba liên quan đến việc áp dụng dần hình thức trả tiền cho dịch vụ. Theo phương thức này, sẽ miễn phí dịch vụ trong những giai đoạn khẩn cấp của thảm họa, sau đó người chăn nuôi phải trả phí dịch vụ trong những giai đoạn tiếp theo và khi thị trường vật nuôi bắt đầu hoạt động.

Khi cân nhắc việc cung cấp dịch vụ thú y lâm sàng, các tổ chức phải xem xét đảm bảo cân bằng giữa các phương thức khác nhau. Rất ít bằng chứng cho thấy việc cung cấp miễn phí dịch vụ thú y lâm sàng cho từng cá thể vật nuôi mang lại lợi ích sinh kế rõ rệt cho các khu dân cư bị ảnh hưởng bởi thảm họa, hay việc này có tính hiệu quả kinh tế hoặc đảm bảo tính công bằng. Trong khi đó, nhiều bằng chứng hơn chứng tỏ hệ thống hỗ trợ chăm sóc thú y dựa trên việc tự chi trả lại mang lại lợi ích sinh kế tốt hơn, đặc biệt là trong những cuộc khủng hoảng kéo dài. Trong những hệ thống này, các nghiên cứu cho thấy rõ tỷ lệ tử vong của vật nuôi được giảm xuống và cải thiện được quá trình tiếp cận dịch vụ, sự sẵn có của dịch vụ và khả năng chi trả cho dịch vụ. Khi đã lên kế hoạch sử dụng phương pháp thú y có sự tham gia của nhiều thành phần, những hệ thống này giúp người chăn nuôi có sự lựa chọn ưu tiên giải quyết một số vấn đề về sức khỏe vật nuôi.

Những kinh nghiệm này chỉ ra rằng việc cung cấp dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu trong khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo cần dựa trên những phương thức như:

- ủng hộ hoặc thiết lập nhanh chóng đội ngũ y sỹ thú y với sự giám sát tổng thể của các bác sỹ thú y.
- quan tâm kịp thời đến việc thanh toán chi phí cho dịch vụ thông qua biện pháp cấp phiếu khám sức khỏe vật nuôi cho những người chăn nuôi có vật nuôi dễ bị ảnh hưởng nhất, còn những người khác phải nhanh chóng thanh toán toàn bộ chi phí.
- cân nhắc nguyên tắc lựa chọn, nghĩa là người chăn nuôi có quyền lựa chọn loại hình dịch vụ phòng ngừa hoặc điều trị mà họ cần đối với tất cả các loại bệnh, chứ không chỉ là những loại bệnh nằm trong danh mục kiểm soát dịch bệnh chính thức.

Các chương trình chữa bệnh trên phạm vi rộng hoặc chương trình vắc xin

Đôi khi, song song với việc chăm sóc y tế cho cá thể vật nuôi hoặc cả đàn vật nuôi là các chương trình chữa bệnh hoặc tiêm vắc xin trên phạm vi rộng, áp dụng cho toàn bộ vật nuôi

trong khu vực bị ảnh hưởng bởi bệnh dịch. Các chương trình chữa trị thường tập trung vào việc sử dụng thuốc diệt ký sinh trùng, đặc biệt với các nhiễm khuẩn sán đường ruột và ký sinh ngoài. Trong khi đó, các chương trình vắc xin lại thường hướng tới các bệnh như bệnh than, bệnh do vi khuẩn hình que hay do vi khuẩn gram âm gây ra, và bệnh Newcastle. Đa số các chương trình chữa trị hoặc vắc xin là các hoạt động chỉ được tiến hành một lần và được cung cấp miễn phí cho các chủ vật nuôi.

Các chương trình chữa trị trên phạm vi rộng tiến hành một lần được áp dụng khá rộng rãi và thường sử dụng một lượng lớn thuốc thú y. Mặc dù một số bằng chứng lâm sàng cho thấy chúng có thể nâng cao khả năng sống sót của vật nuôi và chất lượng sản phẩm vật nuôi trong các tình trạng khẩn cấp hoặc trong giai đoạn phục hồi, nhưng có rất ít nghiên cứu định lượng thuyết phục về mặt dịch tễ học hoặc kinh tế học của các chương trình này. Bằng chứng ít ỏi sẵn có cho thấy ảnh hưởng tích cực của chương trình nhưng không phân biệt rõ lợi ích của từng phương pháp điều trị.

Liên quan đến chương trình tiêm vắc xin một lần được áp dụng trên phạm vi rộng trong các tình trạng khẩn cấp, thực tế cho thấy một số khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo có thể xảy ra tại những thời điểm không phải là giai đoạn có nguy cơ cao đối với các bệnh có thể ngăn ngừa được bằng việc tiêm phòng ở vật nuôi. Trong những trường hợp này thì việc tiêm phòng hầu như không mang lại tác dụng gì. Ở những trường hợp khác, nếu được thực hiện tốt, việc tiêm phòng có thể giúp ngăn ngừa vật nuôi bị chết do các bệnh liên quan đến khủng hoảng, như ổ dịch than xuất hiện sau khi một vùng bị lũ lụt. Cũng như các chương trình điều trị trên phạm vi rộng, có rất ít bằng chứng định lượng về tác động của việc tiêm phòng cho vật nuôi trong các khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo. Trong một đất nước hoặc một lãnh thổ, cần tiến hành việc tiêm phòng theo các chính sách kiểm soát dịch bệnh chính thức và sử dụng các hướng dẫn tiêm phòng đã được thừa nhận, có quy định rõ thời gian phù hợp để tiêm phòng và yêu cầu phải hoàn thành một chương trình tiêm phòng đầy đủ. Việc có sẵn dây chuyền bảo quản lạnh chất lượng tốt cũng rất quan trọng để quá trình tiêm phòng được hiệu quả, trừ phi các vắc xin dùng trong tiêm phòng có thể bảo quản được ở nhiệt độ thường. Nhìn chung, chính phủ và các tổ chức cứu trợ nên thực hiện chương trình tiêm phòng như là một hoạt động phát triển chuẩn mực, chứ không phải chỉ tiêm phòng trong các tình trạng khẩn cấp. Khi được sử dụng như là thành tố của một chương trình phòng bệnh được thiết kế tốt, việc tiêm phòng có thể là một phương tiện kinh tế hữu hiệu để đảm bảo mạng sống cho vật nuôi. Mặc dù được chính phủ coi là "dịch vụ công", nhưng việc ngăn ngừa các bệnh như các bệnh gây ra bởi vi khuẩn hình que hay vi khuẩn hình gram âm thực ra là dịch vụ tư và lý tưởng nhất là cần được thực hiện bởi các khu vực tư nhân ("dịch vụ công" là dịch vụ mà ai cũng có thể tiếp cận, chừng nào việc sử dụng của một cá nhân không ảnh hưởng xấu tới tiềm năng sử dụng của những người khác. Chủ sở hữu của "dịch vụ tư", trái lại, có thể ngăn cản

những người khác sử dụng dịch vụ, và một khi dịch vụ tư đã được sử dụng thì không thể dùng lại được nữa.)

Hỗ trợ cho các cơ sở thú y của nhà nước trong tình trạng khẩn cấp

Trong các khủng hoảng kéo dài, cần hỗ trợ các chức năng chủ chốt của hệ thống thú y nhà nước. Sự hỗ trợ như vậy là cần thiết để trợ giúp khả năng đã bị suy yếu của chính phủ, hoặc trong trường hợp không có sự hiện diện của một tổ chức nhà nước được chính thức công nhận.

Hệ thống thú y của nhà nước

Hệ thống thú y nhà nước đảm nhận việc phòng ngừa hoặc kiểm soát các bệnh động vật có thể lây nhiễm sang con người qua đường thức ăn hoặc qua tiếp xúc giữa động vật và con người, và đây là một chức năng chủ chốt của thú y khu vực nhà nước. Những bệnh lây truyền từ động vật sang người gồm bệnh than, bệnh vi khuẩn sammon, bệnh lao, bệnh do vi khuẩn ở vật nuôi, bệnh dại, ghẻ lở, bệnh sốt thung lũng rift hay bệnh cúm gia cầm có độc lực cao. Như đã được đề cập đến ở phần giới thiệu, các hướng dẫn cụ thể để phòng chống và kiểm soát đa số những bệnh này đều có trên trang web của FAO và OIE.

Thảm họa có thể dẫn tới các di chuyển bất thường ở vật nuôi, sử dụng vùng chăn thả một cách bất thường, tỷ lệ vật nuôi tử vong cao, tiếp đó là hoạt động đào bới xác chết của các loài ăn thịt hoang dã, hoặc làm nảy sinh tiếp xúc gần giữa vật nuôi và con người. Những tình huống này có thể tăng nguy cơ lây bệnh từ động vật sang người. Sự lựa chọn phương pháp kiểm soát bệnh phụ thuộc vào từng loại bệnh và trong nhiều trường hợp phải đảm bảo sự phối hợp giữa các dịch vụ thú y và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe con người.

Một số ví dụ về các hoạt động của hệ thống thú y nhà nước trong khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo gồm:

- các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng về bệnh dại và các chương trình tiêm phòng bệnh dại;
- các chiến dịch giáo dục cộng đồng để kiểm soát bệnh lao hoặc bệnh do vi khuẩn gây ra ở vật nuôi, ví dụ như thông qua việc tăng cường công tác vệ sinh phòng dịch và khuyến khích sử dụng sữa đã được đun sôi;
- kiểm soát chó đi hoang và các động vật ăn thịt hoang dã như linh cẩu hay chó rừng.

Giám sát bệnh

Tại một số khu vực, hoạt động kinh doanh vật nuôi hoặc các sản phẩm từ vật nuôi trên thị trường quốc tế rất quan trọng đối với sinh kế của chủ vật nuôi. Quá trình thương mại này

phần nào phải tuân theo các tiêu chuẩn thú y quốc tế được áp dụng với các thông tin về dịch bệnh nhằm đánh giá nguy cơ một nước cụ thể nào đó có thể xuất khẩu bệnh của vật nuôi. Nguồn thông tin chính về bệnh của vật nuôi là các hệ thống giám sát của chính phủ; do đó, bất kỳ hoạt động giám sát bệnh nào cũng phải được thiết kế qua sự hợp tác với các cơ quan chức năng của chính phủ nếu có.

Dưới đây là một số ví dụ về các hoạt động giám sát bệnh trong các khủng hoảng cần cứu trợ nhân đạo:

- sử dụng y sỹ thú y để báo cáo về các ổ dịch;
- các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng đối với các bệnh dịch lớn;
- các hoạt động hỗ trợ hệ thống giám sát bệnh của chính quyền địa phương hoặc chính phủ, như các hệ thống kết nối báo cáo về dịch bệnh của y sỹ thú y với các hệ thống báo cáo dịch bệnh chính thức;
- tăng cường hoạt động điều tra và ứng phó kịp thời với việc bùng phát dịch bệnh.

Liên hệ với những chương khác

Chỉ riêng công tác chăm sóc thú y không thể đảm bảo sự tồn tại và duy trì sản lượng của vật nuôi trong những trường hợp thảm họa. Vật nuôi còn cần được cung cấp thức ăn, nước uống, và cả chỗ ở trong một số khu vực. Do đó, chăm sóc thú y cần được kết hợp với các loại hình hỗ trợ vật nuôi khác đã được miêu tả trong các chương khác của LEG (xem Chương 6: Đảm bảo nguồn thức ăn, và Chương 7: Cung cấp nước uống). Các dịch vụ thú y có thể hỗ trợ các hoạt động cứu trợ như giảm đàn vật nuôi, do đó giúp đảm bảo sự sống cho số vật nuôi còn lại (xem Chương 4) cũng như hỗ trợ quá trình kiểm tra trước khi giết mổ hoặc khám nghiệm xác vật nuôi. Hỗ trợ thú y cũng rất cần trong quá trình cung cấp vật nuôi trong giai đoạn phục hồi sau thảm họa, gồm công tác kiểm tra vật nuôi trước khi mua cũng như cung cấp các dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu sau khi bán vật nuôi (xem Chương 9: Quá trình cung cấp vật nuôi)

Bảng 5.1 Ưu điểm và nhược điểm của các phương thức cung cấp dịch vụ thú y

Phương thức		Ưu điểm	Nhược điểm
Dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu	Kiểm tra và chữa trị cá thể hoặc đàn vật nuôi	• Có tính linh hoạt và chăm sóc thú y cho từng trường hợp cụ thể • Có thể hỗ trợ các đơn vị cung cấp dịch vụ sẵn có của khu vực tư nhân, ví dụ qua các chương trình phát phiếu tiêm phòng • Mang lại cho các chủ vật nuôi	• Nếu được cung cấp miễn phí sẽ hạn chế độ bao phủ và khoảng thời gian cung cấp dịch vụ theo ngân sách • Nếu được cung cấp miễn phí sẽ có nguy cơ làm suy yếu các đơn vị cung cấp dịch vụ sẵn có

		nhiều sự lựa chọn hơn để tìm được dịch vụ cần thiết • Có tính bao quát lớn, đặc biệt là khi sử dụng các y sỹ thú y được đào tạo và được giám sát tốt • Cho phép điều trị dự phòng chiến lược, hoặc tiêm phòng cho các cá thể hoặc đàn vật nuôi có nguy cơ bị bệnh • Trong các tình trạng khẩn cấp phức tạp, có thể được sử dụng để thiết lập một dịch vụ thú y cấp cơ sở ở những vùng mà dịch vụ này chưa phát triển.	
	Các chương trình tiêm phòng hoặc chữa bệnh trên phạm vi rộng	• Tương đối dễ thiết kế và áp dụng	• Ít bằng chứng định tính về ảnh hưởng tới tỷ lệ tử vong hoặc sản lượng vật nuôi • Ở nhiều khu vực trang thiết bị chẩn đoán còn yếu kém • Khó thiết kế các chương trình tiêm phòng quy mô lớn khi thiếu thông tin dịch tễ • Phạm vi áp dụng của chương trình thường được quyết định bởi ngân sách thay vì các tiêu chí kỹ thuật • Việc điều trị và tiêm phòng miễn phí có thể làm suy yếu dịch vụ thú y của khu vực tư nhân • Nhiều loại vắc xin đòi hỏi phải thiết lập hoặc có các dây chuyền bảo quản lạnh • Những vật nuôi đã bị suy yếu (ví dụ do thiếu thức ăn) thì cơ thể có thể phản ứng miễn dịch yếu
Hỗ trợ các cơ sở thú y nhà nước	Hệ thống thú y nhà nước	• Đầu tư để nâng cao nhận thức của người dân thường không tốn kém • Có thể tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ hợp tác giữa hệ thống chăm sóc thú y và chăm sóc sức khỏe con người	• Có thể phải có chuyên gia về truyền thông để thiết kế và kiểm tra các tài liệu giảng dạy bằng ngôn ngữ địa phương • Nếu không được điều phối và tính toán thời gian cẩn thận thì có thể làm chệch hướng các nguồn lực khỏi mục đích hỗ trợ trực tiếp hơn dựa trên sinh kế.
	Hệ thống	• Có thể hỗ trợ tất cả các hoạt	• Cần dựa trên các mục tiêu giám sát

	giám sát sức khỏe vật nuôi	động cứu trợ thú y khác và hỗ trợ đánh giả ảnh hưởng của các loại cứu trợ này • Tăng cường mối liên hệ giữa cơ quan thú y trung ương và vùng bị dịch bệnh • Có thể giúp thúc đẩy việc kinh doanh vật nuôi trên thị trường quốc tế ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ	được xác định rõ ràng • Quá trình này có nguy cơ sẽ bị chi phối bởi dữ liệu chứ không còn là quá trình định hướng hành động • Nếu không được điều phối và tính toán thời gian cẩn thận thì có thể làm chệch hướng các nguồn lực khỏi mục đích hỗ trợ trực tiếp hơn dựa trên sinh kế

Xác định thời điểm cứu trợ

Việc hỗ trợ dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu có thể phù hợp đối với cả tình trạng khẩn cấp hoặc không khẩn cấp. Tuy nhiên, việc hỗ trợ cơ sở thú y của nhà nước có vẻ phù hợp nhất trong giai đoạn phục hồi, khi các mối đe dọa trước mắt tới sự sống của vật nuôi và sự hoành hành của bệnh tật đã qua đi.

Bảng 5.2 Quá trình xác định thời điểm cứu trợ thú y

Biện pháp	Khởi phát nhanh			Khởi phát chậm			
	Ngay sau thảm họa	Phục hồi sớm	Phục hồi	Cảnh báo	Báo động	Khẩn cấp	Phục hồi
Dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu	→	→	→	→	→	→	→
Hỗ trợ các cơ sở thú y nhà nước		→	→				→

Khả năng bị tổn thương và năng lực của các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thảm họa

Việc thiết kế quá trình điều phối các dịch vụ thú y bước đầu một cách hiệu quả và công bằng đòi hỏi sự hiểu biết về tình trạng sở hữu và sử dụng vật nuôi của các nhóm kinh tế - xã hội khác nhau trong cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thảm họa. Những nhóm dễ bị tổn thương, ví dụ như các hộ gia đình do phụ nữ đứng đầu, thường sở hữu các vật nuôi đặc trưng như gia cầm, động vật nhai lại, lừa, và do đó rất cần xem xét các vấn đề sức khỏe chính ảnh hưởng tới các vật nuôi này.

Tương tự như dịch vụ y tế cơ bản, dịch vụ thú y cần đáp ứng các tiêu chí: khả năng tiếp cận, sự sẵn có, khả năng chi trả, mức độ chấp nhận được và chất lượng đảm bảo. Trong những tình huống thảm họa, hai trong số những tiêu chí này là đặc biệt quan trọng, và đôi khi gây tranh luận, đó là khả năng tiếp cận và khả năng chi trả.

Khả năng tiếp cận

Ở những vùng xa xôi có cơ sở hạ tầng và giao thông thiếu thốn, việc cung cấp dịch vụ thú y là một thử thách ngay cả trong giai đoạn bình thường. Cách duy nhất để tiếp cận các cộng đồng này là đi bộ hoặc đi bằng thuyền. Nhìn chung, một cộng đồng càng xa xôi thì càng dễ bị tổn thương trước tác động của thảm họa. Trong những trường hợp này, các y sỹ thú y thường là người cung cấp dịch vụ phù hợp nhất, đặc biệt là khi xảy ra thảm họa. Cho dù tính hợp lý và ảnh hưởng của việc sử dụng y sỹ thú y là khá rõ nhưng các nhân viên thú y cộng đồng (NVTYCĐ) đôi khi không được các hệ thống thú y sẵn có thừa nhận và có thể không được hợp pháp hóa do bị nhận thức sai về khả năng của họ. Ngoài ra, sự xuất hiện của các NVTYCĐ có thể sẽ đe dọa đến việc cung cấp dịch vụ thú y độc quyền, vốn được cho là chỉ thuộc về những người được đào tạo bài bản. Tuy nhiên, thực ra, NVTYCĐ là tên một loại hình nghề nghiệp hỗ trợ chăm sóc thú y theo tiêu chuẩn quốc tế được OIE đặt ra, và do đó những nhân viên NVTYCĐ đã được giám sát và đào tạo tốt luôn cần được coi là những người cung cấp dịch vụ thú y tiềm năng trong các thảm họa.

Khả năng chi trả

Các xu hướng tư hữu hóa dịch vụ thú y lâm sàng ở những khu vực đang phát triển luôn đi kèm với những tranh luận về thái độ tự nguyện chi trả dịch vụ và khả năng chi trả cho dịch vụ chăm sóc thú y tư nhân của những chủ vật nuôi có điều kiện kinh tế khó khăn hơn. Mặc dù vật nuôi mang lại giá trị kinh tế rõ ràng, trong cuộc tranh luận này, một phía cho rằng một số chủ vật nuôi không có đủ khả năng trả tiền cho các dịch vụ thú y tư nhân, và do đó họ không được sử dụng các dịch vụ này. Phía khác lại cho rằng nếu các dịch vụ y tế tư nhân được thiết kế đơn giản, dựa vào cộng đồng và có chi phí giao dịch thấp thì ngay cả những chủ vật nuôi nghèo nhất cũng sẽ sử dụng những dịch vụ đó. Khi xảy ra khủng hoảng, vấn đề giá cả hợp lý là thách thức chính đối với các tổ chức mong muốn cung cấp dịch vụ chăm sóc thú y lâm sàng nhanh chóng, hợp lý và hiệu quả. Đồng thời, những tổ chức này còn phải cố gắng hỗ trợ và đáp ứng đòi hỏi về nguồn thu nhập của các đơn vị cung cấp dịch vụ tư nhân. Các phương thức như ký hợp đồng phụ với các nhân viên thú y tư nhân hoặc sử dụng phiếu tiêm phòng có vẻ hứa hẹn và đảm bảo việc sử dụng và đánh giá rộng hơn. Những chương trình này có thể đến với những người sử dụng vật nuôi có điều kiện kinh tế khó khăn và dễ bị tổn thương hơn, trong khi vẫn giúp duy trì dịch vụ tư nhân trong thời gian khủng hoảng. Ngược lại, rất ít bằng chứng cho thấy việc các tổ chức viện trợ hoặc chính phủ cung cấp trực tiếp dịch vụ thú y miễn phí trên quy mô lớn trong các thảm họa lại giải quyết được vấn đề công bằng hoặc mang lại ảnh hưởng sinh kế đáng kể.

Ở nhiều xã hội, nhiệm vụ quản lý và chăm sóc vật nuôi được phân định theo giới. Do đó các cứu trợ khẩn cấp nhất thiết phải dựa trên việc hiểu biết kỹ lưỡng về vai trò, trách nhiệm của từng **giới** cũng như ý nghĩa của các hoạt động đã được định sẵn. Ví dụ, phụ nữ (và các bé gái) thường có trách nhiệm chăm sóc các vật nuôi nhỏ, gồm cả việc chẩn đoán và điều trị bệnh vật nuôi. Bởi vậy, khi lên kế hoạch cứu trợ thú y cần xem xét các hiểu biết dân gian đáng kể về thú y của họ. Phụ nữ cũng thường dễ bị tổn thương trong các tình huống khẩn cấp liên quan đến mất an ninh lương thực và những mối đe dọa khác. Do đó, phụ nữ cần được quan tâm trong các cứu trợ sức khỏe vật nuôi, khi xác định mục tiêu hoạt động cụ thể và cần tuyển dụng các NVTYCĐ là nữ giới khi có thể trong những điều kiện hợp lý.

Đối với **những người sống chung với HIV**, việc ngăn chặn các bệnh lây từ động vật sang người là đặc biệt quan trọng. Bởi vậy cứu trợ sức khỏe vật nuôi có thể mang lại lợi ích đặc biệt giúp vật nuôi đỡ bị ảnh hưởng. Hơn nữa, các sản phẩm từ vật nuôi (đã được đề cập ở trên) có thể mang lại lợi ích dinh dưỡng đáng kể cho những người sống chung với HIV. Việc tăng cường năng suất vật nuôi qua các hoạt động cứu trợ thú y nhờ vậy có thể mang lại ảnh hưởng tích cực đặc biệt đối với nhóm này. Khi các cộng đồng người và vật nuôi sống gần nhau, ví dụ ở các môi trường thành thị, quanh thành thị, các trại tị nạn hoặc trại tập trung tạm thời, thì rủi ro lây nhiễm bệnh từ động vật sang con người sẽ tăng cao. Để giảm rủi ro này, cần áp dụng các biện pháp phù hợp và luôn chuẩn bị thức ăn đầy đủ. Trong những trường hợp này, phải kết hợp các biện pháp cứu trợ vật nuôi với các thông tin liên quan đến sức khỏe con người và các dịch vụ thú y (Xem Sổ tay Sphere với các tiêu chuẩn tối thiểu về điều kiện vệ sinh và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe con người).

Bất cứ hoạt động cứu trợ thú y nào cũng cần hiểu rõ các mối nguy cơ liên quan đến **sự an toàn và mức độ bảo vệ**. Ví dụ, các nhân viên NVTYCĐ mang theo tiền mặt hoặc thuốc sẽ tăng nguy cơ bị cướp hoặc tấn công vì thuốc thú y khá đắt mà lượng lại nhỏ. Việc an ninh không đảm bảo cũng có thể kéo theo nguy cơ với sức khỏe động vật khi những động vật bị ăn trộm từ các vùng lân cận có thể mang bệnh đến cho đàn vật nuôi.

Các sáng kiến giúp bảo quản tài sản vật nuôi (ví như việc cung cấp thức ăn, nước uống hoặc dịch vụ thú y) cần tính đến ảnh hưởng tiềm tàng đối với **môi trường**, đặc biệt là trong những tình trạng khẩn cấp có ảnh hưởng nghiêm trọng tới tài nguyên thiên nhiên, ví dụ như hạn hán. Tuy nhiên, cần hiểu rằng trái với các nhận định sai lầm thông thường, việc cung cấp dịch vụ thú y hầu như không ảnh hưởng tới cỡ đàn vật nuôi, miễn là duy trì được một lượng vật nuôi đủ lớn. Ở quy mô hộ gia đình, việc nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường có thể giúp giảm các vấn đề sức khỏe động vật, đặc biệt là khi vật nuôi được nuôi ở những không gian giới hạn.

Các phương thức cung cấp dịch vụ dựa vào cộng đồng trong việc chăm sóc thú y lâm sàng bước đầu có thể cho thấy rõ **khả năng** đáng kể của người dân địa phương qua việc đóng góp trí lực quan trọng vào quá trình thiết kế và đánh giá dịch vụ. Những người vốn có

đời sống phụ thuộc nhiều vào vật nuôi thường sở hữu một kiến thức bản địa rất chi tiết về các vấn đề sức khỏe động vật, từ các triệu chứng bị bệnh, hình thức lây nhiễm, cho đến cách phòng ngừa và kiểm soát bệnh tật. Những kiến thức này được lưu lại tường tận cho những chủ đàn vật nuôi và các cộng đồng chăn nuôi nông nghiệp. Việc đào tạo và hỗ trợ người dân địa phương (như NVTYCĐ) có thể giúp mở rộng kiến thức này, đồng thời cung cấp cách thức hiệu quả, chấp nhận được ở địa phương để có thể mang dịch vụ thú y đến các cộng đồng nông thôn xa xôi. Những nhân viên như vậy còn đóng vai trò hữu ích trong hệ thống thú y nhà nước và giám sát bệnh tật. Ở những cộng đồng không phụ thuộc nhiều vào vật nuôi để sinh kế, việc sử dụng người dân địa phương như NVTYCĐ (ngay cả nếu họ đòi hỏi quá trình đào tạo chi tiết hơn so với những người ở các vùng đồng cỏ chăn nuôi) giúp đạt được sự tin tưởng của cộng đồng, tăng cường sự tham gia của cộng đồng và do đó hiệu quả được nâng cao

Các tiêu chuẩn tối thiểu

Phần 1: Các tiêu chuẩn chung về dịch vụ thú y

Trước khi tham gia vào quá trình hỗ trợ dịch vụ thú y, cần xem xét tỉ mỉ nhu cầu của vùng cư dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, mức độ sẵn có cũng như khả năng của những đơn vị cung cấp dịch vụ hiện tại, như được nêu rõ trong Hình 5.1.

Tiêu chuẩn chung 1 về dịch vụ thú y: Đánh giá và lên kế hoạch
Các cộng đồng dân cư vùng bị ảnh hưởng bởi thảm họa, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương, chủ động tham gia vào quá trình đánh giá và xác định mức độ ưu tiên cho các nhu cầu thú y.

Các tiêu chí chính

- Việc đánh giá nhanh và xác định mức độ ưu tiên cho các nhu cầu thú y được thực hiện với sự tham gia của tất cả các nhóm trong cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng bởi thảm họa, và hợp tác với chi cục thú y địa phương cũng như các đơn vị cung cấp dịch vụ nếu có (chú thích 1).
- Tất cả các đơn vị cung cấp dịch vụ thú y hiện có được xác định trên bản đồ trong khu vực bị ảnh hưởng bởi thảm họa và được phân tích về khả năng hiện tại cũng như tiềm năng nếu được giúp đỡ bởi các tổ chức viện trợ. (chú thích 2)
- Quá trình đánh giá bao gồm việc đơn vị cung cấp dịch vụ thú y sẽ phân tích khả năng chi trả dịch vụ trước khi xảy ra thảm họa (chú thích 2).
- Quá trình đánh giá gồm việc phân tích nhanh chóng chính sách hoặc các yếu tố luật pháp có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực tới các chiến lược hành động cụ thể (chú thích 3).

Hình 5.1 Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định thực hiện các dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu

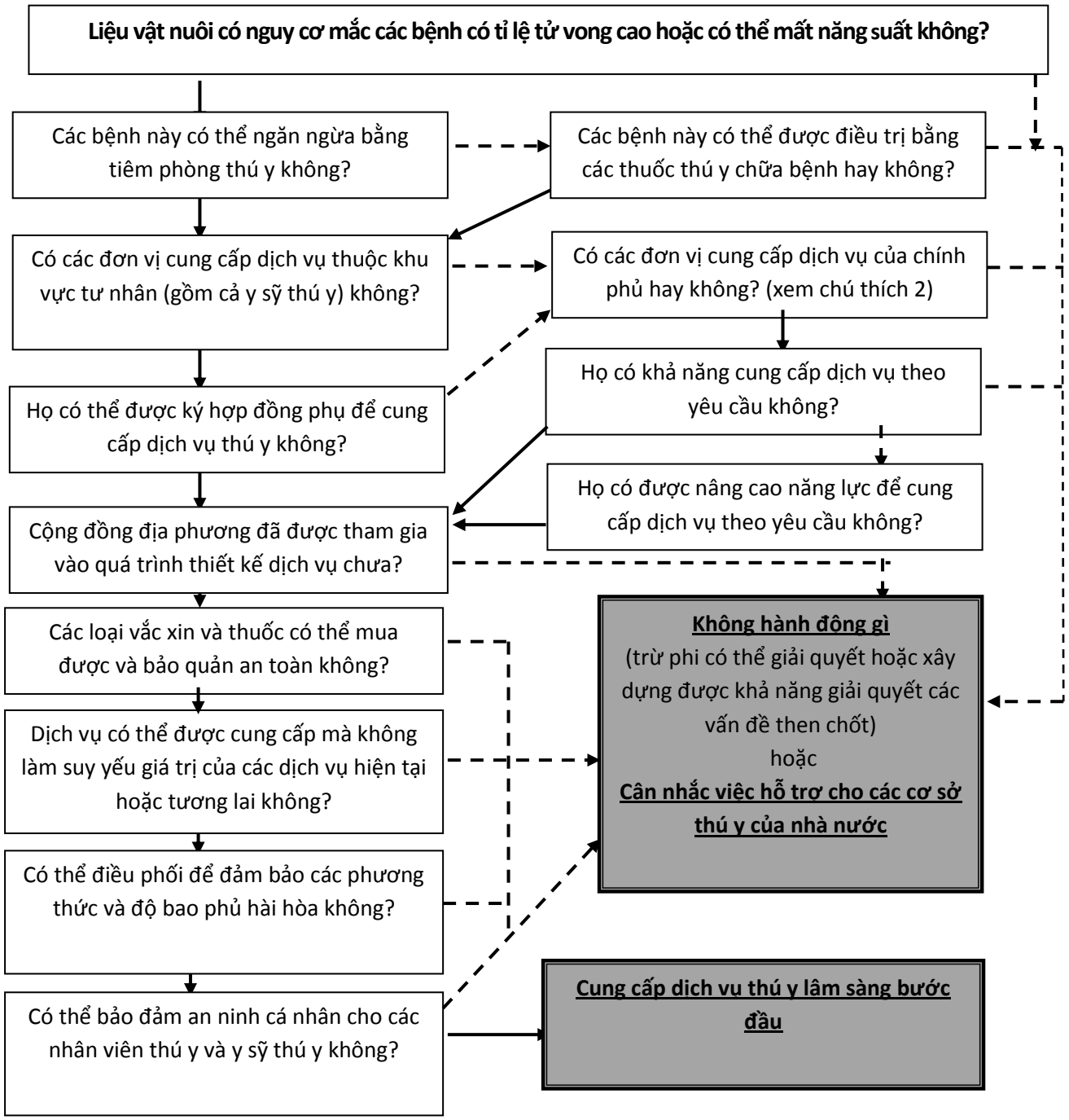

Ghi chú: ⟶ = 'có' - - - ▸ = 'không'

Chú thích:

1. Kết quả "không hành động gì (trừ phi có thể giải quyết được các vấn đề nổi trội) nghĩa là cần đào tạo thêm, hoặc xây dựng năng lực để có thể trả lời có cho các câu hỏi chính, chứ không phải là không thực hiện bất cứ hoạt động cứu trợ nào.
2. Khi không có bất kỳ một dịch vụ thú y của chính phủ hay của tư nhân (ví dụ như trong trường hợp đang xảy ra tranh chấp), có thể tận dụng hoạt động cứu trợ của các tổ chức bên ngoài trong một thời gian nhất định.

Chú thích

1. **Đánh giá nhanh, có sự tham gia của người dân:** Quá trình đánh giá nên được thực hiện thông qua việc sử dụng các nhân viên thú y có kinh nghiệm đã được đào tạo để thực hiện điều tra có sự tham gia của người dân. Quá trình đánh giá này cần quan tâm nhất định đến các ưu tiên dành cho nhóm người dễ bị tổn thương, nên tham vấn chính quyền địa phương và nhân viên thú y thuộc khu vực tư nhân. Việc đánh giá cần hướng vào mục đích xác định và đặt ưu tiên cho các vấn đề phúc lợi và sức khỏe vật nuôi để đảm bảo được sự quan tâm kịp thời, thông qua việc phân loại vật nuôi và nhóm dễ bị tổn thương. Thông tin thu thập được từ phương pháp có sự tham gia của người dân cần được kiểm tra chéo với dữ liệu thứ cấp nếu có (ví dụ như các báo cáo giám sát bệnh của chính phủ, các nghiên cứu về bệnh tật của các tổ chức nghiên cứu địa phương và những dữ liệu đã được xuất bản). Những khảo sát chính thức về bệnh vật nuôi, sử dụng phiếu điều tra và kết quả chẩn đoán trong phòng thí nghiệm thường hiếm khi áp dụng được trong điều kiện bị thảm họa, và giá trị không đáng kể của thông tin thu được về bệnh chẳng thấm vào đâu so với đòi hỏi về thời gian, tiền bạc và nhu cầu cần hành động nhanh chóng. Có thể xem danh mục cần kiểm tra và các phương pháp đánh giá ở Phụ lục 5.1 (xem thêm Phụ lục 2.2: Đánh giá và phản hồi đối với các phương pháp điều tra có sự tham gia của người dân). Nên áp dụng các phương pháp dịch tễ học có sự tham gia của người dân khi cần tiến hành các khảo sát hoặc nghiên cứu về bệnh vật nuôi trong những khủng hoảng kéo dài, như một cách để điều chỉnh các chiến lược kiểm soát dịch bệnh (xem Catley, 2005).
2. **Phân tích các đơn vị cung cấp dịch vụ thú y:** Việc nắm được vị trí các đơn vị cung cấp dịch vụ hiện tại – bao gồm bác sỹ và y sỹ thú y – và hiểu biết về các hoạt động cũng như phạm vi hoạt động của họ sẽ giúp các tổ chức hoạch định được một chiến lược nhằm cung cấp dịch vụ trong suốt thời gian xảy ra thảm họa, gồm việc xây dựng kế hoạch nhằm thu hẹp khoảng cách về địa lý cũng như việc tiếp cận với nhóm dễ bị tổn thương. Việc phân loại y sỹ thú y là khác nhau tùy từng quốc gia nhưng theo luật và các tiêu chuẩn thú y quốc tế thì bao gồm đội ngũ trợ giúp bác sỹ thú y, hệ thống hỗ trợ thú y, các kỹ thuật viên về thú y và nhân viên thú y cộng đồng (NVTYCĐ). Các biện pháp cung cấp dịch vụ thú y không chính thống còn bao gồm cả những người chữa bệnh theo phương pháp truyền thống và những "người bán thuốc thú y". Trong quá trình phân tích này, cũng nên xem lại bảng giá của các đơn vị cung cấp dịch vụ khác nhau. Trong một số tình huống khẩn cấp (thường do xung đột), có thể xảy ra trường hợp cả chính phủ và khu vực tư nhân đều không có khả năng cung cấp dịch vụ thú y. Trong những trường hợp như vậy thì các tổ chức bên ngoài cần hỗ trợ việc cung cấp dịch vụ (ví dụ như thông qua các chương trình đào tạo NVTYCĐ hoặc

đào tạo chính những người chủ vật nuôi), dựa trên một chiến lược rút lui rõ ràng và có kế hoạch xây dựng năng lực của chính phủ hoặc tư nhân khi có thể.

3. **Chính sách và các quy định pháp luật:** Quá trình đánh giá rà soát nhanh chính sách của chính phủ và tổ chức, các quy định hoặc quy trình liên quan đến việc lựa chọn phương pháp thực hiện. Ở một số nước, một số y sỹ thú y không được pháp luật thừa nhận và quyền hạn của họ bị giới hạn ở một số hoạt động thú y nhất định. Một số quốc gia lại quy định phải tuân thủ chính sách kiểm soát bệnh vật nuôi, còn những phương pháp khác cần được kiểm nghiệm trước khi áp dụng. Đôi khi, việc sử dụng một số loại sản phẩm thú y nhất định cũng bị hạn chế theo quy định của các tổ chức đăng ký dược quốc gia. Việc sử dụng ngân sách tài trợ để mua thuốc thú y đôi khi bị cản trở bởi các yêu cầu quan liêu từ các nhà tài trợ, do vậy cản trở việc mua thuốc nhanh chóng và phù hợp trong các tình huống khẩn cấp. Sự hiểu biết về phạm vi áp dụng chính sách là hết sức quan trọng để xác định những trở ngại có thể xuất hiện, nó cũng là cơ sở để vận động hoặc hỗ trợ chính sách (xem Chương 3, Tiêu chuẩn chung số 8: Hỗ trợ và chính sách)

Phần 2: Các dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu

Tiêu chuẩn 1 về cung cấp dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu: Thiết kế và thực hiện dịch vụ

Các dịch vụ thú y được thiết kế phù hợp với môi trường chính sách, tình hình xã hội, an ninh và khả năng chuyên môn của địa phương và được thực hiện với sự tham gia tích cực của các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thảm họa.

Các tiêu chí chính

- Quá trình thiết kế dịch vụ được tiến hành trực tiếp theo kết quả đánh giá sơ bộ, sử dụng thông tin và phân tích kết quả đánh giá, và dựa trên sự tham gia tích cực của các cộng đồng chịu ảnh hưởng của thảm họa, bao gồm cả các nhóm dễ bị tổn thương (xem chú thích 1).
- Quá trình thiết kế dịch vụ xem xét các yếu tố cụ thể để tiếp cận được các nhóm dễ bị tổn thương và đặc biệt là tìm hiểu được các thách thức về khả năng tiếp cận và khả năng chi trả (xem chú thích 2)
- Quá trình thiết kế dịch vụ phải xem xét nhu cầu thu mua nhanh chóng, mức độ sẵn có của thuốc và vắc xin thú y phù hợp, sản phẩm đạt chất lượng và bảo quản phù hợp ở điều kiện thường (xem chú thích 3)
- Quá trình thiết kế bao gồm việc đào tạo nhanh chóng các đơn vị cung cấp dịch vụ tại địa phương khi cần (xem chú thích 4).

- Quá trình thiết kế dựa trên các chuẩn mực văn hóa và xã hội địa phương và phải đặc biệt quan tâm đến vai trò giới (chú thích 5).
- Quá trình thiết kế giúp đảm bảo tối đa an ninh của người dân địa phương, các đơn vị cung cấp dịch vụ thú y và các nhân viên cứu trợ (xem chú thích 6).
- Vai trò và trách nhiệm của tất cả các bên được cụ thể hóa bằng văn bản và áp dụng khi thấy phù hợp và cần thiết, tạo cơ sở cho các thỏa thuận bằng văn bản (xem chú thích 7).

Chú thích

1. **Thiết kế dựa trên kết quả đánh giá:** Quá trình thiết kế dịch vụ phải nhằm mục đích giải quyết ưu tiên về thú y được xác định trong quá trình đánh giá sơ bộ. Việc giải quyết toàn bộ các vấn đề sức khỏe vật nuôi của dịch vụ thú y ở mức độ lâm sàng trong những tình huống khẩn cấp là hầu như không thể và cũng không phù hợp. Trong đa số trường hợp, có thể sử dụng một số loại vắc xin và thuốc để ngăn ngừa hoặc điều trị cho một số bệnh vật nuôi quan trọng nhất trong một khu vực nhất định. Việc tập trung ưu tiên giải quyết chỉ một số bệnh vật nuôi có nguy cơ cao cần được tất cả các bên tham gia (gồm cả chủ vật nuôi) hiểu biết và đồng ý. Trong những trường hợp không thể giải quyết được những vấn đề ưu tiên (ví dụ không có sự hỗ trợ kỹ thuật như các dây chuyền bảo quản lạnh), thì quá trình này phải được sự đồng ý của tất cả các bên liên quan, trong đó có cả cộng đồng được trợ giúp. Tương tự như vậy, việc xác định thời gian phù hợp để cứu trợ (đặc biệt khi dùng vắc xin) cần được thảo luận và thống nhất bởi tất cả bên liên quan. Cộng đồng bị ảnh hưởng bởi thảm họa nên tích cực tham gia vào quá trình thiết kế dịch vụ trong mọi trường hợp.
2. **Tiếp cận các nhóm dễ bị tổn thương:** Quá trình cung cấp dịch vụ phải tính đến các loại vật nuôi do các nhóm dễ tổn thương sở hữu hoặc sử dụng, và nên hướng tới giải quyết vấn đề sức khỏe chính của những vật nuôi này. Việc dễ bị tổn thương, xét dưới góc độ cung cấp dịch vụ thú y bước đầu cũng đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt tới khả năng sử dụng và khả năng chi trả để tăng cường khả năng sử dụng dịch vụ công bằng. Việc tiếp cận được các vùng xa xôi nhất với cơ sở hạ tầng giới hạn đòi hỏi một chi phí tương đối lớn (ví dụ như phải chuyên chở bằng máy bay), sẽ giới hạn độ bao phủ của dịch vụ, hoặc phải sử dụng đội ngũ y sỹ thú y có thể đi bộ, dùng vật nuôi kéo, xe đạp, tàu thuyền hoặc các phương tiện giao thông địa phương khác. Trong một số trường hợp, chương trình thú y còn phải cung cấp hoặc hỗ trợ các phương tiện giao thông địa phương cho nhân viên thú y. Đối với những thảm họa diễn biến bất ngờ, phương tiện giao thông có thể được cung cấp miễn phí; còn trong trường hợp khủng hoảng kéo dài thì chi phí giao thông cần được các bên liên quan cùng chia sẻ. Chiến lược thực hiện chi trả dịch vụ thú y cần tính đến nhu cầu cung cấp dịch vụ

nhanh và công bằng, đồng thời cũng hỗ trợ đội ngũ nhân viên thú y của khu vực tư nhân khi có thể. Đối với những nhóm dễ tổn thương, các tổ chức có thể ký hợp đồng phụ với những nhân viên thú y tư nhân để cung cấp dịch vụ trong một khoảng thời gian ngắn xác định. Phát phiếu tiêm chủng là một ví dụ của loại hình này, trong đó những người sử dụng vật nuôi được lựa chọn sẽ được cấp phiếu tiêm phòng cho phép họ được hưởng dịch vụ thú y nhất định. Nhân viên thú y tư nhân sau đó sẽ thu phiếu này và dùng nó để đổi lấy tiền mặt từ các tổ chức viện trợ. Ở những khu vực mà dịch vụ thú y tư nhân khá phát triển hoặc khi chính phủ yêu cầu phải trả tiền cho các dịch vụ thú y thì việc tiếp cận nên theo chính sách giá cả sẵn có, chứ không nên căn cứ vào các nhóm dễ bị tổn thương đã được xác định. Để tránh rắc rối, cần có sự tham gia của cộng đồng và thống nhất với các đại diện cộng đồng trong những vấn đề này, đồng thời trao đổi rõ ràng với tất cả các bên liên quan.

3. **Mua bán và lưu trữ:** Những đơn vị cung cấp dịch vụ khác nhau trong và ngoài nước sẽ có những chuẩn chất lượng khác nhau về thuốc và dịch vụ thú y, đồng thời khả năng cung cấp một lượng lớn thuốc với thời hạn sử dụng phù hợp cũng sẽ khác nhau, tùy vào thời gian ký hợp đồng cung cấp. Việc mua thuốc thú y có thể phức tạp hơn do mức độ bị bệnh của những loài vật nuôi khác nhau và thuốc dự phòng và điều trị một loại bệnh cụ thể cũng rất đa dạng. Một số loại vắc xin thú y khi áp dụng yêu cầu phải có sự cách ly với các ổ dịch và nguồn bệnh địa phương thì mới đảm bảo có thể phòng bệnh. Do đó, cần xác định được lượng vắc xin chính xác và những tổ chức chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc mua vắc xin phải được chuyên gia tư vấn. Các nhà nhập khẩu địa phương, thường có văn phòng ở các thành phố đô thị, có thể là một nguồn cung cấp thuốc sẵn có với số lượng vừa phải. Tuy nhiên, cần kiểm tra chất lượng, hạn sử dụng và quá trình bảo quản trước đây của những loại thuốc này. Ở điều kiện thông thường, phần lớn thuốc và vắc xin phải được bảo quản lạnh. Không nên mua hoặc sử dụng chúng nếu không có sẵn các thiết bị bảo quản lạnh đầy đủ và cần đảm bảo được khi vận chuyển sẽ có dây chuyền bảo quản lạnh. Các thiết bị bảo quản lạnh dùng cho các dịch vụ y tế của con người đôi khi có thể dùng chung cho động vật. (Thông thường các chuyên gia về sức khỏe con người sẽ phản đối mạnh mẽ việc lưu trữ thuốc thú y chung với thuốc dành cho người trong dây chuyền bảo quản lạnh. Cần có sự đồng thuận của cấp cao để tận dụng tối đa các thiết bị làm lạnh đắt đỏ.
4. **Đào tạo:** Trong trường hợp có sẵn đội ngũ nhân viên thú y và cần cung cấp dịch vụ nhanh chóng thì quá trình đào tạo chỉ nên giới hạn trong phạm vi những khóa học ngắn ôn luyện lại kiến thức sẵn có tập trung vào việc chẩn đoán lâm sàng các căn bệnh ưu tiên và sử dụng đúng thuốc và vắc xin; nhưng thông thường những khóa này là không cần thiết và phụ thuộc vào khả năng sẵn có của nhân sự địa phương.

Khi cần lựa chọn và đào tạo căn bản từ đầu đội ngũ y sỹ thú y như NVTYCĐ thì có thể xem hướng dẫn trong các hệ thống NVTYCĐ sẵn có (xem phần tài liệu tham khảo). Tuy nhiên, những hướng dẫn này thường liên quan đến các chương trình phát triển hơn là các chương trình khẩn cấp. Trong các tình huống khẩn cấp đòi hỏi dịch vụ phải được cung ứng nhanh chóng, có thể phải sắp xếp hợp lý và rút ngắn các nguyên tắc thực hành tốt nhất liên quan đến quá trình lựa chọn và đào tạo NVTYCĐ. Tuy nhiên, trong trường hợp thảm họa kéo dài hoặc sắp kết thúc thì cần đào tạo thêm nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng của các NVTYCĐ. Một số nước có các tiêu chuẩn và hướng dẫn tối thiểu cho hệ thống NVTYCĐ đi kèm với sổ tay hướng dẫn cho giảng viên để tổ chức các khóa ngắn hạn với phương pháp đào tạo có sự tham gia của cộng đồng.

5. **Các chuẩn mực văn hóa xã hội:** Quá trình thiết kế dịch vụ thú y phải xem xét các chuẩn mực về văn hóa xã hội địa phương, đặc biệt là những quy định liên quan tới vai trò của nam giới và nữ giới với tư cách là người cung cấp dịch vụ. Ở một số cộng đồng, phụ nữ gặp nhiều khó khăn trong việc di chuyển tự do hoặc đi một mình tới những khu vực xa xôi nơi có vật nuôi bị bệnh. Tuy nhiên, ngay cả trong những nền văn hóa bảo thủ nhất thì cũng có thể chọn lựa và đào tạo một nhân viên NVTYCĐ nữ để cung cấp dịch vụ cho nữ giới, vốn nằm trong nhóm dễ bị tổn thương nhất.
6. **Bảo vệ:** Thiết kế dịch vụ thú y phải xem xét khả năng nhân viên thú y trở thành đối tượng tấn công của bạo lực, ăn trộm hay lừa đảo. Vật nuôi thường ăn cỏ ở những khu vực cách xa những nơi an toàn và trong một số trường hợp thì phải được di chuyển một quãng đường rất xa mới đến được nơi có nguồn nước và thức ăn. Trong những trường hợp xảy ra tranh chấp, việc nhân viên thú y đi tới những khu vực đó ít nhiều có nguy cơ không an toàn. Để giải quyết vấn đề này, một biện pháp là sử dụng các y sỹ thú y địa phương vì họ biết địa thế khu vực cũng như các lực lượng an ninh vũ trang, do đó có thể thương lượng để tiếp cận với vật nuôi. Ở những khu vực vật nuôi đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế địa phương và sinh kế của người dân, giá thuốc thú y thường rất cao. Chính vì một lượng nhỏ thuốc thú y cũng có giá cao nên thuốc thú y rất dễ bị cướp và bán lại.
7. **Vai trò và trách nhiệm:** Rất nhiều vấn đề xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ thú y khẩn cấp liên quan tới việc hiểu nhầm về vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan, kỳ vọng sai về mục đích và phạm vi bao phủ dịch vụ, định giá hay lựa chọn nhầm những người được hưởng dịch vụ. Nhiều vấn đề này có thể tránh được bằng cách cam kết cho cộng đồng tham gia vào các quyết định, hợp tác chặt chẽ với các chính quyền địa phương cũng như các đối tác thuộc khu vực tư nhân khi có thể. Vai trò và trách nhiệm của các đối tác cần được xác định rõ bằng văn bản và sử dụng

trong các Biên bản Ghi nhớ hay những thỏa thuận tương tự. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp thì cần đối chiếu với các quy định trong những thỏa thuận này.

Phần 3a: Hỗ trợ cơ sở thú y của nhà nước – Hệ thống thú y nhà nước

Tiêu chuẩn 1 về hệ thống thú y nhà nước: Các bệnh lây truyền từ động vật

Người dân được tiếp cận với thông tin và các dịch vụ được thiết kế nhằm kiểm soát các bệnh lây truyền từ động vật.

Các tiêu chí chính

- Đánh giá bước đầu về các vấn đề thú y đã bao gồm đánh giá các bệnh lây truyền từ động vật cũng như sắp xếp ưu tiên các bệnh này (xem chú thích 1).
- Các biện pháp kiểm soát bệnh lây truyền từ động vật được thiết kế và thực hiện một cách độc lập hoặc phối hợp với việc cung cấp dịch vụ lâm sàng (xem chú thích 2).

Chú thích

1. **Đánh giá:** Quá trình đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân được thực hiện theo tiêu chuẩn 1 của Quá trình cung cấp các dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu. Quá trình này cần bao gồm việc nhanh chóng đánh giá các bệnh lây truyền từ động vật, cả những trường hợp thực tế lẫn nguy cơ có thể xảy ra dịch bệnh. Trong tình huống khẩn cấp, bệnh than thường xảy ra khi các đàn vật nuôi di chuyển bất thường tới những đồng cỏ trước đó chúng không ăn; bệnh dại thường xảy ra ở những cộng đồng thú ăn thịt hoang dã hoặc vật nuôi địa phương, có thể bị thu hút tới các xác chết hoặc bãi rác; các bệnh lây truyền từ động vật khác có thể xảy ra do sự tiếp xúc gần giữa người và động vật, điều kiện vệ sinh không đảm bảo do người và vật sống quá đông đúc trong các trại, hoặc không được cung cấp nước.
2. **Kiểm soát bệnh lây truyền từ động vật:** Phương pháp kiểm soát bệnh thay đổi phụ thuộc vào từng loại bệnh lây truyền từ động vật. Đối với một số bệnh, chủ vật nuôi có thể nhận được thông tin về bệnh tật qua hình thức truyền miệng hoặc sử dụng các tờ rơi do y sỹ thú y phân phát, bên cạnh hoạt động y tế thường nhật của họ. Những y sỹ thú y này còn có thể hỗ trợ tổ chức các chương trình tiêm vắc xin (ví dụ như bệnh dại) hoặc kiểm soát số lượng chó đi hoang. Các tổ chức cứu trợ cần trả tiền cho các nhân viên thú y tư nhân được sử dụng trong một khoảng thời gian ngắn. Nỗ lực kiểm soát bệnh lây truyền từ động vật giữa các tổ chức và giữa các khu vực phải đảm bảo sự hài hòa, thể hiện công tác điều phối hiệu quả. Việc liên kết với các tổ chức và chương trình sức khỏe con người cũng rất có ích để hài hòa các cách tiếp cận và chia sẻ các

nguồn lực như hệ thống làm lạnh (xem chú thích 3 – Tiêu chuẩn 1 về dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu).

Tiêu chuẩn 2 về hệ thống thú y nhà nước: Vệ sinh và an toàn thực phẩm
Các biện pháp đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm liên quan tới việc tiêu hủy vật nuôi và tiêu thụ các sản phẩm từ vật nuôi đã được thiết lập.

Các tiêu chí chính

- Động vật bị ốm hoặc bị thương phải được giết mổ bằng biện pháp nhân đạo và an toàn, sau đó được tiêu hủy để đảm bảo vệ sinh (xem chú thích 1).
- Trong trường hợp các thảm họa kéo dài, các khu vực giết mổ sẽ được thành lập (xem chú thích 2).
- Quy trình kiểm tra thịt được áp dụng tại các khu vực giết mổ và các lò mổ do cộng đồng đang bị ảnh hưởng bởi thảm họa sử dụng (xem chú thích 2).

Chú thích

1. **Giết mổ và tiêu hủy:** Thảm họa có thể dẫn đến động vật bị thương trên phạm vi rộng, đo đó phải giết mổ và tiêu hủy chúng. Những động vật bị chết do ảnh hưởng trực tiếp của các vết thương gây ra bởi thảm họa cũng cần được tiêu hủy. Xác động vật có thể làm dịch bệnh kéo dài, phát ra khí độc mà mắt thường không nhìn thấy được, và thu hút loài ăn thịt và loài ăn xác chết như các đàn chó, linh cẩu hay chó rừng. Vì vậy, khi tiêu hủy xác động vật phải xem xét các yếu tố môi trường và sức khỏe. Việc giết mổ động vật phải tuân theo các chuẩn và thực hành nhân đạo (xem Hướng dẫn của OIE về giết mổ động vật: Tiêu chuẩn Thú y theo Lãnh thổ, Chương 7.5 và 7.6, www.oie.int). Tùy thuộc vào mức độ đau ốm hay bị thương của động vật và biện pháp giết mổ, một số xác động vật có thể dùng làm thức ăn cho con người.
2. **Phương tiện giết mổ và kiểm tra thịt:** Ở những trại dành cho người vô gia cư hoặc trong trường hợp mà các phương tiện giết mổ đã bị hư hại, có thể lập các khu giết mổ để khuyến khích quá trình giết mổ nhân đạo được tiến hành bởi các nhân viên đã được đào tạo, quá trình xử lý vệ sinh thịt sau giết mổ và kiểm tra thịt. Tương tự, khi thực hiện giảm đàn nhanh thì lợi ích của vật nuôi, các tiêu chuẩn vệ sinh và sức khỏe cũng phải được đảm bảo và có thể xây các khu giết mổ cố định hoặc lưu động (xem Chương 4). Trong tất cả các trường hợp, nên trao đổi với nhân viên thú y và những người bán thịt tại địa phương nhằm xác định vị trí phù hợp để xây dựng các lò giết mổ cũng như cách thiết kế chúng phù hợp. Quá trình kiểm tra thịt phải được thông báo rộng rãi và phải đảm bảo số thịt thừa ra từ quá trình giết mổ phải được tiêu hủy an toàn.

Phần 3b: Hỗ trợ các cơ sở thú y của khu vực tư nhân – hệ thống giám sát bệnh vật nuôi

Hệ thống thông tin về bệnh vật nuôi - Tiêu chuẩn 1: Giám sát bệnh vật nuôi

Trong các tình trạng khẩn cấp kéo dài, một hệ thống giám sát bệnh vật nuôi sẽ được hỗ trợ để giám sát toàn bộ cộng đồng chịu ảnh hưởng của thảm họa.

Các tiêu chí chính

- Quá trình giám sát thường xuyên các dịch vụ thú y lâm sàng bước đầu bao gồm việc thu thập số liệu về những bệnh vật nuôi quan trọng (xem chú thích 1).
- Quá trình kiểm tra bệnh vật nuôi được thực hiện khi xảy ra ổ dịch nhằm khẳng định lại kết quả chẩn đoán và chủ động đưa ra hoặc sửa đổi những biện pháp kiểm soát cần thiết (xem chú thích 2).
- Trong các tình trạng khẩn cấp kéo dài và đối với các bệnh vật nuôi thuộc trách nhiệm của các hệ thống giám sát bệnh tật quốc gia hoặc các chiến lược xóa sổ thì cần thu thập thông tin song song với những chính sách và chiến lược này. (xem chú thích 3).
- Cơ quan điều phối sẽ tập hợp dữ liệu về bệnh vật nuôi và bàn giao báo cáo đã được chuẩn bị tới các tổ chức thú y liên quan nếu có (xem chú thích 4).

Chú thích

1. **Giám sát thường xuyên:** Việc giám sát các hoạt động y tế của các nhân viên thú y có thể đóng góp vào hệ thống giám sát bệnh vật nuôi bằng cách ghi lại các đợt bệnh dịch xảy ra ở vật nuôi và các biện pháp điều trị hoặc kiểm soát đã được sử dụng. Những dữ liệu như vậy đặc biệt hữu ích nếu sự hoành hành của bệnh tật và tỉ lệ tử vong tùy thuộc vào loài vật nuôi và tùy thuộc vào từng loại bệnh được ghi lại có liên quan đến cộng đồng dân cư có nguy cơ rủi ro. Nên phối hợp với cơ quan chức năng của chính phủ để thiết kế hoạt động giám sát.
2. **Điều tra thú y:** Các chương trình và tổ chức thú y nên có khả năng điều tra các ổ dịch. Trong một chương trình liên quan tới nhiều tổ chức thì nhiệm vụ này có thể được giao cho một đội hoặc một cá nhân được đào tạo chuyên ngành về điều tra thú y, gồm cả việc khám nghiệm xác động vật và chẩn đoán trong phòng thí nghiệm. Nếu tại địa phương không có sự hỗ trợ chuyên môn đó thì các tổ chức phải chuẩn bị thu thập các mẫu vật phù hợp và chuyển chúng tới các phòng thí nghiệm trong hoặc ngoài nước. Tất cả hoạt động này phải hỗ trợ cho hệ thống điều tra thú y của chính phủ nếu có, cùng với việc báo cáo chính thức kết quả chẩn đoán từ các cơ quan chức năng thuộc chính phủ. Trong các thảm họa kéo dài, các tổ chức cần cân nhắc việc xây

dựng một phòng thí nghiệm chẩn đoán có quy mô nhỏ tại địa phương nhằm hỗ trợ khả năng chẩn đoán bệnh của các nhân viên thú y lâm sàng và trong việc điều tra bệnh tật. Việc chia sẻ các thiết bị với những phòng thí nghiệm y tế cũng có thể khả thi.

3. **Giám sát bệnh dịch động vật:** Ở nhiều nước, một số bệnh dịch động vật nhất định thuộc trách nhiệm của các chương trình kiểm soát trong nước và quốc tế hoặc các chương trình xóa sổ. Những chương trình này sử dụng quy trình giám sát theo tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế như OIE hay FAO. Khi có thể, các hệ thống giám sát bệnh vật nuôi trong những khủng hoảng kéo dài cần tuân thủ quy trình đã được chuẩn hóa. Nếu gặp trở ngại khi thực hiện những quy trình này thì nên liên lạc với các cơ quan chức năng nhà nước, OIE hay FAO để có thể sửa đổi các phương pháp giám sát phù hợp với điều kiện thực tế.
4. **Báo cáo:** Đối với các khủng hoảng kéo dài, tất cả các tổ chức phải nộp báo cáo giám sát thường xuyên cho cơ quan điều phối. Cơ quan này sau đó sẽ tổng hợp thông tin và nộp cho cơ quan chức năng của chính phủ. Báo cáo thường được thực hiện hàng tháng.

Phụ lục 5.1 Danh mục đánh giá việc cung cấp dịch vụ thú y

Quá trình đánh giá nhanh chóng việc cung cấp dịch vụ thú y có thể dựa trên năm tiêu chí chính: khả năng tiếp cận, mức độ sẵn có, khả năng chi trả, tính chấp nhận được và chất lượng dịch vụ.

Chỉ số	Phương pháp hữu hiệu
Khả năng tiếp cận Là khoảng cách vật lý giữa người sở hữu vật nuôi và các nhân viên thú y được đào tạo gần đó nhất.	Lập bản đồ tham gia: Các bản đồ phác thảo đơn giản có thể xác định vị trí của vật nuôi và chủ sở hữu của chúng, cũng như vị trí của các đơn vị cung cấp dịch vụ thú y gần nhất đã được phân loại. Khoảng cách có thể được đo bằng ki-lo-met, dặm hoặc giờ đi. Một tấm bản đồ riêng biệt có thể cho thấy toàn bộ các đơn vị cung cấp dịch vụ thú y trong một khu vực nhất định.
Mức độ sẵn có Đây là tiêu chí đo sự hiện diện vật lý của một dịch vụ trong một khu vực. Một khu vực có thể có nhiều nhân viên thú y nhưng nếu tất cả tập trung ở thị trấn lớn thì dịch vụ này tuy có nhưng không thể tiếp cận được.	Lập bản đồ tham gia: tương tự như trên. Quan sát trực tiếp các nhân viên và phương tiện thú y và tiến hành phỏng vấn: nhằm đánh giá số lượng các sản phẩm thú y hiện có, cũng như chất lượng thuốc và thiết bị.
Khả năng chi trả Khả năng con người có thể trả tiền cho dịch vụ hay không.	Các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc và quá trình quan sát các thiết bị thú y và thị trường vật nuôi: Quan sát các trang thiết bị thú y và bảng giá sẽ xác định giá thành dịch vụ thường áp dụng. Các cuộc phỏng vấn giúp xác định giá trị vật nuôi, do đó cho phép có thể so sánh giữa giá thành của dịch vụ với giá trị của vật nuôi. Nếu thị trường vật nuôi vẫn đang hoạt động hoặc đang có chương trình giảm đàn thì người dân vẫn đủ tiền để trả cho các dịch vụ thú y.
Sự chấp nhận Sự chấp nhận về văn hóa và chính trị của các nhân viên thú y, bị ảnh hưởng của các quy định văn hóa xã hội, vấn đề giới tính, khả năng ngôn ngữ và những vấn đề khác ở địa phương.	Phỏng vấn với các chủ vật nuôi.
Chất lượng dịch vụ Cho biết mức độ đào tạo của nhân viên thú y, sự hiểu biết, kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng giao tiếp, chất lượng và mức độ bao phủ của thuốc thú y, vắc xin hoặc các thiết bị vào thời điểm được cung cấp.	Phỏng vấn nhân viên thú y, quan sát trực tiếp các thiết bị thú y, xem bằng cấp, chứng chỉ hành nghề hoặc những giấy tờ tương tự.
Tất cả các chỉ số	Ma trận tính điểm: Nếu nhiều loại nhân viên thú y khác nhau đang cùng hoạt động trong một khu vực thì có thể lập một ma trận cho điểm các nhân viên thú y dựa trên năm chỉ số để cho thấy điểm mạnh và điểm yếu của từng loại chỉ số.

Phụ lục 5.2 Ví dụ về các chỉ số giám sát và đánh giá quá trình cung cấp dịch vụ thú y

	Chỉ số quá trình *(đo các quá trình đang xảy ra)*	**Chỉ số ảnh hưởng** *(đo 'kết quả của các hoạt động đang xảy ra')*
Thiết kế hệ thống	• Hoàn thành quá trình khảo sát và phân tích các thành phần tham gia • Số cuộc họp được tiến hành với cộng đồng và các đại diện của cộng đồng	• Xác định 10 vấn đề thú y quan trọng nhất trong cộng đồng theo các nhóm thu nhập và giới khác nhau • Phân tích để lựa chọn giải pháp nâng cao sức khỏe động vật • Thống nhất hành động sẽ thực hiện
Mối liên kết với điểm cung cấp thuốc	• Số cuộc họp giữa các nhân viên thú y và đơn vị cung cấp	• Thỏa thuận giữa các bên tham gia • Số lượng y sỹ thú y có liên kết với đơn vị cung cấp thuốc hoặc tổ chức thú y tư nhân
Đào tạo nhanh	• Số người được đào tạo • Những vấn đề thú y được đề cập tới trong khóa đào tạo • Vị trí địa lý của nhân viên thú y • Chi phí đào tạo	• Nâng cao kiến thức và kỹ năng của những người được đào tạo
Các hoạt động của nhân viên thú y	• Số lượng túi dụng cụ ban đầu được phát cho nhân viên thú y • Chi phí cho lượng túi dụng cụ được phát • Số lượng và chất lượng các loại thuốc cung cấp cho các nhân viên thú y • Giá thành những loại thuốc được cấp cho nhân viên thú y • Số lần điều trị/bệnh/vật nuôi/nhân viên trong một tháng • Số lượng vắc xin/bệnh/vật nuôi/nhân viên trong một tháng • Thu nhập của nhân viên thú y • Số bản báo cáo giám sát của các nhân viên thú y • Số lượng ổ dịch được nhân viên thú y báo cáo	• Tỉ lệ chết của vật nuôi qua thời gian • Phạm vi bao phủ về địa lý của các nhân viên thú y • Tỉ lệ các hộ gia đình chăn nuôi sử dụng dịch vụ của nhân viên thú y • Số thuốc và vắc xin cung cấp lại cho NVTYCĐ dựa theo thu thập lợi tức • Các hành động cứu trợ được thực hiện theo báo cáo về bùng phát ổ dịch • Sản lượng tiêu thụ thức ăn trong cộng đồng có liên quan đến việc tăng cường sức khỏe động vật và theo các nhóm thu nhập và giới • Thu nhập của các nhóm trong cộng đồng được cải thiện khi sức khỏe vật nuôi được cải thiện • Ảnh hưởng tới chính sách

Nguồn: Catley et al (2002)

Tài liệu tham khảo

Admassu, B., S. Nega, T. Haile, B. Abera, A. Hussein và A. Catley (2005) "Đánh giá ảnh hưởng của dự án thú y dựa vào cộng đồng ở quận Dollo Ado và Dollo Bay, nam Etiopia", *Vấn đề Chăn nuôi và Sức khỏe của Động vật Nhiệt đới,* (37:1): trang 33-48

Aklilu, Y (2003) "Ảnh hưởng của cứu trợ đối với chương trình thú y dựa vào cộng đồng: Kinh nghiệm của người Kenyan" trích dẫn trong tác phẩm *Các Vấn đề Chủ yếu về Chăm sóc Thú y trong Thế kỷ 21: Hình thành Quy định, Chính sách và Thiết chế,"* của Sones, K. và Catley, A (biên tập), Kỷ yếu hội nghị quốc tế 15-18/10/2002 tại Mombasa, Kenya, Liên hiệp châu Phi/ Cục Liên minh châu Phi về Tài nguyên Động vật, Nairobi, www.eldis.org/cf/search/disp/docdisplay/cfm?doc=DOC13301&resource=f1pastoralism

Burton, R. (2006) *Con người Phá hủy Nguồn Thức ăn Như thế nào*, PrimeFact 310, New South Wales, Cục Các Ngành Công nghiệp Chính, Orange, New South Wales, www.dpi.nsw.gove/au/_data/assets/pdf_file/0010/96796/human-destruction-of-stock.pdf

Catley, A. (2005) *Vệ sinh Dịch tễ Có Sự Tham gia Của Người dân: Hướng dẫn Dành cho Giảng viên,* Liên hiệp châu Phi/ Cục Liên minh châu Phi về Tài nguyên Động vật, Nairobi, www.participatoryepidemiology.info/TraiingMaterials.html

Catley, A., T. Leyland và S. Blackway (biên tập) (2002) *Chăm sóc Thú y Dựa vào Cộng đồng: Hướng dẫn Thực tiễn để Nâng cao Các Dịch vụ Thú y Bước đầu,* Nhà xuất bản ITDG, Luân đôn

Catley, A., T. Leyland, J. C. Mariner, D. M. O. Akabwai, B. Admassu, W. Asfaw, G. Bekele và H. Sh. Hassan (2004) "Y sỹ thú y chuyên nghiệp và việc phát triển các dịch vụ thú y có chất lượng, bền vững dựa vào cộng đồng," *Rev.Sci.Tech.Off.Int.Epiz,* 23: (1): 225-52, www.oie.int/eng/publicat/rt/2301/A_R23118.htm

Catley, A., D. Abebe, B.Admassu, G.Bekele, B.Abera, G.Eshete, T.Rufael và T.Haile (2008) "Ảnh hưởng của việc tiêm phòng vật nuôi liên quan đến các bệnh do hạn hán trong các đồng cỏ chăn nuôi tại Etiopia" , *Thảm họa,* sắp phát hành

Health, S.E, S.J.Kenyon và C.A.Zepeda Sein (1999) "Kiểm soát khẩn cấp trong các thảm họa liên quan tới vật nuôi ở các nước đang phát triển", *OIE Revue Scientifique et Technique,* 18 (1): 256-71

Leyland, T (1996) "Nghiên cứu phương thức dựa trên cộng đồng qua nghiên cứu ở Nam Sudan", trong *Một Thế giới Không Dịch bệnh,* Ấn phẩm về sức khỏe và sinh sản của động vật của FAO 129, 109-120, www.fao.org/docrep/003/w3246e/W3246E09.htm

Linnabary, R.D., J.C. New và J.Casper (1993) "Thảm họa môi trường và hành động của đội ngũ thú y", *Tạp chí của Hiệp hội Y học Thú y Mỹ,* 202 (7): 1091-93

Mutungi, P.M. (2005) "Đánh giá ngoài về hệ thống phiếu thú y trong cứu trợ thảm họa ở Turkana và West Pokot Districts", ICRC, Nairobi

Schreuder, B.E.C., H.A.J.Moll, N.Noorman, A.H.Halimi, A.H.Kroese và G.Wassink (1995) "Phân tích chi phí liên quan đến lợi ích của các cứu trợ thú y tại Afganistan dựa trên một nghiên cứu về tỉ lệ tử vong ở vật nuôi, *Tạp chí Thuốc Thú y Dự phòng*, 26:303-14

Photo credit: Kelly Lynch/Save the Children, USA

CHƯƠNG 6

Các tiêu chuẩn tối thiểu đảm bảo cung cấp thức ăn chăn nuôi

Đảm Bảo Cung cấp Thức Ăn Chăn Nuôi

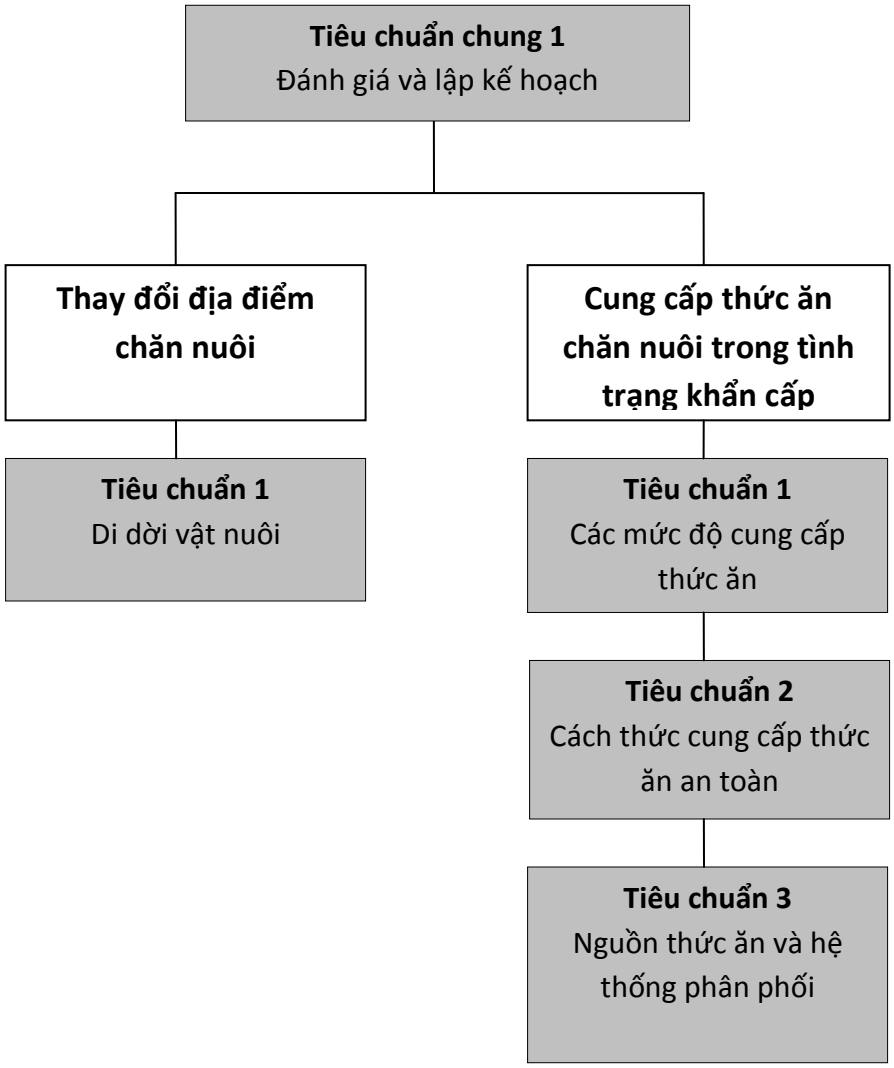

Giới thiệu

Liên hệ với các mục tiêu sinh kế của LEGS

Nhiều tình trạng khẩn cấp có thể ảnh hưởng đến thức ăn của vật nuôi. Ví dụ, khi hạn hán xảy ra, thức ăn vật nuôi thường bị thiếu do thiếu mưa, khi xảy ra xung đột, vật nuôi không thể sử dụng các nguồn thức ăn thông thường, hay sau một trận lũ lụt nghiêm trọng, các nguồn thức ăn tự nhiên có thể bị tàn phá. Việc đảm bảo nguồn cung cấp thức ăn trong những tình trạng khẩn cấp này chủ yếu có liên quan đến mục tiêu sinh kế thứ hai và thứ ba của LEGS, cụ thể là:

- Bảo vệ tài sản vật nuôi quan trọng của các cộng đồng chịu ảnh hưởng của khủng hoảng
- Phục hồi tài sản vật nuôi quan trọng cho các cộng đồng chịu ảnh hưởng của khủng hoảng

Trên tinh thần này, vật nuôi quan trọng với sinh kế sẽ được bảo vệ, tức là giúp vật nuôi sống sót bằng việc cung cấp thức ăn và sau đó phục hồi đàn vật nuôi. Việc cung cấp thức ăn cũng có ảnh hưởng đến mục tiêu sinh kế đầu tiên của LEGS – hỗ trợ trước mắt cho các cộng đồng chịu ảnh hưởng của khủng hoảng thông qua việc cứu trợ vật nuôi – giữ cho vật nuôi sống sót sẽ góp phần cung cấp thực phẩm cho các hộ gia đình.

Tầm quan trọng của việc đảm bảo nguồn thức ăn chăn nuôi đối với việc cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp

Vật nuôi rất dễ bị ảnh hưởng bởi sự gián đoạn ngắn hạn của các nguồn lực quan trọng đối với sự tồn tại của chúng. Để vật nuôi sống sót được trong những thời điểm khó khăn cần phải cung cấp đủ thức ăn và nước uống cho chúng. Việc cung cấp đầy đủ và liên tục nguồn thức ăn chăn nuôi là yêu cầu cần thiết trong mọi hoạt động cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp nhằm duy trì đàn vật nuôi ở những vùng chịu ảnh hưởng. Điều này đặc biệt quan trọng nếu hạn hán xảy ra, vì trong trường hợp này vật nuôi thường bị chết do thiếu thức ăn trước khi chết vì bệnh tật. Khi xảy ra lũ lụt, nếu không thể cung cấp thức ăn cho vật nuôi bị mắc kẹt trong nước lũ thì cũng có thể khiến chúng chết. Khi xung đột xảy ra, việc chăn thả trên đồng cỏ bị hạn chế do tình trạng mất anh ninh hay do nạn tham nhũng. Ví dụ như những người du mục Kuchi ở Afghanistan không thể chăn thả vật nuôi trên những đồng cỏ trong mùa hè do tình trạng mất an ninh, mặt khác họ cũng không đủ khả năng mua thức ăn cho vật nuôi. Tại Niger, trong suốt cuộc khủng hoảng năm 2004 và 2005, những người chăn thả buộc phải đưa hối lộ và trả 'tiền phạt' để được sử dụng bãi chăn thả trong các nông trại của nhà nước. Khi các kho chứa thức ăn chăn nuôi bị phá hủy bởi

tình trạng khẩn cấp (chẳng hạn như bão, động đất hay lũ lụt) thì cần phải bổ sung nguồn thức ăn dự trữ và phục hồi các kho chứa thức ăn để duy trì đàn vật nuôi trong ngắn hạn và trung hạn.

Những chủ vật nuôi thường ưu tiên cho việc cung cấp thức ăn cho vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp. Ví dụ như những người chăn thả ở Ethiopia đã tham gia vào một chương trình giảm đàn nhanh trong đợt hạn hán năm 2006. Họ đã sử dụng một phần tiền mà họ nhận được vào việc di dời số vật nuôi còn lại tới những đồng cỏ tốt hơn (Xem Nghiên cứu 4.1 trong chương Nghiên cứu Tình huống). Trong một số trường hợp, chủ vật nuôi sử dụng một phần lương thực cứu trợ của mình để cung cấp thức ăn chăn nuôi hoặc đổi lấy thức ăn chăn nuôi (xem Nghiên cứu 6.3 trong chương Nghiên cứu Tình huống). Mặc dù sự hỗ trợ của các tổ chức trong việc cung cấp thức ăn cho vật nuôi có thể gây ra nhiều tranh cãi, nếu sự hỗ trợ này bị coi là sử dụng các nguồn lực (ví dụ như phương tiện vận chuyển) lẽ ra có thể dùng để cung cấp thức ăn cho người dân, nhưng những cộng đồng sở hữu vật nuôi vẫn ưu tiên cho việc cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp. Các khoản chi phí dự tính nhằm hỗ trợ việc duy trì đàn vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp (đặc biệt là hạn hán) cần phải tính đến các phương án khác như cung cấp vật nuôi để tái lập đàn sau khi tình trạng này kết thúc. Một nghiên cứu được thực hiện tại các vùng chăn thả ở phía Bắc Kenya và đông Ethiopia đã chỉ ra rằng chi phí cho việc tái lập đàn vật nuôi sau hạn hán gấp 3-6 lần so với việc duy trì đàn trong suốt thời gian hạn hán bằng cách cung cấp thức ăn chăn nuôi uống đầy đủ (xem Sáng kiến Sinh kế cho Người chăn thả, 2007).

Những phương án cung cấp thức ăn chăn nuôi

Các tiêu chuẩn được trình bày trong chương này chủ yếu liên quan tới các biện pháp cứu trợ để đảm bảo chế độ dinh dưỡng 'đầy đủ' cho vật nuôi trong thời gian xảy ra tình trạng khẩn cấp. Khả năng sinh sản của vật nuôi chịu ảnh hưởng của thảm họa nói chung có thể được phục hồi nhờ lượng chất dinh dưỡng tối thiểu được cung cấp và việc này sẽ chậm dần trong quá trình phục hồi sau khi tình trạng khẩn cấp kết thúc. Chương này sẽ giới thiệu hai phương pháp đảm bảo nguồn cung cấp thức ăn cho vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp, đó là: di dời vật nuôi và cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp. Ngoài ra phương pháp hỗ trợ ứng phó bằng tiền mặt trong tình trạng khẩn cấp cũng ngày càng được quan tâm, và phương pháp này được coi là giải pháp thay thế cho việc cung cấp thức ăn chăn nuôi (xem Ô 2.2 Chương 2). Quyết định lựa chọn một trong hai hay cả hai phương pháp này phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

Di dời vật nuôi

Từ lâu nay, nhiều cộng đồng du mục đã tập hợp các đàn vật nuôi của các chủ sở hữu khác nhau và cùng di dời vật nuôi đến các khu vực có nguồn lực phong phú hơn trong các tình huống khẩn cấp. Khi tình trạng khẩn cấp xảy ra, chiến lược này có thể mang lại nhiều lợi ích khác như bảo vệ đàn vật nuôi khỏi dịch bệnh, khỏi các loài thú ăn thịt hoặc bị trộm cắp, cho dù chiến lược này cũng có những rủi ro do việc tập hợp những đàn vật nuôi lớn. Trong trường hợp này, rất khó có thể đảm bảo cung cấp đủ thức ăn, nước uống cho vật nuôi, việc tập hợp đàn vật nuôi không giúp giải quyết những vấn đề này mà còn làm trầm trọng thêm. Một số bệnh truyền nhiễm cũng có thể lây lan trên diện rộng do mật độ vật nuôi tăng lên. Trong nhiều tình trạng khẩn cấp, thực hiện chiến lược di dời vật nuôi là hết sức khó khăn do nguồn lực đã cạn kiệt hoặc do tranh chấp với các cộng đồng định canh sống dọc theo tuyến đường di dời. Ngoài ra, trong các tình trạng khẩn cấp có kèm theo xung đột, di chuyển qua một khu vực có thể gây ra nhiều rủi ro cho người chăn nuôi.

Cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp

Mục đích của việc cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp là thay thế nguồn thức ăn chăn nuôi bị thiếu hụt do tình trạng khẩn cấp. Việc này có thể do người chăn nuôi thực hiện. Họ phải dựa vào nguồn thức ăn phi truyền thống, thức ăn thu lượm được hoặc mua được, hoặc là phải sử dụng các kho chứa cỏ khô được dự trữ cho trường hợp khan hiếm thức ăn. Những người chăn nuôi không đáp ứng được nhu cầu thức ăn hiện tại của vật nuôi thì đôi khi cũng không thể thực hiện được những biện pháp trên. Trong những trường hợp đó, các chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi có thể hỗ trợ việc cung cấp cỏ, thức ăn cô đặc hoặc bánh thức ăn giàu dinh dưỡng.

Các chiến lược cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp được áp dụng linh hoạt, phụ thuộc vào vai trò của vật nuôi đối với sinh kế. Tại các khu vực chăn thả, người chăn nuôi chỉ chú trọng vào việc cho vật nuôi giống ăn chứ không phải cho toàn bộ đàn vật nuôi ăn. Ở những khu vực mà các hộ gia đình chăn nuôi qui mô nhỏ (ví dụ một vài con dê, một con bò sữa hoặc vài con gà), chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi tập trung vào toàn bộ vật nuôi trong cộng đồng. Trong trường hợp nguồn thức ăn dự trữ chính bị phá hủy do thảm họa, chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi có thể xem xét việc bổ sung thức ăn cho các kho dự trữ (và xây dựng lại các kho chứa – xem Chương 8).

Tại những vùng chịu ảnh hưởng mà vật nuôi vẫn là một nguồn sinh kế chính của các hộ gia đình thì chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp nhằm duy trì đàn vật nuôi mang lại những lợi ích rõ ràng. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng phục vụ cho các chương trình

này cũng có thể hỗ trợ các hoạt động quan trọng khác như phân phối các sản phẩm thú y hoặc thu thập và phổ biến thông tin.

Tuy nhiên, những chương trình như vậy thường tập trung chủ yếu vào giai đoạn đầu, do đó cần có chiến lược rút lui rõ ràng trước khi thực hiện chương trình để chắc chắn rằng có thể duy trì chương trình trong suốt thời gian diễn ra tình trạng khẩn cấp và từng bước kết thúc chương trình một cách hợp lí. Vật nuôi, đặc biệt là các loài nhai lại lớn có nhu cầu rất lớn về thức ăn trong một thời gian dài và lượng thức ăn này thường phải được vận chuyển từ những nơi khá xa. Với những đàn vật nuôi lớn, có thể phải xem xét thực hiện các chương trình giảm đàn để duy trì cân bằng sinh thái ở những khu vực chịu ảnh hưởng hoặc là giải quyết vấn đề khan hiếm nguồn lực bằng cách hỗ trợ cho những vật nuôi có giá trị nhất trong đàn vật nuôi chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp.

Cung cấp thức ăn chăn nuôi 'tại chỗ' là phương pháp tốt nhất trong tình trạng khẩn cấp, tức là vận chuyển thức ăn tới địa điểm chăn nuôi. Ở những địa điểm chăn nuôi không thể vận chuyển thức ăn tới được hoặc việc vận chuyển không an toàn thì có thể thiết lập các trại nuôi tập trung để các chủ vật nuôi có thể mang những vật nuôi đang gặp nguy hiểm đến đó. Ví dụ như trong trường hợp xảy ra xung đột, việc thiết lập những trại nuôi tập trung ở những nơi có ít nguồn lực nhưng an toàn rồi sau đó vận chuyển thức ăn tới trại khả thi hơn so với việc di dời vật nuôi. Các trại nuôi tập trung cũng có thể kết hợp với chương trình thực phẩm hoặc tiền đổi công để bảo vệ và giám sát trại.

Đối với cả hai phương án – di dời vật nuôi và cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp – cần phải xem xét đến rất nhiều yếu tố, đặc biệt là: năng lực quản lí, chiến lược ứng phó của địa phương, sự du nhập của các loài sâu hại và dịch bệnh, sự gián đoạn của thị trường địa phương. Những yếu tố này sẽ được đề cập đến dưới đây.

Năng lực quản lí

Ngay cả trong các cộng đồng có truyền thống chăn nuôi lâu đời, năng lực quản lí cũng có thể bị suy yếu do hậu quả của tình trạng khẩn cấp. Các thành viên trong gia đình có thể bị chết, phải di cư, hoặc không có đủ sức khỏe để lao động và truyền đạt kinh nghiệm quản lí vật nuôi.Tình huống này có thể trở nên tồi tệ hơn bởi việc áp dụng những phương pháp quản lí mới như cung cấp thức ăn chăn nuôi bằng thức ăn sấy khô hoặc thức ăn đóng tảng giàu dinh dưỡng. Các chương trình cứu trợ phải xem xét liệu các yếu tố này có ảnh hưởng thế nào đến việc thực hiện thành công chương trình và liệu việc hỗ trợ đầy đủ để xây dựng năng lực cho đội ngũ quản lí và nhân viên có thực tế hay không (các chương trình đào tạo và khuyến khích sử dụng nguồn nhân lực bên ngoài).

Các chiến lược ứng phó của địa phương

Ở nhiều nơi trên thế giới, người dân phải hứng chịu hậu quả của tình trạng khẩn cấp trong thời gian dài trước khi nhận được sự cứu trợ từ bên ngoài. Mặc dù rõ ràng là sự cứu trợ này thường có vai trò quan trọng, nhưng các tổ chức không nên bỏ qua các chiến lược mà địa phương tự xây dựng vì chúng thường tập trung vào những mục tiêu quan trọng mà người dân bị ảnh hưởng cần đạt được để phục hồi. Ví dụ như những người chăn thả thường có những khu đất dự trữ dành cho khi bị mất mùa. Các chiến lược ứng phó cụ thể của địa phương sẽ được nhấn mạnh trong các tiêu chí quan trọng và chú thích dưới đây.

Sự xâm nhập của các loài sâu bọ, dịch bệnh và vật trung gian truyền bệnh

Trong quá trình vận chuyển thức ăn từ bên ngoài vào khu vực chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp, các loại dịch bệnh, sâu bọ và vật trung gian truyền bệnh có hại cho mùa màng, vật nuôi cũng có thể xâm nhập theo. Quản lí kiểm dịch thực vật hợp lí là rất quan trọng nhằm giảm thiểu nguy cơ.

Gián đoạn thị trường địa phương

Trong một vài trường hợp, việc vận chuyển thức ăn đến khu vực chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp được coi là một phương án 'dễ dàng', ít nhất là về mặt hậu cần. Trên thực tế, chỉ nên cân nhắc thực hiện phương án này khi không thể mua thức ăn chăn nuôi ở địa phương. Ngoài những nguy cơ về dịch bệnh đã trình bày ở trên, các nguồn thức ăn được vận chuyển từ nơi khác đến có thể thay thế những nguồn thức ăn lẽ ra được cung cấp bởi nông dân và thương nhân ở địa phương, do đó sẽ giảm bớt lợi ích của việc cứu trợ trong những vùng chịu ảnh hưởng. Việc mua thức ăn chăn nuôi ở thị trường địa phương có thể có tác dụng hạn chế ảnh hưởng lên hệ thống thị trường (và tránh khả năng giá cả leo thang).

Bảng 6.1 Những ưu điểm và nhược điểm của các biện pháp cung cấp thức ăn chăn nuôi

Biện pháp	Ưu điểm	Nhược điểm
Di dời vật nuôi	• Có thể dựa trên cách làm thực tế của địa phương, ví dụ như sử dụng các nguồn dự trữ khi hạn hán • Có thể ngăn ngừa được các nguy cơ như dịch bệnh lây lan, vật nuôi bị thú ăn thịt	• Cần có đủ nguồn lực trong khoảng cách phù hợp mà vật nuôi có thể di dời đến • Vật nuôi cần có đủ sức khỏe để di dời • Có nguy cơ gây ra xung đột với các cộng đồng định cư sống dọc theo tuyến

	hoặc bị ăn trộm • Có thể đơn giản hóa khâu hậu cần của việc cung cấp thức ăn và nước uống bổ sung khi cần	đường di dời • Khi xảy ra xung đột, di dời vật nuôi có thể làm tăng rủi ro đối với người chăn nuôi • Tập trung một lượng lớn vật nuôi có thể làm tăng nguy cơ nhiễm bệnh • Các nhóm dễ bị tổn thương như trẻ em và người già có thể ít được sử dụng các sản phẩm từ chăn nuôi • Các hoạt động sinh kế khác có thể bị ảnh hưởng nếu người lao động phải đi quản lí vật nuôi ở nơi xa
Cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: phân phối 'tại chỗ'	• Biện pháp cứu trợ nhanh có thể cứu sống vật nuôi đang gặp nguy hiểm • Có thể tận dụng những kho chứa cỏ khô được xây dựng từ trước để chuẩn bị đối phó với tình trạng khẩn cấp • Có thể tạo ra những lợi ích dây chuyền cho nền kinh tế địa phương nếu có thể mua thức ăn chăn nuôi tại địa phương • Có thể tập trung vào đàn vật nuôi giống • Có khả năng bổ sung lượng thức ăn chăn nuôi bị mất trong tình trạng khẩn cấp	• Cần tập trung nhiều nguồn lực và rất tốn kém • Cần duy trì trong suốt thời gian xảy ra tình trạng khẩn cấp • Không bền vững về lâu dài • Cần có kho chứa và phương tiện vận chuyển an toàn • Nguy cơ dịch bệnh, sâu hại và vật trung gian truyền bệnh xâm nhập từ bên ngoài • Nguồn thức ăn cung ứng từ bên ngoài có thể làm gián đoạn thị trường địa phương • Cần có sự giám sát và quản lí
Cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: trại nuôi tập trung	• Tăng cường an ninh cho vật nuôi và chủ đàn vật nuôi • Nếu nguồn thức ăn trong khu vực bị hạn chế, có thể vận chuyển thức ăn từ các nơi khác đến trại • Cơ hội được tiền/đồ ăn đổi công cho những người chăm sóc/bảo vệ vật nuôi	• Cần có một nơi thích hợp có chỗ trú ẩn/khu đất được rào lại, nước và thức ăn • Công tác tổ chức, quản lí cần chặt chẽ hơn, và nguồn tiền lương hay thức ăn....cần nhiều hơn so với khi di dời vật nuôi • Cần lao động có chuyên môn để giám sát và bảo vệ đàn vật nuôi • Vật nuôi cần có đủ sức khỏe để có khả năng di dời tới trại

Xác định thời điểm cứu trợ

Việc di dời vật nuôi có thể được thực hiện ngay trong giai đoạn cảnh báo của tình trạng khẩn cấp khởi phát chậm, đây cũng là một hình thức chuẩn bị ứng phó với thảm họa. Khi đến giai đoạn

khẩn cấp/xảy ra ngay sau thảm họa, có thể thực hiện việc di dời vật nuôi hoặc xây dựng trại nuôi tập trung. Cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp thường chỉ là một giải pháp ngắn hạn, được thực hiện ở giai đoạn ngay sau thảm họa hoặc trong giai đoạn khẩn cấp của thảm họa khởi phát chậm hoặc khởi phát nhanh nhằm duy trì tài sản vật nuôi cho đến khi có thể thực hiện những giải pháp dài hạn như di dời vật nuôi hoặc là khi các nguồn lực thiên nhiên phục hồi đủ để duy trì đàn vật nuôi. Ở khía cạnh này, cần xem xét đến yếu tố mùa vụ trong kế hoạch cứu trợ khẩn cấp, bao gồm cả việc tính toán thời điểm nào thì có đủ nguồn thức ăn sau khi tình trạng khẩn cấp kết thúc (Xem Bảng 6.2)

Liên hệ với các chương khác

Việc cung cấp thức ăn cho vật nuôi có thể hỗ trợ cho các biện pháp cứu trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp, đặc biệt là việc giảm đàn vật nuôi (Xem chương 4; và Nghiên cứu 4.9 trong chương Nghiên cứu Tình huống), theo đó một số vật nuôi sẽ bị loại ra khỏi hệ thống chăn nuôi và những nỗ lực cứu trợ như cung cấp thức ăn (và nước uống) sẽ được thực hiện để duy trì và tốt nhất là có thể cải thiện số vật nuôi còn lại. Do đó, sự điều phối giữa các chương trình và các tổ chức là điều tối quan trọng để tránh tình trạng một hoạt động có thể ảnh hưởng xấu tới một hoạt động khác (xem Chương 3, Tiêu chuẩn chung 3 – Điều phối). Các sáng kiến cung cấp thức ăn chăn nuôi cũng có thể hỗ trợ bổ sung cho việc cung cấp vật nuôi cho các hộ gia đình chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp (xem Chương 9).

Khả năng bị tổn thương và năng lực của các cộng đồng chịu ảnh hưởng của thảm họa

Đối với tất cả các biện pháp cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp, việc đảm bảo rằng các sáng kiến cứu trợ sẽ tập trung vào những người cần hỗ trợ nhất còn gặp nhiều khó khăn. Do nguồn thức ăn là loại hàng hóa có thể bán được (đặc biệt là trong trường hợp nguồn cung thiếu), nên những công việc hậu cần phải bảo đảm nguồn thức ăn được vận chuyển tới nơi đã định. Trong trường hợp không có những sự kiểm soát như vậy thì:

- Những người giàu và có quyền lực trong một cộng đồng có thể tiêu thụ nhiều thức ăn hơn cho vật nuôi của họ mặc dù vật nuôi của họ gặp ít nguy hiểm hơn
- Nguồn thức ăn có thể bị vận chuyển sai địa điểm và bị những người không chăn nuôi bán lấy tiền

Bảng 6.2 Thời điểm tiến hành biện pháp cung cấp thức ăn chăn nuôi cứu trợ

Biện pháp cứu trợ	Khởi phát nhanh			Khởi phát chậm			
	Ngay sau	Phục hồi ban	Phục	Cảnh báo	Báo	Khẩn	Phục

	thảm họa	đầu	hồi		động	cấp	hồi
Di dời vật nuôi	→	→		→	→	→	→
Cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: phân phối 'tại chỗ'	→					→	
Cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: trại nuôi tập trung	→	→				→	

Những hộ gia đình chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp đều có những dự định khác nhau về lâu dài. Những gia đình chăn nuôi qua nhiều thế hệ có thể bị ảnh hưởng nặng nề tới mức sau giai đoạn phục hồi, họ không còn lựa chọn hoạt động chăn nuôi làm sinh kế nữa. Tất các các chương trình cứu trợ cần xem xét kĩ những hoạt động sinh kế mà các hộ gia đình có thể thực hiện trong tương lai. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những biện pháp cứu trợ như cung cấp thức ăn cho vật nuôi nhằm bảo vệ tài sản vật nuôi vượt qua giai đoạn khủng hoảng. Biện pháp này sẽ đạt được rất ít hiệu quả nếu như sau khi tình trạng khẩn cấp kết thúc, giải pháp duy nhất cho các hộ gia đình là xóa bỏ đàn vật nuôi.

Đối với tất cả những sáng kiến cứu trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp, cần xem xét vai trò cụ thể của từng giới trong việc chăm sóc và chăn nuôi khi thiết kế các hoạt động cứu trợ. Trong một số cộng đồng, nhiều hoạt động quản lí vật nuôi do phụ nữ đảm nhiệm, và họ không phải lúc nào cũng nhận được lợi ích công bằng từ những hoạt động đó. Những thành viên nữ trong gia đình thường phải đảm nhiệm những công việc nặng nề như vắt sữa của những động vật cung cấp sữa hoặc động vật vừa cung cấp sữa vừa cung cấp sức kéo và dọn vệ sinh chuồng trại. Ngoài ra, phụ nữ và các bé gái thường bị giao những công việc vất vả như tìm kiếm và quản lí thức ăn chăn nuôi. Do đó, các chương trình cứu trợ nhằm đảm bảo nguồn cung cấp thức ăn cho vật nuôi cần đặc biệt quan tâm đến việc những hoạt động quản lí thêm cần có trong hoạt động cứu trợ không được ảnh hưởng đến lợi ích của phụ nữ hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến khối lượng công việc hàng ngày của phụ nữ hay những nhóm dễ bị tổn thương trong những cộng đồng chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp.

Lực lượng lao động của các gia đình bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh **HIV/AIDS** có thể bị giảm sút nghiêm trọng. Trong những trường hợp này, những gia đình chịu ảnh hưởng của dịch bệnh có thể không đáp ứng được những yêu cầu về lao động để cho vật nuôi ăn bổ sung. Giống như nhiều biện pháp cứu trợ vật nuôi được đề cập đến trong quyển sách này, duy trì đàn vật nuôi của gia đình có thể giúp duy trì chế độ ăn dinh dưỡng cho những người bệnh thông qua việc cung cấp các sản phẩm chăn nuôi. Trong trường hợp này, di dời vật nuôi có thể hạn chế việc sử dụng các sản phẩm chăn nuôi và sẽ ảnh hưởng không tốt tới chế độ dinh dưỡng của những

người có HIV, và của cả những nhóm dễ bị tổn thương khác như trẻ em và phụ nữ mang thai hay phụ nữ đang cho con bú.

Các vấn đề về **an ninh và bảo vệ** cũng cần được quan tâm. Tình trạng khẩn cấp có thể trở nên tồi tệ hơn do tình trạng không tuân thủ luật pháp hoặc xung đột trong nước cho dù tình trạng này không trực tiếp phát sinh do hậu quả của xung đột. Các chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi thành công phải đạt kết quả là vật nuôi có thể phục hồi hoặc gia tăng giá trị so với ban đầu, tuy nhiên chính điều đó cũng thu hút kẻ trộm. Những tên trộm thường để ý đến các trại nuôi tập trung một số lượng lớn vật nuôi, đặc biệt là ở những khu vực không an toàn. Những người chăn nuôi nghèo có thể không được trang bị kĩ năng để đối phó với những kẻ trộm cắp vật nuôi, do đó các chương trình cứu trợ cần xem xét kĩ cách thức để tiếp tục bảo vệ vật nuôi. Trong trường hợp không thể đảm bảo an toàn ở mức độ hợp lí, nên thực hiện các biện pháp cứu trợ khác như giảm đàn vật nuôi. Khi có nhiều người và vật nuôi phải di dời và sống ở các trại, có thể sử dụng các bãi chăn thả ngay bên ngoài trại nhưng việc này lại có nguy cơ gây bao lực và mất an toàn. Trong trường hợp này, nên vận chuyển thức ăn tới trại hoặc các khu vực gần đó.

Cần xem xét tác động của những chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi đối với **môi trường**. Vật nuôi có thể gây ảnh hưởng ít hoặc nhiều đến hệ sinh thái thông qua việc tiêu thụ thức ăn và thải ra chất thải ở các hệ thống thâm canh. Ở những nơi mà hệ sinh thái bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi tình trạng khẩn cấp, tác động của vật nuôi đối với môi trường có thể trở nên trầm trọng hơn trong thời gian ngắn ban đầu và cả trong suốt quá trình phục hồi. Trong những trường hợp như vậy, vấn đề đặt ra là liệu các chương trình tăng cường cung cấp thức chăn nuôi để nhanh chóng tái lập đàn vật nuôi có thể hỗ trợ tốt nhất cho sinh kế của người dân không. Trong khi đó, di dời vật nuôi ra khỏi các khu vực bị tàn phá nặng nề cũng có thể giúp các vùng đó tránh bị suy thoái nghiêm trọng hơn. Khi xem xét ảnh hưởng của các hoạt động trên tới môi trường, cũng cần tính đến chi phí môi trường cho việc di dời vật nuôi hoặc vận chuyển thức ăn – trong một vài trường hợp chi phí môi trường của việc vận chuyển thức ăn chăn nuôi còn lớn hơn việc di dời đàn vật nuôi; trong các trường hợp khác chi phí này có thể ít hơn. Những chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi cũng cần tính toán lượng nước cần thiết để cung cấp cho vật nuôi. (Xem Chương 7)

Các cộng đồng chăn nuôi chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp có thể dựa trên những kiến thức và **khả năng** sẵn có của cộng đồng để ứng phó với tình trạng khẩn cấp, và đôi khi có thể dự đoán tình trạng khẩn cấp (sử dụng các cơ chế cảnh bảo sớm của địa phương). Những kiến thức và kĩ năng quản lí vật nuôi có thể giúp họ lựa chọn những vật nuôi thích hợp để được trợ giúp từ chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi, nhờ đó mà bảo vệ được đàn giống. Họ có

thể có kiến thức phong phú về các loại thức ăn chăn nuôi và mua và/hoặc dữ trữ loại thức ăn nào là phù hợp nhất. Họ cũng có thể thương lượng để vào các bãi chăn thả quanh vùng thông qua các quan hệ xã hội.

Các tiêu chuẩn tối thiểu

Phần 1: Tiêu chuẩn chung về thức ăn chăn nuôi

Trước khi thực hiện bất kì một chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp nào, cần xem xét kĩ tính khả thi của các phương án như đã được trình bày rõ trong bảng 6.1, và cũng cần xem xét tập trung vào những vật nuôi thích hợp nhất.

Tiêu chuẩn chung 1 về đảm bảo nguồn cung cấp thức ăn chăn nuôi: Đánh giá và lập kế hoạch
Các phương án đảm bảo nguồn cung cấp thức ăn được đánh giá dựa trên nhu cầu, cách làm và cơ hội của từng địa phương

Các tiêu chí chính

- Các hoạt động cung cấp thức ăn chăn nuôi chỉ được thực hiện ở những nơi mà người được trợ giúp sẽ tiếp tục có khả năng nuôi và quản lí đàn vật nuôi sau khi tình trạng khẩn cấp kết thúc (xem chú thích 1).
- Các kế hoạch dựa trên các phương án đề cập trong chương này được chuẩn bị với sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan và có cân nhắc đến các chiến lược ứng phó của địa phương, việc mua thức ăn ở địa phương và nguy cơ gián đoạn của thị trường địa phương (xem chú thích 2).
- Việc lựa chọn vật nuôi tham gia chương trình cung cấp thức ăn được dựa trên đánh giá về tình trạng của vật nuôi, cơ hội sống sót qua tình trạng khẩn cấp và giá trị của chúng trong việc khôi phục lại tài sản sinh kế trong tương lai (xem chú thích 3).
- Việc đánh giá và lập kế hoạch cần xem xét bối cảnh chính sách và các hạn chế chính sách có khả năng ảnh hưởng đến việc sử dụng thức ăn và đồng cỏ (xem chú thích 4).

Chú thích

1. **Các nhóm được trợ giúp có khả năng nuôi và quản lí vật nuôi trong tương lai**: một số hộ gia đình có thể phải chịu nguy cơ mất tài sản vật nuôi trong một thời gian dài sau khi tình trạng khẩn cấp kết thúc - do họ đã mất quá nhiều vật nuôi hoặc là khả năng lao động của gia đình bị ảnh hưởng do có thành viên bị ốm, chết, đi di cư nên họ không còn khả

năng chăn nuôi nữa. Trước khi thực hiện các biện pháp cứu trợ để cứu sống vật nuôi trong thời gian ngắn, các tổ chức cứu trợ nên tin tưởng rằng các gia đình được trợ giúp sẽ có khả năng nuôi và quản lí vật nuôi trong thời gian dài, và các tổ chức nên áp dụng các quá trình ra quyết định cộng đồng để lựa chọn các nhóm được trợ giúp thích hợp nhất.

2. **Lập kế hoạch tham gia dựa trên các chiến lược ứng phó và thị trường địa phương**: như đã đề cập ở trên, nhiều cộng đồng chăn nuôi có những cơ chế riêng để đối phó với tình trạng thiếu thức ăn. Những cơ chế này nên được xem xét và củng cố nếu có thể. Trong trường hợp những cơ chế ứng phó có sẵn của địa phương không được sử dụng, cần phân tích kĩ nguyên nhân của việc này trước khi thực hiện các biện pháp cứu trợ. Thị trường địa phương cũng cần được hỗ trợ để không bị ảnh hưởng bởi việc mua bán hay vận chuyển thức ăn. Cần đánh giá nguồn cung cấp cỏ cho vật nuôi ở địa phương (trường hợp lí tưởng nhất là đánh giá trước khi xảy ra tình trạng khẩn cấp - xem Chương 3, Tiêu chuẩn chung 7). Trong một số trường hợp, các chương trình chuẩn bị ứng phó với tình trạng khẩn cấp có thể xây dựng những kho dự trữ thức ăn của cộng đồng và những kho dự trữ này có thể cung cấp một nguồn thức ăn đáng kể trong tình trạng khẩn cấp (xem Nghiên cứu 6.5 trong Nghiên cứu Tình huống). Phụ lục 6.1 đưa ra danh mục cần kiểm tra trong quá trình đánh giá và lập kế hoạch.
3. **Xác định vật nuôi cần cứu trợ**: một số loài vật nuôi có khả năng thích ứng và phục hồi trước tình trạng thiếu thức ăn hoặc nước uống tốt hơn các loài vật nuôi khác. Tùy thuộc vào tình hình, một số loài vật nuôi có thể không cần nhiều trợ giúp do những loài này được đánh giá là có thể sống sót qua tình trạng khẩn cấp mà không cần cung cấp thêm thức ăn. Một số loài khác được dự đoán là sẽ cần nhiều trợ giúp, trong khi những vật nuôi dễ bị tổn thương hơn được cho là không có nhiều khả năng sống sót với những nguồn thức ăn có sẵn. Nguồn thức ăn để thực hiện các biện pháp cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp thường là rất hạn chế. Do đó, sẽ không thể giải quyết nhu cầu của tất cả vật nuôi trong đàn và chỉ những vật nuôi có giá trị nhất mới được chăm sóc. Trong thực tế, những vật nuôi này bao gồm những con giống tốt và những vật nuôi có thể làm việc tốt hoặc vật nuôi có giá trị thị trường cao mà chỉ tiêu thụ lượng thức ăn tối thiểu. Những vật nuôi này cần được đánh giá dựa trên kế hoạch chuẩn bị với sự tham gia của các cộng đồng được trợ giúp để đảm bảo rằng những vật nuôi được chọn phản ánh đúng nhu cầu của những nhóm dễ bị tổn thương và các dân tộc thiểu số. Những nhóm người này có thể chịu những tác động khác nhau của việc thiếu thức ăn chăn nuôi.

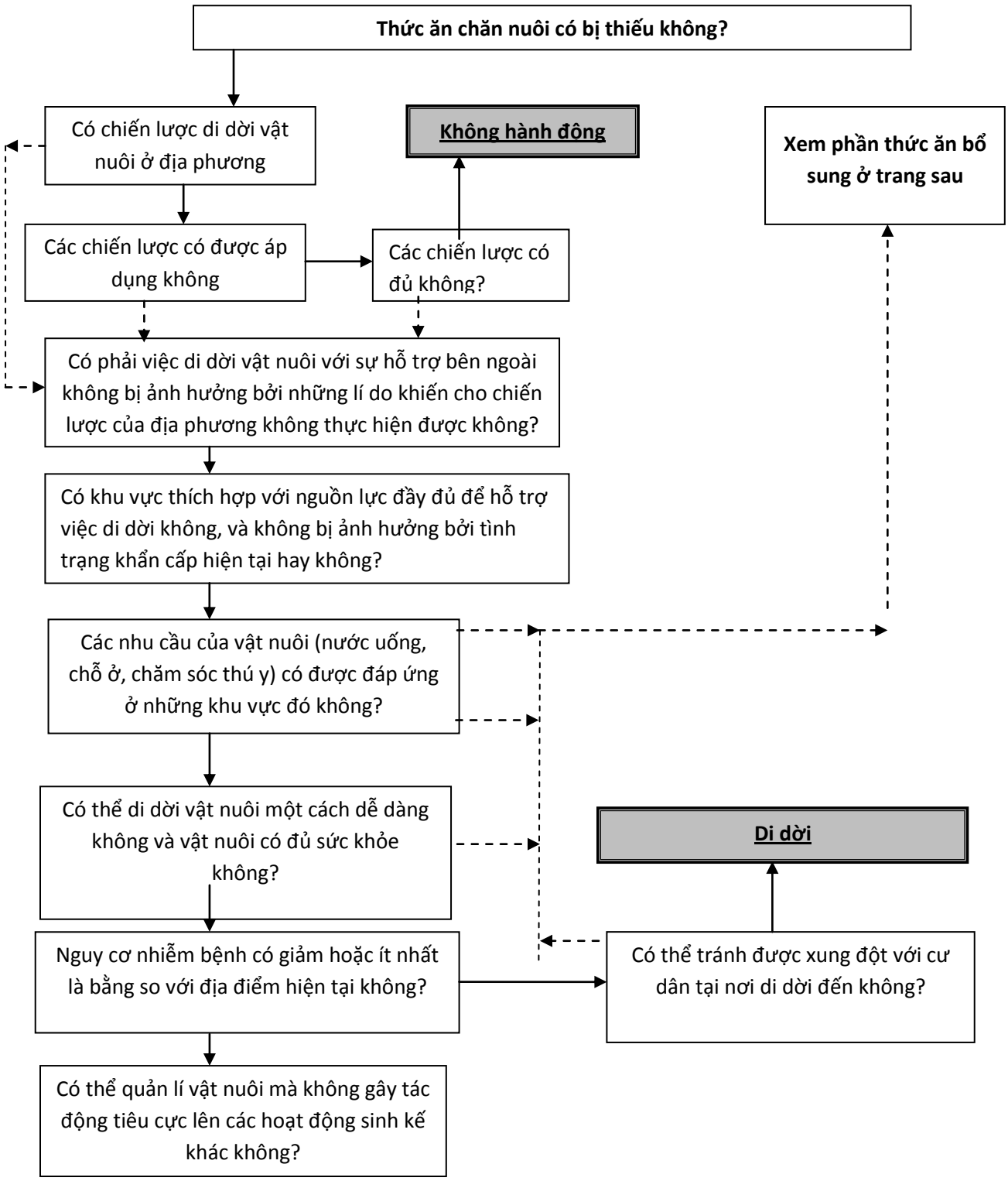

Chú thích: ⟶ = 'có' - - ▸ = 'không'

Chú ý: Kết quả 'không hành động (trừ khi những vấn đề nổi bật được giải quyết)' có nghĩa là cần phải tăng cường việc đào tạo hoặc xây dựng năng lực để có thể đưa ra câu trả lời 'có' cho các câu hỏi chính, chứ không phải là không thực hiện biện pháp cứu trợ nào.

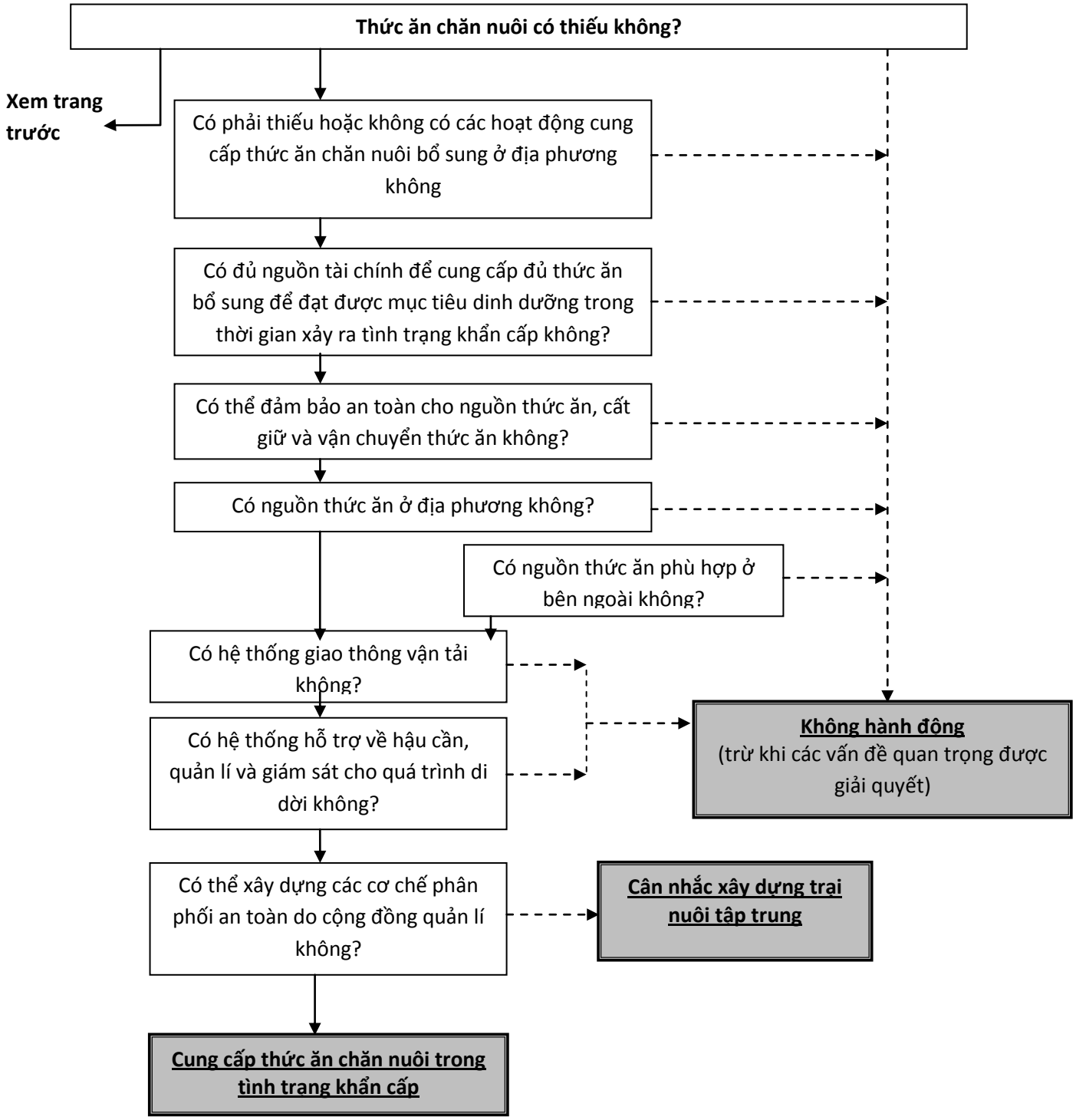

Hình 6.1 Sơ đồ ra quyết định hình cây các phương án cung cấp thức ăn chăn nuôi

4. **Bối cảnh chính sách**: đánh giá ban đầu nên phân tích bối cảnh chính sách liên quan tới việc sử dụng thức ăn. Điều này có thể bao gồm các hạn chế trong việc sử dụng đồng cỏ hoặc di dời vật nuôi đến các khu vực mới, cũng như là những trở ngại trong việc vận chuyển và mua thức ăn (ví dụ như các thủ tục địa phương về giao dịch thương mại). Việc phân tích cần làm rõ các kế hoạch thực hiện và làm cơ sở phù hợp cho bất kì hoạt động tuyên truyền nào (xem Chương 3, Tiêu chuẩn chung 8).

Phần 2: Di dời vật nuôi

Tiêu chuẩn 1 về di dời vật nuôi: Hỗ trợ cho việc chuẩn bị di dời vật nuôi

Công tác chuẩn bị cho việc di dời vật nuôi được dựa trên đánh giá hợp lí về các lợi ích có thể thu được, và được dựa trên các chiến lược ứng phó của địa phương.

Các tiêu chí chính

- Ngay từ giai đoạn đầu xây dựng chương trình, cần có các cơ chế và quá trình hiệu quả để đảm bảo sự tham gia của các chuyên gia địa phương và cộng đồng được trợ giúp (xem chú thích 1).
- Chú ý tới việc phân loại các nhóm cư dân và các loài vật nuôi vừa có khả năng tham gia vào việc di dời vật nuôi vừa được được trợ giúp từ việc đó (xem chú thích 2).
- Trong quá trình xây dựng chương trình cần đưa ra hướng giải quyết các hậu quả có thể phát sinh (gia đình li tán, xung đột với các hoạt động phục hồi khác) của việc di dời vật nuôi (xem chú thích 2).
- Cần đánh giá khu vực dự kiến di dời đến về khả năng khắc phục những hạn chế của khu vực chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp (xem chú thích 3, 4 và 5).
- Chương trình cần kết hợp các chiến lược rút lui (cơ hội bỏ vật nuôi hay đưa trở lại) (xem chú thích 6).

Danh mục kiểm tra đánh giá trong Phụ lục 6.1 xác định một số vấn đề chính cần giải quyết khi xem xét hỗ trợ chương trình di dời vật nuôi. Những vấn đề này cũng có thể ảnh hưởng tới quyết định cá nhân về việc tham gia vào chương trình và do đó có thể được dùng để hỗ trợ các gia đình nhằm xác định di dời vật nuôi có phải là một phương án phù hợp cho đàn vật nuôi của họ không.

Chú thích

1. **Hợp tác với chuyên gia địa phương**: di dời vật nuôi là một chiến lược cứu trợ lâu dài và có truyền thống lâu đời. Các tổ chức nhằm nỗ lực hỗ trợ những chương trình này cần thấy rằng chuyên gia để thực hiện chương trình có thể ở ngay trong cộng đồng địa phương và họ cũng có kĩ năng đánh giá tiềm năng của các đồng cỏ tại nơi di dời đến và những vấn đề liên quan đến môi trường và xã hội. Cần phát hiện được những chuyên gia này nhờ vào ý kiến thống nhất của cộng đồng và những người cung cấp thông tin chính – và mời các chuyên gia tham gia vào quá trình thảo luận và lập kế hoạch. Nếu việc di dời vật nuôi chỉ được cân nhắc trong giai đoạn cấp bách của tình trạng khẩn cấp, thì có thể lý giải tại sao người dân địa phương chưa thực hiện chiến lược này. Nghiên cứu những lí do này từ quan điểm của các chuyên gia địa phương có thể cung cấp những tiêu chí quan trọng để hỗ trợ việc xây dựng các biện pháp cứu trợ khác phù hợp hơn.
2. **Hỗ trợ quá trình ra quyết định tham gia chương trình cứu trợ của cá nhân:** xác định mục tiêu là quá trình đảm bảo rằng những lợi ích tiềm năng của các biện pháp cứu trợ thực sự đáp ứng được nhu cầu của con người và vật nuôi tham gia vào chương trình đó. Có rất nhiều chủ đàn vật nuôi có thể được được trợ giúp từ các chương trình di dời vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp nhưng cần chú ý đến những điều kiện tiên quyết sau đây:
   - Các gia đình cần được hỗ trợ để đánh giá thực tế về khả năng khôi phục hoạt động chăn nuôi sau khi tình trạng khẩn cấp kết thúc. Các gia đình chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp nặng nề tới mức khó có thể tiếp tục hoạt động chăn nuôi sau tình trạng khẩn cấp thì không nên tham gia vào các chương trình di dời vật nuôi mà nên tập trung vào các phương án phục hồi khác. Sự hỗ trợ này nên được thực hiện bởi các tổ chức cộng đồng có đầy đủ thông tin về kĩ năng và tài sản của các gia đình tham gia chương trình.
   - Cần xem xét vật nuôi với vai trò chỉ là một thành phần trong chiến lược sinh kế của hộ gia đình. Việc tham gia vào các chương trình di dời vật nuôi có thể làm giảm nguồn lực ít ỏi của những gia đình chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp và có thể gây ra những hậu quả dây chuyền đối với việc duy trì hoặc phục hồi các hoạt động sinh kế bị ảnh hưởng khác. Phương án di dời vật nuôi thích hợp với các hộ gia đình sống phụ thuộc chủ yếu vào việc chăn nuôi.
   - Những vật nuôi được tham gia vào chương trình di dời nên là những vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Thông thường, việc bán, giết mổ hay loại bỏ vật nuôi có giá trị thấp thường sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, vì các vật nuôi này cạnh tranh nguồn lực ít ỏi với các vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

- Việc di dời vật nuôi có thể dẫn đến xung đột với những người dân đang sử dụng đồng cỏ. Do đó đàm phán với tất cả các bên liên quan là hết sức cần thiết.

3. **Cung cấp thông tin**: thu thập và cung cấp thông tin hậu cần là lĩnh vực mà các tổ chức (bao gồm cả chính quyền địa phương) có thể hỗ trợ đáng kể trong việc xây dựng các chương trình di dời vật nuôi 'theo phương pháp của địa phương'. Ví dụ, những người dân địa phương có thể do dự khi phải di dời vật nuôi đến các địa điểm di dời truyền thống do bản chất của tình trạng khẩn cấp hay các lí do khác, họ không thể xác định được liệu ở đó có nguồn lực hỗ trợ cho họ hay không. Nếu như có thể đảm bảo với họ rằng vật nuôi của họ sẽ được bảo vệ và chăm sóc cẩn thận cả trên đường đi và khi đến nơi, thì sẽ giảm đáng kể sự nghi ngờ đối với việc thực hiện chiến lược di dời vật nuôi.
4. **Tuyên truyền vận động**: các chương trình di dời vật nuôi có thể cũng cần có các hoạt động truyên truyền vận động thay mặt cho những gia đình phải di dời cùng vật nuôi của họ, bao gồm những hoạt động sau đây:
   - Vận động các cơ quan chính quyền địa phương và các tổ chức phi chính phủ cung cấp hỗ trợ bổ sung
   - Liên lạc với các cơ quan có thẩm quyền ở khu vực di dời đến để họ có thể cung cấp nguồn lực ở mức tối đa
   - Đàm phán với các bên liên quan khác ở khu vực di dời đến (đặc biệt là những người dân đang sử dụng nguồn lực để chăn nuôi) để giảm thiểu khả năng phát sinh xung đột.
5. **Hỗ trợ bổ sung**: các cơ quan tổ chức cũng có thể thúc đẩy chương trình di dời vật nuôi bằng cách bổ sung nguồn lực mà những người dân địa phương không thể có được. Những nguồn lực này bao gồm:
   - Cung cấp nước uống và thức ăn trên hành trình di dời
   - Đàm phán về quyền sử dụng nguồn lực chăn nuôi trong hành trình di dời và khi đến địa điểm di dời
   - Cung cấp các dịch vụ thú y trên hành trình di dời và tại điểm di dời đến
   - Xây dựng hoặc nâng cấp các kênh tiếp thị

   Nhu cầu được hỗ trợ bổ sung này là điều tất yếu trong nhiều tình trạng khẩn cấp và cung cấp nguồn lực bổ sung sẽ có tác động rất lớn đến tính khả thi và việc thực hiện chiến lược di dời vật nuôi để ứng phó với tình trạng khẩn cấp. Tuy nhiên, quá trình thực hiện có thể gặp phải những khó khăn lớn về mặt hậu cần và chi phí tăng cao. Do đó, cần có đánh giá hợp lí về chi phí và lợi ích trước khi bắt đầu thực hiện chương trình di dời.

6. **Chiến lược rút lui**: có một điều nguy hiểm là các chương trình di dời chỉ tập trung vào những nhu cầu trước mắt để bảo vệ vật nuôi trong giai đoạn nguy hiểm của tình trạng khẩn cấp. Tuy nhiên, sau đó, những người chăn nuôi luôn cần phải khôi phục những chiến lược quản lí vật nuôi bền vững và do đó họ không thể ở lại nơi di dời vô thời hạn. Trong quá trình lên kế hoạch, cần xây dựng các chiến lược thay thế có thể thực hiện trong giai đoạn phục hồi cho những người tham gia chương trình di dời và dành đủ nguồn lực để đảm bảo hoàn thành các chương trình này. Các chương trình này có thể bao gồm:
   - Thu xếp cho vật nuôi và người chăn nuôi trở về nơi ở cũ hoặc chuyển đến nơi ở mới thích hợp hơn cho việc định cư lâu dài
   - Đối với những người chăn thả, hỗ trợ để họ có thể khôi phục lại lối sống chăn thả vật nuôi trên đồng cỏ
   - Trong trường hợp hoạt động chăn nuôi không góp phần hiệu quả vào việc xây dựng sinh kế bền vững, cần hỗ trợ người chăn nuôi xóa đàn vật nuôi, tận dụng tối đa lợi ích trên thị trường mua bán các sản phẩm vật nuôi trong giai đoạn phục hồi sau khi tình trạng khẩn cấp kết thúc.

Phần 3: Cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp

Tiêu chuẩn 1 về cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: Các mức độ cung cấp thức ăn chăn nuôi

Chương trình cứu trợ cần đưa ra các mức độ cung cấp thức ăn để có được hiệu quả chăn nuôi phù hợp và duy trì lâu dài trong suốt thời gian thực hiện chương trình.

Các tiêu chí chính

- Chương trình đưa ra các mức độ cung cấp thức ăn chăn nuôi tương ứng với các mục tiêu đã được xác định rõ (xem chú thích 1 và 2).
- Các mức độ cung cấp thức ăn trong chương trình là có thể đạt được và có tính bền vững (xem chú thích 2).
- Trong trường hợp nguồn thức ăn dự trữ bị tổn thất, gây ra mối đe dọa trực tiếp tới đàn vật nuôi thì chương trình sẽ bổ sung nguồn thức ăn dự trữ (xem chú thích 3).

Chú thích

1. **Khái niệm đủ dinh dưỡng**: khái niệm đủ dinh dưỡng không phải là một tiêu chuẩn cung cấp thức ăn tuyệt đối. Một chế độ ăn đủ dinh dưỡng để cứu sống một vật nuôi

trong một đợt hạn hán kéo dài hai tháng sẽ không đủ cho một con bò sản xuất 25 lít sữa mỗi ngày trong một trang trại sản xuất bơ sữa ở ngoại ô. Do vậy, cần sớm xác định mức độ đủ dinh dưỡng cho tình hình cụ thể (ví dụ, 'khẩn phần để sống sót' tối thiểu, ổn định trọng lượng, khôi phục mức tăng trọng lượng, phục hồi khả năng sinh sản…). Sau đó, những thông tin này nên được sử dụng để lựa chọn các phương án và xây dựng chi tiết kĩ thuật và hậu cần của chương trình cứu trợ.

2. **Ngân sách dành cho thức ăn chăn nuôi**: khi tính toán số lượng thức ăn dùng cho chương trình, cần cân đối lượng thức ăn mà vật nuôi tham gia chương trình di dời tiêu thụ với số lượng thức ăn có thể vận chuyển tới điểm di dời. Nhìn chung, cần tính toán những điểm sau:
   - Nhu cầu thức ăn hàng ngày của các loại vật nuôi khác nhau tham gia di dời để chương trình có thể đạt được mục tiêu đề ra trong chú thích 1
   - Lượng thức ăn mà nguồn ngân sách của chương trình có thể cung cấp được
   - Khoảng cách đến nguồn thức ăn
   - Thời gian dự kiến thực hiện chương trình
   - Số lượng vật nuôi thực tế có thể tham gia
   - Nếu như số lượng vật nuôi tham gia không đủ thì chương trình cần đánh giá lại mục tiêu tổng quát (ví dụ như chấp nhận rằng chương trình chỉ có thể giúp vật nuôi duy trì trọng lượng đủ để tồn tại chứ không thể khôi phục lại mức tăng trọng lượng), hoặc tìm kiếm thêm nguồn tài trợ.
3. **Bổ sung nguồn thức ăn dự trữ**: trong nhiều thảm họa khởi phát nhanh, nguồn thức ăn dự trữ có thể bị phá hủy. Nếu sự sống còn của vật nuôi bị đe dọa bởi sự thiếu hụt nguồn thức ăn dự trữ thì các chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp cần bổ sung thức ăn cho các kho dự trữ này (cùng với việc khôi phục lại các kho dự trữ cần thiết) để bảo vệ tài sản vật nuôi.

Tiêu chuẩn 2 về cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: An toàn thực phẩm

Trong trường hợp thức ăn được vận chuyển đến khu vực chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp, cần chú ý đến vệ sinh, kiểm dịch thực vật và các khía cạnh khác để đảm bảo nguồn thức ăn an toàn.

Các tiêu chí chính

- Đánh giá đầy đủ về khả năng dễ bị tổn thương của vật nuôi ở địa phương và việc các loài sâu hại, dịch bệnh và vật trung gian truyền bệnh xâm nhập vào nguồn thức ăn (xem chú thích 1).

- Kiểm tra thức ăn được vận chuyển đến khu vực chịu ảnh hưởng để tránh các nguồn lây bệnh (xem chú thích 2)
- Thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm bảo các phương tiện vận chuyển và thùng chứa sạch sẽ và vệ sinh (xem chú thích 3).

Chú thích

1. **Đánh giá rủi ro**: khi tình trạng khẩn cấp xảy ra, khó có thể tiến hành việc đánh giá chi tiết các rủi ro. Tuy nhiên, cần xác định được những nguy cơ nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến giai đoạn phục hồi trước khi tiến hành việc vận chuyển thức ăn từ nơi khác đến. Những vấn đề mà các khu vực này đã từng gặp phải có thể giúp dự báo được các nguy cơ có thể xảy ra trong tương lai. Trong trường hợp mức độ rủi ro được dự báo là cao, vẫn có thể xem xét vận chuyển một loại thức ăn nào đó đến khu vực chịu ảnh hưởng nếu các biện pháp kiểm tra và quản lí nguồn thức ăn đang được thực hiện có độ tin cậy cao. (xem bên dưới).
2. **Kiểm tra chất lượng của thức ăn vận chuyển**: thức ăn vận chuyển đến khu vực chịu ảnh hưởng luôn phải được kiểm tra chất lượng trước khi được phân phối. Việc kiểm tra này có thể bao gồm cả việc kiểm tra sâu hại hoặc nguy cơ lây nhiễm bệnh bằng mắt thường hoặc bằng kính hiển vi. Đối với một số loại thức ăn, cần phân tích mẫu thức ăn trong phòng thí nghiệm để phát hiện chất độc. Ví dụ, hạt ngô hoặc bột mì có thể bị nhiễm nấm độc, đặt biệt là những thức ăn được sử dụng trong các chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp thường phải qua thời gian dài vận chuyển và cất giữ trong kho.
3. **Các qui trình bảo đảm vệ sinh**: Ở nơi phân phát thức ăn, thường là không thể và cũng không cần thực hiện các thủ tục kiểm tra chất lượng kĩ lưỡng. Do đó, điều quan trọng là sau khi kiểm tra chất lượng thức ăn, những nhân viên phân phát hoặc vận chuyển thức ăn đến khu vực chịu ảnh hưởng cần thực hiện các biện pháp để giảm thiểu nguy cơ thức ăn bị nhiễm khuẩn hoặc hư hỏng. Những biện pháp này bao gồm:
   - Cọ rửa các thùng chứa và xe tải sau mỗi lần bốc dỡ hàng (tốt nhất là cọ rửa bằng hơi nước, tuy nhiên trong nhiều trường hợp không thể dùng cách này).
   - Sấy khô thùng chứa và xe tải sau khi cọ rửa
   - Lưu giữ thông tin cẩn thận về các loại thức ăn vận chuyển để tránh nguy cơ lây nhiễm chéo. Không nên dùng xe tải đã từng chở các loại vật liệu nguy hiểm ví dụ như hóa chất công nghiệp, thủy tinh hay kim loại phế thải để chở thức ăn.

- Nhân viên nên giảm thiểu việc tiếp xúc với thức ăn mà họ cất trữ hay vận chuyển. Ví dụ, lái xe không nên dẫm lên thức ăn đang để ngỏ
- Thức ăn nên được che bằng vải bạt
- Thời gian vận chuyển và cất giữ nên được giảm thiểu tối đa

Tiêu chuẩn 3 về cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: Nguồn gốc thức ăn và phân phối các nguồn thức ăn

Nếu có thể, thức ăn nên được mua ở địa phương, phân phối an toàn và hợp lí để ít gây ảnh hưởng đến thị trường ở địa phương cũng như thị trường trong nước.

Các tiêu chí chính

- Các tổ chức hỗ trợ có thể áp dụng các hệ thống hành chính và chính sách thu mua hiện có hoặc sửa đổi chúng để hỗ trợ quá trình mua thức ăn chăn nuôi được nhanh chóng (xem chú thích 1).
- Các chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp đưa ra đánh giá về các nguồn thức ăn thích hợp sẵn có ở địa phương (xem chú thích 2).
- Trong trường hợp phải vận chuyển thức ăn vật nuôi từ ngoài khu vực bị ảnh hưởng, thức ăn phải được mua từ nguồn tin cậy và đảm bảo nguồn cung lâu dài (xem chú thích 3)
- Đánh giá mức độ an toàn của mạng lưới phân phối thức ăn dự kiến (xem chú thích 4).
- Cơ chế phân phối dựa trên cơ chế cộng đồng địa phương nếu có thể (xem chú thích 5).
- Nếu như không thực hiện được việc phân phối 'tại chỗ' và phải xây dựng các trại nuôi tập trung, cần bảo đảm an toàn cho người và vật nuôi, đảm bảo đủ hậu cần và các nguồn lực cần thiết để cung cấp cho trại trong suốt thời gian xảy ra tình trạng khẩn cấp, và hỗ trợ quản lí trại nuôi tập trung để giúp thúc đẩy việc khôi phục các hoạt động chăn nuôi bền vững (xem chú thích 6).

Chú thích

1. **Hệ thống hành chính**: một số tổ chức không có hệ thống thích hợp để mua thức ăn chăn nuôi (ví dụ mua từ tư nhân) – hoặc chính sách nội bộ không cho phép việc này. Cần xây dựng hệ thống này trước khi tình trạng khẩn cấp khởi phát để có thể thực hiện các giao dịch mua bán. Trong kế hoạch chuẩn bị đối phó với tình trạng khẩn cấp của các cơ quan, cần có danh sách các nhà cung cấp thức ăn vật nuôi tiềm năng (xem Chương 3, Tiêu chuẩn chung 7).

2. **Thức ăn có sẵn tại địa phương**: sử dụng nguồn thức ăn có sẵn ở địa phương mang đến những lợi ích to lớn cho chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp:
   - Chi phí vận chuyển sẽ thấp hơn nhiều mặc dù chi phí mua thức ăn tại vùng bị ảnh hưởng có thể cao hơn
   - Khoảng cách vận chuyển thức ăn ngắn hơn nên thức ăn ít bị trộm cắp
   - Có thể tránh được nguy cơ thức ăn được nhập khẩu lan tràn gây ảnh hưởng xấu đến thị trường địa phương (trong trường hợp này, 'nhập khẩu' đề cập đến thức ăn được nhập từ khu vực bên ngoài vào khu vực chịu ảnh hưởng, không nhất thiết là nhập từ nước ngoài).
   - Việc mua thức ăn chăn nuôi có thể đem lại tiền mặt cho nền kinh tế địa phương
   - Có thể tạo ra nhiều cơ hội cho lao động địa phương tham gia vào công việc vận chuyển, bốc dỡ và phân phát hàng.

   Ngược lại, việc mua thức ăn chăn nuôi tại địa phương có thể dẫn đến việc các tổ chức thực hiện chương trình cạnh tranh nguồn lực với chủ vật nuôi, khiến cho họ càng dễ bị tổn thương và có thể làm giá cả trên thị trường tăng cao.
3. **Vận chuyển thức ăn từ bên ngoài**: một số chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi có thể phải sử dụng thức ăn không có ở địa phương. Những loại thức ăn này có thể bao gồm thức ăn cô đặc với công thức dinh dưỡng riêng biệt hoặc là bánh thức ăn giàu dinh dưỡng. Trong một số trường hợp, những loại thức ăn này có thể phải nhập từ ngoài vùng chịu ảnh hưởng hoặc từ nước ngoài. Trong những trường hợp đó, cần phải chuẩn bị hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng đầy đủ. Khoảng cách giữa nơi cung cấp và nơi tiêu thụ càng lớn thì rủi ro của việc gián đoạn nguồn cung càng lớn. Để giảm thiểu những rủi ro đó thì các chương trình nên chú ý đến những vấn đề sau:
   - Chuẩn bị đầy đủ các kho chứa trong vùng để dự trữ hàng hóa trong trường hợp việc vận chuyển thức ăn bị gián đoạn. Tuy nhiên cần lưu ý rằng điều này cũng có rủi ro vì việc cất giữ có thể làm thức ăn bị hư hỏng hoặc trộm cắp.
   - Xác định và sử dụng nhiều hơn một chuỗi cung ứng để nếu có một chuỗi không cung ứng được thức ăn thì chương trình không bị gián đoạn
   - Các thức ăn thay thế của địa phương có thể sử dụng để 'lấp chỗ trống' trong thời gian ngắn. Ví dụ, các thức ăn có hàm lượng protein cao như các bánh thức ăn làm từ hạt bông hoặc các loại hạt có dầu có thể thay thế cho thức ăn cô đặc có công thức riêng biệt trong một thời gian ngắn.

- Khả năng 'vận chuyển chiều về' khi vận chuyển thức ăn đến khu vực chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp. Ví dụ, khi chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi được thực hiện cùng với chương trình giảm đàn nhanh, có thể vận chuyển vật nuôi ra khỏi khu vực bằng xe chở thức ăn tới.
- Chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp có thể chấp nhận mục tiêu khiêm tốn hơn bằng cách sử dụng nguồn thức có sẵn ở địa phương

4. **Thiết lập một mạng lưới phân phối ăn toàn**: Sự an toàn của các nhân viên làm nhiệm vụ vận chuyển thức ăn chăn nuôi cho chương trình phải luôn được đặt lên hàng đầu. Những tình trạng khẩn cấp thường dẫn tới tới tình trạng không tuân thủ lập pháp. Hàng hóa và xe tải được sử dụng trong các mạng lưới phân phối có thể trở thành mục tiêu hấp dẫn của những vụ cướp. Hầu hết các cơ quan cứu trợ quốc tế đều có các hướng dẫn an ninh chi tiết để đối phó với tình trạng này và những hướng dẫn đó có thể được áp dụng hiệu quả, thường là phối hợp với các cơ quan an ninh khác hoặc cơ quan an ninh ở địa phương. Tuy nhiên, những chương trình qui mô nhỏ ở địa phương với nguồn lực hạn chế thì khó có thể đạt được mức độ bảo vệ tương tự.
5. **Cơ chế phân phối địa phương**: việc phân phối nên được quản lí và điều phối bởi các cơ chế sẵn có (hoặc thiết lập mới) tại địa phương nếu có thể. Những cơ chế như thế (ví dụ ủy ban phân phối cộng đồng được thành lập chuyên để thực hiện công việc này hoặc những già làng và lãnh đạo cộng đồng hiện tại của địa phương) tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân phối công bằng các nguồn lực, và nếu đã được thỏa thuận từ trước thì mục tiêu trợ giúp nên là các hộ gia đình dễ bị tổn thương.
6. **Trại nuôi tập trung**: các trại nuôi tập trung nên được lên kế hoạch và xây dựng với sự tham gia của các nhóm được trợ giúp, cần chú ý đến những vấn đề quan trọng như khả năng tiếp cận, an ninh và chi phí thực hiện cho cả người được trợ giúp và tổ chức hỗ trợ. Do cần đầu tư nhiều (phục vụ cho việc di dời vật nuôi, cung cấp thức ăn và nước uống, cung cấp các dịch vụ thú y, cơ sở hạ tầng và chi phí nhân sự), chỉ nên xây dựng trại nuôi tập trung nếu có đủ nguồn lực trong khoảng thời gian dự kiến xảy ra tình trạng khẩn cấp. Các trại này nên tập trung vào những chủ vật nuôi gặp nhiều nguy hiểm và những loại vật nuôi có giá trị cao nhất. Việc quản lí và phân công nhân sự nên được lên kế hoạch trước và nên khai thác khả năng quản lí trại của các cơ quan, tổ chức cộng đồng ở địa phương.

Phụ lục 6.1 Danh mục đánh giá việc cung cấp thức ăn chăn nuôi

Danh mục ngắn gọn này nhằm mục đích hỗ trợ việc đánh giá nhanh để đảm bảo khả năng cung cấp thức ăn chăn nuôi. Danh mục này gồm các câu hỏi để lấy ý kiến chuyên gia trong cộng đồng địa phương và những người tham gia hỗ trợ cho tình trạng khẩn cấp. Ngoài những chủ đề được nêu trong danh mục, cần có đánh giá chi tiết hơn về các vấn đề quan trọng như khả năng chấp nhận ở địa phương, tính sẵn có của các nguồn lực và vấn đề hậu cần.

Di dời vật nuôi

Mục tiêu của việc di dời

- Loại vật nuôi nào trong khu vực chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp có thể được trợ giúp từ việc di dời và được trợ giúp như thế nào?
- Mục tiêu dinh dưỡng chính khi thực hiện di dời là gì? (khẩu phần tối thiểu để sống sót, ổn định trọng lượng, khôi phục mức tăng trọng lượng, khôi phục khả năng sinh sản, đạt đến trọng lượng và điều kiện có thể bán ra thị trường)?
- Việc di dời có mang đến các lợi ích tiềm năng khác không (ví dụ như giảm nguy cơ vật nuôi bị nhiễm bệnh, tiếp cận thị trường sản phẩm chăn nuôi dễ dàng hơn, giảm mâu thuẫn với các chiến lược sinh kế khác ở vùng chịu ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp)?
- Qui mô (số lượng mỗi loài vật nuôi) của chương trình di dời dự kiến là gì?
- Tương lai dự kiến của vật nuôi được di dời sẽ ra sao (bị bỏ lại tại nơi di dời, được đưa về khu vực chịu ảnh hưởng)?

Xác định các địa điểm tiềm năng

- Nguồn thức ăn ở địa điểm dự kiến có đủ đáp ứng mục tiêu của việc di dời không (về chất lượng, số lượng và khả năng chấp nhận của vật nuôi)?
- Nếu không thì các chương trình hỗ trợ (ví dụ vận chuyển thức ăn cô đặc đến một đầu mối) có thể được thực hiện khả thi và hiệu quả hay không?
- Những nguồn lực khác (ví dụ nước, chuồng trại, chăm sóc thú y) cần để hỗ trợ các vật nuôi di dời có sẵn tại địa điểm đến hay không?
- Liệu khu vực di dời dự kiến có bị ảnh hưởng bởi sự lan rộng hay hậu quả trong tương lai của tình trạng khẩn cấp hiện tại hay không?
- Những xung đột tiềm tàng với những người hiện đang sống phụ thuộc vào địa điểm di dời đến là gì và chương trình có thể giải quyết ổn thỏa những vấn đề này không?

- Nếu cần, có thể bỏ lại động vật ở nơi di dời đến mà không làm gián đoạn thị trường hiện tại hay không?

Hậu cần

- Các vật nuôi có di dời cùng chủ sở hữu hoặc người quản lí hay không?
- Các hộ gia đình được trợ giúp có thể thích ứng với những khó khăn khi di dời vật nuôi mà không làm ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sinh kế của họ không?
- Việc di dời sẽ được thực hiện như thế nào (đi bộ, đi tàu; nhóm vật nuôi lớn hay nhỏ)?
- Các nguồn lực (tài chính/vật chất) có sẵn sàng để hỗ trợ cho phương án di dời dự kiến hay không?
- Những người chăn nuôi và vật nuôi của họ có đủ sức khỏe để di dời đến địa điểm dự kiến hay không?
- Việc hỗ trợ vật nuôi trên đường di dời có khả thi không (ví dụ như cung cấp thức ăn, nước uống tại những điểm quan trọng trên hành trình)?
- Có thể đảm bảo an toàn cho người chăn nuôi và vật nuôi của họ trong quá trình di dời hay không?
- Vật nuôi di dời sẽ được quản lí như thế nào tại điểm đến?
- Chương trình có thể hỗ trợ nguồn lực cần thiết mà bị thiếu tại điểm đến hay không (ví dụ nước uống, nơi ở, chăm sóc thú y)?
- Nếu cần, có thể thực hiện các biện pháp hiệu quả để đưa vật nuôi được di dời trở lại nơi ở cũ hay không?

Cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: phân phối 'tại chỗ'

Trợ cấp thức ăn và chất lượng dinh dưỡng

- Chế độ ăn uống và trợ cấp thức ăn có được xây dựng phù hợp với các mục tiêu cụ thể của chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi hay không?
- Chế độ ăn uống có tính toán thực tế các khó khăn hậu cần có thể gặp phải khi vận chuyển thức ăn cho các nhóm được trợ giúp hay không?
- Chế độ ăn uống có tính toán thực tế dựa trên nguồn ngân sách sẵn có hay không?

Cung cấp thức ăn chăn nuôi an toàn

- Chương trình có thực hiện đánh giá rủi ro về khả năng nhiễm độc thức ăn khiến cho vật nuôi có thể gặp nguy hiểm hay không?
- Chương trình có thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát chất lượng để sàng lọc thức ăn hay không?
- Thời gian cất giữ thức ăn có đảm bảo duy trì độ an toàn và chất lượng thức ăn hay không?
- Chương trình có thực hiện các qui trình đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh đối với các phương tiện được sử dụng để vận chuyển và cất giữ thức ăn hay không?

Nguồn mua và phân phối thức ăn

- Hệ thống hành chính của các tổ chức có đủ linh hoạt để đáp ứng nhu cầu của chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi liên tục hay không?
- Nguồn thức ăn có thể được mua ngay ở địa phương để giảm chi phí vận chuyển và hỗ trợ cho các thương nhân địa phương và các ngành kinh doanh khác không?
- Nếu thức ăn được mua ở địa phương, có thực hiện các biện pháp để đảm bảo rằng những bên liên quan khác không bị ảnh hưởng bởi việc này hay không?
- Có bổ sung cho những kho thức ăn bị cạn kiệt trong giai đoạn phục hồi không?
- Có cơ hội để thực hiện 'vận chuyển chiều về' (đảm bảo xe tải chở hàng khi ra vào khu vực chịu ảnh hưởng) để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống phân phối không?
- Mạng lưới phân phối có được bảo vệ an toàn không?

Cung cấp thức ăn chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp: trại nuôi tập trung

Chấp nhận trại nuôi tập trung và xác định các nhóm được trợ giúp

- Có thể đánh giá đầy đủ về khả năng của các trại nuôi tập trung trong việc đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài của nhiều nhóm được trợ giúp khác nhau không?
- Có thể thực hiện các biện pháp phù hợp để thông báo cho các nhóm được trợ giúp về những nguồn lực mà trại nuôi tập trung có thể và không thể cung cấp – và những điều kiện để họ tham gia không?

- Những nhóm được trợ giúp tiềm năng có được thông báo đầy đủ về những nguy cơ họ có thể gặp phải khi tham gia vào chương trình hay không?
- Những nhóm được trợ giúp tiềm năng có khả năng đáp ứng yêu cầu để tham gia vào trại nuôi tập trung hay không (ví dụ nhu nguồn nhân lực để giám sát vật nuôi….)?
- Có các qui trình phù hợp để xác định nhóm được trợ giúp và loài vật nuôi phù hợp để cứu trợ khi xây dựng trại nuôi tập trung hay không?

Hậu cần và quản lí

- Vật liệu xây dựng và các loại vật liệu khác có thể được mua tại địa phương hoặc được vận chuyển đến nơi xây dựng trại với giá cả hợp lí và ít nguy hiểm hay không?
- Nguồn thức ăn và nước uống có đủ hoặc có thể vận chuyển đến trại để cung cấp cho số người tham gia theo dự tính không?
- Có thể cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phù hợp như dịch vụ chăm sóc thú y không?
- Có người quản lí với trình độ thích hợp để quản lí trại không?
- Có cơ cấu quản lí để giải quyết nhu cầu và những mối quan tâm của tất cả các bên tham gia hay không?
- Đội ngũ nhân viên có được bố trí phù hợp cho trại không (nên có những nhóm được trợ giúp tham gia vào đội ngũ này)?

Phụ lục 6.2 Danh mục giám sát và đánh giá hoạt động cung cấp thức ăn chăn nuôi

Quản lí

- Việc hỗ trợ quản lí có được duy trì trong suốt thời gian cứu trợ không?
- Việc quản lí chương trình có đạt được các mục tiêu sau trong việc di dời vật nuôi không:
  - Kịp tiến độ
  - Không gây ra nguy hiểm cho người chăn nuôi và vật nuôi của họ
  - Không gây ra xung đột giữa các bên liên quan trong quá trình di dời
- Việc cung cấp thức ăn liên tục cho các trại nuôi tập trung có được duy trì không hay là mỗi cá nhân tự nhận phần thức ăn bổ sung?
- Có thể tránh được các vấn đề liên quan tới ô nhiễm nguồn thức ăn hay không?
- Có nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nào bị từ chối hỗ trợ không?
- Đội ngũ quản lí có khả năng giải quyết những tranh chấp giữa các nhóm được trợ giúp và các bên liên quan một cách kịp thời và công bằng không?

Khả năng sống sót của vật nuôi

- Sau khi thực hiện hoạt động cứu trợ, những chỉ số sau đây có giảm một cách đáng kể không?
  - Tỉ lệ giết thịt vật nuôi có thể sống sót
  - Tỉ lệ vật nuôi chết do những nguyên nhân khác
  - Tỉ lệ di chuyển và bán vật nuôi bất thường
- Nếu có các thông tin cơ bản, việc đánh giá khả năng sống sót của vật nuôi có thể hiện được những thông tin sau không?
  - Cải thiện tình trạng cơ thể
  - Tăng trọng lượng cơ thể trong thời gian ngắn
  - Giảm tỉ lệ mắc bệnh

Tác động xã hội

- Có bất kì bằng chứng nào cho thấy:

- Có thể giảm khả năng dễ bị tổn thương của người chăn nuôi chịu tác động của tình trạng khẩn cấp mà không phải giết vật nuôi của họ không?
- Người chăn nuôi thực hiện lại các chiến lược sinh kế như trước khi được cứu trợ với đóng góp từ vật nuôi của họ không?

Tác động tới môi trường

- Có bằng chứng nào cho thấy việc thực hiện các chương trình liên quan đến thức ăn chăn nuôi gây hại cho môi trường do các nguyên nhân sau:
  - Vật nuôi di chuyển trên đường di dời (đường bộ, đường mòn, mùa màng,…)
  - Vật nuôi xuất hiện tại khu vực di dời
  - Chất thải của vật nuôi hoặc người chăn nuôi tích tụ ở khu vực di dời
  - Sử dụng nguồn lực của địa phương hoặc các nguồn khác trong quá trình thực hiện chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi bổ sung

Tài liệu tham khảo

Ayantunde, A. A., Fernandez-Rivera, S. and McCrabb, G. (biên tập) (2005) 'Đối phó với tình trạng khan hiếm thức ăn trong hệ thống chăn nuôi vật nuôi qui mô nhỏ ở các nước đang phát triển', Viện nghiên cứu vật nuôi quốc tế, Nairobi, www.ilri.cgiar.org/Infoserv/webpub/fulldocs/CopingFeedScarcity/CopingW·Food_Scarcity.pdf

Blackwood, I. (2006) *Cung cấp thức ănđể sóng sót trong hạn hán*, PrimeFact 286, New South Wales, Department of Primary Industries, New South Wales, www.dpi.nsw.gov.au/_data/assets/pdf_file/95900/sur\'ival-feeding-in-drought.pdf

Blackwood, I. and Clayton, E. (2006) *Nguyên tắc cung cấp thức ăn bổ sung,* PrimeFact 287, New South Wales Department of Primary Industries, New South Wales, www.dpi.nsw.gov.au/_data/assets/pdf_file/95903/supplementary-feeding-principles.pdf

Sáng kiến sinh kế cho người chăn thả (2007) *Vấn đề thức ăn: hỗ trợ thức ăn chăn nuôi trong hạn hán*, Tóm tắt chính sách số 2, tháng 11, Trung tâm quốc tế Feinstein, Đại học Tufts, Addis Ababa.

Photo credit: Kelly Lynch/Save the Children, USA

CHƯƠNG 7

Các tiêu chuẩn tối thiểu về cung cấp nước

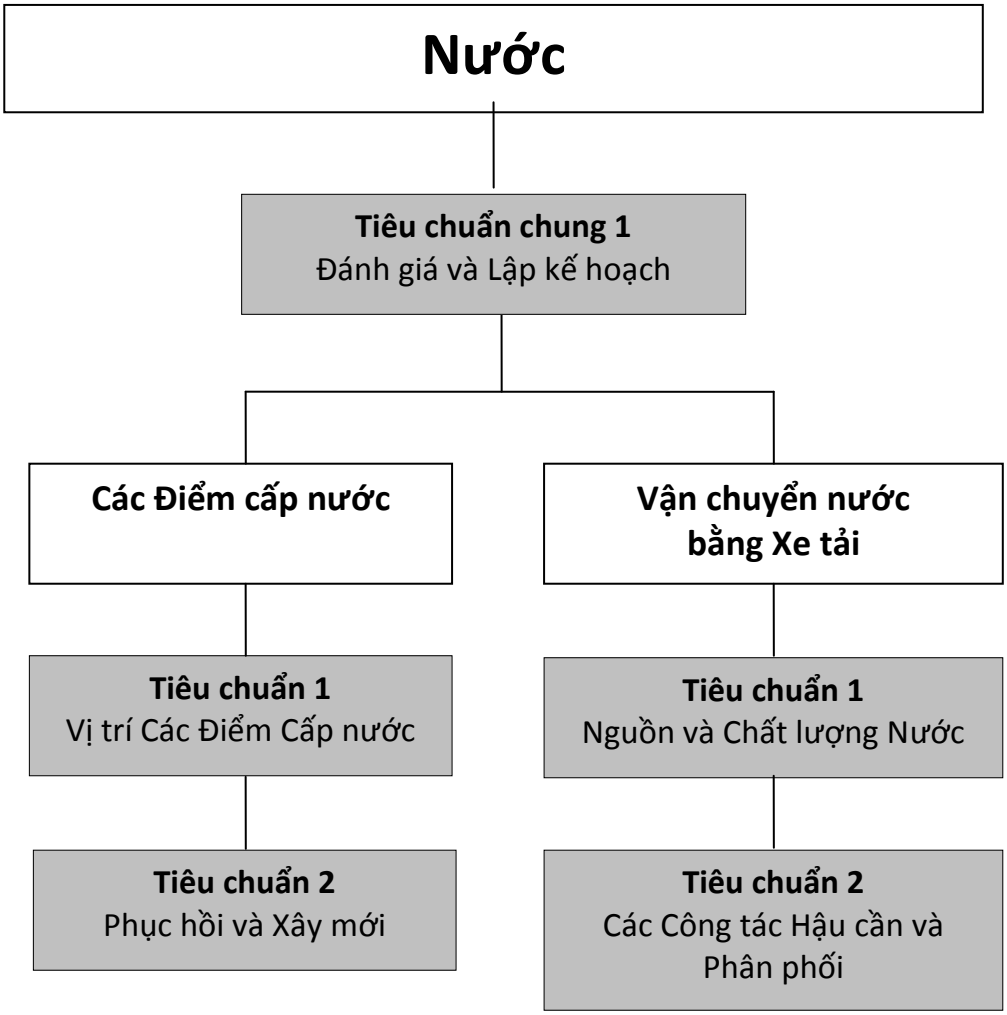
Nước
Tiêu chuẩn chung 1
Đánh giá và Lập kế hoạch
Các Điểm cấp nước
Vận chuyển nước bằng Xe tải
Tiêu chuẩn 1
Vị trí Các Điểm Cấp nước
Tiêu chuẩn 1
Nguồn và Chất lượng Nước
Tiêu chuẩn 2
Phục hồi và Xây mới
Tiêu chuẩn 2
Các Công tác Hậu cần và Phân phối

Giới thiệu

Liên hệ với các mục tiêu sinh kế của LEGS

Cung cấp nước cho vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp tập trung vào công tác cứu sống vật nuôi trong và sau thảm họa, các hoạt động này liên quan chủ yếu tới mục tiêu sinh kế thứ hai và thứ ba của LEGS, cụ thể là:

- bảo vệ tài sản vật nuôi của các cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng
- tái lập đàn vật nuôi cho các cộng đồng bị ảnh hưởng

Theo yêu cầu này (tương tự như việc cung cấp thức ăn chăn nuôi – xem Chương 6), các vật nuôi quan trọng được ưu tiên chăm sóc bằng cách cung cấp đủ thức ăn nước uống để chúng có thể sống sót và sau một thời gian có thể tái lập đàn. Việc cung cấp nước cũng tác động đến mục tiêu sinh kế đầu tiên của LEGS – hỗ trợ nhanh cho các cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng - thông qua cứu trợ vật nuôi - ở mức độ giúp chúng sống sót, góp phần vào việc cung cấp thực phẩm cho các hộ gia đình.

Tầm quan trọng của việc cung cấp nước cho vật nuôi trong ứng phó với thảm họa

Cùng với việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc thú y cho động vật bị tổn thương hoặc mắc các bệnh cấp tính, việc cung cấp nước trong tình trạng khẩn cấp cũng là một trong những hành động cứu trợ thiết thực nhất đối với người chăn nuôi. Nếu không có nước, động vật (ngoại trừ một số loại đặc biệt như lạc đà) sẽ không thể tồn tại quá vài ngày. Vì vậy, trong tình trạng khẩn cấp, khi nguồn nước bị tổn hại nghiêm trọng, việc cung cấp các nguồn nước thay thế được ưu tiên cao nhất. Ngay cả khi nước vẫn còn đủ cho hiện tại, các chương trình cứu trợ vẫn cần đánh giá và có biện pháp ứng phó cần thiết để đảm bảo rằng các hoạt động cứu trợ khác không bị ảnh hưởng do thiếu nước. Tuy nước dùng cho chăn nuôi phải đáp ứng một số yêu cầu cơ bản về chất lượng (được trình bày dưới đây), các tiêu chuẩn đó không cao như tiêu chuẩn dành cho người và do đó vật nuôi có thể sử dụng các nguồn nước cho người mặc dù chưa đạt yêu cầu tối thiểu.

Các phương án cấp nước

Nước có thể lấy từ nhiều nguồn và có nhiều phương pháp cung cấp khác nhau. Điều này có thể khiến việc lựa chọn giải pháp cứu trợ phù hợp trở nên phức tạp. Về nguyên tắc, cần lựa chọn các phương án mang lại hiệu quả kinh tế và có tính bền vững. (Cứu trợ bằng tiền mặt ngày càng được quan tâm trong tình trạng khẩn cấp, đóng vai trò thay thế cho việc cung cấp

nước cho vật nuôi, theo đó tiền mặt được đưa cho các cá nhân hoặc các cộng đồng để hỗ trợ việc chăn nuôi của họ, tùy theo nhu cầu và việc sử dụng các dịch vụ tư nhân và/ hoặc sáng kiến chung của cộng đồng. Xem Ô 2.2 Chương 2). Tuy nhiên nhu cầu nước thường rất cấp bách và những phương pháp tốn kém, không bền vững như vận chuyển nước bằng xe tải có thể phải cân nhắc, ít nhất là trong ngắn hạn.

Các điểm cấp nước

So với vận chuyển nước bằng xe tải thì sử dụng các điểm cấp nước luôn là giải pháp khả thi và dài hạn cho vấn đề thiếu nước với điều kiện là có thể thực hiện một kế hoạch quản lý bền vững để sử dụng những điểm này. Các điểm phân phối nước có thể tồn tại dưới một số hình thức khác nhau như giếng nước, lỗ khoan, các hệ thống khai thác nước mặt (ví dụ các đập chứa và các bể chứa nước). Tuy nhiên, các nguyên tắc cơ bản để xây dựng và quản lý điểm cấp nước hiệu quả là như nhau.

Trong tình trạng khẩn cấp, có thể cung cấp nước hỗ trợ chăn nuôi theo một trong ba cách sau:

- nâng cao công tác quản lý các điểm cấp nước hiện có để cung cấp rộng rãi hơn cho dân cư quanh vùng bị ảnh hưởng;
- phục hồi các điểm cấp nước hiện có nhưng đã bị suy thoái;
- lắp đặt các điểm cấp nước mới.

Phương pháp đầu tiên có thể thực hiện với chi phí thấp nhưng không khả thi do thiếu nước hoặc do xung đột về nhu cầu sử dụng giữa những người đã dùng các nguồn nước này với những người mới đến.

Mâu thuẫn về nhu cầu sử dụng nước của người và vật nuôi cũng là một vấn đề. Tuy nhiên, khi vận chuyển nước bằng xe tải là phương án duy nhất thì vấn đề này không còn đáng lo ngại nữa. Việc quy hoạch và quản lý thích hợp có thể tạo ra một mạng lưới phân phối nước để đáp ứng nhu cầu của cả người và vật nuôi.

Vận chuyển nước bằng xe tải

Nhìn chung, vận chuyển nước bằng xe tải chỉ nên là biện pháp cứu trợ cuối cùng trong giai đoạn đầu của một tình trạng khẩn cấp. Biện pháp này rất tốn kém, lãng phí nguồn lực và đòi hỏi nhiều lao động. Tuy nhiên, do mức độ nguy hiểm khi xảy ra tình trạng mất nước ở động vật, đôi khi đây là lựa chọn duy nhất có thể triển khai nhanh chóng để cứu sống vật nuôi trong ngắn hạn. Vì vậy, vận chuyển nước bằng xe tải chỉ là cứu trợ tạm thời và có thể thay thế bằng bất kì phương án nào khác, như di dời đàn vật nuôi (ngắn/trung hạn) (xem Chương 6) và phục hồi hoặc xây mới điểm cấp nước (trung/dài hạn), như mô tả ở trên.

Vận chuyển nước bằng xe tải là một biện pháp đòi hỏi cao về công tác hậu cần. Kéo theo các công tác lập kế hoạch, theo dõi và quản lý các hoạt động vận tải một cách liên tục. Do đó, cần chú trọng đến công tác lập kế hoạch và quản lý hoạt động vận tải, như theo dõi các tình huống phát sinh, đảm bảo các tuyến đường thông suốt, an ninh cho lái xe và các nhóm vận chuyển và thường xuyên bảo dưỡng bể chứa.

Các ưu điểm và nhược điểm của từng phương án cung cấp nước cho vật nuôi được trình bầy tóm tắt trong Bảng 7.1.

Bảng 7.1 Các ưu điểm và nhược điểm của các phương án cấp nước

Phương án	Ưu điểm	Nhược điểm
Tăng cường quản lý nguồn nước hiện có.	• Chi phí thấp và tận dụng được tối đa các cơ hội và nguồn lực hiện có. • Có thể nhanh chóng triển khai để ứng phó với tình trạng khẩn cấp	• Thường có rất ít cơ hội để thực hiện phương án này • Có thể gây ra xung đột giữa các nhóm đang sử dụng các nguồn nước này với các nhóm mới đến
Phục hồi các nguồn nước hiện có	• Có khả năng rẻ hơn so với các phương án khác. • Có thể đã có sẵn mô hình quản lý nguồn nước. • Là biện pháp dài hạn, có thể tiếp tục sử dụng sau khi tình trạng khẩn cấp kết thúc. • Có tiềm năng cung cấp nước cho cả người và vật nuôi.	• Lý do ban đầu khiến nguồn nước suy thoái có thể vẫn tồn tại hoặc tiếp tục lặp lại.
Lắp đặt điểm cấp nước mới	• Có khả năng cung cấp nguồn nước bền vững cho các nhu cầu cấp thiết và lâu dài của người dân để đối phó với tình trạng khẩn cấp và sau khẩn cấp. • Có khả năng cung cấp nước đáp ứng cho nhu cầu của người và vật nuôi.	• Tốn kém hơn nhiều so với việc phục hồi nguồn nước cũ. • Xác định địa điểm thích hợp trong khoảng thời gian ngắn rất khó khăn (trong tình trạng khẩn cấp) • Cần thiết lập các hệ thống quản lý tại địa phương để ngăn chặn xung đột và đảm bảo việc phân phối được công bằng cũng như đảm bảo khai thác lâu dài nguồn tài nguyên nước và môi trường xung quanh
Vận chuyển nước bằng xe tải	• Ứng phó nhanh với nhu cầu cấp bách về nước. • Có thể tận dụng các nguồn nước dành cho người, tuy chưa đạt tiêu chuẩn về chất lượng nước.	• Tốn kém và không hiệu quả - đưa vật nuôi tới những nơi có nguồn nước sẽ thích hợp hơn. • Cần nhiều lao động và công tác hậu cần phức tạp • Không phải là giải pháp lâu dài - chỉ là giải pháp tạm thời • Nguy cơ xảy ra xung đột về nhu cầu nước sinh hoạt giữa người và vật nuôi • Yêu cầu phải có cơ cấu quản lý tại địa phương để đảm bảo việc phân phối nước được công bằng • Khả năng xung đột với những người đang dùng nguồn nước

Các thời điểm cứu trợ

Như đã trình bày ở trên, vận chuyển nước bằng xe tải là một giải pháp tạm thời, có thể thích hợp trong giai đoạn ngay sau thảm họa (khởi phát nhanh) hoặc giai đoạn khẩn cấp (của thảm họa khởi phát chậm). Song, không nên áp dụng biện pháp này trong những giai đoạn trên, vì rất tốn kém và không bền vững. Ngược lại, có thể phục hồi hoặc lắp đặt điểm cấp nước mới trong giai đoạn tiếp theo và tốt nhất là nên phối hợp với các chương trình phát triển nguồn nước dài hạn ở địa phương, cũng như tăng cường quản lý các nguồn nước. Chỉ nên lắp đặt điểm cấp nước mới khi nguồn nước hiện có bị suy thoái và không thể phục hồi lại (xem Bảng 7.2 dưới đây).

Liên hệ với các chương khác

Cung cấp nước có thể hỗ trợ việc cứu trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp, đặc biệt là cung cấp thức ăn bổ sung (xem Chương 6) và giảm đàn (xem Chương 4), theo đó một số vật nuôi được tách ra khỏi hệ thống sản xuất và cung cấp thức ăn, nước uống nhằm bảo đảm số vật nuôi còn lại sống sót. Phối hợp giữa các sáng kiến và các tổ chức có vai trò rất quan trọng để tránh tình trạng hoạt động này ảnh hưởng đến hoạt động khác (xem Tiêu chuẩn chung về cung cấp nước 3, Chương 3). Cung cấp nước cho vật nuôi có thể hỗ trợ cho con người, đặc biệt là tại những nguồn nước đã được phục hồi hoặc xây mới có chất lượng nước phù hợp cho cả người và vật nuôi sử dụng. Ngược lại, nếu không được quản lý tốt thì vận chuyển nước bằng xe tải có thể ảnh hưởng tới nguồn nước sinh hoạt cho con người.

Bảng 7.2 Các thời điểm có thể hỗ trợ nước cho chăn nuôi

Phương án	Khởi phát nhanh			Khởi phát chậm			
	Ngay sau thảm họa	Phục hồi sớm	Phục hồi	Cảnh báo	Báo động	Khẩn cấp	Phục hồi
Tăng cường quản lý các điểm cấp nước hiện có.	→	→	→	→	→	→	→
Phục hồi các điểm cấp nước	→	→	→		.....	→	→
Lắp đặt điểm cấp nước mới		→	→			→	→
Vận chuyển nước bằng xe tải	→				→	→	

Khả năng bị tổn thương và năng lực của các cộng đồng bị ảnh hưởng

Giống như cung cấp thức ăn (xem Chương 6), việc đảm bảo nước được cung cấp cho vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp sẽ giúp đỡ được những nhóm bị tổn thương nhất còn gặp khó khăn. Ví dụ, các chủ chăn nuôi giàu có thể dùng các nguồn lực cá nhân để đảm bảo cung cấp nước cho vật nuôi của họ, trong khi các hộ nghèo không có khả năng làm việc này. Quyền sử dụng đất, đặc điểm về dân tộc, và chính quyền địa phương có thể ảnh hưởng đến việc sử dụng nước của một số nhóm người. Do đó, các chương trình cứu trợ nên xem xét khó khăn mà các nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng có thể gặp phải để đảm bảo việc cứu trợ được thực hiện công bằng. Cũng nên đánh giá vai trò **giới** và các tác động của giới, đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em gái nghèo, có nguy cơ bị tấn công bạo lực nếu họ phải đi xa để lấy nước cho vật nuôi, họ có thể bị bóc lột hoặc không được sử dụng nguồn nước một cách công bằng.

Cần đảm bảo an ninh cho người sử dụng nước. Ví dụ những người mang vật nuôi đến các nguồn nước có thể bị hại, bi cướp hoặc tấn công, đặc biệt là phụ nữ. Công tác quản lý cần được thực hiện trước khi cải tạo hoặc xây mới nguồn nước để tránh xảy ra xung đột về quyền sở hữu cũng như đảm bảo việc cung cấp nước được công bằng và bền vững trong tương lai. Quản lý nguồn nước có vai trò đặc biệt quan trọng để bảo vệ người sử dụng nước xung quanh trại IDP - ví dụ khi những người ở trong trại cần tới các nguồn nước ở ngoài trại để lấy nước cho vật nuôi của họ có thể dẫn đến xung đột với dân sở tại. Đàm phán với tất cả các bên liên quan trước, có thể giúp giảm thiểu các xung đột có thể xảy ra.

Cân nhắc các vấn đề môi trường trong việc cung cấp nước cho vật nuôi, cũng như hiểu được tầm quan trọng của việc tránh khai thác quá mức (hoặc bố trí các điểm khai thác nước dày đặc hoặc khai thác quá mức) ảnh hưởng đến mạch nước ngầm, và mật độ vật nuôi tập trung nhiều quanh các nguồn nước cũng có thể dẫn đến suy thoái môi trường. Ngoài ra, khi việc cung cấp nước phù hợp với chiến lược quản lý tài nguyên thiên nhiên - có thể tác động tích cực đối với môi trường thông qua việc khuyến khích sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả. Một việc cũng hết sức quan trọng là đảm bảo nguồn nước sinh hoạt dành cho con người không bị ô nhiễm bởi vật nuôi và các nguồn nước ô nhiễm không làm lây lan bệnh dịch cho các loài hoang dã. Điều này sẽ làm cho chúng có nguy cơ tuyệt chủng và vật nuôi sẽ gây ô nhiễm nhiều hơn.

Để ứng phó với tình trạng khẩn cấp, các cộng đồng bị ảnh hưởng cần dựa trên **năng lực** của mình, ví dụ dựa vào kinh nghiệm dân gian về các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là mối quan hệ giữa nguồn nước và việc quản lý tài nguyên thiên nhiên. Hệ thống quản lý nước trong vùng và các tổ chức địa phương cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc quản lý các nguồn nước và tránh xung đột.

Các tiêu chuẩn tối thiểu

Phần 1: Tiêu chuẩn chung về nước

Trước khi tham gia vào các sáng kiến cung cấp nước, cần xem xét thận trọng tính khả thi và chi phí dự kiến của các phương án như đã được nêu ra trong Hình 7.1.

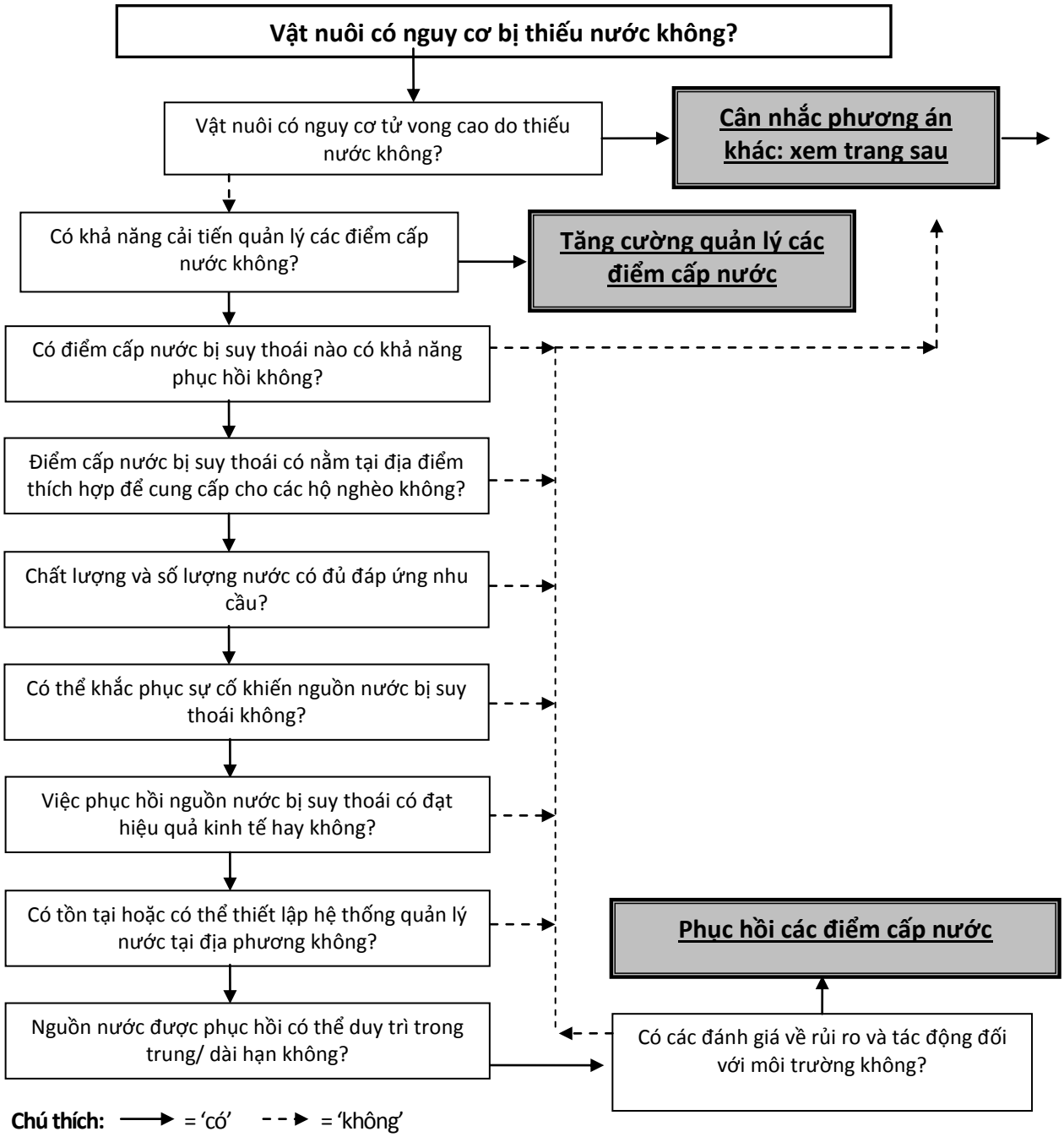

Chú thích: ⟶ = 'có' - - ▸ = 'không'

Chú ý: Kết quả 'Không hành động (trừ khi có thể giải quyết các vấn đề nổi bật), có thể hiểu đơn giản chỉ là cần đào tạo thêm hoặc xây dựng năng lực để có thể trả lời 'có' cho các câu hỏi chính, chứ không phải là không có hoạt động cứu trợ nào.

Hình 7.1: Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định chọn phương án cấp nước

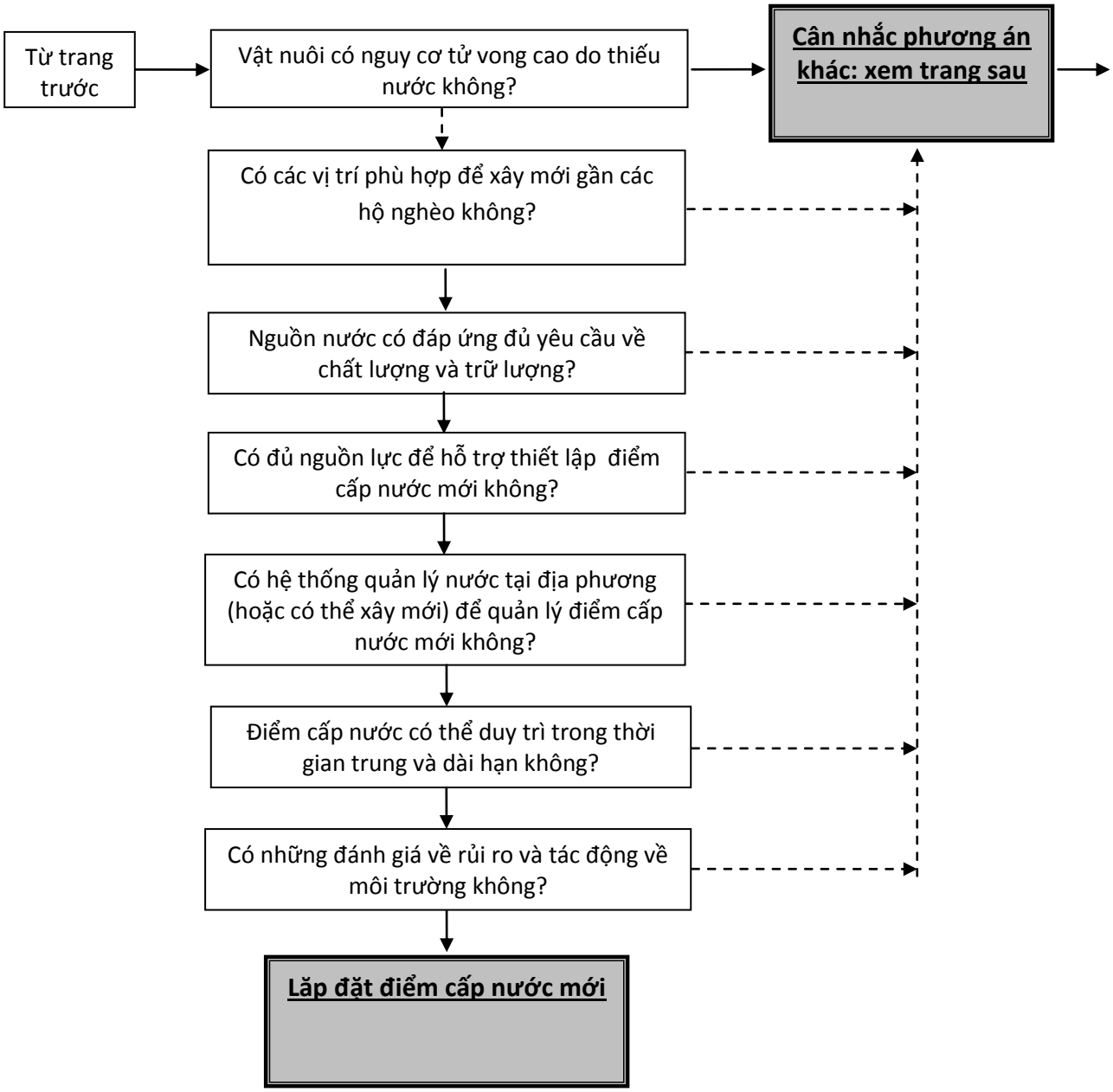
Từ trang trước
Vật nuôi có nguy cơ tử vong cao do thiếu nước không?
Cân nhắc phương án khác: xem trang sau
Có các vị trí phù hợp để xây mới gần các hộ nghèo không?
Nguồn nước có đáp ứng đủ yêu cầu về chất lượng và trữ lượng?
Có đủ nguồn lực để hỗ trợ thiết lập điểm cấp nước mới không?
Có hệ thống quản lý nước tại địa phương (hoặc có thể xây mới) để quản lý điểm cấp nước mới không?
Điểm cấp nước có thể duy trì trong thời gian trung và dài hạn không?
Có những đánh giá về rủi ro và tác động về môi trường không?
Lắp đặt điểm cấp nước mới

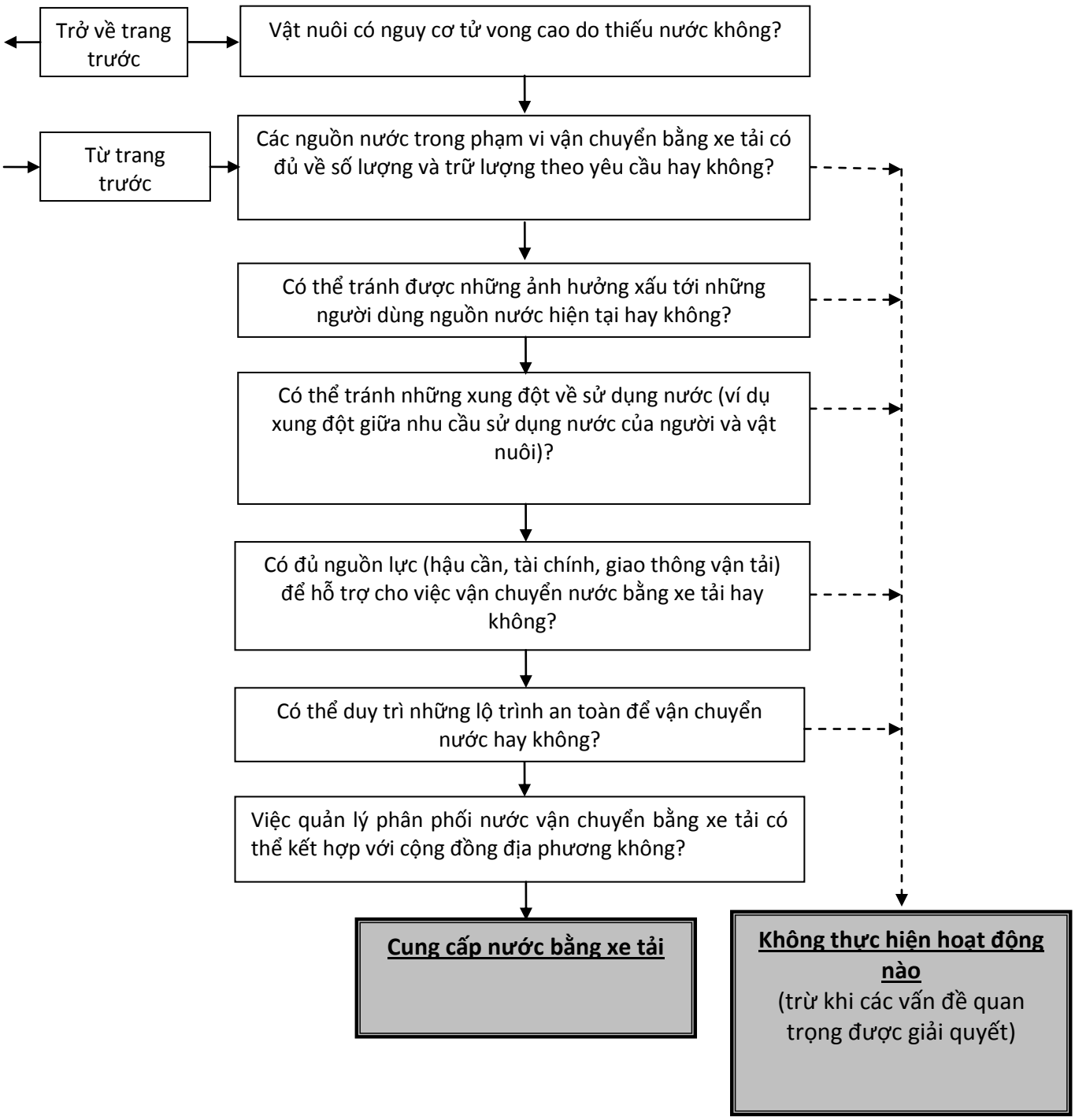

Hình 7.1: Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định chọn phương án cấp nước

Tiêu chuẩn 1 về nước: Đánh giá và lập kế hoạch
Cung cấp nước cho vật nuôi dựa trên phân tích các nhu cầu, cơ hội và hệ thống quản lý nước tại địa phương.

Các tiêu chí chính

- Phân tích chi phí – lợi ích của các giải pháp cung cấp nước khác nhau được thực hiện (xem chú thích 1).
- Phân tích hệ thống quản lý nguồn nước hiện có, làm cơ sở cho các hoạt động cấp nước (xem chú thích 2).
- Đánh giá trữ lượng và chất lượng của các nguồn nước bị suy thoái và các nguồn nước hiện có (xem chú thích 3 và 4).
- Có thể xác định các hệ thống quản lý hiệu quả, đảm bảo việc cấp nước liên tục, có chất lượng chấp nhận được mà không gây xung đột, để giải quyết nhu cầu về nước của các nhóm sử dụng (xem chú thích 5).
- Bất kỳ chính sách nào ảnh hưởng đến việc sử dụng nguồn nước sẽ được phân tích và thông báo kế hoạch triển khai (xem chú thích 6).

Chú thích

1. **Phân tích chi phí – lợi ích:** nên đánh giá chi phí và lợi ích của các phương pháp cấp nước khác nhau, bao gồm tác động tới môi trường địa phương và khả năng cung cấp của bất kỳ nguồn nước dự tính nào. Như đã trình bày ở trên, vị trí nguồn nước có thể ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, ngược lại, việc lắp đặt các điểm cấp nước phù hợp với các chiến lược quản lý tài nguyên thiên nhiên thì có thể mang lại lợi ích cho môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵn có cho vật nuôi. Chi phí vận chuyển nước bằng xe tải là rất cao, do đó cần lựa chọn các phương án khác trước, bao gồm cả việc di dời vật nuôi đến nơi có nguồn nước (xem Chương 6). Nhu cầu sử dụng nước của người cũng nên được tính toán trong phân tích này (xem Tiêu chuẩn 2 dưới đây).
2. **Đánh giá các nguồn nước có sẵn**: kế hoạch cung cấp nước nên bắt đầu bằng việc đánh giá số lượng và chất lượng các nguồn nước hiện tại, bao gồm các nguồn nước đã cạn kiệt và không còn được sử dụng (các tổ chức đã hoạt động trong vùng có thể cung cấp những thông tin này - xem Chương 3, Tiêu chuẩn chung 7, Kế hoạch chuẩn bị và dự phòng). Điều này giúp đảm bảo các biện pháp cứu trợ bằng cung cấp nước dựa trên cơ sở hạ tầng hiện có và do đó góp phần giảm thiểu chi phí và phát triển bền vững. Xem thêm danh mục hỗ trợ đánh giá nhanh điểm cấp nước tại Phụ lục 7.1.
3. **Chất lượng nước:** vật nuôi cũng có thể bị ảnh hưởng bởi các bệnh lây lan qua môi trường nước như bệnh do nhiễm khuẩn salmonella, bệnh than và nhiễm trực khuẩn coli, vì vậy cần phải đánh giá chất lượng nước được cung cấp. Tuy nhiên, không

giống như đánh giá chất lượng nước cho sinh hoạt của con người, đánh giá chất lượng nước cho vật nuôi sẽ không có thử nghiệm để tính toán hàm lượng vi khuẩn có trong nước. Mặc dù tiêu chuẩn chất lượng nước dành cho vật nuôi thông thường thấp hơn nhiều so với các tiêu chuẩn chất lượng nước dành cho sinh hoạt của con người, các tổ chức tham gia cứu trợ nước cho chăn nuôi cần ý thức được về những rủi ro tiềm tàng đối với vật nuôi.

4. **Ô nhiễm nguồn nước**: Tại nơi người và vật nuôi cùng sử dụng chung nguồn nước, nước dễ bị ô nhiễm do vật nuôi và sẽ ảnh hưởng đến sức khoẻ và đời sống của người. Do vậy, cần có các biện pháp phòng tránh đơn giản, như dùng máng ăn hoặc mặc quần áo bảo hộ khi cho vật nuôi uống nước. Bảo vệ nguồn nước có thể liên quan đến việc phòng tránh ô nhiễm nước do thuốc diệt côn trùng hay các hóa chất khác ảnh hưởng đến sức khoẻ của người và vật nuôi.
5. **Phân tích hệ thống quản lý nguồn nước hiện có**: Các giếng khoan sâu và nông thường do các tổ chức địa phương quản lý. Trong quá trình phục hồi hoặc xây mới các điểm cấp nước, cần làm việc và phối hợp với các hệ thống quản lý này để đảm bảo việc sử dụng nước đuọc bền vững và bình đẳng. Quản lý việc phân phối nước trong khi vận chuyển bằng xe tải cũng cần dựa trên hệ thống quản lý nguồn nước của địa phương nhằm đảm bảo phân phối nước đều cho mọi người trong cộng đồng. Trong trường hợp người dân ở trại IDP cũng cần dùng nước cho vật nuôi và phải sử dụng chung với người dân địa phương thì nên có sự thoả thuận từ trước để tránh xảy ra xung đột. Thiết lập đuọc hệ thống quản lý hiệu quả, minh bạch còn có vai trò quan trọng về lâu dài - ở giai đoạn phục hồi và các giai đoạn sau nữa. Thực tế cho thấy, nếu không cân nhắc các vấn đề này ngay từ đầu, thì chỉ một thời gian ngắn sau khi tình trạng khẩn cấp chấm dứt, nguồn nước sẽ bị xuống cấp.
6. **Trở ngại về chính sách**: Mặc dù có nguồn nước nhưng việc sử dụng có thể bị hạn chế do một số trở ngại về chính sách. Do đó, trong giai đoạn đánh giá, cần phân tích vấn đề này và đề ra kế hoạch hành động phù hợp để giải quyết.

Phần 2: Sử dụng và quản lý các điểm cấp nước

Tiêu chuẩn 1 về các điểm cấp nước: Vị trí điểm cấp nước
Vị trí các điểm cấp nước sẽ phục hồi và xây mới cần được xem xét kĩ lưỡng để đảm bảo cho các hộ gia đình trong vùng bị ảnh hưởng và vật nuôi đều có thể sử dụng nguồn nước.

Các tiêu chí chính

- Vị trí các điểm cấp nước trong chương trình cứu trợ cần dựa trên đánh giá nhu cầu hiện tại cũng như trong tương lai của cả người và vật nuôi (xem chú thích 1).

- Nguồn nước cung cấp dự kiến sẽ được sử dụng trong suốt giai đoạn khẩn cấp cũng như các giai đoạn về sau (xem chú thích 2).
- Các kế hoạch sử dụng điểm cấp nước và phân phối nước cho người dùng đều ưu tiên những nhóm dân cư dễ bị ảnh hưởng, đảm bảo tính công bằng trong sử dụng nước của những nhóm này (xem chú thích 3).
- Cần có các phương án phù hợp đảm bảo an ninh cho cả người và vật nuôi khi sử dụng các điểm cấp nước (xem chú thích 4).
- Việc xác định vị trí và quản lý các điểm cấp nước cần có sự phối hợp với lãnh đạo cộng đồng, tốt hơn hết là dựa trên hệ thống quản lý nguồn nước tại địa phương (xem chú thích 5).

Chú thích

1. **Đánh giá nhu cầu về nước:** việc đánh giá nhu cầu cần dựa trên ước tính từ điều tra số lượng vật nuôi (nếu có nguồn đáng tin cậy), các hồ sơ của chính quyền sở tại và tham khảo ý kiến của người dân trong vùng bị ảnh hưởng. Ngoài ra, người buôn bán vật nuôi và người trung gian có thể cung cấp thông tin hữu ích. Việc thu thập và tiếp cận các thông tin về vật nuôi cần được xem xét: nếu vật nuôi sử dụng nước ngay tại điểm cấp nước thì cần đánh giá hợp lý khoảng cách di chuyển để xác định việc lắp đặt điểm cấp nước. Trường hợp nước được đưa đến các điểm chăn nuôi, cũng cần thực hiện các đánh giá tương tự.
2. **Nguồn cấp nước đầy đủ:** Trong trường hợp nguồn cung từ một điểm cấp nước không đáp ứng đủ yêu cầu có thể sắp xếp để bổ sung lượng nước bị thiếu (ví dụ thiết lập điểm cấp nước mới ở gần đó hoặc vận chuyển lượng nước bổ sung bằng xe tải). Ngoài việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại, cần tính toán và đánh giá khả năng cung cấp của nguồn nước trong tương lai ở thời điểm bình thường cũng như trong tình trạng khẩn cấp. Thông thường, các điểm cấp nước có vai trò giảm thiểu tác động của tình trạng khẩn cấp trong tương lai. Trước khi phục hồi các điểm cấp nước, cần lưu ý xem xét các lý do dẫn đến hư hỏng trước đó (ví dụ xung đột xã hội, ô nhiễm, thiếu nước, thiếu bảo trì bảo dưỡng). Nếu không giải quyết triệt để được những vấn đề này thì không nên phục hồi các điểm cấp nước.
3. **Sử dụng hợp lý và công bằng:** Nhu cầu nước sinh hoạt cho con người là tối quan trọng trong các tình trạng khẩn cấp. Tuy nhiên, một vài nguồn nước không phù hợp cho con người nhưng có thể dùng cho vật nuôi. Điều này mang đến cơ hội đáp ứng nhu cầu về nước cho cả người và vật nuôi. Trong một vài xã hội, các ràng buộc có thể gây khó khăn cho các nhóm dân tộc, bộ lạc hoặc các nhóm có địa vị xã hội khác nhau khi sử dụng cùng một nguồn nước. Các vấn đề nhạy cảm như vậy cần được xử lý khéo léo để đảm bảo công bằng cho tất cả các đối tượng.

4. **Đảm bảo an ninh:** Những người đưa vật nuôi tới các điểm cấp nước và tụ tập tại đó có thể bị trộm cắp, cướp bóc hoặc bị tấn công theo các cách khác nhau do lộ trình của họ rất dễ dự đoán. Bảo vệ cho phụ nữ trong những trường hợp này đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Do đó trong giai đoạn lập kế hoạch cần liên hệ với các cơ quan chịu trách nhiệm về quản lý an ninh tại các khu vực bị ảnh hưởng để giảm thiểu tối đa những nguy cơ có thể xảy ra.
5. **Lãnh đạo địa phương:** Như đã nêu rõ trong Tiêu chuẩn 1, khi xác định địa điểm và tổ chức quản lý điểm cấp nước, cần xem xét các hệ thống quản lý nước tại địa phương, cho dù đó là phục hồi một điểm cấp nước cũ hay lắp đặt một điểm cấp nước mới. Điều này đảm bảo việc quản lý và duy trì nguồn nước sau khi tình trạng khẩn cấp chấm dứt, góp phần cung cấp nước ổn định và công bằng cho cả cộng đồng. Điều này cũng đặc biệt quan trọng đối với các trại IDP để tránh xung đột về nhu cầu sử dụng nguồn nước. Đối với những trường hợp như vậy, cần đàm phán với các lãnh đạo trong vùng để tránh xảy ra xung đột.

Tiêu chuẩn 2 về các điểm cấp nước: Phục hồi và xây mới các điểm cấp nước
Phục hồi hoặc xây mới các điểm cấp nước là biện pháp cung cấp nước sạch và đủ cho vật nuôi, có thể mang lại hiệu quả kinh tế và bền vững.

Các tiêu chí chính

- Chỉ thực hiện công tác phục hồi điểm cấp nước khi các nguồn nước hiện có không đủ để đáp ứng nhu cầu sử dụng trong vùng bị ảnh hưởng (xem chú thích 1)
- Thực hiện một cuộc khảo sát đầy đủ tất cả các điểm cấp nước đã xuống cấp và tìm hiểu nguyên nhân xuống cấp trong các vùng bị ảnh hưởng đang hoặc sắp có nhu cầu (xem chú thích 2).
- Chỉ xây mới khi mở rộng phạm vi cung cấp nước hiện có hoặc khi các điểm cấp nước đã phục hồi không đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng trong vùng bị ảnh hưởng (xem chú thích 3)
- Cần cung cấp đầy đủ trang thiết bị, vật liệu cần có để phục hồi hoặc xây dựng lại các điểm cấp nước một cách hiệu quả tại những địa điểm được chọn (xem chú thích 4).
- Cần có đủ nhân sự cho công tác quản lý hàng ngày và bảo trì điểm cấp nước (xem chú thích 5).

Chú thích

1. **Nhu cầu khôi phục các điểm cấp nước:** Tăng cường sử dụng các điểm cấp nước hiện có sẽ rẻ hơn so với phục hồi một nguồn nước đã suy thoái, nhưng việc này có thể gây

nguy cơ xung đột giữa những người mới đến và những người đang sử dụng nguồn nước đó. Vì vậy, nên đánh giá cẩn thận ngay từ khâu lập kế hoạch. Trong thực tế, có thể sử dụng những nguồn nước hiện có để cung cấp cho người dân bị ảnh hưởng như một phần của chương trình cứu trợ lồng ghép, nhưng cần được hỗ trợ bởi các chương trình phục hồi các nguồn nước đã bị suy thoái.

2. **Xác định điểm cấp nước phù hợp để phục hồi:** Điều quan trọng là cần tiến hành khảo sát phù hợp tại mỗi điểm cấp nước để việc đầu tư đạt được hiệu quả kinh tế cao. Tại mỗi điểm cấp nước, cần xem xét:
   - chất lượng nước;
   - các nguồn lực cần thiết để thực hiện khôi phục nguồn nước;
   - khả năng cung cấp (trữ lượng và độ ổn định);
   - mức độ thiệt hại, chi phí sửa chữa;
   - nhu cầu sử dụng;
   - tìm hiểu các nguyên nhân khiến nguồn nước bị suy thoái và ảnh hưởng đến khả năng thành công của việc phục hồi nguồn nước (các vấn đề như xung đột quyền lợi, chất lượng nước và sự nhầm lẫn về quyền sở hữu khiến nguồn nước không được sử dụng và bảo trì trường xuyên).
3. **Nhu cầu xây mới:** phục hồi điểm cấp nước đã xuống cấp thường rẻ hơn so với xây mới. Tuy nhiên, điểm cấp nước sau khi đã phục hồi chỉ có thể phục vụ cho cư dân tại đó. Trong trường hợp sau khi khôi phục, các điểm cấp nước vẫn không đáp ứng được nhu cầu của dân cư trong vùng bị ảnh hưởng thì cần bổ sung chương trình thiết lập điểm cấp nước mới.
4. Khi xem xét **tính khả thi về mặt kĩ thuật,** cùng với việc hỗ trợ lập kế hoạch phục hồi điểm cấp nước, nên tìm hiểu lý do khiến điểm cấp nước không được sử dụng khi cân nhắc tính khả thi về kĩ thuật để hoàn thiện kế hoạch này. Các yêu cầu cơ bản bao gồm:
   - khả năng tìm kỹ sư chuyên ngành nước và các lao động có năng lực để thực hiện chương trình;
   - khả năng cung cấp đầy đủ các vật liệu cần thiết tới điểm xây dựng và đường xá được lưu thông;
   - khả năng cung cấp các thiết bị thay thế cho giếng đào và giếng khoan.

   Những yêu cầu này áp dụng cho cả hai chương trình phục hồi và xây mới nhưng nên lưu ý rằng các thiết bị cần thiết để xây mới cồng kềnh hơn nhiều (ví dụ lắp đặt giếng khoan cần trang bị các thiết bị khoan giếng) và do đó cần chuẩn bị đường xá và khả năng vận chuyển tốt hơn.

5. **Trách nhiệm của nhân viên:** nhân viên quản lý các chương trình cấp nước cũng cần thực hiện một số nhiệm vụ để bảo đảm rằng những điểm cấp nước này tiếp tục hoạt động hiệu quả. Những nhiệm vụ này bao gồm:
   - thường xuyên kiểm tra để duy trì chất lượng và khả năng cung cấp của nguồn nước;
   - giám sát để đảm bảo cấp nước được công bằng cho tất cả người dùng, đồng thời giải quyết tranh chấp giữa các nhóm sử dụng;
   - thường xuyên bảo trì và đặt hàng thay thế các bộ phận bị hư hỏng. Cần lưu ý là các giếng đào thường bị ít hư hỏng hơn các giếng khoan.

Phần 3: Vận chuyển nước bằng xe tải

Tiêu chuẩn 1 về vận chuyển nước bằng xe tải: Nguồn nước và chất lượng nước.
Nước vận chuyển bằng xe tải được lấy từ các nguồn cung cấp đảm bảo chất lượng và trữ lượng trong suốt thời gian cứu trợ.

Các tiêu chí chính

- Chỉ sử dụng phương pháp vận chuyển nước bằng xe tải như một biện pháp ngắn hạn khi không thể thực hiện các biện pháp khác (xem chú thích 1).
- Có thể duy trì nguồn nước cung cấp trong suốt thời gian hoạt động của chương trình vận chuyển nước bằng xe tải (xem chú thích 2).
- Các hoạt động vận chuyển nước bằng xe tải không được làm ảnh hưởng tới nhu cầu của những người sử dụng nước hiện tại và phải có sự chấp thuận của các tổ chức liên quan theo luật định (xem chú thích 2 và 3).
- Việc sử dụng nguồn nước không được làm ảnh hưởng đến trữ lượng nước dành cho con người (xem chú thích 3, 4).
- Nước dùng để vận chuyển bằng xe tải phải có chất lượng phù hợp cho vật nuôi (xem chú thích 5).
- Thùng chứa nước phải được làm sạch trước khi sử dụng (xem chú thích 6)

Chú thích

1. **Biện pháp ngắn hạn:** như đã trình bày ở trên, vận chuyển nước bằng xe tải là biện pháp cuối cùng để cứu sống vật nuôi, vì rất tốn kém và phức tạp về mặt hành chính và ngay cả việc cung cấp nước bằng xe tải cho con người nói chung cũng rất nan giải. Các phương án khác, bao gồm di dời vật nuôi tới gần các nguồn nước hiện có, cũng cần được nghiên cứu trước khi thực hiện (xem Chương 6).

2. **Liên tục cung cấp:** dù vận chuyển nước bằng xe tải chỉ nên sử dụng trong ngắn hạn, nhưng không phải lúc nào cũng thực hiện được. Cho dù thời gian thực hiện là bao lâu cũng cần đánh giá khả năng cung cấp liên tục của nguồn nước trên thực tế ngay trong giai đoạn lập kế hoạch. Điều này bao gồm:
   - đánh giá khả năng cung cấp của nguồn nước khi thực hiện kế hoạch. Cần xem xét thêm những rủi ro đối với nguồn nước được chọn;
   - người sử dụng nước và việc sử dụng nước cần tuân theo quy định của các cơ quan chức năng;
   - khả năng sử dụng nguồn nước lâu dài, ví dụ, việc xe tải ra vào lấy nước liên tục có thể làm các tuyến đường vận chuyển nước xuống cấp;
   - cân nhắc về ngân sách – như đề cập trong phần giới thiệu, vận chuyển nước bằng xe tải là hoạt động có chi phí rất cao. Cần có đủ ngân sách hoạt động và phương án dự phòng khi phương án thay thế bị triển khai chậm trễ. Chi phí có thể được giảm đáng kể nếu nguồn nước ở gần các điểm cấp nước cuối cùng. Tuy nhiên điều này có thể làm tăng nguy cơ xung đột với người dùng hiện tại hoặc làm giảm khả năng cung cấp liên tục của nguồn nước.
3. **Xem xét nhu cầu của người đang sử dụng nước** nguồn nước hiện có để dùng cho việc vận chuyển bằng xe tải luôn có người dùng. Xung đột về nhu cầu sử dụng nước của nhóm này có thể làm giảm khả năng hoạt động của chương trình, hoặc xung đột có thể là rào cản lớn với những hộ gia đình bị ảnh hưởng. Mặc dù việc lắp đặt điểm cấp nước gần với người sử dụng là rất lý tưởng và tiết kiệm, điều này có thể bất lợi khi cả vùng đều bị ảnh hưởng xấu trong tình trạng khẩn cấp khi cả nguồn nước và người sử dụng đều chịu tác động.Trong suốt thời gian lập kế hoạch vận chuyển nước bằng xe tải, những người quản lý cần gặp gỡ các lãnh đạo địa phương và đại diện các bên liên quan khác và nếu có thể, sử dụng các biện pháp hòa đàm để đảm bảo giải quyết nhu cầu của người đang sử dụng.
4. **Xung đột về nhu cầu giữa các nhóm người sử dụng nước:** trong các tình huống khan hiếm nước hoặc khả năng cung cấp nước bằng xe tải bị giới hạn, nhu cầu cấp bách của con người cần được ưu tiên. Tuy nhiên, cần cân nhắc việc đáp ứng nhu cầu của cả người và vật nuôi:
   - Trong khi tình trạng khẩn cấp đang có nguy cơ lan rộng, cơ sở hạ tầng để vận chuyển nước có thể không đủ để phục vụ cả người và động vật. Tuy nhiên, một số hoạt động quy mô nhỏ tại địa phương có thể thực hiện các dịch vụ kết hợp cung cấp nước cho cả người và vật nuôi.
   - Trong điều kiện xe tải và nhân viên hậu cần đầy đủ, nước cung cấp cho vật nuôi có thể lấy từ các nguồn nước dùng cho người dù chưa đạt tiêu chuẩn.

5. **Chất lượng nước:** trong nhiều trường hợp, việc vận chuyển nước bằng xe tải sẽ được thực hiện cho cả người và vật nuôi, do đó có thể áp dụng tiêu chuẩn Sphere về quản lý chất lượng nước. Tuy nhiên, nếu thiếu các nguồn nước chất lượng tốt, có thể đưa thêm các tiêu chuẩn thấp hơn đối với nước chuyên cung cấp cho vật nuôi để giảm nguy cơ xung đột giữa nhu cầu của người và vật nuôi (xem chú thích 4 ở trên). Hơn nữa, nước có chất lượng kém hơn lấy từ sông, hồ mà không thể tinh lọc cho người sử dụng có thể lấy để dùng cho vật nuôi.
6. **Làm sạch các thùng chứa:** Các thùng, bồn chứa có thể đã từng được sử dụng cho việc vận chuyển nhiều loại chất lỏng như thuốc trừ sâu có chứa độc tố, thuốc diệt cỏ, dung môi, nhiên liệu và nước thải. Nếu không biết rõ nguồn gốc sử dụng, cần tẩy rửa và khử trùng tất cả các loại thùng chứa và thiết bị phân phối trước khi dùng cho vận chuyển nước bằng xe tải.

Tiêu chuẩn 2 về vận chuyển nước bằng xe tải: Hậu cần và phân phối

Cần có kế hoạch vận chuyển nước một cách an toàn và phân phối công bằng cho khu vực bị ảnh hưởng.

Các tiêu chí chính

- Phải duy trì hoạt động quản lý và nhân sự trong suốt thời gian thực hiện chương trình (xem chú thích 1).
- Đảm bảo đầy đủ nguồn lực để trả phí xăng dầu thường xuyên cũng như phục vụ đội xe tải và các thiết bị liên quan (xem chú thích 2).
- Nếu có thể, cần chọn các tuyến đường có thể chịu được tải trọng thường xuyên của các xe tải nước (xem chú thích 3).
- Các điểm phân phối được thiết lập tại nơi thích hợp, được lập kế hoạch và quản lý để thích ứng với bất cứ hoạt động di chuyển vật nuôi nào có thể diễn ra trong suốt thời gian thực hiện (xem chú thích 4 và 5).

Chú thích

1. **Nhân sự:** để vận chuyển thành công cần có đội ngũ nhân viên phù hợp, ổn định cũng như có năng lực và kinh nghiệm giám sát, quản lý lâu dài. Việc quan trọng là cần đảm bảo lái xe và đội ngũ nhân viên hậu cần có động cơ làm việc bằng cách trả công xứng đáng và quan tâm đầy đủ đến các nhu cầu như phụ cấp sinh hoạt và an toàn cá nhân.

2. **Công tác bảo trì và cung cấp nhiên liệu:** cần có đầy đủ nhiên liệu đảm bảo chất lượng từ những nguồn cung cấp tin cậy trong suốt thời gian thực hiện, bao gồm tất cả các vật liệu cần thiết cho việc duy trì hoạt động và bảo dưỡng của các máy bơm, thùng chứa và thiết bị giao hàng. Các vấn đề cần cân nhắc chính là:
   - Chi phí và khả năng cung cấp nhiên liệu – tốt nhất là các lái xe không cần đi một đoạn đường xa để có thể tiếp nhiên liệu. Có thể yêu cầu nhiên liệu phải được vận chuyển riêng biệt. Điều này có thể cân nhắc ngay từ đầu khi lựa chọn các nguồn nước.
   - Các loại phụ tùng thay thế cần chuẩn bị sẵn sàng. Thông thường, các thiết bị sản xuất trong nước dễ sửa chữa được ưa chuộng hơn các thiết bị công nghệ cao hoặc nhập khẩu.

   Những vấn đề này (đặc biệt là các vấn đề liên quan đến bảo trì) có thể ảnh hưởng đến việc quyết định sử dụng loại hình phương tiện vận tải nào (ví dụ xe tải, máy kéo và xe đầu kéo với các bồn/ thùng chứa).
3. **Đảm bảo nguyên trạng các tuyến đường đi qua:** trong trường hợp lý tưởng, những tuyến đường này cần được giữ nguyên trạng thái cũ sau khi các đoàn xe chở đầy nước đi qua. Nếu không được vậy, cần cung cấp các chi phí để sửa chữa và bảo trì các tuyến đường.
4. **Quản lý các điểm phân phối:** các điểm phân phối có thể cho phép các chủ chăn nuôi lấy nước dùng cho vật nuôi hoặc mang vật nuôi của họ đến uống nước trực tiếp từ thùng hoặc bể chứa. Trong cả hai trường hợp, cần đáp ứng nhu cầu của tất cả người sử dụng một cách bình đẳng và ổn định, dựa trên hệ thống quản lý nước hiện có tại địa phương (xem Tiêu chuẩn chung về nước 1, Chú thích 3). Ở những nơi có thể thiết lập hệ thống trữ nước, các thùng chứa nước cũng có thể được gạn nước nhanh chóng, công tác vận chuyển nước bằng xe tải hiệu quả, thời gian vận chuyển cũng tiết kiệm hơn nhiều.
5. **Vận chuyển nước bằng xe tải cho vật nuôi đang di chuyển:** Di dời vật nuôi thường là một phần của kế hoạch ứng phó trong tình trạng khẩn cấp (ứng phó riêng biệt của địa phương và ứng phó có sự phối hợp với các tổ chức khác- xem Chương 6). Trong khi thực hiện, xe tải vận chuyển nước có thể sẽ phải hỗ trợ cho việc di dời đàn vật nuôi, khiến cho công tác hậu cần càng trở nên phức tạp.

Phụ lục 7.1 Danh mục đánh giá nhanh về điểm cấp nước

Danh mục này tóm tắt các vấn đề cần xem xét khi đánh giá điểm cấp nước cho chăn nuôi trong tình trạng khẩn cấp. Về nguyên tắc, nguồn thông tin để trả lời các câu hỏi trong danh mục này có thể lấy từ đánh giá nhanh thực địa hoặc từ phân tích trên phòng thí nghiệm để có các thông số về chất lượng nước. Tuy nhiên, có thể tham khảo thêm một số thông tin từ các bên liên quan ở địa phương.

Cung cấp nước

- Điểm cấp nước hiện có nước không?
- Nếu có:
  - Có nguy cơ bị cạn trong khi ứng phó với tình trạng khẩn cấp không?
  - Khả năng cung cấp nước cho vật nuôi tại địa phương như thế nào?
- Nếu không:
  - Có khả thi về mặt kĩ thuật (cả chi phí và thời gian) khi phục hồi điểm cấp nước đáp ứng nhu cầu chăn nuôi của người dân địa phương không?
  - Có sẵn nhân viên quản lý và triển khai việc phục hồi điểm cấp nước không?

Khả năng sử dụng nguồn nước

- Vật nuôi trong vùng bị ảnh hưởng có dễ tiếp cận được điểm cấp nước này không?
- Có bất kỳ khó khăn nào về xã hội, văn hóa hoặc chính trị khiến cho vật nuôi khó tiếp cận được nguồn nước này hay không?
- Người chăn nuôi (không phân biệt tuổi tác, giới tính, dân tộc) có được sử dụng nguồn nước một cách công bằng không?
- Có thể để vật nuôi sử dụng nguồn nước mà không:
  - ảnh hưởng đến nhu cầu của người dùng hiện tại?
  - gây nguy hiểm cho người chăn nuôi;
  - tác động tiêu cực đến các biện pháp cứu trợ khác?

Chất lượng nước

- Các thiết bị thử nghiệm (tại thực địa hoặc trong phòng thí nghiệm) có thể đánh giá đầy đủ về chất lượng nguồn nước hay không?
- Nếu có:
  - Có thể sử dụng các phòng thí nghiệm để phân tích các chất gây ô nhiễm hóa học lớn?

- Có sẵn dụng cụ thử để kiểm tra chất lượng nước tại điểm cấp nước/ các nguồn nước hay không?
- Có sẵn kỹ thuật viên đủ trình độ tại địa phương để thực hiện việc đánh giá mức độ ô nhiễm vi sinh của các nguồn nước không?

- Nếu không, các câu hỏi dưới đây có thể giúp đưa ra đánh giá nhanh:
  - Nước lấy lên từ nguồn trong hay đục?
  - Nước trong vùng có gặp vấn đề nhiễm mặn hay không (ví dụ như hình thành chảo muối/ cảm nhận bằng giác quan từ nguồn nước)?
  - Có biểu hiện nào tại địa phương cho thấy nguy cơ ô nhiễm hóa chất không (ví dụ sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu; các ngành công nghiệp quy mô nhỏ tại địa phương chẳng hạn như thuộc da, các ngành công nghiệp nhẹ ...)?
  - Đã có bất kỳ báo cáo nào trong khu vực về tỷ lệ mắc các bệnh truyền nhiễm qua môi trường nước hay chưa?

Phụ lục 7.2 Danh mục các tiêu chí ảnh hưởng đến việc cấp nước

Công tác quản lý

- Hiệu quả quản lý có được duy trì trong suốt thời gian cứu trợ?
- Nguồn nước có đủ để duy trì liên tục cho khối lượng sử dụng dự kiến?
- Có nhóm dễ bị tổn thương nào không được cấp nước vì lý do nào đó hay không?
- Đội ngũ quản lý có thể giải quyết các tranh chấp giữa những người sử dụng nguồn nước một cách kịp thời và công bằng hay không?

Khả năng tồn tại của vật nuôi

- Trong thời gian cứu trợ, liệu có dễ bị suy giảm chất lượng trong:
  - công tác chọn lọc vật nuôi phù hợp;
  - tìm nguyên nhân khác dẫn đến tỷ lệ vật nuôi tử vong;
  - các mô hình chuyển đổi và bán vật nuôi bất thường?
- Nếu có các thông tin cơ bản, có đánh giá trực tiếp nào cho thấy:
  - điểm số tình trạng vật nuôi tăng;
  - tăng trưởng cân nặng trong thời gian ngắn;
  - giảm tỷ lệ mắc bệnh?

Hậu quả về mặt xã hội

- Có bất kỳ bằng chứng nào cho thấy:
  - mức độ bị ảnh hưởng của người chăn nuôi có giảm xuống mà không cần giảm đàn không?
  - người chăn nuôi có áp dụng chiến lược sinh kế trước cứu trợ phụ thuộc vào vật nuôi như trước kia không?

Tác động đến môi trường

- Có bất kỳ bằng chứng nào cho thấy việc sử dụng nguồn nước dẫn đến thiệt hại môi trường do:
  - di chuyển vật nuôi (đường, đường mòn, mùa màng...);
  - sử dụng một số lượng nước đáng kể;
  - tích tụ chất thải của người và vật nuôi?

Tài liệu tham khảo

Anon, *Làm sạch và Khử trùng Giếng nước trong Tình trạng Khẩn cấp*, Chỉ dẫn KY thuật của WHO trong các Tình trạng Khẩn cấp – số 1, Tổ chức Y tế Thế giới, Geneva, http://wedc.lboro.ac.uk/WHO_Technical_Notes_for_Emergencies/1%20-%20Cleaning20and%20disinfecting%20wells.pdf

Anon. *Làm sạch và Khử trùng Giếng khoan trong Tình trạng Khẩn cấp*, Chỉ dẫn Kỹ thuật của WHO trong các Tình trạng Khẩn cấp – số 2, Tổ chức Y tế Yhế giới, Geneva, http://wedc.lboro.ac.uk/WHO_Technical_Notes_for_Emergencies/2%20-%20Cleaning%20and%20disinfecting%20boreholes.pdf

Anon. *Phân phối nước bằng Bể chứa*, Chỉ dẫn Kỹ thuật của WHO trong các Tình trạng Khẩn cấp – số 12, Tổ chức Y tế thế giới, Geneva, http://wedc.lboro.ac.uk/WHO_Technical_Notes_for_Emergencies/12%20-%20Delivering%20safe%20water.pdf

House, S. & Reed, R. (2004) *Nguồn nước trong Tình trạng Khẩn cấp. Hướng dẫn Lựa chọn và Xử lý*, Ấn bản 3, Trung tâm Quản lý và Phát triển Nguồn nước, Loughborough, http://wedc.lboro.ac.uk/publications/details.php?book=1%2084380%20069%201

Markwick, G. I. (2007) *Yêu cầu về Nguồn nước cho Cừu và Vật nuôi*, PrimeFact 326, Bộ Nông Nghiệp New South Wales, New South Wales, www.dpi.nsw.gov.au/__data/assets/pdf_file/96273/water-requirements-for-sheep- and-cattle.pdf

Reed, R. & Shaw, R. *Cung cấp nước trong Tình trạng Khẩn cấp*, Chỉ dẫn kỹ thuật số 44, Trung tâm Nghiên cứu Nguồn nước WELL, Loughborough, www.lboro.ac.uk/well/resources/technical-briefs/44-emergency-water-supply.pdf

Photo credit: The Brooke Hospital for Animals

CHƯƠNG 8

Các tiêu chuẩn tối thiểu về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi

Nơi ở Tạm và Cố định cho Vật nuôi

Tiêu chuẩn chung 1
Đánh giá và Lập kế hoạch

Tiêu chuẩn 2
Nơi ở Cố định của Vật nuôi

Tiêu chuẩn 3
Cơ sở Hạ tầng Nơi ở Cố định
của Vật nuôi

Tiêu chuẩn 4
Nơi ở Tạm của Vật nuôi

Tiêu chuẩn 5
Chuẩn bị Cứu trợ
và Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai

Giới thiệu

Liên hệ với các mục tiêu sinh kế của LEGS

Việc cung cấp nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi là vô cùng cần thiết để đảm bảo vật nuôi có thể sống sót khi tình trạng khẩn cấp xảy ra. Do vậy, nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi liên quan chặt chẽ với hai trong số các mục tiêu sinh kế của LEGS đặt ra cho các cộng đồng chịu tác động của thảm họa trong giai đoạn khẩn cấp, cụ thể như sau:

- để bảo vệ tài sản vật nuôi chủ yếu của các cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng.
- để phục hồi tài sản vật nuôi chủ yếu của các cộng đồng chịu tác động của khủng hoảng.

Tầm quan trọng của nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi trong ứng phó với thảm họa

Có thể định nghĩa nơi ở của vật nuôi chính là cơ sở hạ tầng vật chất bảo vệ mà động vật cần có để sống sót. Chương này có ba phần: *nơi ở cố định* (liên quan đến môi trường hỗ trợ vật nuôi có phạm vi rộng hơn, ví dụ như việc lựa chọn địa điểm, các vấn đề về quyền sử dụng đất và quản lí môi trường); *cơ sở hạ tầng nơi ở cố định* (bao gồm lập kế hoạch xây dựng các tòa nhà, đường xá và cơ sở vật chất); và *nơi trú ngụ* (là nơi ở tự nhiên và các chuồng trại nơi vật nuôi sống).

Sau khi thiên tai hoặc khủng hoảng do xung đột xảy ra, sự an toàn, an ninh và sức khỏe của vật nuôi thường là mối quan tâm hàng đầu của những người chủ đàn vật nuôi chịu ảnh hưởng của thảm họa đó. Mô hình di chuyển của các cộng đồng sở hữu vật nuôi sau thảm họa có thể bị tác động mạnh mẽ bởi nhu cầu của vật nuôi. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng cho nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi đóng vai trò then chốt, ảnh hưởng đến quyết định của những người chăn nuôi này về nơi ở của chính họ. Trong một số tình trạng khẩn cấp, những vật nuôi trước đây không cần chỗ ở có thể nảy sinh nhu cầu được bảo vệ, che chở, ví dụ trong những điều kiện thời tiết khắc nghiệt hoặc khi mất an toàn tuyệt đối.

Các phương án về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi

Nhu cầu về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi thay đổi theo loại hình nơi ở và tùy theo việc các chủ đàn vật nuôi có buộc phải di dời khỏi nhà hay không. Nhu cầu cũng sẽ thay đổi tùy theo giai đoạn khẩn cấp tại thời điểm cứu trợ, xét từ tình trạng khẩn cấp ban đầu, giai đoạn ngay sau thảm họa và giai đoạn phục hồi, đến giai đoạn xây dựng lại hoàn toàn và các giải pháp lâu dài sẵn có khác. Tuy nhiên, ngay từ ban đầu, các biện pháp cứu trợ trong những giai đoạn đầu tiên nên cân nhắc đến những mục tiêu của giai đoạn phục hồi, bao gồm sử dụng đất lâu dài, nắm

quyền sử dụng và sở hữu đất đai, cũng như thực hiện các phương pháp làm giảm bớt ảnh hưởng của các thảm họa xảy ra trong tương lai.

Nên cố gắng cung cấp cơ sở hạ tầng để sửa chữa và xây dựng lại nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi cho từng cá nhân các gia đình và cộng đồng ngay tại nhà họ đang ở. Khi không thể hỗ trợ vật nuôi ở từng nơi riêng biệt, nên cung cấp cơ sở hạ tầng của nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi một cách tập trung và tại những địa điểm hoặc những khu đất có rào bao quanh rộng rãi phù hợp trong khoảng cách hợp lí tính từ nơi sinh sống của cộng đồng người chăn nuôi, ví dụ tại các trại tạm cư hoặc tự định cư.

Các biện pháp cứu trợ về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi có những hình thức khác nhau, tùy thuộc vào nhu cầu và bản chất của tình trạng khẩn cấp, bao gồm:

- Trực tiếp xây dựng (bởi các nhà thầu hoặc bởi chính những người chủ đàn vật nuôi), ví dụ như các khu vực có rào vây quanh an toàn, bóng râm, mái nhà, và tường.
- Cung cấp vật liệu cho các chủ đàn vật nuôi để xây dựng nơi ở của vật nuôi
- Đào tạo kĩ năng xây dựng chuồng trại
- Phân phát tiền mặt có giám sát để đáp ứng nhu cầu về nơi ở của vật nuôi
- Hỗ trợ thương lượng về quyền sử dụng đất đai, cơ hội chăn thả hoặc có chỗ ở
- Nâng cao nhận thức của người dân

Chương này của LEGS liên quan mật thiết tới việc cung cấp chỗ ở tạm và cố định cho con người cũng như vật nuôi, và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc điều phối và lồng ghép với các lĩnh vực khác của cứu trợ nhân đạo. Vì vậy, nên đọc chương này cùng với Chương 4 trong Sổ tay Sphere (đồng thời xem Tiêu chuẩn 1 dưới đây và Tiêu chuẩn chung 3 ở Chương 3). Mặc dù sau thảm họa nhu cầu về nơi ở tạm và cố định của con người được ưu tiên hơn nhu cầu của vật nuôi, nhưng chương này thảo luận về những nhu cầu sinh tồn của vật nuôi hoàn toàn độc lập với nhu cầu này của các chủ đàn.

Cứu trợ sau thảm họa cũng có thể xem xét việc xây dựng lại cơ sở hạ tầng thương mại và thú y, ví dụ như các chợ bán vật nuôi, các phòng khám thú y, và các lò giết mổ vật nuôi. Tuy nhiên, bất kì công trình nào cũng nên được nhìn nhận từ viễn cảnh phát triển lâu dài và chú ý đến tiềm năng phát triển dịch vụ tư nhân. Ví dụ, thời điểm tốt nhất để khu vực tư nhân cung cấp những dịch vụ tái thiết là sau xung đột. Do đó, xây dựng hay xây dựng lại cơ sở hạ tầng thương mại thường là trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân, chứ không phải của chính phủ hay các tổ chức bên ngoài.

Thời điểm can thiệp

Có thể tiến hành những biện pháp cứu trợ về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi ở tất cả các giai đoạn ứng phó với thảm họa, từ giai đoạn khẩn cấp cho đến giai đoạn phục hồi, xây dựng lại và các giải pháp lâu dài khác. Nhu cầu về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi cũng nên góp phần giúp chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với thảm họa và lập kế hoạch đối phó bất trắc như được đề cập dưới đây trong Tiêu chuẩn 5.

Giai đoạn cũng như bản chất của tình trạng khẩn cấp sẽ ảnh hưởng đến loại hình cơ sở hạ tầng của nơi ở tạm và cố định cần thiết cho vật nuôi. Những tình trạng khẩn cấp khởi phát đột ngột do thiên tai đòi hỏi phương pháp tiếp cận khác với khi cứu trợ với khủng hoảng đang tiếp diễn ví dụ như xung đột hoặc suy thoái môi trường kéo dài. Sau một thảm họa khởi phát bất ngờ, có thể cần cung cấp ngay nơi trú ngụ cho những vật nuôi phải chịu phơi nắng phơi sương hoặc đang có nguy cơ bị bắt trộm, ăn thịt. Cũng có thể cần tạm thời di chuyển vật nuôi đến nơi an toàn hơn để bảo vệ chúng, ví dụ sau một trận lụt. Những biện pháp này chỉ là tạm thời nhưng có thể trở thành phương án lâu dài ở giai đoạn sau này. Trong những giai đoạn sau của tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh, có thể đáp ứng được nhu cầu về nơi ở lâu dài hơn. Trong thảm họa khởi phát chậm, sẽ có nhiều thời gian hơn để chuẩn bị và lập kế hoạch cho mọi nhu cầu về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi mặc dù có thể vẫn cần sử dụng những biện pháp tạm thời (xem Bảng 8.1 dưới đây).

Bảng 8.1 Xác định thời điểm cứu trợ về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi

Biện pháp	Khởi phát nhanh			Khởi phát chậm			
	Ngay sau thảm họa	Phục hồi sớm	Phục hồi	Cảnh báo	Báo động	Khẩn cấp	Phục hồi
Các biện pháp cứu trợ tạm thời về nơi ở tạm	→					→	
Các biện pháp cứu trợ lâu dài về nơi ở tạm	- - - - - - →			→			
Các biện pháp cứu trợ về nơi ở cố định	- - - - →			→			

Liên hệ với các chương khác

Cung cấp chỗ ở có thể bổ trợ cho những biện pháp cứu trợ vật nuôi được mô tả trong các chương khác bao gồm tái lập đàn (Chương 9), cung cấp nước (Chương 7) và đảm bảo nguồn cung cấp thức ăn (Chương 6). Ví dụ, trong những tình trạng khẩn cấp mà các cửa hàng thức ăn chăn nuôi bị phá hủy, cần xây dựng các nhà kho mới trước khi cung cấp thêm nguồn thức ăn. Nếu cung cấp vật nuôi trong những tình huống mà nơi ở của vật nuôi đóng vai trò quan trọng giúp chúng sinh tồn và khỏe mạnh, như khi khí hậu lạnh giá thì cần đáp ứng nhu cầu về chỗ ở trước khi cung cấp. Khi áp dụng những biện pháp cứu trợ trong thảm họa, bao gồm cung cấp những loài vật nuôi cho người chăn nuôi chưa quen với việc nuôi chúng, thì phải có những lời khuyên cơ bản về nhu cầu chỗ ở và các nhu cầu quản lí vật nuôi.

Khả năng bị tổn thương và năng lực của các cộng đồng chịu tác động của thảm họa

Khi cung cấp nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi sau thảm họa nên xem xét vai trò và trách nhiệm chăm sóc vật nuôi hiện có trong cộng đồng, gồm việc phân công lao động theo **giới** và độ tuổi cũng như những quy tắc riêng của địa phương về nơi ở của vật nuôi. Cũng nên xem xét vai trò của giới khi xây dựng, và lúc nào phù hợp thì lấy vấn đề giới làm nền tảng cho mọi biện pháp cứu trợ.

Vị trí nơi ở của vật nuôi có thể tác động tới những nhóm người dễ bị tổn thương, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Khả năng tiếp cận là một yếu tố quan trọng bị ảnh hưởng bởi khoảng cách từ chỗ ở của vật nuôi đến nơi con người sinh sống, sự mất an toàn hoặc nguy hiểm liên tiếp do các hiện tượng tự nhiên như lũ lụt. Những điều này sẽ hạn chế việc sử dụng các sản phẩm từ động vật như sữa và trứng – những thực phẩm đặc biệt quan trọng với một số nhóm người dễ bị tổn thương như trẻ em, người già, người ốm đau và những người sống chung với **HIV/ AIDS**.

Vị trí nơi ở của vật nuôi cũng có thể ảnh hưởng đến **an ninh và việc bảo vệ** các chủ đàn vật nuôi. Ví dụ, nơi ở của vật nuôi, đặc biệt ở những vùng xung đột, nếu xây cách xa nơi con người sinh sống thì sẽ đẩy con người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em,vào tình thế nguy hiểm. Quá trình xây dựng nơi ở cho vật nuôi cũng có thể gây mất an toàn nếu phụ nữ buộc phải đi tìm vật liệu xây dựng ở các khu vực xa xôi hẻo lánh.

Cũng nên **cân nhắc về khía cạnh môi trường** khi xây dựng nơi ở của vật nuôi và lập kế hoạch cho cơ sở hạ tầng nơi ở cho vật nuôi. Nếu việc xây dựng nơi ở khiến vật nuôi tập trung nhiều tại đó, điều này sẽ ảnh hưởng tới khả năng chăn thả và gây hủy hoại môi trường. Chất thải động vật, đặc biệt ở nơi tập trung nhiều động vật hoặc gần kề với con người có thể tác động đến sức khỏe và vệ sinh của con người (LEGS không đề cập đến các vấn đề về an toàn sinh học –

những vấn đề chủ yếu liên quan tới những doanh nghiệp thương mại quy mô lớn). Việc sử dụng quá mức vật liệu của địa phương để xây dựng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi với môi trường. Những vấn đề này sẽ được thảo luận chi tiết hơn dưới đây, trong Tiêu chuẩn 2.

Những cộng đồng bị tác động bởi thảm họa cũng tự phát hiện ra **năng lực** của mình khi tham gia vào hoạt động cứu trợ trong thảm họa. Xét về nơi ở cho vật nuôi, những năng lực này gồm có kiến thức bản địa về những vật liệu xây dựng và thiết kế phù hợp nhất cho nơi ở cho vật nuôi, cũng như các kĩ thuật xây dựng.

Các tiêu chuẩn tối thiểu

Trước khi bắt đầu quá trình cung cấp nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi, nên xem xét cẩn thận tính khả thi và phù hợp của các biện pháp cứu trợ có thể áp dụng, như được chỉ rõ trong Hình 8.1 dưới đây.

Tiêu chuẩn 1 về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi: Đánh giá và lập kế hoạch
Đánh giá và lập kế hoạch về cơ sở hạ tầng của nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi sẽ dựa vào việc tham vấn cộng đồng người chăn nuôi, kiến thức bản địa, cân nhắc những tác động đến môi trường và tiềm năng sinh kế bền vững.

Các tiêu chí chính

- Hỏi ý kiến cộng đồng người chăn nuôi, cả đàn ông và phụ nữ, về các thói quen định cư và xây dựng chuồng trại cho động vật bản địa. Khi hỏi ý kiến, nên dựa trên các đánh giá ban đầu được trình bày ở Chương 2 (xem chú thích 1).
- Các biện pháp cứu trợ về cơ sở hạ tầng nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi được xây dựng dựa trên những thiết kế nơi ở của vật nuôi bản địa (xem chú thích 2).
- Đáp ứng nhu cầu về nơi ở cho vật nuôi của những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong cộng đồng (xem chú thích 3).
- Đánh giá tác động của các biện pháp cứu trợ về nơi ở cho vật nuôi đến môi trường và giảm thiểu bất kì ảnh hưởng bất lợi nào (xem chú thích 4).
- Nhu cầu sinh kế bền vững của cộng đồng là một phần của quá trình đánh giá và cung cấp thông tin cho hoạt động cứu trợ trong tình trạng khẩn cấp (xem chú thích 5).
- Thương lượng các biện pháp cứu trợ về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi với tất cả những người có liên quan (xem chú thích 6).

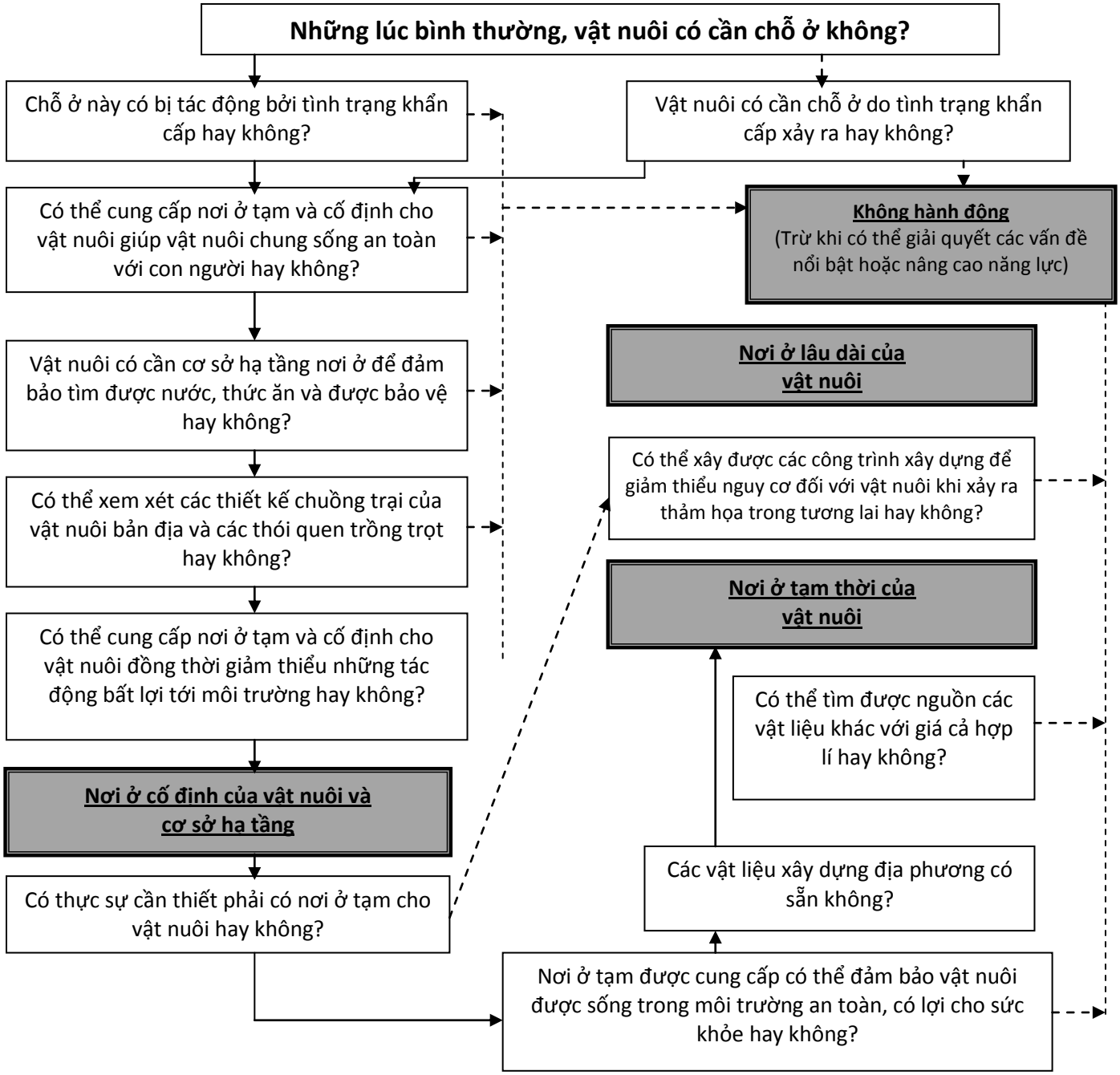

Chú giải: ⟶ = 'có' - - ▸ = 'không

Chú ý: Kết quả 'Không hành động' (trừ khi có thể giải quyết các vấn đề nổi bật) đơn giản có nghĩa là cần đào tạo thêm hoặc xây dựng năng lực để có thể trả lời 'có' cho các câu hỏi chính, chứ không phải là không thực hiện biện pháp cứu trợ nào.

Hình 8.1: Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi

Chú thích

1. **Tham vấn cộng đồng**: một cộng đồng chăn nuôi giàu kinh nghiệm sẽ biết những loại hình nơi ở đặc trưng cho các loài động vật họ nuôi và các lựa chọn về thiết kế nơi ở thỏa mãn được những yêu cầu này, có thể bao gồm kiến thức về vật liệu xây dựng phù hợp, lựa chọn địa điểm, đường đến địa điểm, quản lí tình hình vệ sinh và vật nuôi, biện pháp cũng như người xây dựng. Cần nỗ lực hết sức nhằm đảm bảo các cộng đồng chăn nuôi trực tiếp tham gia vào đánh giá ban đầu, thiết kế, thực hiện và đánh giá hiệu quả các biện pháp cứu trợ về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi. Đánh giá trước cứu trợ phải xem xét vai trò và trách nhiệm chăm sóc động vật hiện có trong cộng đồng, gồm việc phân chia lao động theo độ tuổi. Cần xem xét vai trò giới khi thực hiện bất kì biện pháp cứu trợ về nơi ở nào, đặc biệt là những nhu cầu của phụ nữ về hỗ trợ và duy trì đàn vật nuôi. Dù định xây nơi ở tạm thời hay lâu dài, khi thiết kế các biện pháp cứu trợ về chỗ ở vật nuôi, nên bắt đầu từ kiến thức cộng đồng. Khi đánh giá cũng có thể xác định các vấn đề chính sách cần vận động ở cấp địa phương, thậm chí rộng hơn nếu phù hợp (xem Chương 3, Tiêu chuẩn chung 8)
2. **Thiết kế bản địa**: Nên đánh giá những nguyên tắc riêng của địa phương về nơi ở, chuồng trại của vật nuôi. Những nguyên tắc này bao gồm hiểu biết về vật liệu xây dựng bản địa và các thiết kế địa phương cho cơ sở hạ tầng nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi, cũng như các phương án xây dựng phù hợp. Nên sử dụng hoặc phỏng theo kĩ thuật xây dựng chuồng trại vật nuôi của địa phương và sử dụng vật liệu của địa phương khi thích hợp. Chỉ trong một số ít trường hợp việc sử dụng 'hệ thống chuồng tạm' hoặc các chuồng trại được lắp ráp sẵn mang từ nơi khác đến mới phù hợp hoặc khả thi.
3. **Khả năng bị tổn thương**: Khi đánh giá và lập kế hoạch, nên tìm hiểu nhu cầu riêng của những nhóm người dễ bị tổn thương và xác định xem liệu họ có cần được ưu tiên giúp đỡ, ví dụ như với người già, người ốm yếu, tàn tật – những người có thể không có các nguồn lực lao động để xây dựng lại chỗ ở vật nuôi của mình. Những người không lấy được các vật liệu xây dựng, ví dụ do sự mất an toàn của địa phương, cũng có thể cần được trợ giúp thêm (xem Phụ lục 8.1, Danh mục đánh giá nhu cầu nơi ở cho vật nuôi). Trong tất cả các hoạt động trợ giúp các nhóm dễ bị tổn thương, không nên xem nhẹ khả năng của cộng đồng trong việc chu cấp và quan tâm tới những nhóm người này với các chiến lược cứu trợ riêng.
4. **Tác động tới môi trường**: cần đánh giá ảnh hưởng của các biện pháp cứu trợ về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi đối với môi trường địa phương, bao gồm việc sử dụng

không bền vững các vật liệu địa phương và việc tập trung vật nuôi không ổn định ở một số khu vực. Những vấn đề này sẽ được thảo luận sâu hơn ở Tiêu chuẩn 2.

5. **Sinh kế bền vững**: trong khi có thể cần các biện pháp tạm thời nhằm hỗ trợ vật nuôi trong tình trạng khẩn cấp thì nên cố gắng hết sức đảm bảo rằng các biện pháp cứu trợ về nơi ở tạm và cố định xem xét đến nhu cầu sinh kế của nhóm dân cư bị tác động để các nguồn lực có thể tìm được trong thảm họa có ích về lâu dài. Để làm được như vậy, phải cân nhắc cẩn thận những ảnh hưởng có thể xảy ra của những thay đổi lường trước được đối với việc sử dụng đất đai, những thay đổi vĩnh viễn đối với sinh kế của cộng đồng và các hoạt động trông nom vật nuôi khi cộng đồng phục hồi sau thảm họa.
6. **Thương lượng với những người có liên quan**: nên đàm phán các biện pháp cứu trợ về nơi ở cho vật nuôi với những người có liên quan khác ngoài cộng đồng bị ảnh hưởng. Khi các biện pháp cứu trợ có khả năng ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc sinh sống của con người, có thể phải thương lượng với cơ quan chức năng địa phương phụ trách về nông nghiệp, cung cấp nước, vệ sinh, sử dụng đất và nhà ở. Cũng có thể học hỏi kinh nghiệm phù hợp từ các nhân viên của chương trình nhân đạo trong các lĩnh vực khác như nơi ở và định cư của con người, nước và vệ sinh, và quản lí trại tạm cư. Trong các tình trạng khẩn cấp nghiêm trọng phải áp dụng 'phương pháp nhóm' (xem Bảng chú giải thuật ngữ), những hoạt động này sẽ được kết hợp với nhau theo nhóm: nơi ở tạm trong tình trạng khẩn cấp, phục hồi sớm, hợp tác và quản lí trại tạm cư. Các tổ chức cung cấp nơi ở tạm cho vật nuôi nên chủ động tham gia vào quá trình này để thúc đẩy nhu cầu của vật nuôi về nơi ở tạm và cố định, và đảm bảo rằng các chương trình của họ phù hợp với những chiến lược và các ưu tiên đã được thống nhất.

   Trong trường hợp nhóm dân cư bị tác động phải di dời, cũng cần thiết phải bàn bạc với cộng đồng sở hữu đàn vật nuôi nhằm đảm bảo rằng vị trí của nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi không gây ra xung đột, áp lực với môi trường hoặc cạnh tranh về việc làm hay các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Tiêu chuẩn 2 về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi: Nơi ở cố định cho vật nuôi
Nơi ở cố định cho vật nuôi giúp chúng chung sống với con người một cách an toàn, giảm thiểu những tác động tiêu cực tới môi trường, hỗ trợ quá trình phục hồi và sinh kế bền vững.

Các tiêu chí chính

- Chỗ ở cố định cho vật nuôi giúp con người được an toàn và giúp vật nuôi an toàn sống chung với con người (xem chú thích 1).

- Giảm thiểu tác động của nơi ở cố định cho vật nuôi đến môi trường (xem chú thích 2).
- Nơi ở cố định cho vật nuôi hỗ trợ quá trình phục hồi và các mục tiêu sinh kế bền vững (xem chú thích 3).

Chú thích

1. **Sự an toàn của con người và chung sống với con người**: vị trí nơi ở tạm cho vật nuôi có thể ảnh hưởng đến sự an toàn và việc bảo vệ chủ đàn vật nuôi. Ví dụ, chuồng trại được xây dựng cách xa nơi ở của người có thể khiến con người nói chung, phụ nữ và trẻ em nói riêng, gặp nguy hiểm, đặc biệt tại những vùng xung đột. Ngược lại, nơi ở tạm cho vật nuôi mà quá gần nơi ở của con người có thể gây ra suy thoái môi trường và tăng nguy cơ lan tràn dịch bệnh. Nơi ở của vật nuôi nên giúp cộng đồng người và động vật chung sống an toàn. Điều này đặc biệt quan trọng nhằm giảm nguy cơ truyền nhiễm các bệnh như cúm gia cầm từ động vật sang người và ngăn chặn sự truyền nhiễm mầm bệnh từ phân động vật.
2. **Những tác động đến môi trường**: nên giảm thiểu tác động của các biện pháp cứu trợ về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi đối với môi trường địa phương. Điều này đặc biệt quan trọng nếu khi xây dựng nơi ở tạm cho vật nuôi, cần hoặc khuyến khích sử dụng những vật liệu sẵn có ở địa phương, thì việc này có nguy cơ gây suy thoái môi trường vĩnh viễn. Ví dụ, chặt cây để lấy gỗ xây dựng chỗ ở và hàng rào hoặc làm nhiên liệu để nung gạch xây nhà. Nên lấy vật liệu xây dựng từ các nguồn ổn định hoặc được khai thác một cách bền vững. Trồng cây làm hàng rào cũng có thể là một lựa chọn khả thi thay cho việc lấy vật liệu địa phương để làm hàng rào. Cũng nên tránh tập trung quá nhiều vật nuôi một chỗ để giảm nguy cơ chăn thả quá mức và suy thoái môi trường.

   Nuôi vật nuôi trong các trại tị nạn tạo thêm áp lực đối với môi trường và nguồn lực của địa phương. Do đó, khi cung cấp vật nuôi ở những điều kiện sống như thế phải cân nhắc những hậu quả môi trường. Cạnh tranh về nguồn lực với vật nuôi địa phương cũng có khả năng gây ra xung đột; vì vậy, cần thương lượng về việc sử dụng đồng cỏ và cơ hội chăn thả với người dân địa phương.
3. **Nơi ở cố định của con người và vật nuôi**: nhu cầu về nơi ở của cộng đồng người sẽ luôn được ưu tiên hơn nhu cầu về nơi ở của vật nuôi. Điều quan trọng nhất là những biện pháp cứu trợ về nơi ở cho vật nuôi không ảnh hưởng tiêu cực đến việc cung cấp nơi ở cho người. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, nhu cầu về nơi ở của con người và vật nuôi lại phụ thuộc lẫn nhau. Do đó, khi xây dựng những mô hình nơi ở cho vật nuôi, các

bên liên quan cần điều phối và lập kế hoạch hành động (xem Tiêu chuẩn 1, chú thích 6 ở trên).

Lựa chọn về nơi ở cố định được ưa chuộng trong tất cả các biện pháp cứu trợ là hỗ trợ các cộng đồng sở hữu vật nuôi định cư một cách phân tán ngay tại nhà của họ. Tuy nhiên, có thể cần hỗ trợ vật nuôi tại nơi các gia đình và cộng đồng di dời đến. Nơi ở khi di dời có thể phân tán, ví dụ có những người sống với chủ nhà hoặc tự định cư trên đất của người khác, hoặc định cư theo nhóm ví dụ các gia đình sống trong các khu tập thể và các trại tị nạn.

Định cư theo nhóm khi di dời luôn phức tạp và đắt đỏ với những cản trở cố hữu tới việc thực hiện các giải pháp lâu dài và bền vững. Các bản hướng dẫn khác như UNHCR (2006), Corsellis và Vitale (2005), và Sổ tay Sphere (2004) nên là các tài liệu tham khảo chính để cứu trợ nhân đạo trong những tình huống này. Các trại đông người cho các gia đình ở khi di dời hiếm khi cho phép vật nuôi ở cùng một chỗ với con người do nguy cơ suy thoái môi trường và lây lan bệnh tật. Trong khi không thể tránh khỏi việc phải hỗ trợ trực tiếp những cộng đồng sở hữu vật nuôi bị di dời, thì cũng nên tập trung mọi nỗ lực hỗ trợ họ trở về nhà.

Nơi ở cố định của vật nuôi cần tính đến quyền chăn thả ở địa phương, cơ cấu quản lí, khả năng tiếp cận, quyền sử dụng và sở hữu đất đai. Điều này đặc biệt quan trọng ở những nơi mà các thảm họa như lũ lụt đã làm biến đổi môi trường địa phương, và những nơi mà các cộng đồng sở hữu đàn vật nuôi buộc phải di dời, trong trường hợp này cũng cần cân nhắc đến nhu cầu của người dân sở tại. Để giải quyết những vấn đề này, sẽ cần bàn bạc kĩ lưỡng với những bên liên quan, tham vấn với chính quyền địa phương và chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhằm tìm ra giải pháp bền vững.

Tiêu chuẩn 3 về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi: Cơ sở hạ tầng nơi ở cố định cho vật nuôi

Cơ sở hạ tầng nơi ở cố định cho vật nuôi mang đến cho vật nuôi một môi trường an toàn, có lợi cho sức khỏe và bền vững.

Các tiêu chí chính

- Cơ sở hạ tầng nơi ở cố định giúp quản lí vật nuôi khỏe mạnh, an toàn và lâu dài (xem chú thích 1).

- Cơ sở hạ tầng nơi ở giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường (xem chú thích 2).

Chú thích

1. **Quản lí vật nuôi an toàn, lâu dài**: ngoài nơi ở tạm cho vật nuôi (xem Tiêu chuẩn 4 dưới đây), có thể cần nơi ở cố định để đảm bảo quản lí vật nuôi an toàn và lâu dài. Cần tư vấn hoặc tạo điều kiện tiếp cận với nguồn nước và thực phẩm, bảo vệ vật nuôi khỏi kẻ trộm và động vật săn mồi bằng cách sử dụng hàng rào bao quanh nơi ở. Các hàng rào bao quanh nơi ở đồng nghĩa với việc cần mang thức ăn cho vật nuôi (xem Chương 6), cũng có thể nảy sinh các vấn đề sức khỏe động vật phát sinh như bị kí sinh trùng và cần có kho chứa thuốc thú y và các địa điểm giết mổ động vật (xem Chương 5). Về phần nơi ở tạm cho vật nuôi, tất cả các chuồng trại cố định nên được thiết kế dựa trên các thói quen xây dựng và kiến thức bản địa (xem Tiêu chuẩn 1 bên trên).
2. **Những tác động tới môi trường**: chuồng trại của vật nuôi nên được thiết kế sao cho dễ kiểm soát tình trạng vệ sinh và dọn dẹp phân động vật, đặc biệt ở những nơi các cộng đồng sở hữu đàn vật nuôi buộc phải di dời đang sống theo nhóm ví dụ như các trại tạm cư. Thiết kế này có thể gồm các hàng rào dựng bên ngoài vành đai nơi ở của con người nhằm ngăn cản vật nuôi đến gần và đảm bảo khoảng cách cần thiết giữa nơi sinh sống của con người và chuồng trại của động vật. Mật độ chuồng trại vật nuôi cũng nên giữ ở mức an toàn (xem thêm chi tiết những yêu cầu về không gian của các loài khác nhau ở trang 30, UNHCR, 2005).

Tiêu chuẩn 4 về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi: Nơi ở tạm của vật nuôi
Vật nuôi được cung cấp môi trường sống an toàn, có lợi cho sức khỏe, phù hợp với hoàn cảnh và mục đích sử dụng.

Các tiêu chí chính

- Nơi ở tạm cho vật nuôi giúp bảo vệ chúng khỏi những điều kiện khí hậu phổ biến và những điều kiện thời tiết khắc nghiệt theo ngày hoặc theo mùa (xem chú thích 1)
- Nơi ở tạm cho vật nuôi được thiết kế để đáp ứng nhu cầu cụ thể của các loài động vật và theo mục đích sử dụng (xem chú thích 2).
- Vật nuôi được bảo vệ đầy đủ để không bị trộm cắp và ăn thịt (xem chú thích 3).

- Nên có sẵn các biện pháp để thả tự do tạm thời một số vật nuôi nhằm tránh nguy cơ chúng bị chết đói trước khi có các hỗ trợ khác (xem chú thích 4).

Chú thích

1. **Môi trường sống có lợi cho sức khỏe và an toàn**: trong điều kiện khí hậu nóng, nơi ở nên có chỗ râm mát thông thoáng. Trong những điều kiện khí hậu lạnh giá, nơi ở nên có hàng rào chắc chắn phù hợp và có khoảng cách tối thiểu với mặt đất. Ở những nơi khí hậu khắc nghiệt, nên đáp ứng nhu cầu về nơi ở trước khi cung cấp vật nuôi.
2. **Thiết kế phù hợp**: Bất cứ lúc nào phù hợp, nơi ở tạm cho vật nuôi nên dựa vào kĩ thuật xây dựng địa phương và sử dụng vật liệu xây dựng địa phương. Sau khi xảy ra thiên tai, có thể xây nơi ở cho vật nuôi bằng những vật liệu tận dụng từ cơ sở hạ tầng và các tòa nhà đã bị phá hủy. Nên tận dụng tối đa, bao gồm cả việc phân phối các bộ công cụ. Trong một số tình trạng khẩn cấp, có thể cần cung cấp nơi ở cho vật nuôi ngay lập tức nhằm đảm bảo vật nuôi được sống sót. Tuy nhiên, những nơi ở như thế có thể không phù hợp để sử dụng lâu dài và các cộng đồng cũng có thể cần hỗ trợ để xây dựng lại những nơi ở bền vững hơn. Trong tình trạng khẩn cấp, khả năng kết hợp nơi ở cho vật nuôi với các công trình xây dựng cố định hoặc có thể tách ra thành mô hình nơi ở khác nếu có hỗ trợ về sau là đặc biệt quan trọng. Ví dụ, các thiết kế nơi ở tạm cho vật nuôi sử dụng trong tình trạng khẩn cấp có thể gồm mái nhà và công trình xây dựng được dự tính trước là sẽ được nâng cấp về sau trở thành nơi ở lâu dài với tường, cửa và hàng rào. Phương pháp này đáng được xem xét cho dù việc nâng cấp về sau này do một tổ chức hỗ trợ hay do chính cộng đồng phụ trách.
3. **Nạn trộm cắp và tấn công**: nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi nên đảm bảo vật nuôi được bảo vệ để không bị trộm cắp và ăn thịt theo quy định của địa phương. Có thể sử dụng loại cửa phù hợp đóng lại được khi ở bên trong hoặc các hàng rào an toàn xung quanh nơi ở cho vật nuôi. Quy hoạch cần đảm bảo nơi ở cho vật nuôi được đặt gần kề với nơi ở của người để đem lại sự an toàn.
4. **Thả tự do một số vật nuôi**: Kinh nghiệm cho thấy các động vật như trâu, bò sữa đã chết ở nơi chúng bị buộc dây khi các gia đình nuôi chúng bị chết hoặc bị thương nặng do động đất hoặc thảm họa khác. Một biện pháp cứu trợ đơn giản là tháo dây hoặc thả những con vật này để chúng có cơ hội tìm thức ăn và nước uống. Nên đánh dấu những con vật này, ví dụ bằng sơn, để về sau này chúng có thể đoàn tụ với người chủ còn sống sót.

Tiêu chuẩn 5 về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi: Chuẩn bị cứu trợ và giảm thiểu rủi ro thiên tai

Nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi giảm bớt tác động của các thảm họa có thể xảy ra trong tương lai.

Các tiêu chí chính

- Đánh giá nguy cơ xảy ra thảm họa trong tương lai (xem chú thích 1).
- Những biện pháp cứu trợ về cơ sở hạ tầng nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi sẽ giảm thiểu nguy cơ đối với vật nuôi và chủ đàn trong trường hợp xảy ra thảm họa trong tương lai (xem chú thích 2).

Chú thích

1. **Đánh giá nguy cơ trong tương lai**: Nên đánh giá khả năng xảy ra thảm họa trong tương lai trong quá trình lập kế hoạch cho các sáng kiến về nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi.
2. **Giảm thiểu nguy cơ mất mát vật nuôi trong tương lai**: việc xây dựng cơ sở hạ tầng nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi có thể tạo cơ hội để giảm bớt tác động của những thảm họa trong tương lai. Do đó, đánh giá về các nguy cơ trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm, thiết kế và xây dựng cơ sở hạ tầng nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi nhằm giảm bớt nguy cơ mất mát vật nuôi khi xảy ra thảm họa trong tương lai. Ví dụ cụ thể như sau:
   - *Động đất*: Địa điểm xây dựng nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi nên ở trên mặt đất ổn định và cách xa những vùng có nguy cơ bị sạt lở đất trong tương lai hoặc các thiệt hại khác do dư chấn. Cũng nên xem xét cẩn thận các công trình xây dựng nơi ở cho vật nuôi và áp dụng các biện pháp nhằm tăng độ bền của công trình để chống lại sức mạnh của động đất hoặc sử dụng các vật liệu xây dựng nhẹ phù hợp để giảm thiểu nguy cơ khiến vật nuôi bị thương nghiêm trọng khi tòa nhà bị đổ. Nên sử dụng những kĩ thuật và vật liệu bản địa cho dù có thể cần vận động địa phương thay đổi thói quen xây dựng để tăng cường khả năng chống chịu với động đất.
   - *Lũ lụt*: Bất kì khi nào có thể, nơi ở tạm cho vật nuôi nên được xây dựng xa các khu vực bị lũ lụt để tránh bị tàn phá do lũ lụt xảy ra trong tương lai. Nếu không làm được như vậy thì nơi xây dựng cần có hệ thống thoát nước được nâng cấp hoặc nơi ở tạm cho vật nuôi có thể được nâng lên trên mực nước lũ trước đây. Cũng có thể

cân nhắc việc gia cố xây dựng móng và sân gạch thấp cũng như các công trình xây dựng chính nhằm giảm bớt nguy cơ các công trình bị tàn phá trong các trận lụt.

- *Bão*: Việc xây dựng nơi ở tạm cho vật nuôi phải đảm bảo các mái nhà được gắn và buộc chặt với cấu trúc nhà.
- *Sóng thần*: Nếu có thể thì đặt nơi ở cho vật nuôi cách xa bờ biển gần nhất.

Trong tất cả những trường hợp này, nên tham khảo về chuyên môn với các chuyên gia xây dựng (xem Danh mục tham khảo) để đảm bảo việc xây dựng dựa trên những kiến thức thực tiễn đáng tin cậy nhất nhằm giảm bớt các mất mát trong thảm họa.

Phụ lục 8.1 Danh mục đánh giá việc cung cấp nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi

Nơi ở tạm

- Có biện pháp cứu trợ tức thì, thiết thực nào có thể giảm tỉ lệ tử vong của vật nuôi (ví dụ thả các con vật bị buộc dây sau động đất) hay không?
- Có cần nơi ở tạm thời cho vật nuôi ngay lập tức hay không?
- Số lượng mỗi loài vật nuôi khác nhau có thể cần nơi ở tạm ước tính là bao nhiêu?
- Có yêu cầu cụ thể nào về chuồng trại cho những loài khác nhau trong những điều kiện môi trường, khí hậu đặc biệt trong vùng bị tác động bởi thảm họa không?
- Những nhóm xã hội chủ yếu là những nhóm nào?
  - Vai trò của đàn ông và phụ nữ khi chăm sóc vật nuôi riêng biệt là gì?
  - Trong cộng đồng ai thường chịu trách nhiệm xây dựng nơi ở tạm?
  - Có nhóm người nào có nhu cầu đặc biệt hoặc dễ bị tổn thương không, ví dụ như những người sống chung với HIV/ AIDS hoặc phụ nữ bị buộc phải di dời?
- Các thiết kế chuồng trại địa phương cho vật nuôi, kĩ thuật xây dựng và vật liệu thô là gì?
- Những hoạt động xây dựng này đã đủ để giảm bớt nguy cơ mất mát khi thảm họa xảy ra trong tương lai hay chưa?
- Có đủ các vật liệu địa phương sẵn có hay không?
  - Làm thế nào để lấy được những vật liệu xây dựng địa phương?
  - Xây dựng nơi ở tạm có gây hủy hoại môi trường nghiêm trọng hay không?
  - Có nên vận chuyển vật liệu xây dựng từ nơi khác đến hay không?

Nơi ở cố định

- Các mô hình nơi ở cố định của các cộng đồng sở hữu đàn vật nuôi là như thế nào? Phân tán hay tập trung theo nhóm? Tại nhà ở của họ hay ở nơi di dời? Du cư hay cố định?
- Có khả năng xảy ra xung đột giữa các cộng đồng sở hữu vật nuôi khác nhau, ví dụ nhóm dân cư bị tác động bởi khủng hoảng và cộng đồng sở tại hay không?
- Có nơi chăn thả đầy đủ tại địa phương không? Đồng cỏ bị phá hủy có phải là hậu quả tiềm ẩn của việc di dời con người và vật nuôi sau thảm họa hay không?

- Quyền sử dụng đất và hệ thống quản lí cơ sở hạ tầng hiện có dành cho nơi ở tạm và cố định tập trung cho vật nuôi là gì? Có phù hợp với nơi ở tạm mới được xây dựng hay không?
- Những người chủ đàn vật nuôi có nhu cầu về nơi ở cố định nào khác không?

Nơi ở tạm cho các loài vật nuôi mới được nuôi (ví dụ, gia cầm và thỏ)

- Những người dễ bị tổn thương nhất như những người sống chung với HIV/ AIDS có được hưởng lợi từ việc xây dựng nơi ở tạm cho các loài họ chưa nuôi bao giờ hay không?
- Những người được hỗ trợ này có cần được đào tạo đặc biệt về xây dựng và quản lí nơi ở tạm hay không?

Phụ lục 8.2 Danh mục giám sát và đánh giá việc cung cấp nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi

Sản phẩm đầu ra và các quy trình

- Khi nào cần có những sáng kiến bảo vệ vật nuôi (ví dụ, khí hậu bất lợi, sự mất an toàn, nguy cơ về sức khỏe vật nuôi) và đối với loài vật nuôi nào?
- Những biện pháp nào đã được áp dụng để bảo vệ vật nuôi trong những điều kiện như thế?
- Những biện pháp cứu trợ này có đáp ứng được nhu cầu bảo vệ, tiếp cận, an toàn, và quản lí nơi ở cho vật nuôi của những cộng đồng được hỗ trợ hay không?
- Nhu cầu về cơ sở hạ tầng nơi ở cố định đã được đáp ứng như thế nào?
- Các sản phẩm đầu ra (số lượng nơi ở tạm và người được hỗ trợ) và đầu vào (chi phí vật liệu, vận tải, xây dựng, đóng góp của cộng đồng) là như thế nào?
- Tỉ lệ người dân tham gia vào hoạt động cứu trợ là bao nhiêu? Lí do không tham gia là gì?

Sự tham gia

- Cộng đồng được hỗ trợ đã tham gia vào các biện pháp cứu trợ như thế nào?
    - Có sử dụng kiến thức địa phương về thiết kế và xây dựng không?
    - Có sử dụng nguồn vật liệu xây dựng của địa phương không?
    - Cơ chế quản lí nào đã được thiết lập khi cần thiết để duy trì nơi ở tạm tập trung?
    - Các cộng đồng được hỗ trợ có tham gia giám sát và đánh giá biện pháp cứu trợ hay không?

Ảnh hưởng

- Những ảnh hưởng đến tỉ lệ tử vong và bệnh tật của vật nuôi có nơi trú ngụ so với nhóm vật nuôi không được hỗ trợ về nơi ở là gì?
- Việc tiếp cận với vật nuôi và các sản phẩm từ vật nuôi có được duy trì hay không (đặc biệt đối với những nhóm người dễ bị tổn thương)?
- Quan điểm của những người tham gia về lợi ích của sáng kiến cứu trợ là gì?
- Những tác động tới môi trường của sáng kiến cứu trợ, đặc biệt những ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên thiên nhiên là gì?

Lập kế hoạch cho tương lai

- Nếu nơi ở tạm thời được xây dựng thì kế hoạch cung cấp nơi ở lâu dài là như thế nào?
- Xét về lựa chọn địa điểm, thiết kế và xây dựng, nơi ở tạm và cố định cho vật nuôi mới được xây dựng có cân nhắc đến việc giảm nhẹ tác động của khủng hoảng xảy ra trong tương lai hay không?

Tài liệu tham khảo

Coburn, A., R. Hughes A. Pomonis và R. Spence (1995) *Những Nguyên tắc Kĩ thuật Xây dựng An toàn,* Nhà xuất bản Kĩ thuật Trung cấp, Rugby.

Corsellis, T. and A. Vitale (2005) *Nơi ở Cố định trong Giai đoạn Chuyển đổi, Cộng đồng Dân cư Phải Di dời*, Ủy ban Oxford về cứu đói, Oxford.

Hội Công nghệ Xây dựng Chống chịu với Động đất Ấn Độ (1989) *Sách Hướng dẫn về Xây dựng Công trình Chống chịu Động đất,* Roorkee, Ấn Độ.

Seraj, S. và K. I. Ahmed (2004) *Xây dựng Nơi ở An toàn Hơn tại Băng-la-đét*, Đại học Xây dựng và Kĩ thuật Băng-la-đét, Dhaka.

Cao ủy Liên Hợp Quốc về Người tị nạn (2005) *Chăn nuôi Gia súc Khi Đi Tị nạn và Khi Trở về: Một Cuốn sách Hướng dẫn Thiết thực để Quản lí có Hiệu quả.* Cao ủy Liên Hợp Quốc về Người tị nạn và Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế. Geneva, www.unhcr.org/protect/PROTECTION/4385e3432.pdf

Cao ủy Liên Hợp Quốc về Người tị nạn (2006) Sổ tay dành cho các tình trạng khẩn cấp. Cao ủy Liên Hợp Quốc về Người tị nạn, Geneva, www.unhcr. org/publ/PUBL/3bb2fa26b.pdf

Cao ủy Liên Hợp Quốc về Người tị nạn (1982) *Nơi ở Tạm Sau Thảm họa: Các Chỉ dẫn Hỗ trợ,* Nhà máy in Bách Khoa Oxford, Oxford.

White, C.M. (2006) 'Nơi ở tạm cho ngựa ở Pa-kít-tan (bản vẽ kĩ thuật)', Chưa xuất bản. Liên hệ: Caroline Meyer White, Kiến trúc sư xây dựng tự nhiên, Hojt Paa Straa, Skraldhedevej 8, 6950 Ringkobing, Đan Mạch; Darcey Donovan, Thiết kế sinh thái, PE 59754, Hộp thư 1083, Truckee, CA 96160, Mỹ.

Zegarra, I. và A. Giesecke (1993) 'Tu sửa nơi ở xây bằng gạch hiện có để giảm bớt ảnh hưởng của động đất, trích trong *Thiên tai* (P. Merriman và C. Browitt biên tập), trang 358–364, Thomas Telford, Luân đôn.

Photo credit: Andy Catley/Feinstein International Centre

CHƯƠNG 9

Các tiêu chuẩn tối thiểu về hoạt động cung cấp vật nuôi

Cung cấp Vật nuôi ('tái lập đàn')

Tiêu chuẩn 1

Hoạt động đánh giá

Tiêu chuẩn 2

Xác định 'gói' chăn nuôi

Tiêu chuẩn 3

Cơ chế cho vay, thu mua, vận chuyển và phân phối vật nuôi

Tiêu chuẩn 4

Các hỗ trợ khác: Hướng dẫn; Thức ăn; Chăm sóc thú y

Giới thiệu

Liên hệ với các mục tiêu sinh kế của LEGS

Cung cấp vật nuôi gắn với mục tiêu sinh kế thứ ba của LEGS về việc tái tạo tài sản chủ yếu cho cộng đồng chịu tác động của thảm họa. Hoạt động này thường được tiến hành ngày sau khi thảm họa xảy ra hoặc trong giai đoạn phục hồi sau thảm họa.

Vai trò của hoạt động cung cấp vật nuôi

Khi thảm họa gây ra những tổn thất lớn cho vật nuôi, việc tái tạo tài sản vật nuôi trong giai đoạn sau thảm họa được coi là một biện pháp hữu hiệu giúp con người xây dựng lại tài sản kinh tế và giúp cung cấp các sản phẩm có nguồn gốc từ vật nuôi như trứng và sữa.

Tùy vào chiến lược và cơ hội sinh kế của người nhận hỗ trợ, hoạt động cung cấp vật nuôi có thể được tiến hành dưới dạng thức tái lập đàn mới có số lượng vật nuôi nhất định để thay thế tài sản vật nuôi đã mất, hoặc cung cấp một lượng vật nuôi nhỏ hơn thay cho những con đã mất nhằm cung cấp thực phẩm và tạo thu nhập, hoặc như một sáng kiến giúp tạo thu nhập hoặc cung cấp thức ăn để bổ sung cho các hoạt động mưu sinh khác của người dân.

Các hình thức cung cấp vật nuôi

Chương này sẽ trình bày hai hình thức cung cấp vập nuôi, đó là *tái lập đàn vật nuôi* (hay đôi khi còn gọi là 'phân phối lại vật nuôi') và *các cách thức cung cấp vật nuôi khác*. Chương này cũng bao gồm bốn tiêu chuẩn được áp dụng cho cả hai hình thức cứu trợ trên.

Tái lập đàn vật nuôi

Tái lập đàn là hình thức cung cấp vật nuôi nhằm mục tiêu thay thế cho tài sản vật nuôi đã bị mất cả đàn hoặc mất phần lớn. Đây là hình thức phù hợp nhất với các cộng đồng chăn thả phụ thuộc vào vật nuôi như một nguồn thức ăn, thu nhập và phúc lợi xã hội chủ yếu. Các cộng đồng chăn thả sống trải dài từ những vùng đất trũng bán khô cằn ở Châu Phi đến những vùng núi cao ở Tây Tạng. Một số cộng đồng chăn nuôi nhiều loại vật nuôi như cừu, dê, vật nuôi và lạc đà, trong khi các cộng đồng khác lại chỉ chuyên nuôi một loài duy nhất, ví dụ như chỉ chuyên chăn bò Tây Tạng hay tuần lộc.

Do sự phong phú đa dạng của các hình thức sinh kế, vấn đề quan trọng khi thiết kế và thực hiện các dự án tái lập đàn vật nuôi là phải phân tích cụ thể tình hình sinh kế địa phương chứ không phải là áp dụng các quy tắc chung chung. Trong các trường hợp cụ thể, cộng đồng người chăn thả là đối tượng xác định được một cách chính xác nhất số lượng cụ thể và

loại vật nuôi cần cho một 'cỡ đàn tối thiểu'. Thường người chăn nuôi có hiểu biết rất sâu sắc về vật nuôi bản địa, và chế độ 'phân phối lại' vật nuôi có thể đã có từ trước ở khu vực, mặc dù có thể hoạt động yếu kém hoặc thậm chí là không hoạt động. Do đó, việc hợp tác với người dân trong quá trình xây dựng và thực thi các dự án tái lập đàn vật nuôi là hết sức quan trọng, và các biện pháp cứu trợ từ bên ngoài cần gắn với các cơ chế và cách thức có sẵn ở mức tối đa có thể (xem Nghiên cứu 9.4 ở chương Nghiên cứu Tình huống). Ở các cộng đồng này, việc hỗ trợ hướng dẫn cách chăn nuôi cho người dân thường không cần thiết. Chi phí cho mỗi hộ gia đình để thực hiện những sáng kiến này có thể cao do phải cung cấp đủ số lượng vật nuôi để đạt được cỡ đàn tối thiểu trong một khoảng thời gian xác định.

Trong giai đoạn phục hồi sau thảm họa, tái lập đàn vật nuôi đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng lại sinh kế cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Tuy nhiên, cần hình thành được một kế hoạch lớn dài hơi giúp nâng cao khả năng của cộng đồng sống nhờ vào vật nuôi (cộng đồng chăn thả) để họ có thể chống chọi được với các thảm họa và thách thức trong tương lai, thậm chí có những thách thức thay đổi cả môi trường kinh tế chính trị cũng như nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực. Đặc biệt ở các khu vực sống chủ yếu bằng nghề chăn thả, tái lập đàn vật nuôi cần có mối liên hệ mật thiết với các dự án phát triển chăn thả lâu dài, ví dụ như các dự án nâng cao tiềm năng sản xuất theo định hướng thị trường, bao gồm cả việc tạo dựng các cơ hội thị trường cũng như nâng cao năng lực cho người chăn nuôi.

Các biện pháp cung cấp vật nuôi khác

Cung cấp vật nuôi là biện pháp cứu trợ tiềm năng cho những người mà việc nhận được vật nuôi sẽ giúp họ có được những hỗ trợ sinh kế hữu hiệu. Mặc dù những người này có thể nuôi một số lượng vật nuôi tương đối nhỏ (và có thể sống dựa chủ yếu vào nguồn thức ăn hay thu nhập ngoài vật nuôi), thì thức ăn và thu nhập từ vật nuôi vẫn là một nguồn bổ sung quan trọng đối với họ. Hơn nữa, ở không ít hộ gia đình, nguồn mưu sinh chính của họ là một con hay một vài con vật (ví dụ như con lừa hay con la) đóng vai trò trụ cột trong việc kinh doanh chuyên chở. Hoạt động cung cấp vật nuôi do đó sẽ phù hợp với cả việc thay thế cho những con đã bị mất hay tạo dựng một cách kiếm sống mới. Trong trường hợp thứ hai, thì người nhận vật nuôi có thể có rất ít kinh nghiệm về chăm sóc vật nuôi và do đó, họ có thể cần được tập huấn chăn nuôi.

Việc chăn nuôi, ngay cả khi ở một phạm vi nhỏ, vẫn là một cơ hội kiếm sống quan trọng đối với người nghèo và những người bị cách ly khỏi nhịp phát triển xã hội; ví dụ, khi xung đột làm giảm cơ hội tiếp cận đất trồng trọt hay đồng cỏ (xem ví dụ ở Phụ lục 9.3 về trại tị nạn cho những người tị nạn ngay trên quê hương mình – IDP); khi đất canh tác được chỉ giành ưu tiên cho những tầng lớp xã hội hay những nhóm người nhất định; khi nó là hình thức 'quỹ dự phòng hạn hán' (xem Nghiên cứu 9.2 ở chương Nghiên cứu Tình huống); hoặc khi

các cơ hội kiếm sống khác hạn chế trong khi tài nguyên thiên nhiên thì phong phú. Vật nuôi cũng có thể trợ giúp các công việc hàng ngày như cung cấp sức kéo hay vận chuyển; đồng thời, chúng cũng là nguồn hỗ trợ hữu hiệu cho các hoạt động nông nghiệp (như cày, đập lúa, bón phân…). Vì vậy, có thể nói việc cung cấp vật nuôi dù số lượng nhỏ vẫn đóng góp quan trọng cho việc mưu sinh của con người trong bối cảnh sau thảm họa hoặc sau chiến tranh nếu được lên kế hoạch một cách kỹ càng để bổ sung cho các hoạt động sinh kế khác xét về sức lao động, đầu tư, nuôi dưỡng và chăm sóc.

Mặc dù mang lại nhiều lợi ích, việc cung cấp vật nuôi ngay sau thảm họa hoặc trong giai đoạn phục hồi sau thảm họa rất phức tạp cả về phương pháp lẫn vận hành, và cũng rất tốn kém. Đây không phải là một hoạt động trung lập bởi nó có thể có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực với xã hội, môi trường và kinh tế. Rất nhiều khía cạnh của vấn đề cung cấp vật nuôi vẫn đang được tranh luận và liệu hoạt động này có bền vững lâu dài hay không đang còn là một câu hỏi mở do khả năng tái diễn của thảm họa, năng lực của người nhận vật nuôi cũng như khả năng kế hoạch không phù hợp. Ngoài sự đa dạng của các loài và giống vật nuôi, còn có sự khác biệt rất lớn trong cơ chế chăn nuôi, trong vấn đề sở hữu hay sử dụng vật nuôi tùy thuộc vào giới cũng như điều kiện kinh tế của người nhận, sự thích nghi của vật nuôi với môi trường sống, các dịch vụ hỗ trợ cũng như cơ sở cần thiết đảm bảo vật nuôi khỏe mạnh hoặc có thể bán vật nuôi và các sản phẩm từ vật nuôi. Vật nuôi cũng cần có thức ăn và nước uống và ở một số điều kiện môi trường thì vật nuôi còn cần có chuồng trại hay nơi ở. Tất cả các yếu tố trên cần được xem xét khi lập dự án cung cấp vật nuôi. Điều này đã khiến cho việc đánh giá và lập kế hoạch dự án phải được tiến hành khắt khe về chuyên môn, và nó thường đòi hỏi sự tham gia của cả các chuyên gia về vật nuôi và các nhà tư vấn xã hội.

Một trong các vấn đề được tranh cãi nhiều nhất trong hoạt động cung cấp vật nuôi là chi phí tương đối cao cho mỗi hộ gia đình, đặc biệt là khi cần cung cấp các hỗ trợ khác như chăm sóc thú y hay tập huấn chăn nuôi. Hiện nay, hình thức cung cấp tiền để mua vật nuôi đang được đề xuất thay thế cho việc cung cấp trực tiếp vật nuôi và đề xuất này phù hợp khi thị trường địa phương hoạt động và có khả năng cung ứng loại vật nuôi mà người dân muốn mua (xem Nghiên cứu 9.1 ở chương Nghiên cứu Tình huống về hình thức cung cấp phiếu mua vật nuôi sử dụng để tái lập đàn). Cần đánh giá các tác động cũng như phân tích chi phí – lợi ích của cả hai hình thức cung cấp vật nuôi và cung cấp tiền để có được những so sánh về ưu và nhược điểm của mỗi phương pháp.

Do tính phức tạp khi thiết kế và thực hiện chương trình cung cấp vật nuôi, các tổ chức nên xem xét kỹ lưỡng khả năng của mình trước khi tham gia vào hoạt động. Rất nhiều tổ chức đã phải tham khảo ý kiến của giới chuyên môn, và quá trình này bản thân nó cũng đã đòi hỏi nhiều thời gian và công sức. Cho tới nay, có thể nói các tổ chức từ thiện có kinh nghiệm làm việc lâu dài ở địa phương là đối tượng phù hợp nhất cho hoạt động cung cấp vật nuôi vì họ đã quen với cách thức chăn nuôi và hệ thống xã hội ở khu vực rồi.

Các ưu, nhược điểm của cả hai phương pháp cung cấp vật nuôi và bài học rút ra được tóm tắt ở Bảng 9.1.

Bảng 9.1 Ưu, nhược điểm của các hình thức cung cấp vật nuôi

Hình thức	Ưu điểm	Nhược điểm	Bài học
Tái lập đàn vật nuôi	• Thay thế cho một lượng lớn vật nuôi bị mất • Là hình thức cứu trợ lâu dài có tiềm năng tăng cường tài sản sinh kế cho tương lai và do đó giúp củng cố hoạt động mưu sinh của người nhận • Có khả năng xây dựng trên cơ chế tái lập đàn của người bản xứ	• Để đạt được cỡ đàn tối thiểu có thể trụ vững thì chi phí cho mỗi hộ chăn nuôi cao • Đòi hỏi khối lượng quản lý hậu cần đáng kể để có thể mua và phân phối loại và giống vật nuôi phù hợp	• Chỉ thích hợp với các cộng đồng sống nhờ vật nuôi • Người nhận hỗ trợ phải có đủ nguồn vốn (mối quan hệ xã hội, đồng cỏ, nước và kiến thức chuyên ngành...) mới có thể đảm trách được việc chăn nuôi • Cần có các dịch vụ hỗ trợ vật nuôi khác (như thú y, thức ăn, chuồng trại...) • Có thể cần các hình thức hỗ trợ sinh kế khác (như hỗ trợ thực phẩm) trong quá trình thực hiện • Cần tìm được nguồn vật nuôi thích hợp trong khoảng cách địa lý phù hợp

Các hình thức cung cấp vật nuôi khác	• Thay thế cho tài sản vật nuôi bị mất hoặc cung cấp tài sản mới nhằm mục đích:
	  ○ Bổ sung nguồn thực phẩm
	  ○ Tạo thu nhập (qua việc bán các sản phẩm từ vật nuôi, kinh doanh dịch vụ vận chuyển), cung cấp sức kéo hay đáp ứng nhu cầu đi lại
	• Có tiềm năng tạo cơ hội mưu sinh khi các cơ hội kiếm sống khác hạn chế do xung đột, khả năng bị tổn thương hoặc các rào cản khác.
		• Việc giới thiệu một loại vật nuôi hay vật nuôi mới đòi hỏi phải có sự hỗ trợ và tập huấn chăn nuôi cho người nhận
		• Chi phí của hình thức cứu trợ này có thể cao so với các hoạt động hộ trợ sinh kế khác
			• Có thể cần các hỗ trợ khác cho vật nuôi (như thú y, thức ăn, chuồng trại...)
			• Hướng dẫn chăm sóc quản lý vật nuôi đóng vai trò quan trọng đối với người mới chăn nuôi
			• Cần tìm được nguồn vật nuôi thích hợp trong khoảng cách địa lý phù hợp

Thời điểm cứu trợ

Hoạt động cung cấp vật nuôi (cả tái lập đàn và các hình thức cung cấp vật nuôi khác) thường được tiến hành vào giai đoạn phục hồi sau thảm họa (tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh và khởi phát chậm), vì nó đòi hỏi nhiều thời gian lập kế hoạch và thực thi nên không thể và không hợp lý nếu tiến hành khi tình trạng khẩn cấp đang diễn ra. Tái lập đàn vật nuôi cũng đòi hỏi các phương tiện hỗ trợ (như thức ăn, nước uống, chuồng trại) mà có thể đã bị phá hủy trong thảm họa. Hơn nữa, con người cũng có thể chưa đủ khả năng để chăm sóc ngay cho vật nuôi nhận thêm hay vật nuôi thay thế. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp thảm họa bất ngờ ập đến và phần lớn tài nguyên cần thiết cho vật nuôi chưa bị phá hủy và số lượng vật nuôi cung cấp tương đối ít, thì có thể tiến hành việc cung cấp vật nuôi trong giai đoạn phục hồi sớm sau thảm họa (xem Bảng 9.2).

Bảng 9.2 Thời điểm thích hợp để cung cấp vật nuôi

Hình thức cung cấp vật nuôi	Khởi phát nhanh			Khởi phát chậm			
	Ngay sau thảm họa	Khôi phục sớm	Phục hồi	Cảnh báo	Báo động	Khẩn cấp	Phục hồi
Tái lập đàn			→				→
Hình thức cung cấp vật nuôi khác		→	→				→

Việc cung cấp vật nuôi nên được hợp thành một bộ phận của kế hoạch phát triển dài hạn nhằm hỗ trợ sinh kế cho người dân ở mức cao nhất có thể.

Liên hệ với các chương khác

Cứu trợ sau thảm họa bằng hình thức cung cấp vật nuôi đòi hỏi phải có sự kết hợp với các hoạt động hỗ trợ vật nuôi khác. Ở các mức độ khác nhau, vật nuôi cần thức ăn, nước uống, nơi ở và chăm sóc thú y. Do đó, phải thảm khảo các tiêu chuẩn cho các hoạt động cứu trợ khác trong cuốn sách này (xem Chương 5, 6, 7 và 8). Cần đặc biệt lưu ý đến chi phí chăm sóc thú y mà người nhận vật nuôi có thể phải trả, đặc biệt là khi khuyến khích hệ thống thú y tư nhân.

Khi được nhận vật nuôi, người nhận thường cần các hỗ trợ khác để đáp ứng được nhu cầu cơ bản của vật nuôi. Đối với việc tái lập đàn cho người chăn thả, có thể phải mất hàng tháng, thậm chí hàng năm thì đàn vật nuôi mới có thể phát triển tới mức tồn tại được độc lập mà không cần sự hỗ trợ bên ngoài (xem Tiêu chuẩn 4 dưới đây). Do đó, việc cung cấp đàn vật nuôi cần được lồng ghép với các hỗ trợ khác ngoài vật nuôi. Nên tham khảo Tiêu chuẩn

Tối thiểu về An ninh Lương thực, Dinh dưỡng và Hỗ trợ Thực phẩm, Chuồng trại và các Vật dụng Ngoài thực phẩm trong cuốn Sổ tay Sphere (2004).

Khả năng bị tổn thương và năng lực của cộng động chịu ảnh hưởng của thảm họa

Việc cung cấp vật nuôi đặt ra các thách thức đặc biệt liên quan đến khả năng bị tổn thương và năng lực của cộng đồng. Cần tính đến vai trò và nhu cầu của các cá nhân và hộ chăn nuôi bị thiệt hại, đặc biệt là vai trò **giới** trong việc chăm sóc và quản lý vật nuôi. Ở một số cộng đồng, phụ nữ không có quyền sở hữu chính thức vật nuôi, tuy nhiên, họ lại đóng vai trò chủ yếu trong việc chăm sóc vật nuôi, đặc biệt là vật nuôi nhỏ. Vì vậy, hoạt động cung cấp vật nuôi nên được xây dựng dựa trên vai trò và kiến thức bản địa, đồng thời cũng phải tính đến gánh nặng công việc mà việc cung cấp vật nuôi có thể gây ra. Cần lưu ý đến các quy tắc đã có ở khu vực liên quan đến lợi ích từ vật nuôi, như sản phẩm từ vật nuôi, thịt và thu nhập từ việc bán vật nuôi để đảm bảo người nhận vật nuôi sẽ được hưởng lợi ở mức độ cao nhất có thể. Ví dụ, trẻ em thường tham gia vào hoạt động chăn giữ vật nuôi và đưa chúng đến các điểm uống nước và do đó, sữa vật nuôi uống lúc đói hay khát có thể là nguồn thức ăn quan trọng cho trẻ khi làm việc. Tuy nhiên, việc chăn nuôi có thể cản trở việc học hành của trẻ. Cần liên kết với các chương trình giáo dục để đảm bảo trẻ em vừa có thể chăn giữ vật nuôi vừa có thể đến trường khi cần thiết.

Vấn đề xác định đối tượng hưởng lợi từ hoạt động tái lập đàn vật nuôi: Ở các cộng đồng chăn thả, việc cung cấp vật nuôi nhằm mục đích khuyến khích người chăn nuôi quay trở lại với hoạt động kiếm sống từ vật nuôi. Trong bối cảnh đó, đối tượng của hoạt động tái lập đàn không nhất thiết là những hộ bị tổn thương hay thiếu thốn nhất, mà là những hộ trước đây đã từng chăn nuôi, mong muốn trở lại kiếm sống từ hoạt động này và những hộ có kiến thức và kỹ năng chăn nuôi. Vấn đề xác định đối tượng nhận trợ giúp đã đặt ra hai câu hỏi chính. Thứ nhất, đối với một chương trình cứu trợ vì mục đích nhân đạo, liệu có hợp lý không khi đối tượng hưởng lợi không phải là các hộ bị thiệt hại nhiều nhất? Hai là, hình thức trợ giúp nào là thích hợp nhất đối với các hộ bị tổn thất nhiều nhất trong thảm họa? Hiện nay các vấn đề này vẫn đang được tranh luận, và trên thực tế, câu trả lời tùy thuộc vào việc thảo luận với cộng đồng liên quan.

Vấn đề xác định đối tượng hưởng lợi từ hoạt động cung cấp vật nuôi bổ sung: Đối với những người phụ thuộc ít hơn vào vật nuôi, một mục đích của hoạt động đánh giá sinh kế ban đầu là xác định mô hình sở hữu vật nuôi theo điều kiện kinh tế và giới, trên cơ sở đó để lập kế hoạch hỗ trợ. Quy tắc nói chung là nam giới và những người giàu thường sở hữu và chăn nuôi những con vật kích thước lớn như vật nuôi hay lạc đà, trong khi đó, phụ nữ và người nghèo thường chăn nuôi gia cầm, dê và cừu. Theo đó, việc cung cấp những con vật nuôi nhỏ hơn thường sẽ hướng tới hỗ trợ đối tượng nghèo và bị thiệt hại nhiều hơn.

Vật nuôi có thể truyền bệnh sang con người, và nguy cơ lây nhiễm bệnh sẽ tăng cao nếu như vật nuôi và người sống gần nhau, ví như ở đô thị hoặc khu vực ven đô, hoặc ở các trại tị nạn (IDP) (xem Phụ lục 9.3). Những người sống chung với **HIV/AIDS** sẽ có nguy cơ lây nhiễm bệnh từ vật nuôi cao và các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS thường cũng không có đủ nhân lực để chăm sóc vật nuôi. Tuy nhiên, các sản phẩm từ vật nuôi (như đã được nhắc đến trong sách này), đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp dưỡng chất cho những người sống chung với HIV/AIDS.

Vấn đề an ninh có thể ảnh hưởng tới hoạt động cứu trợ thông qua hình thức cung cấp vật nuôi. Ở các khu vực an ninh kém, vật nuôi thường được coi là tài sản quý đối với dân quân có vũ trang, cảnh sát, lực lượng an ninh và tội phạm. Những nhóm người có vũ trang và chính phủ đôi khi coi việc cướp vật nuôi là một chiến lược khủng bố cộng đồng. Do đó, trong một số trường hợp, việc cung cấp vật nuôi sẽ khiến cộng đồng người nhận tăng nguy cơ bị bạo lực. Cung cấp lượng lớn vật nuôi ở các khu vực ít tài nguyên thiên nhiên cũng gây nguy cơ tiềm tàng về khả năng xung đột giữa nông dân và chủ vật nuôi, cũng như giữa các chủ vật nuôi với nhau. Các tổ chức hoạt động ở khu vực có xung đột cũng cần đảm bảo vật nuôi bán trên thị trường không phải là đồ bị đánh cắp.

Những bài học về **môi trường** cũng cần được cân nhắc kỹ càng. Việc cung cấp lượng lớn vật nuôi ở khu vực trước nay chưa từng chăn nuôi có thể góp phần gây ra hiện tượng suy thoái môi trường. Tuy nhiên, thông thường việc tái lập đàn vật nuôi được tiến hành ở các môi trường không thuận lợi và cộng đồng chăn nuôi phải có cơ chế riêng để có thể chăn nuôi được trên những khu vực khó khăn này. Đồng thời, hoạt động tái lập đàn cũng phải đảm bảo vật nuôi được cung cấp đủ số lượng để gia đình có thể tồn tại độc lập nhờ vật nuôi và phải cân đối với điều kiện tự nhiên của khu vực. Hoạt động tái lập đàn cũng cần đảm bảo có đủ nguồn nước để chăn nuôi.

Cộng đồng chịu ảnh hưởng của thảm họa cũng có **năng lực** riêng để đương đầu với những tình trạng khẩn cấp. Đối với hoạt động cung cấp vật nuôi, rất nhiều cộng đồng chăn nuôi đã tự phát triển được cơ chế tái lập đàn bản địa. Theo cơ chế này, các hộ gia đình bị thiệt hại trong thảm họa hoặc các hộ nghèo sẽ được tặng hoặc cho vay vật nuôi, và sau đó họ thường chuyển lại vật nuôi được cho lúc đầu hoặc con con cho các hộ gia đình nghèo tiếp sau. Những cơ chế đó có thể là nền tảng của hoạt động cung cấp vật nuôi; các kiến thức và cơ chế cung cấp vật nuôi địa phương giúp tăng cường tính bền vững của các chương trình hỗ trợ (xem Nghiên cứu 9.2 trong chương Nghiên cứu Tình huống).

Các tiêu chuẩn tối thiểu

Trước khi tiến hành hoạt động cung cấp vật nuôi, các tổ chức thực hiện cần xem xét kỹ lưỡng tính khả thi cũng như sự phù hợp của hoạt động cứu trợ này (như được nhấn mạnh ở Hình 9.1 – trang tiếp sau), đồng thời cũng phải tính đến các ảnh hưởng tiềm tàng của hoạt động.

Tiêu chuẩn 1 về cung cấp vật nuôi: Hoạt động đánh giá
Cần tiến hành phân tích để đánh giá vai trò hiện tại và tương lai của vật nuôi với sinh kế và những ảnh hưởng tiềm tàng của hoạt động cung cấp vật nuôi với kinh tế, xã hội và môi trường.

Các tiêu chí chính

- Phân tích vai trò sinh kế của vật nuôi trước thảm họa (xem chú thích 1).
- Đánh giá cơ chế 'phân phối lại' vật nuôi của cộng đồng ở địa phương (xem chú thích 2).
- Cân nhắc tài sản vật chất, xã hội và nguồn vốn tự nhiên của đối tượng để đánh giá liệu họ có phù hợp hưởng trợ giúp hay không (xem chú thích 3).
- Đánh giá hiệu quả kinh tế của hoạt động cung cấp vật nuôi so với các hình thức cứu trợ khác, cũng như các ràng buộc của hợp đồng (xem chú thích 4).
- Đánh giá những tác động có thể của việc mua vật nuôi với số lượng lớn lên thị trường vật nuôi khu vực (xem chú thích 5).
- Đánh giá mức chuẩn của địa phương về cỡ đàn tối thiểu có thể trụ vững được (xem chú thích 6).
- Đánh giá các tác động lên môi trường của hoạt động cung cấp vật nuôi (xem chú thích 7).
- Đánh giá các nguy cơ tiềm tàng lên điều kiện sống của vật nuôi được cung cấp (xem chú thích 8).
- Đánh giá nguy cơ bùng phát dịch bệnh từ vật nuôi (xem chú thích 9).
- Đánh giá các bài học an ninh cho hoạt động cung cấp vật nuôi và chỉ tiến hành cung cấp vật nuôi khi đảm bảo được an ninh cho vật nuôi và người nhận vật nuôi ((xem chú thích 10).

Chú thích

1. **Phân tích sinh kế**: việc cung cấp vật nuôi phải được tiến hành dựa trên nhận thức sâu sắc về vai trò hiện tại của vật nuôi với sinh kế của đối tượng hưởng lợi. Nếu như chăn nuôi chưa nằm trong chiến lược sinh kế của người dân được hưởng lợi, thì cần xem xét kỹ lưỡng các bài học về việc giới thiệu vật nuôi trước khi tiến hành hoạt động cung cấp vật nuôi (xem chú thích 3 – 9).

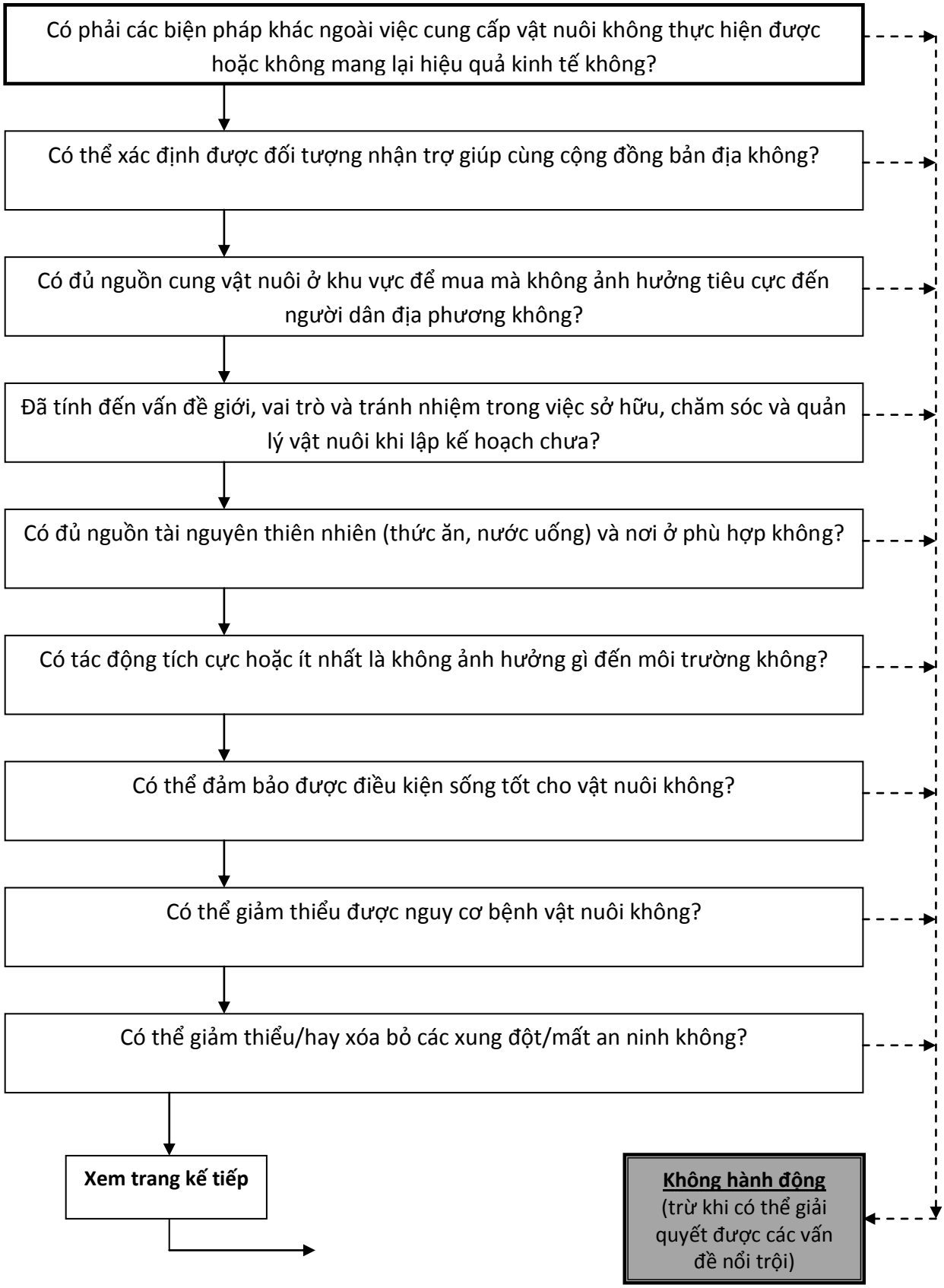

Chú thích: ⟶ = 'có' - - ▸ = 'không'

Chú ý: Kết quả 'Không hành đông (trừ khi có thể giải quyết được các vấn đề nổi trội)' nên được hiểu một cách đơn giản là cần đào tạo thêm và nâng cao năng lực để có thể trả lời 'Có' cho các câu hỏi chủ yếu, chứ không phải là không thực hiện biện pháp cứu trợ nào.

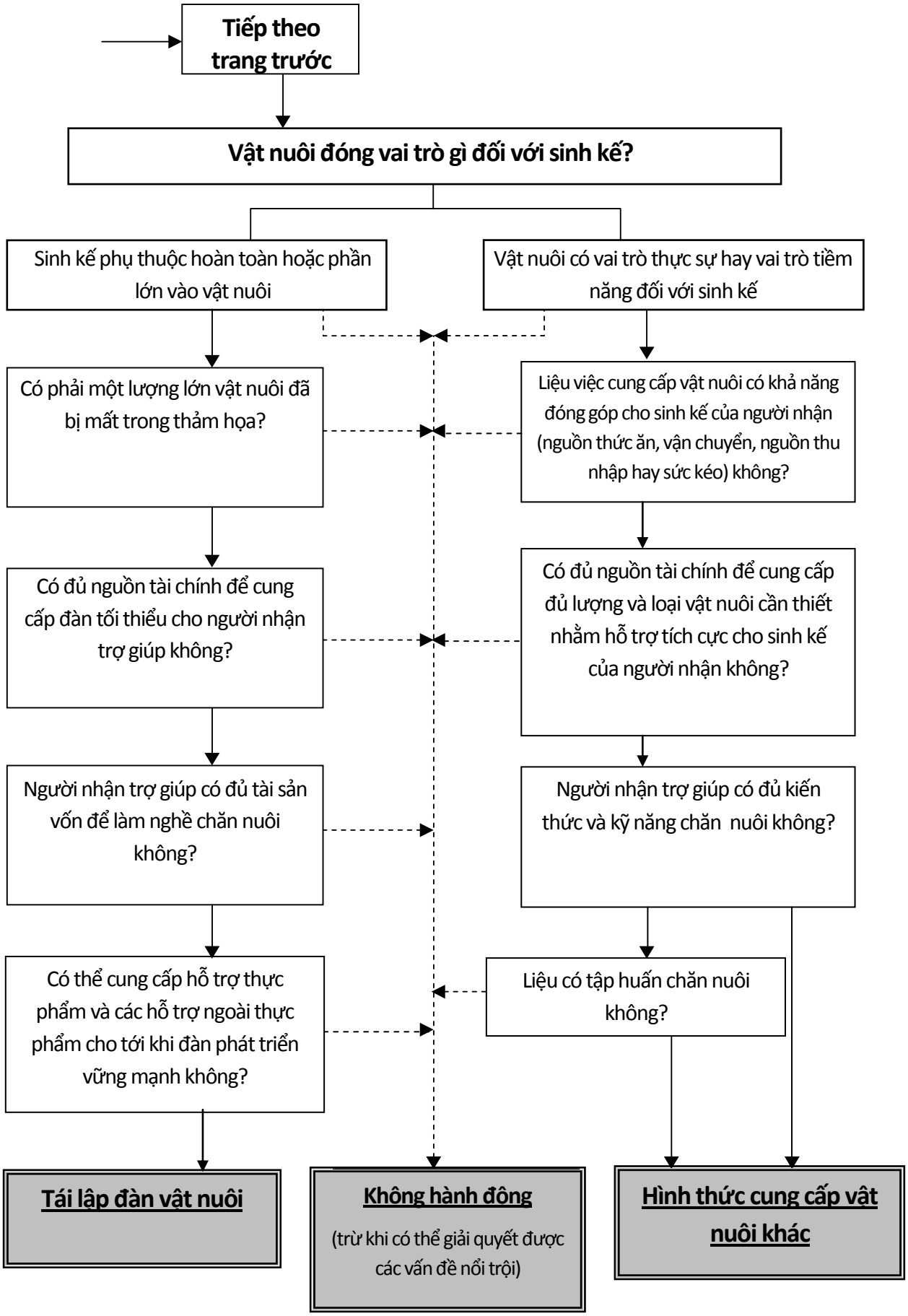

Hình 9.1: Sơ đồ hình cây về quá trình quyết định hình thức cung cấp vật nuôi

2. **Cơ chế phân phối lại vật nuôi bản địa**: Rất nhiều cộng đồng chăn nuôi đã có sẵn cơ chế phân phối lại vật nuôi bản địa, ví dụ như chế độ hỗ trợ xã hội dựa trên hình thức cho vay hay tặng vật nuôi cho những hộ gia đình nghèo hoặc những hộ bị tổn thất nhiều hơn. Nếu phù hợp, hoạt động cứu trợ bằng hình thức cung cấp vật nuôi nên được xây dựng dựa trên cơ chế này nhằm thúc đẩy sự tự quản lý và tự chủ của cộng đồng, qua đó tăng cường tính bền vững của hoạt động.
3. **Tài sản vốn**: Một vấn đề cấp thiết là các hộ gia đình hưởng trợ giúp cần có đủ tài sản sinh kế để có thể quản lý và chăm sóc cho vật nuôi mà họ nhận được. Tài sản này bao gồm có nhân công, kỹ năng và mạng lưới xã hội (đặc biệt quan trọng đối với các cộng đồng chăn thả nơi các mối quan hệ xã hội là một trong những yếu tố quyết định sự thành bại của hoạt động chăn nuôi) và khả năng tiếp cận với các tài nguyên thiên nhiên như đồng cỏ, thức ăn và nước uống (xem Nghiên cứu 9.6 ở chương Nghiên cứu Tình huống). Càng ngày người ta càng nhận thức sâu sắc rằng việc tái lập đàn vật nuôi cho cộng đồng chăn thả hoặc đã từng sống bằng nghề chăn thả chỉ có thể thành công khi họ còn giữ được các nguồn tài nguyên này cho dù đã bị mất hết vật nuôi và người ta cũng thừa nhận rằng việc cung cấp vật nuôi trong tình cảnh thiếu thốn tài nguyên lâu dài thường khó có thể thành công. Nhóm người nhận trợ giúp phù hợp nhất nên do cộng đồng địa phương xác định bởi họ có thể đánh giá được chính xác nhất tài sản và tiềm năng của người nhận.
4. **Hiệu quả kinh tế**: Do chi phí của hoạt động cung cấp vật nuôi (cả về phương diện tài chính lẫn điều hành) thường rất cao, chỉ nên tính đến hình thức cứu trợ này khi các biện pháp phòng tránh mất mát tài sản vật nuôi khác (ví dụ như bổ sung thực phẩm, cung cấp nước, cung cấp chăm sóc thú y – xem Chương 6,7 và 5) đã thất bại. Hiệu quả kinh tế của hoạt động cung cấp vật nuôi sau thảm họa cũng nên được so sánh đối chiếu với các biện pháp phục hồi khác, đặc biệt là ở những cộng đồng mà vật nuôi không phải là tài sản sinh kế chủ yếu. Ví dụ, các hình thức hỗ trợ sinh kế khác như hỗ trợ thức ăn, tiền hay hạt giống có thể sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn sau thảm họa. Bất cứ sự ràng buộc chính sách nào, cho dù là ràng buộc bên ngoài (liên quan đến việc mua hay vận chuyển vật nuôi) hay ràng buộc bên trong (như hướng dẫn mua vật nuôi của tổ chức) cũng cần được đánh giá và nêu rõ trong kế hoạch thực thi, bao gồm cả hoạt động hỗ trợ nếu phù hợp.
5. **Ảnh hưởng lên thị trường địa phương:** Việc mua một lượng lớn vật nuôi ở các chợ địa phương có thể có ảnh hưởng lớn lên giá cả, đặc biệt là sau thảm họa vì lượng vật nuôi sinh sản có trên thì trường có thể rất ít. Điều này có thể tác động tiêu cực lên những chủ vật nuôi nghèo khó hơn đang cố gắng xây dựng lại tài sản của mình sau thảm họa.

6. **Cỡ đàn có thể trụ vững được**: Ở những cộng đồng vật nuôi đóng vai trò là tài sản sinh kế chủ yếu, cộng đồng dân cư có thể gợi ý cỡ đàn tối ưu có thể trụ vững được cho hoạt động tái lập đàn vật nuôi, dựa trên kiến thức của họ về loại vật nuôi phù hợp và năng suất của chúng trong mối tương quan với số nhân khẩu trong gia đình và sự sẵn có của tài nguyên thiên nhiên như đồng cỏ/ thức ăn và nước. Ngay cả ở những cộng đồng hoạt động chăn nuôi không phát triển rộng rãi bằng, thì cũng cần xem xét các đánh giá của cộng đồng về loài và số lượng vật nuôi phù hợp cũng như sự sẵn có của thức ăn (xem Phụ lục 9.4).
7. **Tác động đến môi trường**: Trên cơ sở cỡ đàn có thể trụ vững được (xem chú thích 6), cũng cần tiến hành đánh giá ảnh hưởng đối với môi trường của hoạt động cung cấp vật nuôi (xem thảo luận về các vấn đề môi trường xuyên suốt ở Chương 1). Cũng cần lưu ý rằng việc mua vật nuôi bản địa sẽ không làm tăng áp lực lên môi trường, bởi nó dựa trên nền tảng lưu thông vật nuôi trong cùng khu vực đó.
8. **Điều kiện sống của vật nuôi**: Không nên tiến hành hoạt động cung cấp vật nuôi nếu không thể đảm bảo điều kiện sống và sức khỏe tốt cho vật nuôi – ví dụ khi thảm họa xảy ra ở các khu vực đất khô cằn, có thể sẽ không có đủ thức ăn cho vật nuôi, tương tự như thế, sau thảm họa ở khu vực hàn đới, nếu như không có chỗ ở phù hợp cho vật nuôi, thì chúng sẽ phải chịu rét hoặc thậm chí chết rét.
9. **Nguy cơ bệnh dịch vật nuôi**: Một số bệnh từ vật nuôi có nguy cơ lây lan rất cao và gây ra những hậu quả nghiêm trọng về xã hội và kinh tế, cộng với nguy cơ mất vật nuôi. Nếu việc mua vật nuôi từ các vùng biên giới không đảm bảo được các biện pháp kiểm soát bệnh dịch thì không nên tiến hành việc cung cấp vật nuôi.
10. **Đánh giá an ninh**: Nên tiến hành đánh giá một cách chi tiết vấn đề an ninh của hoạt động cung cấp vật nuôi trước khi xúc tiến hình thức cứu trợ này. Cần xem xét liệu các hộ gia đình nhận vật nuôi có trở thành mục tiêu của nạn trộm cắp hay bạo lực hay không, và liệu có nguy cơ xảy ra tranh chấp các tài nguyên thiên nhiên giữa cộng đồng trồng trọt và cộng đồng chăn nuôi, hoặc ngay trong bản thân cộng đồng chăn nuôi hay không. Không nên tiến hành cung cấp vật nuôi nếu như nó làm tăng nguy cơ gây tổn thương cho các hộ gia đình nhận vật nuôi, tăng nguy cơ bạo lực và mất an ninh cho cộng đồng.

Tiêu chuẩn 2 về cung cấp vật nuôi: Xác định 'gói' chăn nuôi

Cần cung cấp cho người chăn nuôi loại vật nuôi phù hợp với số lượng đủ thông qua một cơ chế thích hợp nhằm mang lại những lợi ích bền vững lâu dài cho cộng đồng người được hưởng trợ giúp.

Các tiêu chí chính

- Khi thiết kế chương trình cứu trợ bằng hình thức cung cấp vật nuôi cần tính đến cơ chế cung cấp vật nuôi bản địa (xem chú thích 1).
- Việc lựa chọn người hưởng trợ giúp phải dựa trên sự tham gia đóng góp của người dân và tập quán địa phương (xem chú thích 2).
- Loại và số lượng vật nuôi cung cấp phải phù hợp để có thể hỗ trợ sinh kế cho người nhận. Vật nuôi cung cấp phải có năng suất, khỏe mạnh và thích ứng tốt với điều kiện địa phương (xem chú thích 3).
- Vật nuôi phải được phân phối ở thời điểm thích hợp (xem chú thích 4).

Chú thích

1. **Cơ chế cung cấp vật nuôi bản địa**: Cơ chế cung cấp vật nuôi bản địa thường phát triển rất vững chắc và hợp lý. Cơ chế này bao gồm việc cung cấp những loại vật nuôi nhất định tới những nhóm đối tượng người nhận nhất định, và được thực hiện dựa trên kinh nghiệm thực tiễn ở địa phương thu được qua hàng thập kỷ về việc tái lập đàn trong những điều kiện môi trường khó khăn. Do đó, các dự án cứu trợ thông qua hình thức cung cấp vật nuôi nên bổ sung cho cơ chế phân phối lại vật nuôi ở địa phương nếu có và phù hợp để đáp ứng nhu cầu của người hưởng trợ giúp.
2. **Việc chọn lựa đối tượng hưởng trợ giúp**: Cách thức xác định người nhận trợ giúp nên được phát triển từ phương pháp xác định người nhận vật nuôi bản địa qua việc xếp loại điều kiện kinh tế, có cân nhắc đến tài sản vốn tối thiểu cần có để có thể chăn nuôi thành công trong những hoàn cảnh cụ thể (xem Tiêu chuẩn 1, chú thích 3 ở trên). Như đã được lưu ý, những thành viên nghèo đói nhất trong cộng đồng, mặc dù có thể là đối tượng đáng được trợ giúp nhất, chưa chắc đã là đối tượng phù hợp nhất để nhận vật nuôi nếu như họ thiếu phương tiện cần thiết để chăn nuôi trong tương lai. Ngay cả ở những cộng đồng mà hoạt động chăn nuôi không phát triển rộng rãi, sự tham gia của cộng đồng trong việc xác định các tiêu chí hưởng trợ giúp và người nhận thích hợp, sẽ giúp xác định đối tượng một cách chính xác và hỗ trợ một quy trình công khai, tránh sự bất mãn của người dân.
3. **Loại vật nuôi cung cấp**: Việc lựa chọn loại vật nuôi cung cấp bao gồm lựa chọn loại, giống, độ tuổi, mục đích sử dụng và giới. Nên dùng những con giống địa phương ít tuổi cho năng suất cao vì những con này thích nghi tốt với điều kiện địa phương, cả về môi trường lẫn bệnh dịch. Hơn nữa, cộng đồng người chăn nuôi đã có sẵn kinh nghiệm chăm sóc và quản lý giống địa phương rồi, và loại giống này thường sẵn có và giá thành rẻ hơn là giống cải tiến hay giống nhập. Đối với hoạt đông tái lập đàn vật nuôi, cần xác định gói chăn nuôi dựa trên việc phân tích cỡ đàn tối thiểu có thể trụ

vững được và kết cấu của nó (xem Tiêu chuẩn 1, chú thích 6 ở trên) có tính đến lượng nhân khẩu, chi phí duy trì đàn và nhu cầu về vật nuôi của hộ chăn nuôi (ví dụ như vật nuôi lấy sữa như dê hay gia súc; vật nuôi cho sức kéo hay thồ như lừa hay lạc đà). Số lượng tối thiểu xác định dựa trên vai trò của vật nuôi đối với sinh kế và những đóng góp dự tính của vật nuôi đối với kinh tế gia đình. Các hộ chăn nuôi nên được tùy ý lựa chọn loại vật nuôi mình muốn ở mức độ cao nhất có thể, dựa trên một cách thức công khai và rõ ràng. Việc cung cấp đàn tối thiểu có thể có chi phí rất cao (đặc biệt là ở các cộng đồng sống nhờ vào vật nuôi); tuy nhiên, nếu không cung cấp đủ số lượng cần thiết thì các hộ sẽ cần hỗ trợ thực phẩm thêm cho đến khi đàn đạt đến cỡ tối thiểu, mà việc này có khi phải mất vài năm.

4. **Thời điểm phân phối vật nuôi**: Có thể sử dụng kiến thức địa phương để lên kế hoạch cho việc phân phối vật nuôi sao cho trùng khớp với thời điểm thức ăn (đồng cỏ, cỏ khô, rơm rạ…) và nước uống sẵn có nhất, qua đó có thể tăng tối đa năng suất và giảm thiểu tác động với môi trường. Thời điểm phân phối vật nuôi cũng nên tính đến điều kiện thời tiết, chu kỳ sinh sản của vật nuôi và thời gian hoành hành của bệnh dịch.

Tiêu chuẩn 3 về cung cấp vật nuôi: Cơ chế cho vay, thu mua, vận chuyển và phân phối vật nuôi

Cơ chế cho vay, thu mua, vận chuyển và phân phối vật nuôi cần hiệu quả, mang lại hiệu quả kinh tế, giúp nâng cao chất lượng cho hoạt động cung cấp vật nuôi

Các tiêu chí chính

- Mua vật nuôi bản địa nếu có thể (xem chú thích 1).
- Việc thu mua vật nuôi tiến hành theo các tiêu chí thỏa thuận và phù hợp với các thủ tục thu mua pháp lý (xem chú thích 2).
- Tiến hành kiểm tra thú y ở thời điểm mua (xem chú thích 3).
- Chỉ cung cấp vật nuôi theo cơ chế cho vay nếu như việc này giúp tăng cường sự ràng buộc của người tham gia, đồng thời không đe dọa tới năng suất vật nuôi cung cấp và khả năng đáp ứng các nhu cầu cơ bản của hộ gia đình. Trong tất cả các trường hợp khác, vật nuôi được cung cấp cho người chăn nuôi dưới hình thức quà tặng (xem chú thích 4).
- Lập kế hoach vận chuyển từ trước để giảm thiểu tối đa nguy cơ mất vật nuôi trong quá trình vận chuyển trên cơ sở đảm bảo tốt điều kiện sống cho vật nuôi (xem chú thích 5).

Chú thích

1. **Thu mua vật nuôi địa phương**: Việc thu mua vật nuôi địa phương sẽ kích thích thị trường địa phương và giúp phòng tránh các vấn đề hậu cần, sức khỏe, môi trường và tài chính do việc vận chuyển vật nuôi từ nơi khác đến mang lại. Đặc biệt nên tránh mua vật nuôi từ nước ngoài. Việc mua vật nuôi nên có sự tham gia trực tiếp của người nhận hay đại diện của họ, vì họ là người biết rõ nhất loại vật nuôi nào phù hợp với điều kiện địa phương. Đối với một cộng đồng nhất định, người nhận vật nuôi có thể chỉ định các chuyên gia, người buôn vật nuôi hay những người có kinh nghiệm ở địa phương làm đại diện lựa chọn vật nuôi cho họ. Chợ phiên là một hình thức cung cấp cho phép người nhận được tự ý lựa chọn vật nuôi (xem Phụ lục 9.5). Tuy nhiên, sau thảm họa thường khó có thể tìm đủ vật nuôi giống cái tại địa phương, đặc biệt là cho các dự án quy mô lớn cần một lượng lớn vật nuôi.
2. **Thủ tục thu mua**: Cần xác định các nguyên tắc liên quan đến việc mua vật nuôi (như thuế quan, kiểm dich, các vấn đề hải quan…). Yêu cầu kiểm dịch vật nuôi có thể có ảnh hưởng lớn đến việc thực thi dự án bới nó đòi hỏi nhiều thời gian, nguồn lực, hoạt động hậu cần và xử lý trước khi phân phối vật nuôi cho người chăn nuôi. Cần quyết định nguồn gốc, loài, giới tính và tuổi của vật nuôi trước khi kí kết hợp đồng với người chăn nuôi để đảm bảo đáp ứng được các tiêu chí đã thông qua. Các chuyên gia và đại diện cộng đồng cần kiểm tra chất lượng vật nuôi trước khi phân phối. Trong hoàn cảnh khu vực có xung đột hay khu vực an ninh kém hay xảy ra nạn cướp bóc, thì các tổ chức cần cảnh giác để tránh mua phải vật nuôi bị ăn cướp.
3. **Kiểm tra thú y**: Ở thời điểm mua, cần có bác sỹ thú y hay y sỹ thú y để kiểm tra sức khỏe vật nuôi xem có dấu hiệu bệnh tật hay dấu hiệu năng suất thấp không. Người kiểm tra thú y có thể là một bác sỹ thú y tư nhân ở địa phương (ký hợp đồng với dự án) hay một cán bộ nhà nước.
4. **Cơ chế cho vay không đe dọa đến năng suất vật nuôi**: Cần quyết định hoạt động cung cấp vật nuôi được tiến hành dựa trên cơ chế cho vay hay tặng, và nếu là cho vay, thì hình thức hoàn lại là gì, trong giai đoạn thiết kế dự án với sự tham khảo ý kiến của cộng đồng trên cơ sở hiểu biết và cam kết thực hiện của tất cả các hộ tham gia. Nếu như vật nuôi được cung cấp dưới cơ chế cho vay, thì hình thức hoàn lại có thể bằng tiền hoặc bằng con con. Trả nợ bằng tiền đòi hỏi người chăn nuôi phải tham gia vào kinh tế thị trường và trong nhiều trường hợp, hình thức trả nợ bằng con con phù hợp hơn, tốt nhất là dựa trên cơ chế cho vay và hoàn lại địa phương. Tuy nhiên, cũng nên cẩn trọng để đảm bảo các thỏa thuận hoàn nợ (như loại và tình trạng vật nuôi, thời điểm trả nợ…) sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng hoạt động hỗ trợ sinh kế tới các hộ qua việc cung cấp vật nuôi ban đầu. Nhóm được trợ giúp thứ

cấp cũng cần được lựa chọn cùng thời điểm với các hộ được trợ giúp ban đầu và hình thức hoàn lại cần được giám sát chặt chẽ.

5. **Lập kế hoạch vận chuyển**: Lộ trình, thời gian, điều kiện thời tiết phù hợp, khoảng cách, giờ khai mạc tục lệ, điểm xuất phát và kết thúc cần được lập kế hoạch trước; đồng thời, cần chuẩn bị trước các vật dụng cần thiết để cho vật nuôi ăn, uống và thậm chí để vắt sữa nếu cần. Điều kiện và độ dài của hành trình cần đảm bảo được sự thoải mái cho vật nuôi, tránh tình trạng vật nuôi bị chất quá nhiều hay ngột ngạt trên phương tiện. Vật nuôi cần được đảm bảo đủ chỗ để có thể đứng và nằm ở tư thế bình thường; đồng thời, cũng cần đảm bảo vật nuôi được xếp không quá lỏng để tránh cho vật nuôi khỏi bị ngã lúc di chuyển. Phương tiện vận chuyển phải được tiệt trùng trước và sau khi chất vật nuôi lên và phải đảm bảo độ thông thoáng. Nơi tiếp nhận vật nuôi cũng phải chuẩn bị sẵn sàng nước uống, thức ăn, rào chắn và chuồng trại nếu cần.

Tiêu chuẩn 4 về cung cấp vật nuôi: Các hỗ trợ khác

Cần cung cấp các hỗ trợ khác (như chăm sóc thú y, tập huấn chăn nuôi, thực phẩm) cho người nhận vật nuôi để có thể đảm bảo được những tác động tích cực lên sinh kế.

Các tiêu chí chính

- Cần chăm sóc thú y phòng bệnh cho vật nuôi trước khi phân phối cho người chăn nuôi (xem chú thích 1).
- Cần thiết lập một hệ thống chăm sóc thú y liên tục cho cả cộng đồng (xem chú thích 2).
- Cần tập huấn và nâng cao năng lực cho người chăn nuôi trên cơ sở phân tích kỹ năng và kiến chức chăn nuôi của họ (xem chú thích 3).
- Tập huấn và nâng cao năng lực gồm cả việc chuẩn bị sẵn sàng cho những cú sốc và thảm họa có thể xảy ra trong tương lai (xem chú thích 4).
- Xác định và đáp ứng nhu cầu an ninh lương thực theo Tiêu chuẩn Tối thiểu về An ninh Lương thực, Dinh dưỡng và Trợ giúp Thực phẩm (Sổ tay Sphere) để tránh tình trạng giảm đàn vật nuôi sớm (xem chú thích 5).
- Xác định và đáp ứng nhu cầu chuồng trại, nơi ở và các nhu cầu ngoài thực phẩm khác theo Tiêu chuẩn Tối thiểu về Nơi ở Tạm, Nơi ở Cố định và các Vật dụng ngoài Thực phẩm (Sổ tay Sphere) (xem chú thích 6).
- Chỉ ngừng hỗ trợ an ninh lương thực khi đạt được cỡ đàn ổn định và/hoặc khi có sự xuất hiện của các hoạt động kinh tế khác giúp người dân có thể tồn tại độc lập mà không cần trợ giúp nữa (xem chú thích 7).

Chú thích

1. **Chăm sóc thú y phòng bệnh**: Trước khi phân phối vật nuôi, nên tiêm phòng vắc xin, tẩy giun và/hoặc cung cấp các hình thức chăm sóc thú y phòng bệnh khác tùy theo tình hình bệnh dịch ở khu vực. Thông thường, các chăm sóc thú y này được cung cấp một lần và hoàn toàn miễn phí đối với người nhận. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý đến vấn đề thu hồi chi phí như được đề cấp đến ở Chương 5.
2. **Chăm sóc thú y dài hạn**: Cộng đồng người chăn nuôi nên được tiếp tục nhận các dịch vụ chăm sóc thú y, cả phòng bệnh và chữa bệnh, theo tiêu chuẩn và hướng dẫn được nêu ở Chương 5.
3. **Tập huấn và nâng cao năng lực**: Tập huấn có thể không cần thiết đối với hoạt động tái lập đàn vật nuôi, vì thông thường người nhận (thường là người chăn thả) đã có nhiều kiến thức và kinh nghiệm quản lý vật nuôi. Tuy nhiên, hình thức cứu trợ cung cấp vật nuôi bổ sung có thể tiến hành ở những cộng đồng hoặc những hộ gia đình còn hạn chế kiến thức chăn nuôi, hoặc kiến thức đã bị mai một nhiều sau thời gian dài không chăn nuôi. Trong những trường hợp như vậy, việc cung cấp vật nuôi nên đi kèm với việc nâng cao năng lực chăm sóc và quản lý vật nuôi cho người nhận để đảm bảo vật nuôi có thể tồn tại và được chăm sóc tốt, và qua đó sẽ đóng góp hữu hiệu cho sinh kế sau thảm họa.
4. **Chuẩn bị cho thảm họa có thể xảy ra trong tương lai**: Đặc biệt đối với trường hợp cung cấp vật nuôi cho những cộng đồng thiếu kinh nghiệm quản lý vật nuôi, việc phát triển các kỹ năng chuẩn bị cho người chăn nuôi đóng vai trò quan trọng giúp họ có thể giảm thiểu nguy cơ mất vật nuôi trong những thảm họa tương lai. Hỗ trợ này bao gồm những hoạt động như tích trữ thực phẩm, bảo vệ đồng cỏ, tiếp thị vật nuôi tốt nhất, giảm đàn sớm, xây dựng chuồng trại, chăm sóc thú y và duy trì các nguồn nước (tất cả đã được bao quát trong các chương khác của cuốn sách này).
5. **Hỗ trợ an ninh lương thực**: Hiện tượng vật nuôi bị bán hay tiêu thụ sớm phổ biến đã phản ánh nhu cầu an ninh lương thực khẩn thiết của người chăn nuôi và/hoặc tình trạng thiếu lao động và tài nguyên cần thiết để có thể chăm sóc và quản lý vật nuôi. Các yêu cầu hỗ trợ khác phải được đánh giá dựa trên nhu cầu an ninh lương thực của các hộ nhận vật nuôi, và phải được cung cấp đến các hộ đó cho đến khi vật nuôi mang lại năng suất. Sổ tay Sphere cung cấp những tiêu chuẩn tối thiểu về an ninh lương thực, dinh dưỡng và hỗ trợ thực phẩm.
6. **Hỗ trợ chuồng trại và các hỗ trợ ngoài thực phẩm khác**: Các hộ gia đình nhận vật nuôi có thể cần chuồng trại, các vật gia dụng cơ bản, ổ rơm, thùng chứa nước hay các vật dụng khác. Nếu như thiếu các vật dụng này, họ có thể sẽ buộc phải bán vật nuôi

để có tiền mua các vật dụng đó. Trong một số trường hợp, các tổ chức từ thiện cần cung cấp cho hộ chăn nuôi các thiết bị chăn nuôi như xe bò, yên cương, cái cầy…

7. N**gừng hỗ trợ an ninh lương thực**: Một hệ thống quản lý tốt phải tính đến các phương án phát triển đàn và các chỉ số sinh kế khác để đảm bảo hỗ trợ thực phẩm không bị ngừng lại trước khi hoạt động chăn nuôi và các hoạt động sinh kế khác có thể nuôi sống được các hộ gia đình, và do đó có thể tránh được tình trạng giảm đàn sớm và không bền vững.

Phụ lục 9.1 Danh mục đánh giá hoạt động cung cấp vật nuôi

Phương án lựa chọn và gợi ý

- Vật nuôi đóng vai trò sinh kế gì trước thảm họa?
    - Tài sản mưu sinh chủ yếu
    - Nguồn cung cấp lương thực bổ sung
    - Nguồn thu nhập
    - Phương tiện vận chuyển và sức kéo
- Đã từng chăn nuôi loài và giống nào và nhằm mục đích gì?
- Loài và giống vật nuôi nào bị mất và cần được thay thế?
- Nếu trước kia chăn nuôi chưa phải là một hoạt động mưu sinh của người dân thì:
    - Việc đưa vật nuôi vào có khả năng đáp ứng được nhu cầu thực phẩm và nguồn thu nhập bổ sung cho người dân không?
    - Loài và giống vật nuôi nào phù hợp nhất cho hoạt động phân phối?
- Đã tính đến phương án nào khác mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn ngoài việc cung cấp vật nuôi chưa?
- Đã có cơ chế phân phối lại vật nuôi nào tồn tại ở khu vực chưa?
- Trong hoàn cảnh ở khu vực, bao nhiêu vật nuôi là đủ tạo một đàn có khả năng trụ vững cho một hộ chăn nuôi?
- Có những bài học nào về việc phân phối số vật nuôi tối thiểu ở khu vực không?
    - Có đủ điều kiện đồng cỏ và thức ăn vật nuôi không?
    - Có đủ nước uống không?
    - Có chuồng trại phù hợp chưa? Nếu chưa, liệu có thể xây được không?
    - Liệu vật nuôi có được an toàn hay không? Liệu hoạt động này có nguy cơ gây nguy hiểm cho chủ chăn nuôi và bản thân vật nuôi không?

Người nhận vật nuôi

- Đối tượng tiềm năng được nhận vật nuôi có đủ điều kiện xã hội, tài sản vật chất và nguồn vốn tự nhiên để đảm bảo thành công của việc chăn nuôi trong tương lai không?
- Liệu có tập huấn về quản lý vật nuôi nếu cần không?
- Vai trò của phụ nữ và nam giới trong quản lý và chăm sóc vật nuôi là gì? Bài học phân công lao động của hoạt động cung cấp vật nuôi là gì?
- Nhóm cộng đồng dễ bị tổn thương có những nhu cầu đặc biệt gì liên quan đến việc quản lý vật nuôi và tiếp cận các sản phẩm từ vật nuôi không?

- Có đủ nguồn lực để cung cấp các hỗ trợ liên quan trực tiếp đến vật nuôi cho người nhận (ví dụ như chăm sóc thú y, thức ăn hay chuồng trại) khi cần thiết không?
- Có đủ nguồn lực để cung cấp các hỗ trợ không liên quan trực tiếp đến vật nuôi cho ngườii nhận (ví dụ thực phẩm và các hỗ trợ sinh kế khi tái lập đàn) không?

Thu mua vật nuôi

- Việc mua một lượng lớn vật nuôi từ thị trường địa phương có ảnh hưởng gì không?
- Có sẵn vật nuôi để mua số lượng lớn trong khoảng cách vận chuyển cho phép không?
- Liệu có phương tiện vận chuyển hay không? Liệu vật nuôi có đươc an toàn trong quá trình vận chuyển mà không bị ảnh hưởng tới sức khỏe và điều kiện sông?
- Có những nguy cơ bệnh dịch nào khi nhập vật nuôi từ một vùng khác đến?

Phụ lục 9.2 Danh mục giám sát và đánh giá hoạt động cung cấp vật nuôi

Cung cấp vật nuôi

- Người nhận phù hợp với các tiêu chuẩn đề ra
- Số lượng người nhận trên lý thuyết và trên thực tế
- Số lượng vật nuôi cung cấp
- Chất lượng vật nuôi cung cấp
- Sự đồng đều về chất lượng vật nuôi cung cấp cho các hộ
- Thời điểm cung cấp
- Quyền tiếp cận các điểm cung cấp
- Việc hoàn thiện giấy tờ liên quan đến việc cung cấp vật nuôi
- Điều kiện vận chuyển
- Kiểm tra y tế và chăm sóc thú y cho vật nuôi

Giám sát sự phát triển của đàn và năng suất

- Tổng số vật nuôi
- Số lượng con đực/ con cái trưởng thành
- Số lượng con đực/ con cái chưa trưởng thành
- Số lượng con con đực/ cái
- Tỉ lệ sinh sản
- Tỉ lệ tử vong (tổng số/ chưa đầy tháng)
- Tỉ lệ bệnh tật
- Sản lượng trung bình, sản lượng theo vụ và giá trị sản phẩm có nguồn gốc từ vật nuôi (trứng, sữa, da, sừng, thịt, …)

Giám sát sinh kế và phân tích các ảnh hưởng

- Những thay đổi về sự sẵn có của nguồn lực và khả năng sử dụng chúng
- Những thay đổi về hoạt động mưu sinh
- Những thay đổi về thu nhập và vốn
- Những thay đổi về mức vay nợ và khả năng tặng hay cho vay vật nuôi
- Những thay đổi về khả năng đầu tư và thị trường
- Những thay đổi về giá cả thị trường
- Những thay đổi về tình trạng thực phẩm (chất lượng, số lượng)

- Những thay đổi về tình trạng sức khỏe con người
- Những thay đổi về số lượng trẻ được đến trường
- Những thay đổi về địa vị xã hội trong cộng đồng (ví dụ khả năng tham gia vào các nghi lễ)
- Những thay đổi về cách thức chăn nuôi
- Những thay đổi về tình trạng sức khỏe vật nuôi
- Những thay đổi về sự sẵn có của lực lượng lao động
- Những thay đổi về điều kiện sống của hộ gia đình
- Sự mất chỗ ở và việc tái xuất hiện những trại tị nạn IDP
- Mức độ xây dựng lại nơi ở

Phụ lục 9.3 Cung cấp vật nuôi ở các trại tị nạn/ các trại giành cho người tị nạn ngay trên quê hương mình (IDP)

Việc cung cấp vật nuôi ở các trại tị nạn IDP gặp rất nhiều thách thức về điều kiện vệ sinh và an toàn do người và vật nuôi ở rất sát nhau. Ở các trại đang phải đối mặt với tình trạng mật độ dân quá cao, việc quản lý gặp nhiều khó khăn, điều kiện y tế bấp bênh, tranh chấp xung đột hay việc thiếu thốn các tài nguyên chủ yếu như nước, thì việc cung cấp vật nuôi sẽ chỉ làm tồi tệ hơn tình trạng khó khăn này và gây nguy hại cho cư dân của trại.

Ở những trại không phải đối mặt với các thách thức trên thì có thể tiến hành hoạt động cung cấp vật nuôi. Tuy nhiên, phải tính đến các biện pháp đảm bảo vệ sinh và y tế để tránh tình trạng lan tràn bệnh dịch vật nuôi cũng như các bệnh vật nuôi có thể lây sang người. Có thể tính đến các biện pháp như hạn chế tình trạng vật nuôi được đi lại lang thang trong các trại, đặt nơi ở của vật nuôi xa nơi ở của người ở mức tối đa có thể, tốt nhất là đặt ở rìa trang trại, cân nhắc kỹ lưỡng loại vật nuôi sẽ cung cấp vì có những loại thải nhiều hơn những loại khác, khuyến khích bán nhanh con con và chỉ duy trì đủ con sinh sản để tránh tình trạng sinh sôi nảy nở nhanh.

Nên điều tiết việc tiếp cận với các nguồn nguồn lực cần thiết với cả đại diện và cư dân trại để giảm thiểu hiện tượng tranh chấp xung đột và tình trạng khan thiếu. Vật nuôi nhỏ cần ít không gian và lương thực hơn, do đó, chúng phù hợp để cung cấp cho các trại hơn. Điều kiện nước uống cũng là một rào cản lớn; đặc biệt là ở khu vực nguồn cấp nước cho con người còn hạn chế. Không nên cung cấp vật nuôi cho các trại khi nhu cầu nước của vật nuôi đó sẽ gây áp lực cho nguồn nước của trại hoặc của người dân địa phương.

Cũng cần xem xét nhu cầu chuồng trại và an ninh cho vật nuôi (xem Chương 8) để giảm thiểu nguy cơ mất trộm và để bảo vệ cho vật nuôi trong điều kiện thời tiết xấu.

Cuối cùng, việc lựa chọn giống và loài vật nuôi nên tính đến điều kiện tạm thời của cộng đồng người nhận. Vật nuôi có chu kỳ sinh sản nhanh và dễ bán sẽ là loại phù hợp nhất.

Phụ lục 9.4 Thảo luận về cỡ đàn tối thiểu có thể trụ vững được

Trong các dự án tái lập đàn vật nuôi ở các khu vực người dân sống bằng nghề chăn thả, khái niệm 'cỡ đàn tối thiểu có thể trụ vững được' thường được sử dụng để xác định loại và số lượng vật nuôi tối thiểu cần để đảm bảo người chăn nuôi có thể duy trì sinh kế nhờ hoạt động chăn nuôi. Mặc dù việc đưa ra một con số cụ thể về lượng và loài vật nuôi được cung cấp có vẻ tiện hơn cho các sách viết về tiêu chuẩn và hướng dẫn như LEGS, nhưng trên thực tế con số này rất khác biệt giữa các cộng đồng chăn nuôi khác nhau và do đó, không có con số tiêu chuẩn nào về số lượng vật nuôi nên được cung cấp cả. Tương tự như vậy, ở các cộng đồng chăn nuôi tổng hợp nhiều loài, sẽ khó quyết định được tổng số vật nuôi cần cung cấp.

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy cách tốt nhất để xác định số lượng và loại vật nuôi cung cấp cho người dân là thông qua hình thức phân tích và thảo luận với cộng đồng có liên quan. Quá trình này gồm việc vạch ra những ưu điểm và nhược điểm của các loài và giống khác nhau đối với các nhóm người có điều kiện kinh tế khác nhau trong cùng một cộng đồng, đồng thời phân tích các cơ chế tái lập đàn đã có ở địa phương.

Một vấn đề nữa cần xem xét là mặc dù 'cỡ đàn tối thiểu' có thể xác định được thông qua việc thảo luận với người dân, nhưng rất nhiều tổ chức nhân đạo phải đối mặt với vấn đề ngân sách còn hạn chế cho hoạt động cung cấp vật nuôi. Điều đó có nghĩa là lượng vật nuôi cần cho mỗi hộ càng lớn, thì số lượng các hộ được hưởng trợ giúp sẽ càng nhỏ.

Ví dụ, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Anh Quốc đã tiến hành một dự án tái lập đàn vật nuôi vào năm 2002 – 2003 cho 500 hộ gia đình bị mất nhà cửa khu vực Đông Ethiopia sau thảm họa hạn hán. Dự án cung cấp 30 con cừu và dê sinh sản cho mỗi hộ chăn nuôi. Đây là một dự án hợp tác với Uỷ ban Phòng tránh Thảm họa của Chính phủ Ethiopia và Cục chăn nuôi khu vực Somali. Tổng ngân sách cho dự án là 244.500 Đô la Mỹ, tương đương với 489 Đôla mỗi hộ, và nguồn ngân quỹ này chưa bao gồm chi phí hỗ trợ thực phẩm và các vật gia dụng do Tổ chức Phát triển và Cứu trợ Cơ Đốc và Quỹ nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF) cung cấp. Hoạt động đánh giá dự án kết luận dự án đã mang lại những lợi ích to lớn thông qua quá trình tái lập đàn, tuy nhiên, số vật nuôi cung cấp cho mỗi hộ nên gồm 50 con (thay vì 30 con) cừu và dê để giúp cho các hộ gia đình có được nguồn mưu sinh bền vững. Điều này có nghĩa là ngân sách cho dự án sẽ phải tăng lên tới 41% nếu muốn giữ nguyên tổng số 500 hộ được hỗ trợ hoặc số lượng các hộ sẽ phải giảm xuống còn 300 hộ nếu giữ nguyên ngân sách. Bản đánh giá chỉ ra rằng để có thể cung cấp một đàn vật nuôi có thể trụ vững được, thì chi phí cho mỗi hộ sẽ rơi vào khoảng 690 Đôla Mỹ (Wekesa, 2005).

Ví dụ này là minh chứng cho những khó khăn các tổ chức từ thiện gặp phải khi quyết định số lượng hộ gia đình được giúp đỡ và số lượng vật nuôi sẽ cung cấp, và việc xác định 'cỡ đàn tối thiểu' chính xác sẽ phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của hộ gia đình nhận vật nuôi.

Phụ lục 9.5 Chợ phiên vật nuôi

Chợ phiên vật nuôi là một hình thức cung cấp vật nuôi cho phép người nhận có cơ hội tự lựa chọn vật nuôi từ hàng loạt loài, giống và độ tuổi khác nhau. So với hình thức cung cấp vật nuôi cổ điển, chợ phiên vật nuôi giúp người dân có cảm giác làm chủ và quyền lực hơn và nó giúp thúc đẩy kinh tế địa phương. Nguồn tiền đầu tư cho dự án sẽ trực tiếp dốc vào kinh tế của khu vực trọng điểm và sự tham gia chủ động của người buôn chuyên nghiệp hay không chuyên sẽ giúp tăng cường tinh thần làm chủ và sáng tạo của họ.

Chợ phiên vật nuôi là các phiên chợ chuyên mua bán vật nuôi nơi người buôn địa phương và chủ vật nuôi được mời tới bán vật nuôi. Đối tượng trợ giúp của dự án (được chọn trước) được phát các phiếu mua có giá trị tiền tệ và họ có thể đổi lấy vật nuôi họ muốn ở các phiên chợ. Cuối giao dịch, các phiếu mua này sẽ được quy đổi lại thành tiền cho người buôn. Chợ phiên vật nuôi cũng là một cơ hội tốt để tập hợp người chăn nuôi lại và khuyến khích họ chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm chăn nuôi.

Hình thức chợ phiên phù hợp với cả việc tái lập đàn và các hình thức cung cấp vật nuôi khác.

Có thể xem một nghiên cứu tình huống về hình thức chợ phiên ở Niger ở chương Nghiên cứu Tình huống (Nghiên cứu 9.3)

Tài liệu tham khảo

Heffernan, C. (1999) *Vật nuôi, Cảnh Cơ cực và Hạn hán: Tác động của Hoạt động Tái lập đàn lên An ninh Lương thực sau Thảm họa*, ODI, Luân Đôn, www.odi.org.uk/networks/pdn/drought/heffernan.html

Heffernan, C. và J. Rushton (1999) *Tái lập Đàn Vật nuôi: Đánh giá Phê phán,* ODI, Luân Đôn, www.odi.org.uk/networks/pdn/drought/heffernan-rushton.html

Heffernan, C., F. Misturelli và L. Nielsen (2004) *Tái lập Đàn Vật nuôi Chăn thả: Sách Hướng dẫn Những Kinh nghiệm Thành công Nhất và Công cụ Hỗ trợ Quyết định*, Nhà xuất bản Practical Action, Rugby.

IFAD (2007) *IFAD Hỗ trợ Chăn thả: Vật nuôi và Cơ sở Hạ tầng – Về Vấn đề Tái lập đàn Vật nuôi*, IFAD, Rome, www.ifad.org/lrkm/theme/livestock.htm#issues

Kelly, K. (1993) *Tái lập đàn: Kinh nghiệm Tái lập Đàn vật nuôi của Oxfam ở Kenya*, Oxfam, Oxford.

Oxby, C. (1994) *Tái lập đàn: Hướng dẫn Tái lập đàn cho Người Chăn nuôi ở Châu Phi – Một phần Chiến lược Phục hồi Sau Thảm họa, VETAID, Midlothian*. Tổ chức Cứu trợ trẻ em Anh Quốc (không có ngày) *Tiến hành Các Chương trình Tái lập đàn cho Cộng đồng Chăn thả bị Thiệt hại trong Hạn hán*, Acacia Consultants, Nairobi.

Scott, M. F. và B. Gormley (1980) ' Người bạn vật nuôi: Mô hình phát triển chăn thả bản địa Sahelian ở Niger', trích từ D. Brokensha, D. M. Warren và O. Werner (biên tập) *Hệ thống Kiến thức Bản địa và Phát triển*, trang 92–110, University Press of America, Lanham, MD.

Toulmin, C. (1995) 'Vượt qua hạn hán: Lựa chọn giảm đàn và tái lập đàn', trích từ I. Scoones (biên tập) *Thích nghi với Cuộc sống Bấp bênh: Phương hướng Mới cho Việc Phát triển Chăn thả ở Châu Phi*, trang 95–115, Nhà xuất bản Công nghệ trung cấp, Luân Đôn.

Unruh, J. (1993) 'Tái lập đàn vật nuôi cho người chăn nuôi tị nạn khu vực Sừng Châu Phi', *Thảm họa*, 17 (4): 305–320.

Wekesa, M. (2005) *Đánh giá Cuối cùng về Chương trình Tái lập/Phục hồi Đàn vật nuôi cho Người dân Mất Nhà cửa ở Fik, Vùng Somali, Ethiopia*, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Vương Quốc Anh, Addis Ababa.

Nghiên cứu tình huống

Chương 1: Biện pháp cứu trợ vật nuôi dựa trên sinh kế

Nghiên cứu 1.1: Ảnh hưởng của tình trạng khẩn cấp khởi phát nhanh tiếp nối hạn hán

Năm 2001, trận động đất ở Gujarat miền Tây Ấn Độ đã ảnh hưởng đến 21 trong số 25 quận của bang này. Trong số ba quận bị thiệt hại nặng nề nhất, có tới 9000 vật nuôi (gồm có trâu, bò, cừu và dê) đã chết hoặc bị thương. Vào thời điểm đó, miền duyên hải Kachchh - là quận bị tàn phá lớn nhất – vẫn ở trong giai đoạn phục hồi sau khi cơn bão lốc càn quét vào hồi tháng 5 năm 1998 và đã gây thiệt hại khoảng 50.000 vật nuôi. Trận động đất này xảy ra vào khoảng 8h47 phút sáng. Nếu như nó đến sớm hơn hay diễn ra vào ban đêm thì thiệt hại về người và vật nuôi còn lớn hơn nữa. Rất may là khi trận động đất xảy ra, thì người dân đã đưa hầu hết vật nuôi ra khỏi làng để chăn cỏ. Tuy nhiên, những hộ bắt đầu công việc này muộn hơn hoặc không có người làm ngày hôm đó đã chịu nhiều tổn thất hơn. Thậm chí, có những con bò và trâu chết vì đứng gần tường nhà hay chuồng trại bị sập khi vừa mới được vắt sữa xong.

Trong hai tuần đầu sau khi trận động đất xảy ra, khi người ta còn chưa phục hồi khỏi cơn sốc và các nỗ lực cứu trợ còn tập trung vào con người, thì vật nuôi gần như không được chú tâm đến. Hầu hết vật nuôi được thả rông tự tìm kiếm đồ ăn thức uống trong thị trấn hay làng mạc. Có những con chết do bị thương khi nhà sập hoặc bị các mảnh vỡ rơi vào. Nhiều con vì không có chỗ trú ngụ bị chết do không chịu được thời tiết lạnh. Cho tới khi nông dân để mắt được tới vật nuôi của mình thì nhiều con đã rơi vào tình trạng hết sức tồi tệ. Những con trâu, bò không được vắt sữa trong suốt quãng thời gian đó đã không còn khả năng tiết sữa nữa.

Ảnh hưởng của trận động đất tới nông nghiệp và chăn nuôi còn lớn hơn nữa do tác động của tình trạng hạn hán kéo dài tới hai năm ở vùng này. Hạn hán đã làm chết hết các cây cỏ và các bãi cỏ tự nhiên bị phá hủy. Bên cạnh tình trạng thiếu cỏ khô là việc cạn nguồn nước uống cho vật nuôi. Các thùng chứa nước bị rạn nứt hoặc vỡ trong trận động đất khiến cho vật nuôi mất đi nguồn nước uống thường xuyên. Do đó, người ta buộc phải dẫn vật nuôi đi xa hơn để tìm nước; đồng nghĩa với việc chúng phải uống ít nước hơn và đất trồng trọt cũng như bãi cỏ tự nhiên bị xuống cấp do vật nuôi giẫm đạp lên. Sau trận động đất, rất nhiều dịch vụ thú y của chính phủ không hoạt động bình thường do văn phòng, phòng thí nghiệm, các cơ sở khám chữa bệnh… đã bị phá hủy hoàn toàn hoặc bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong động đất.

Một dự án hợp tác đã được đưa ra nhằm mục tiêu hỗ trợ trực tiếp cho những hộ chăn nuôi nhỏ có hoàn cảnh khó khăn ở những vùng chịu thiệt hại nặng nhất trong trận động đất ở Kachchh dưới hình thức cung cấp chỗ ở tạm và đồ ăn khô. Dự án này cũng hướng tới việc trợ giúp cho chính phủ khôi phục lại khả năng hoạt động của các trung tâm thú y nhằm thực

hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe và phòng chống bệnh tật cho động vật. Ngoài ra, dự án còn hỗ trợ chính phủ về lâu dài trong việc khôi phục lại hoạt động của các hộ chăn nuôi nhỏ tới gần mức trước khi động đất xảy ra và đương đầu với những tác động phát sinh của tình trạng hạn hán đã kéo dài hai năm và vẫn đang tiếp diễn.

Nguồn: Goe, M.R. (2001) *Đánh giá Phạm vi Tàn phá của Động đất tới Khu vực Chăn nuôi ở bang Gujarat, Ấn Độ*, Báo cáo của Đoàn tư vấn. Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc, Bangkok/Rome.

Chương 3: Các tiêu chuẩn chung

Nghiên cứu 3.1: Thúc đẩy việc tiếp thị vật nuôi và cải thiện dinh dưỡng

Đầu năm 2005 ở Turkana, Kenya, Tổ chức Thú y Không biên giới (VSF) Bỉ đã thực hiện một dự án giảm đàn với mục tiêu tạo thị trường vật nuôi và cải thiện chế độ dinh dưỡng cho những nhóm người nhất định. Các nhà buôn lẻ đã mua dê từ các chủ trại chăn nuôi ở Turkana với giá thỏa thuận trước và bán lại cho các trường học và trung tâm y tế trong vùng, nơi họ được trả lãi khoảng 20% so với giá họ đã mua. Dự án này đã thành công trong việc phân tán khoảng 6000 con dê từ khoảng 2500 đến 3000 người chăn nuôi thông qua hơn 300 người buôn vật nuôi, và chúng đã được phân phối tới gần 100 trung tâm y tế và trường học.

Có thể thấy những thách thức đặt ra trong dự án như sau: định ra được một cái giá phù hợp và đảm bảo tất cả người buôn tuân thủ thỏa thuận này; sự e ngại của các nhà buôn về mức lời thấp, trong khi đó tiền phải trả cho ngân hàng và chi phí thức ăn cho vật nuôi cao; khả năng tiếp cận thị trường của những người chăn nuôi ở những vùng chịu thiệt hại nặng nề hơn và ở khu vực xa xôi; khả năng giết mổ ngay của các tổ chức khi dê tràn về cùng một lúc; và trong một số trường hợp là có những nơi thịt dê dùng để thay thế cho các loại thịt khác thay vì để bổ sung hàm lượng protein sẵn có.

Dự án giảm đàn vật nuôi này là một dự án hợp tác giữa VSF Bỉ với Ban chỉ đạo tỉnh và Diễn đàn của những nhà Cung cấp Dịch vụ Thú y. Các tổ chức này đã tạo một diễn đàn hợp tác hoạt động rất hiệu quả trong quá trình tiến hành dự án. Mặc dù vẫn còn tồn đọng một số vấn đề liên quan tới việc tham gia của người chăn nuôi, dự án đã rất thành công, chủ yếu là nhờ sự hợp tác và điều phối tích cực của các tổ chức tham gia.

Nguồn: D.J. Watson và J. van Binsbergen (2006) 'Đánh giá Chương trình Cứu trợ Vật nuôi bằng Phương pháp Giảm đàn trong Trường hợp Khẩn cấp ở Turkana do tổ chức VSF Bỉ thực hiện', ILRI, Nairobi.

Nghiên cứu 3.2: Điều phối hoạt động cứu trợ trong lũ lụt ở Nam Ethiopia

Tháng 8 năm 2006, dòng sông Omo, Nam Ethiopia vỡ bờ và làm ngập lụt 14 xã ở quận Dassenetch và Nyangatom. Trận lụt này đã ập đến bất ngờ và cướp đi sinh mạng của 363 người và 3.200 vật nuôi. Hơn 21.000 người mất nhà cửa và rất nhiều người mất trắng mùa màng và thóc gạo dự trữ.

Cordaid đã hợp tác với ba tổ chức địa phương là FARM – Africa, Hiệp hội Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi Ethiopia (EPaRDA) và Giáo hội Công giáo Gamo Gofa nhằm tiến hành Chương trình Ứng phó với Nguy cơ Thảm họa Nam Omo. Cordaid và hai tổ chức EPaRDA và FARM-Africa bắt đầu hoạt động cứu trợ vật nuôi song song với việc hỗ trợ thức ăn và chỗ ở cho người dân vùng bị hại, trong đó chú trọng vào hoạt động hỗ trợ hậu cần và thú y. Chính quyền địa phương thành lập hàng loạt ban cứu trợ khẩn cấp (bao gồm có y tế, thú y, hậu cần và cứu viện) nằm dưới sự giám sát của Ban chỉ đạo chung đứng đầu là chủ tịch tỉnh. Cordaid cùng các tổ chức nói trên hợp tác chặt chẽ với ủy ban cấp cứu thú y nhằm có được các hoạt động cứu trợ vật nuôi khẩn cấp như điều động chuyên gia thú y và các nhân viên thú y cộng đồng và tổ chức hoạt động cứu chữa và tiêm vắc-xin trên diện rộng. Quá trình hợp tác này đã phối hợp nhịp nhàng hoạt động của tất cả các bên liên quan nhằm tránh tình trạng chồng chéo hoạt động. Nhờ đó, người ta đã tiếp cận được với một số lượng vật nuôi lớn chưa từng có trước đây chỉ trong vòng có sáu tuần, bao gồm tiêm phòng cho hơn 150.000 con và chữa bệnh cho 145.000 con khác, chủ yếu là các bệnh giun sán và kí sinh trùng ngoài da.

Nguồn: Cordaid (2006) 'Báo cáo về chương trình hợp tác khẩn cấp của Cordaid Ethiopia', Cordaid, Addis Ababa.s

Nghiên cứu 3.3: Lập kế hoạch dự phòng để cứu trợ nhanh chóng khi thảm họa xảy ra

Cordaid đã hỗ trợ chương trình cứu trợ sau thảm họa và các chương trình giảm thiểu rủi ro thảm họa của các tổ chức địa phương Nam Ethiopia. Hoạt động trợ giúp bao gồm việc xây dựng kế hoạch dự phòng sẵn và ngân sách để có thể cứu trợ một cách hữu hiệu và kịp thời khi thảm họa ập đến. Một phần của chương trình là hỗ trợ Hiệp hội Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi Ethiopia (EPaRDA) thực hiện dự án Ứng phó với Nguy cơ Thảm họa Nam Omo ở bốn tỉnh sống chủ yếu bằng nghề chăn nuôi. Dự án hướng tới mục tiêu giảm thiểu thiệt hại và nâng cao khả năng đương đầu với nguy cơ thảm họa bằng cách sử dụng mô hình quản lý chu kỳ hạn hán, với giả thuyết khi thảm họa xảy ra trong thời gian tiến hành dự án thì có thể nhanh chóng thực thi kế hoạch đã đề ra.

Trận lụt bất ngờ (được nhắc đến ở Nghiên cứu 3.2) đã khiến nhiều người mất trắng nhà cửa và vật nuôi. Nhờ có kế hoạch và quỹ dự phòng, EPaRDA đã có thể cứu trợ ngay lập tức,

cung cấp thức ăn và các vật dụng khác cũng như có biện pháp cứu trợ vật nuôi khẩn cấp và cung cấp các dịch vụ y tế. Quỹ dự phòng là do đối tác địa phương toàn quyền quản lý để có thể thực hiện được những hoạt động cứu trợ kịp thời.

Nguồn: Cordaid (2006) 'Dự án Ứng phó với Nguy cơ Thảm họa Phía nam Omo của Cordaid', Cordaid, Addis Ababa.

Chương 4: Giảm đàn vật nuôi

Nghiên cứu 4.1: Chương trình giảm đàn nhanh ở Ethiopia

Nghiên cứu này sẽ trình bày kết quả đánh giá về ảnh hưởng của chương trình giảm đàn nhanh ở Moyale Woreda do Sở Thủy sản và Tiếp thị Vật nuôi và tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ quản lý trong vụ hạn hán ở khu vực Sừng Châu Phi (Đông Bắc Phi) vào năm 2006. Hai nhà buôn vật nuôi tham gia vào chương trình đã mua lại vật nuôi của những người chăn nuôi ở đây. Hai người này đã được tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ cho vay một khoản tiền là 25.000 Đô la Mỹ mỗi người. Trong chương trình cứu trợ này, khoảng 20.000 vật nuôi đã được mua với tổng trị giá khoảng 1.01 triệu đô. Khoảng 5,405 hộ chăn nuôi đã tham gia vào chương trình, và mỗi hộ trung bình nhận được 186 đô từ việc bán vật nuôi. Về mặt đầu tư cho việc trợ giúp, tỷ lệ lợi ích – chi phí là khoảng 41:1. Trong trận hạn hán đó, thu nhập trung bình từ việc bán vật nuôi chiếm khoảng 54,2% tổng thu nhập của các hộ gia đình (số liệu thống kê từ 114 hộ) và đã được sử dụng để mua thức ăn, chăm sóc vật nuôi, chi trả các khoản chi phí khác trong gia đình, hỗ trợ họ hàng, hoặc để trả nợ hay tiết kiệm. Về mặt hỗ trợ thị trường khu vực và các dịch vụ khác, khoảng 79% thu nhập từ việc giảm đàn vật nuôi đã được sử dụng để mua các vật dụng cho địa phương và các dịch vụ khác. Chi phí cho việc chăm sóc vật nuôi chiếm tới 36,5% tổng chi phí của địa phương, và đã bao gồm phí vận chuyển vật nuôi tới vùng có đồng cỏ tốt hơn. Việc bán vật nuôi cũng như thịt đông lạnh diễn ra sôi nổi đã thúc đẩy hoạt động giảm đàn nhanh, thể hiện ảnh hưởng tích cực của hoạt động xuất khẩu vật nuôi/ thịt nhằm giảm mức độ thiệt hại cho người chăn nuôi trong hạn hán.

Nguồn: Abebe, D., Cullis, A., Catley, A., Aklilu, Y. Mekonnen, G. và Ghebre-chirstos, Y. (2008) 'Tác động đối với sinh kế và lợi ích – chi phí ước tính của một chương trình cứu trợ bằng giảm đàn vật nuôi ở tỉnh Moyale, nam Ethiopia', Thảm họa, 32(2): trang 167-186.

Nghiên cứu 4.2: Trợ cấp chi phí vận chuyển cho hoạt động giảm đàn nhanh ở Kenya

Mục tiêu của VSF Bỉ trong việc trợ cấp chi phí vận chuyển năm 2001 ỏ Turkana là tăng tỉ lệ giảm đàn nhanh bằng cách khuyến khích người chăn nuôi bán vật nuôi của mình. Dự án này hỗ trợ kinh phí vận chuyển dưới hai hình thức chính: (1) Hỗ trợ cho những người buôn lưu động đã mua vật nuôi từ người dân Turkana và bán lại ở các chợ trong khu vực hoặc là bán

cho những nhà buôn lớn hơn và (2) Hỗ trợ cho các nhà buôn lớn đã xuất vật nuôi ra thị trường ngoài Turkana. Mức trợ cấp thỏa thuận giữa VSF Bỉ và các nhà buôn là 40% tổng chi phí vận chuyển.

Thủ tục cần thiết để nhận hỗ trợ vận chuyển từ VSF gồm: Giấy tờ xác minh do người lãnh đạo ở điểm trung chuyển cuối cùng của quận ở Kainuk ký, phải có ảnh của phương tiện vận chuyển, biên lai gửi tới hội đồng hạt hoặc các cơ quan lãnh đạo khác nơi vật nuôi được chuyển tới, hóa đơn vận chuyển và thư từ lãnh đạo địa phương và nhân viên thú y ghi rõ nguồn gốc, loại vật nuôi và số lượng vật nuôi, ngày khởi hành từ điểm mua vật nuôi và các thông tin cần thiết khác.

Tổng cộng, 1.175 vật nuôi, 3.584 con cừu và dê đã được chuyển tới các chợ ở Nairobi và có 20.688 con cừu và dê được chuyển tới các vùng khác trong quận để được vỗ béo hay giết mổ. Tổng chi phí trợ cấp lên tới 52.790 đôla Mỹ, vượt kinh phí 3.340 Đôla. Trị giá vật nuôi được chuyển tới Nairobi tổng cộng là 117,070 Đôla Mỹ. Một trong những điểm mạnh của dự án hỗ trợ là hình thức thanh toán tiền cũng như cách thức quản lý được tiến hành rất tốt. Tuy nhiên, việc kiểm soát gian lận đã hết sức khó khăn và ngân quỹ nhanh chóng bị cạn kiệt. Mặc dù việc hợp tác với các nhà lãnh đạo, các hiệp hội và chính quyền địa phương là hết sức quan trọng trong việc quyết định thành công của dự án, thì nó lại tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng.

Nguồn: Aklilu, Y. và M. Wekesa (2002) Hạn hán, Vật nuôi và Sinh kế: Bài học từ Hoạt động Cứu trợ Khẩn cấp năm 1999 – 2001 cho Khu vực Chăn thả ở Kenya, Tài liệu số 40 của Mạng lưới các Hoạt động Nhân đạo, Học viện Phát triển Quốc tế, Luân Đôn.

Nghiên cứu 4.3: Ký hợp đồng giảm đàn vật nuôi bằng phương pháp giết mổ

Kenya

Trong quá trình tiến hành hoạt động giảm đàn vật nuôi ở Bắc Kenya vào năm 2000, tổ chức phi chính phủ địa phương ALDEF đã đề nghị cư dân tự đề cử ra những nhà thầu đáng tin cậy để cung cấp vật nuôi cho chương trình. Tham gia vào chương trình gồm có thành viên của hơn 200 nhóm (nữ giới) sống ở khu vực ven đô trước đây đã được tổ chức ALDEF hỗ trợ trong chương trình quỹ tín dụng nhỏ. Họ đã cung cấp một lượng lớn cừu và dê cho chương trình. Ngoài ra, ở một số khu vực nông thôn thì cũng có nam giới tham gia vào chương trình thầu này. Có những nhà thầu nữ cũng cung cấp vật nuôi và lạc đà cho các trường học và bệnh viện. Giá mua được định mức là 15 Đôla một con cừu hay dê, và 66 Đôla cho một vật nuôi hay lạc đà. Ở giai đoạn hai của chương trình, giá được nâng lên là 17,5 Đôla một con cừu hay dê và 73 Đôla một vật nuôi hay lạc đà. Những nhà thầu được hướng dẫn cách chọn mua vật nuôi, đó là, những con sức khỏe yếu khó vượt qua được trận hạn hán, thường là các con đực, hay con cái bị khuyết tật vú, con già hay vô sinh, hay những con có tiền sử xảy thai. ALDEF và các nhà thầu cũng có giao kèo trước về số lượng và loại con vật được cung cấp.

Các nhà thầu sẽ bán vật nuôi cho ALDEF với giá định trước và giữ lại lãi. Các con vật này sẽ được chuyển tới các tổ chức cộng đồng. Tổng cộng các nhà thầu đã cung cấp 950 vật nuôi (hay lạc đà) và 7.500 con cừu (hay dê). Dự án này được thực hiện ở bảy vùng ven đô và bảy miền quê dân cư thưa thớt. Thịt tươi được thường xuyên chuyển tới người nhận: hai con cừu (hoặc dê) tới 8 hộ gia đình mỗi tuần trong suốt thời gian tiến hành dự án, hai con bò (hoặc lạc đà) cho một trường (cho 3 và sau đó là 4 trường trung học); 6 con dê một tuần cho một bệnh viện và ba con một tuần cho một trung tâm điều trị Lao; vài con dê và 1 con bò cho sáu trại trẻ mồ côi mỗi tuần. Việc tham gia rộng rãi của cộng đồng đồng nghĩa với việc hoạt động của dự án được thực hiện đúng lúc ở cả hai giai đoạn. Việc giết mổ được tiến hành hai lần/tuần ở tất cả các cơ sở giết mổ.

Nguồn: Aklilu, Y. và M. Wekesa (2002) Hạn hán, Vật nuôi và Sinh kế: Bài học từ Hoạt động Cứu trợ Khẩn cấp năm 1999 – 2001 cho Khu vực Chăn thả ở Kenya, Tài liệu số 40 của Mạng lưới các Hoạt động Nhân đạo, Học viện Phát triển Quốc tế, Luân Đôn.

Ethiopia

Tổ chức CARE Ethiopia đã tiến hành một chương trình giảm đàn ở khu vực Borana, Nam Ethiopia vào đầu năm 2006. Mục tiêu của chương trình là thúc đẩy việc giảm đàn vật nuôi có khả năng bị chết do hạn hán và cung cấp nguồn thức ăn giàu protein cho người dân đang chịu ảnh hưởng của hạn hán. Vật nuôi mua được giết mổ, sấy khô và phân phát cho người dân. Sau khi thảo luận với cộng đồng, bốn lò mổ vật nuôi đã được thành lập gần các nguồn nước giếng. Hoạt động này bắt đầu vào tháng ba năm 2006 nhưng nguồn cung cấp vật nuôi đã giảm khi những cơn mưa furmata đầu tiên trút xuống vào giữa tháng tư.

Tổng cộng bốn lò đã giết mổ 2.411 vật nuôi các loại và 2.814 kg thịt khô được đóng gói và phân phát cho cộng đồng kèm với thức ăn khác. Khối lượng của mỗi gói thịt khô dao động từ 0,5kg đến 0,75 kg, và trung bình mỗi hộ gia đình nhận được 2,16 kg thịt khô. Giá cả đối với mỗi loại vật nuôi đã được định sẵn trước, cụ thể là 33 Đôla/ 1 gia súc, 66 Đôla/ một con lạc đà, và 7,5 Đôla cho mỗi con cừu và dê. Việc mua bán do hợp tác xã đa chức năng Dillo Kayo đứng ra dàn xếp mức lời thấp nhất là 1 Đôla cho mỗi vật nuôi, 2 Đôla cho mỗi con lạc đà và 0.5 Đôla cho mỗi con cừu hay dê. Như vậy, mỗi hộ chăn nuôi sẽ nhận được khoản tiền là 33 Đôla/ gia súc, 65 Đôla/con lạc đà và 8 Đôla/ con dê hay cừu. Ngoài việc nhận được một khoản lãi nhỏ từ việc mua bán vật nuôi này, hợp tác xã còn được nhận da thuộc và da sống của các con vật sau khi giết mổ. Tổng cộng, 1.121 hộ gia đình đã bán vật nuôi trong chương trình giảm đàn thông qua việc giết mổ này và tổng cộng các hộ đã nhận được 25.590 Đôla, như vậy trung bình thu nhập của mỗi hộ từ việc bán vật nuôi là 23 Đôla.

Nguồn: Demeke, F. (2007) 'Đánh giá Tác động của Chương trình Cứu trợ Vật nuôi Khẩn cấp của PLI/ENABLE ở Dire Woreda, Borana', CARE International, Addis, Ababa.

Nghiên cứu 4.4: Hệ thống thanh toán bằng phiếu biên nhận cho hoạt động giảm đàn vật nuôi bằng hình thức giết mổ ở Kenya

Năm 2000, CARE thực hiện một chương trình giảm đàn vật nuôi ở Tỉnh Garissa, Kenya, ở những khu vực khó tiếp cận (vì lý do an toàn thì khi tiếp cận phải có quân đội hộ tống bảo vệ). Hình thức thanh toán cho người nhận là thông qua phiếu biên nhận, được viết dưới tên của một người đáng tin cậy để đổi lấy tiền ở văn phòng của CARE ở Garissa. Những phiếu biên nhận khác được tập hợp cho một người để đổi lấy tiền, hoặc đổi tiền từ các nhà buôn và họ sẽ mang các phiếu này đổi tiền ở văn phòng của CARE ở Garissa. Hệ thống thanh toán bằng phiếu này được áp dụng tránh những nguy hiểm có thể xảy ra khi mang tiền mặt tới các cơ sở hoạt động của chương trình. Bằng hệ thống thanh toán sử dụng phiếu biên nhận này, người chăn nuôi đã bán được 850 vật nuôi, 250 con cừu và dê.

Nguồn: Aklilu, Y. và M. Wekesa (2002) *Hạn hán, Vật nuôi và Sinh kế: Bài học từ Hoạt động Cứu trợ Khẩn cấp năm 1999 – 2001 cho Khu vực Chăn thả ở Kenya,* Tài liệu số 40 của Mạng lưới các Hoạt động Nhân đạo, Học viện Phát triển Quốc tế, Luân Đôn.

Nghiên cứu 4.5: Mở rộng phạm vi hoạt động cứu trợ thông qua các chợ tạm, Kenya

Cơ quan Phát triển Hoạt động Cứu trợ Bắc Kenya (NORDA) - một tổ chức phi chính phủ địa phương - đã tiến hành một chương trình giảm đàn vật nuôi ở khoảng 20 trung tâm cứu trợ trong vụ hạn hán năm 2000 ở khu vực. Ngày họp chợ đã được định trước trong các cuộc họp ban đầu với dân làng. Việc mua bán cừu và dê diễn ra ở hầu hết các khu vực, và ở những vùng cao nguyên không có dê thì người ta bán gia súc. Việc mua bán diễn ra với sự hiện diện của các ủy ban cứu trợ, và những người mua được phép mua hay từ chối mua nếu không đồng ý với cái giá mà NORDA đã định trước. Hoạt động cứu trợ này chỉ diễn ra một lần ở mỗi trung tâm, nhưng tổng cộng đã có tới 13 tấn thịt tươi được phân phát cho 6.000 người.

Năm 2000, tổ chức CARE Kenya lập một kế hoạch hỗ trợ các trung tâm phân phát thực phẩm bằng cách cung cấp thịt cho họ thông qua các chiến dịch giảm đàn vật nuôi. Trung bình mỗi trung tâm này nhận được 25 vật nuôi hoặc 50 con cừu hoặc dê. Nhân viên của CARE giám sát việc giết mổ vật nuôi, nhưng việc chuyển thịt tươi tới các trung tâm là do các ủy ban cứu trợ đảm nhiệm. Việc giảm thiểu giám sát là do CARE có ít nhân viên và phương tiện vận chuyển hơn số trung tâm mà tổ chức đã hỗ trợ. Các ủy ban cũng đảm nhiệm việc phân phát da sống và da thuộc cho các hội phụ nữ. Tổng cộng chiến dịch giảm đàn này đã giúp cung cấp thịt cho khoảng 39 trung tâm cứu trợ.

Nguồn: Aklilu, Y. và M. Wekesa (2002) *Hạn hán, Vật nuôi và Sinh kế: Bài học từ Hoạt động Cứu trợ Khẩn cấp năm 1999 – 2001 cho Khu vực Chăn thả ở Kenya,* Tài liệu số 40 của Mạng lưới các Hoạt động Nhân đạo, Học viện Phát triển Quốc tế, Luân Đôn.

Nghiên cứu 4.6: Các ủy ban cứu trợ

Kenya: Cộng đồng tham gia giám sát hoạt động giảm đàn vật nuôi

Năm 2000, ALDEF đã cho cộng đồng tham gia vào việc xác định các tiêu chí lựa chọn đối tượng nhận cứu trợ của chương trình giảm đàn thông qua một ủy ban lựa chọn. Đối tượng được chọn là các gia đình chịu thiệt hại trong vụ hạn hán và danh sách được công bố công khai. Những người không thỏa mãn với việc lựa chọn này có thể khiếu nại với ủy ban cứu trợ và ủy ban lựa chọn sẽ xem xét lại và đưa ra quyết định cuối cùng. Các ủy ban cứu trợ cũng giám sát hoạt động giảm đàn (và cả hạn chế phạm vi hoạt động của các ủy ban cứu trợ khác). Ngoài việc lựa chọn người nhận cứu trợ, họ còn đảm nhận việc nhận vật nuôi từ các nhà thầu và phân phát thịt tới các hộ gia đình, ký giấy tờ chứng nhận, giám sát quá trình giết mổ, thu da sống và da thuộc, giải quyết khiếu nại và làm đầu mối liên lạc với ALDEF. Ngoài ra, thành viên của ủy ban và tổ chức ALDEF tham gia giám sát việc phân phát thịt cho người dân.

Kenya: Cộng đồng tham gia vào giết mổ và phân phát thịt

Năm 2000, NORDA đảm trách việc xác định số lượng cừu và dê sẽ giết mổ ở các phân khu tỉnh Elwak và Takaba, Bắc Kenya. Tuy nhiên, các ủy ban cứu trợ ở Elwak và Takaba sẽ tự phân phối cho các đơn vị mình quản lý (15 khu vực ở Elwak và 5 khu vực ở Takaba). Tiêu chí lựa chọn người hưởng (cả người bán vật nuôi và người nhận thịt) được giải thích rõ ràng cho các ủy ban cứu trợ và sau đó các ủy ban này sẽ đưa ra các quyết định lựa chọn trong các cuộc họp với người dân. Ví dụ, ở Worgedud, các gia đình được chọn bán vật nuôi chủ yếu là các hộ không đủ khả năng thanh toán chi phí lấy nước cho vật nuôi từ các lỗ khoan. Ở Takaba, các hộ được lựa chọn là các hộ đang gặp nhiều khó khăn tài chính, ví dụ gia đình có người ốm cần được chữa trị, gia đình có trẻ em nguy cơ bị đuổi học do không có tiền nộp học phí và những hộ không có đủ tiền để chi trả cho những nhu cầu cơ bản như đường hay trà. Các hộ nhận trợ giúp phải tự phân chia thành các nhóm – cứ mỗi bốn hộ được một con cừu/hoặc dê, và cứ 30 hộ được nhận một con bò và các hộ này sẽ phải tự giết, lột da, và chia thịt. Thịt chỉ được chia một lần ở tất cả các điểm cứu trợ. Tuy nhiên, theo truyền thống địa phương, các hộ khi nhận được thịt thì thường chia sẻ cho nhau.

Nguồn: Aklilu, Y. và M. Wekesa (2002) *Hạn hán, Vật nuôi và Sinh kế: Bài học từ Hoạt động Cứu trợ Khẩn cấp năm 1999 – 2001 cho Khu vực Chăn thả ở Kenya*, Tài liệu số 40 của Mạng lưới các Hoạt động Nhân đạo, Học viện Phát triển Quốc tế, Luân Đôn.

Nghiên cứu 4.7: Cơ hội việc làm từ hoạt động giảm đàn vật nuôi

Năm 2001, VSF Bỉ tiến hành hoạt động phân phối thịt khô ở tỉnh Turkana, Kenya và họ đã thuê người dân ở đây sấy khô thịt. VSF Bỉ trả cho phụ nữ 4 Đôla cho một kg thịt đã được sấy khô. Ngoài ra, họ cũng trả 0.15 Đôla cho việc giết mổ và tổng cộng 1.15 Đôla cho việc trông coi, cất trữ và kiểm tra một kg thịt khô.

Nguồn: Aklilu, Y. và M. Wekesa (2002) *Hạn hán, Vật nuôi và Sinh kế: Bài học từ Hoạt động Cứu trợ Khẩn cấp năm 1999 – 2001 cho Khu vực Chăn thả ở Kenya*, Tài liệu số 40 của Mạng lưới các Hoạt động Nhân đạo, Học viện Phát triển Quốc tế, Luân Đôn.

Nghiên cứu 4.8: Chi phí sấy khô thịt

Bảng dưới đây sẽ trình bày thông tin chi phí sấy khô 1 kg thịt từ một nghiên cứu ở tỉnh Turkana, Bắc Kenya. Hãy so sánh giá cuối cùng với giá mua 1 kg thịt cừu/dê.

Danh mục	Giá (Đô la Mỹ)	Giá (tiền Kenya - KSH)
Giá mua 1 kg thịt cừu/dê	8,75	600
Chi phí giết mổ	0,15	10
Chi phí trả cho người trông coi (khi sấy khô)	0,04	3
Chi phí cất giữ	0,73	50
Tiền muối	0,15	10
Chi phí kiểm duyệt thịt	0,37	25
Tiền nước	0,03	2
Tiền nhân công	3,65	250
Tổng cộng	13,87	950
Tiền lãi	3,63	250
Tổng chi phí 1kg thịt đã sấy	17,5	1.200

Ghi chú: 6,5 kg thịt nguyên xương = 4kg thịt đã lọc xương = 1kg thịt khô

Nguồn: Aklilu, Y. và M. Wekesa (2002) *Hạn hán, Vật nuôi và Sinh kế: Bài học từ Hoạt động Cứu trợ Khẩn cấp năm 1999 – 2001 cho Khu vực Chăn thả ở Kenya*, Tài liệu số 40 của Mạng lưới các Hoạt động Nhân đạo, Học viện Phát triển Quốc tế, Luân Đôn.

Nghiên cứu 4.9: Hoạt động giảm đàn và cung cấp thực phẩm bổ sung ở Niger

Tổ chức Thanh niên và Nhiệm vụ Phát triển Cộng đồng (JEMED) hợp tác với những người chăn nuôi du mục ở vùng Abalak (Niger) từ năm 1990. Cuối năm 2004, khi tình trạng đồng cỏ yếu kém, lượng mưa thấp và nguy cơ khủng hoảng sẽ xảy ra, JEMED đã hỗ trợ một

chương trình đánh giá đồng cỏ khu vực miền Trung Niger với sự tham gia của các nhóm cộng động – những người sẽ thông báo lại tình trạng đồng cỏ và lập kế hoạch di rời vật nuôi.

JEMED cũng xây dựng kế hoạch giảm đàn cho những hộ chăn nuôi muốn tham gia. JEMED cung cấp phương tiện di chuyển và đại diện của các hộ được trợ giúp mang vật nuôi của mình (1 hoặc 2 con lớn hoặc vài con nhỏ mỗi hộ) tới biên giới với Nigeria để bán khi giá cả thỏa đáng.

Chiến lược giảm đàn này gắn liền với sáng kiến bổ sung lương thực – các hộ tham gia cam kết mua ngũ cốc và cỏ khô cho đàn vật nuôi còn lại của mình. Sau khi hoạt động cứu trợ này được hoàn thành ở 14 khu vực, tổng cộng 4.849 vật nuôi và 462 con trâu bò được bán, và ngược lại các hộ này đã mua 317.199 kg ngũ cốc và ngoài ra là cám lúa mỳ và rơm lúa miến.

Trong những trận gió Harmattan tiếp sau đó (được coi là tồi tệ nhất từng xảy ra ở khu vực), rất nhiều vật nuôi đã bị mất và những bãi cỏ còn lại thì bị vùi lấp trong bão cát. Giá cả vật nuôi trên thị trường giảm xuống. Tổ chức JEMED và các cơ quan khác đã hỗ trợ một chương trình cung cấp thực phẩm. Đánh giá của JEMED sau khi hoàn thành chương trình cứu trợ là những hộ chăn nuôi tham gia vào hoạt động giảm đàn và bổ sung lương thực cho vật nuôi còn lại thì chịu tổn thất vật nuôi ít hơn nhiều so với những hộ không tham gia (tổn thất gia súc thấp hơn 77% và với các vật nuôi nhỏ thì thấp hơn 32%).

Nguồn: Jeff Woodke, pers.com, JEMED, Niger.

Chương 5: Dịch vụ thú y

Nghiên cứu 5.1: Cứu trợ về thú y ở Afghanistan

Khoảng 60 – 80% vật nuôi bị mất trong vòng hơn 5 năm ở Afghanistan do xung đột xảy ra trên khu vực. Năm 2002 – 2003, Ủy ban chữ thập đỏ Quốc Tế (ICRC) đã thực hiện một chương trình cứu trợ về thú y ở hai quận cao nguyên nhằm mục đích tái lập đàn vật nuôi thông qua việc tăng cường sức khỏe cho vật nuôi. Dự án này hướng tới việc điều trị cho tất cả các vật nuôi để giảm tới mức tối đa lượng ký sinh trùng. Tham gia dự án gồm có hai bác sĩ thú y người Afghan và một nhóm nhân viên thú y cộng đồng (CAHWs).

Vật nuôi tham gia được tẩy giun sán và diệt ve bọ vào mùa thu 2002, xuân 2003 và thu 2003. Mỗi hộ chăn nuôi còn được nhận bột để diệt ve bọ cho chuồng trại nơi các con vật sẽ trú đông. Tổng cộng 5.300 hộ chăn nuôi đã tham gia vào chương trình và trong số những con vật được điều trị, 14% là vật nuôi và 6% là ngựa.

Việc giám sát được thực hiện trong suốt quá trình điều trị và ngoài ra còn có các dịch vụ hậu điều trị. Chương trình cứu trợ này đã mang lại hiệu quả như sau: số lượng vật nuôi tăng lên gấp đôi, trọng lượng trung bình vật nuôi tăng lên, khả năng sinh sản và sống sót của các con non tăng lên. Tác dụng của chương trình lớn tới mức sau khi chương trình kết thúc, hai

bác sĩ thú y còn được các chủ chăn nuôi mời lại chữa trị cho vật nuôi và tự thanh toán đầy đủ cho họ.

Nguồn: Oxfarm (2005) 'Hướng dẫn Lập chương trình Cứu trợ Vật nuôi trong các Trường hợp Khẩn cấp', văn bản chưa công bố, Oxfarm, Oxford.

Nghiên cứu 5.2: Các cách thức chăm sóc thú y trong tình trạng khẩn cấp khác – phiếu y tế

Để giải quyết các vấn đề thường gặp liên quan tới việc phân phát thuốc miễn phí và cũng để kêu gọi các tổ chức tư nhân tham gia vào chương trình cứu trợ khẩn cấp, Ủy ban chữ thập đỏ Quốc Tế (ICRC) đã thực hiện thí điểm một chương trình sử dụng phiếu y tế ở Tây Bắc Kenya. Các phiếu này được cấp cho các hộ chăn nuôi để đổi lấy các dịch vụ y tế từ các nhân viên thú y cộng đồng và các y sỹ thú y. Các phiếu y tế bao gồm chi phí thuốc trị giá 1.000 tiền Kenya (tương đương 14 Đôla Mỹ) và giới hạn ở bốn loại thuốc. Các nhân viên y tế này sau đó sẽ đổi lại các phiếu cho một bác sỹ thú y tư nhân lấy tiền cộng thêm với chi phí dịch vụ cho họ. Sau đó, bác sỹ thú y trên sẽ được ICRC hoàn trả lại tiền cộng thêm chi phí dịch vụ của mình. Chương trình đã hỗ trợ được 500 hộ chăn nuôi, tương đương với khoảng 30.000 người.

Đây được coi là một cách thức đầy triển vọng để thu hút sự tham gia của các đơn vị tư nhân vào chương trình cứu trợ về thú y trong tình trạng khẩn cấp và đáng được thử nghiệm ở các nước khác. Lợi thế của chương trình là có thể bao quát được nhiều hộ chăn nuôi bị thiệt hại hơn (điều này thì đòi hỏi sự đóng góp to lớn của người dân), cộng thêm việc cung cấp các dịch vụ y tế tương đối hiệu quả của mạng lưới nhân viên thú y tư nhân được đào tạo trước. Các nhân viên thú y cộng đồng này trước đó đã được huấn luyện bởi ủy ban thú y Kenya.

Tuy nhiên, nhược điểm của hình thức này là nó tốn khá nhiều thời gian vào giai đoạn thiết kế chương trình, gồm cả việc đưa ra một cách cụ thể các thủ tục cần thiết và cách thức điều hành chương trình. Trong trường hợp phát sinh nhiều loại bệnh khác đối với từng loại vật nuôi khác nhau, thì các loại thuốc cũng vượt khỏi phạm vi 4 loại thuốc có sẵn, đồng nghĩa với việc thực thi chương trình sẽ phức tạp hơn.

Nguồn: Mutungi, P. (2005) 'Đánh giá ban đầu về hệ thống hỗ trợ dịch vụ thú y trong các tình trạng khẩn cấp sử dụng phiếu y tế ở Turkana và các tỉnh phía tây Pokot', Ủy ban chữ thập đỏ Quốc Tế, Nairobi.

Nghiên cứu 5.3: Những cứu trợ về thú y cho vật nuôi trong hạn hán ở Kenya

Dự án Nâng cao Năng lực Chăn thả ở Bắc Kenya của tổ chức FARM – Africa hoạt động ở các tỉnh Marsabit và Moyale, Bắc Kenya. Theo báo cáo của nhân viên thú y của chính phủ, vụ hạn hán năm 2005 – 2006 gây thiệt hại khoảng 65 tới 85% vật nuôi. Nước và đồng cỏ trong tình trạng khan hiếm khiến vật nuôi có nguy cơ bị chết đói và bệnh tật.

Hợp tác với cục thú y của chính phủ, tổ chức FARM – Africa đã đề nghị Tổ chức nông lương Liên Hiệp Quốc (FAO) cấp kinh phí để thực hiện một sáng kiến cứu trợ về thú y khẩn cấp. Mục tiêu của chương trình là tăng cường sức khỏe vật nuôi giống để chống chọi với việc bùng phát dịch bệnh do tình trạng hạn hán gây ra và để giảm ký sinh trùng nhằm giữ vững năng xuất chăn nuôi. Dự án hướng tới 20% vật nuôi ở 2 tỉnh bằng việc điều trị bệnh và tẩy giun sán trên diện rộng.

Tham gia chương trình là nhân viên của tổ chức FARM – Africa, các cán bộ thú y địa phương và trợ lý, nhân viên của tổ chức đối tác và các nhân viên thú y cộng đồng chịu trách nhiệm điều trị bệnh cho vật nuôi. Gói cơ bản bao gồm thuốc tẩy giun và thuốc diệt trùng mũi khoan; ngoài ra còn có gói không bắt buộc chỉ dùng điều trị cho những con ốm yếu bao gồm có vitamin tổng hợp, thuốc diệt ký sinh trùng và thuốc kháng sinh. Hình thức thanh toán có thể bằng tiền mặt hoặc hiện vật, cụ thể như sau:

Vật được điều trị	Thanh toán bằng hiện vật	Thanh toán bằng tiền mặt
Gia súc/ lừa	20 con trả 1 con dê	50 đồng Kenya ($0.70)
Cừu/ dê	100 con trả 1 con dê	5 đồng Kenya ($0.07)
Lạc đà	10 con trả 1 con dê	50 đồng Kenya ($0.70)

Đối tượng trực tiếp của dự án là 2.107 hộ chăn nuôi ở tỉnh Marsabit và 1.560 hộ ở tỉnh Moyale; tổng cộng là 27.600 người.

Mục tiêu của dự án là dần dần cải thiện sức khỏe cho vật nuôi nhằm nâng cao sản lượng thịt và sữa, tăng cường sức đề kháng chống lại bệnh tật, cải thiện tình trạng sức khỏe cho bò kéo để chuẩn bị cho vụ mùa tiếp theo. Người ta cũng hy vọng về lâu dài chương trình sẽ giúp tăng tỉ lệ sinh sản và cuối cùng là tăng cường an ninh lương thực.

Trong giai đoạn chuyển tiếp, người được trợ giúp đã rất lạc quan về thành công của chương trình cứu trợ này và họ cho rằng vật nuôi khỏe hơn, có khả năng chống chịu được hạn hán và nâng cao sản lượng sữa.

Nguồn: FARM – Africa (2006) 'Hỗ trợ tức thời cộng đồng sống bằng nghề chăn thả nhằm ứng phó với tình trạng hạn hán ỏ hai tỉnh Marsabit và Moyale', Báo cáo cuối gửi tới tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc, OSRO/RAF/608/NET (CERF2), FARM – Africa, Nairobi.

Chương 6: Đảm bảo nguồn thức ăn chăn nuôi

Nghiên cứu 6.1: Cung cấp thức ăn chăn nuôi bổ sung ở Rajasthan, Ấn Độ

Những vùng đất khô cằn và bán khô căn ở Rajasthan, Bắc Ấn Độ thường xuyên phải gánh chịu những trận hạn hán đe dọa nghiêm trọng tới đời sống. Hầu hết các gia đình trong khu vực làm nghề nông và sống định canh (hoặc bán định canh), điều này có nghĩa là khả năng di chuyển tìm thức ăn cho vật nuôi trong hạn hán là rất hạn chế. Oxfam đã tiến hành một

chương trình hỗ trợ cỏ khô và các thức ăn bổ sung ở khu vực này khi có hạn hán. Chương trình hướng tới 3.500 vật nuôi và đã hết sức thành công trong việc ngăn ngừa vật nuôi tử vong và thậm chí còn giúp tăng trung bình mỗi ngày 0.5 lít sữa.

Nguồn: www.reliefweb.int/rw/rwb.nsf/AllDocsByUNID/dd5cd2005c499eebc1256c84004c0f11

Nghiên cứu 6.2: Di rời vật nuôi khi có lũ ở Băng-la-đét

Việc di rời vật nuôi thường được tiến hành khi có hạn hán nhằm hạn chế những ảnh hưởng do thiếu lương thực mang lại. Tuy nhiên, ở Băng-la-đét, cách thức trên đã được sử dụng nhằm bảo vệ vật nuôi khỏi ảnh hưởng của tình trạng 'quá nhiều nước'. Trong những trận lụt xảy ra định kỳ ở Băng-la-đét, lượng nước dâng lên quá cao đe dọa tới sự tồn tại của con người và vật nuôi. Biện pháp cứu trợ thông thường của Oxfam là di rời đàn vật nuôi bị lũ đe dọa tới các khu vực trung tâm để được cung cấp thức ăn và được chăm sóc. Ở những nơi vật nuôi không bị lũ đe dọa, người ta dùng thuyền để mang thức ăn và các đồ cứu trợ thiết yếu nhằm giữ cho con vật có thể sống sót chờ lũ rút.

Nguồn: www.odi.org.uk/alnap/publications/pdfs/ALNAP-ProVention_flood_lessons.pdf

Nghiên cứu 6.3: Chủ chăn nuôi nhường bớt khẩu phần ăn cho vật nuôi, Chad

Một số người tị nạn từ Darfur tới được cái trại tị nạng ở Tây Chad, mang theo vật nuôi. Nhưng họ tìm thấy rất ít nước và cỏ cho chúng. Khi được hỏi, họ trả lời đã chia bớt một phần khẩu phần ăn của mình cho vật nuôi nhằm đảm bảo mạng sống cho chúng bởi chúng là nguồn cung cấp sữa và thu nhập thiết yếu cho họ.

Nguồn: SPANA (2007) Thông cáo báo chí, Hội bảo vệ động vật nước ngoài, Luân Đôn

Nghiên cứu 6.4: Vấn đề không phải lúc nào cũng là ngân sách

Trong các trường hợp khẩn cấp, vấn đề hậu cần thường quyết định sự thành bại của dự án cứu trợ được đề ra. Các chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi bổ sung sẽ có nguy cơ thất bại do những khó khăn nảy sinh trong quá trình thực thi. Theo tổ chức VSF Bỉ, một chương trình thí điểm cung cấp thức ăn chăn nuôi cho gia cầm ở Turkana, Kenya đã thất bại do không thể đạt được các mục tiêu đề ra mặc dù có nguồn quỹ dồi dào. Có thể nhận thấy một số yếu tố dẫn đến kết quả trên là: (1) việc mua thực phẩm từ nước ngoài mà không tận dụng tiềm năng từ các nguồn trong nước, (2) thức ăn bị hư hỏng do không được chế biến đúng công thức và (3) thiếu một chương trình kế hoạch dự phòng để đảm bảo chương trình vẫn đạt được mục tiêu đề ra cho dù có vấn đề nảy sinh. Các vấn đề như trên có thể sẽ gây nên

những phản ứng dây chuyền không hay bởi người tham gia chương trình có thể sẽ phần nào nghi ngại những cứu trợ trên đã không vì lợi ích của họ.

Nguồn: www.reliefweb.int/library/documents/2002/odi-ken-23dec.pdf

Nghiên cứu 6.5: Phụ nữ hỗ trợ việc quản lý chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi cho đàn cốt yếu ở Moyale, Ethiopia

Một trong những chương trình cứu trợ của tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ trong vụ hạn hán ở Ethiopia đầu năm 2006 là dự án hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi bị thiệt hại nặng nề nhất trong trận hạn hán nhằm bảo toàn cho những vật nuôi cốt yếu – kế sinh nhai của họ. Các điểm chăm nuôi được dựng lên ở ba khu vực quận Moyale để phân phát thực phẩm, điều trị và tiêm phòng cho các con vật có năng xuất cao được chọn. Tổng cộng có khoảng 1.000 con cừu/dê và 400 gia súc được nuôi giữ ở các điểm này trong những tháng hạn hán nặng tồi tệ nhất và sau đó được trả về cho chủ của chúng.

Tổ chức đã hết sức nỗ lực để đảm bảo cho những hộ gia đình do phụ nữ làm chủ được tham gia và hưởng lợi từ dự án. Đồng thời, phụ nữ cũng tham gia vào hoạt động ở các điểm chăm nuôi với vai trò là những người quản lý vật nuôi (cho ăn và chăm sóc) vào ban ngày. Việc phụ nữ tham gia vào các hoạt động này đã được thảo luận và thông qua trước đó với những người đứng đầu cộng đồng. Ở Somali, phụ nữ là người chăm sóc chính cho cừu và dê.

Nguồn: Nejar Abdi Mohammed, Cán bộ Giới và Giáo dục, Moyale, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ, Ethiopia, pers.com

Nghiên cứu 6.6: 'Ngân hàng thức ăn chăn nuôi' ở Niger – một phần của sáng kiến dự phòng hạn hán

Dự án Đảm bảo sự Tồn tại và Phục hồi cho người Chăn thả ở khu vực Dakoro, Niger do tổ chức Cứu trợ Thế giới Lutheran tiến hành với sự tham gia của tổ chức đối tác CEB. Dự án được đề xướng nối tiếp chương trình cứu trợ thực phẩm trong trường hợp khẩn cấp nhằm đối phó với nạn đói ở Niger năm 2005 với mục tiêu nâng cao khả năng cộng đồng sẵn sàng ứng phó với hạn hán và đói kém có thể xảy ra trong tương lai. Sau khi thảo luận với cộng đồng dân cư ở khu vực Dakoro, bốn hoạt động cứu trợ đã được xác định: (1) cung cấp vật nuôi (tái lập đàn); (2) xây dựng các 'ngân hàng thức ăn chăn nuôi'; (3) xây dựng các điểm cấp nước và (4) lập diễn đàn cho người dân nhằm hỗ trợ họ tham gia vào dự án trên mọi khía cạnh, giải quyết các vấn đề như mâu thuẫn giữa người trồng trọt và chăn nuôi và nâng cao nhận thức của cư dân về quyền lợi của họ.

Các hợp phần của dự án đã được thiết kế và lên kế hoạch trên diễn đàn. Các ngân hàng thức ăn chăn nuôi do người dân điều hành được thiết lập nhằm đảm bảo người chăn nuôi có

thể mua thực phẩm cho vật nuôi mọi lúc với giá cả hợp lý. Sáu ngân hàng thức ăn chăn nuôi được dựng lên với cơ sở vật chất nhà kho, hợp tác xã và trụ sở tài chính và mỗi ngân hàng được hỗ trợ một nhà kho và một tài khoản. Các ngân hàng này thuộc quyền quản lý của hội chăn nuôi. Các ngân hàng mua thức ăn chăn nuôi với số lượng lớn khi giá thấp (trong hoặc sau vụ mùa) và sau đó bán lại cho người chăn nuôi bất cứ lúc nào trong năm theo giá vốn cộng thêm phí quản lý. Điều này đã giúp đem lại lợi ích cho người chăn nuôi, bởi nó vừa làm giảm chi phí mua thức ăn chăn nuôi và làm tăng giá bán vật nuôi (do vật nuôi được chăm sóc tốt hơn). Nhờ đó người chăn nuôi có thể tăng thêm thu nhập và có khả năng cải thiện đời sống gia đình.

Địa điểm lập ngân hàng thức ăn chăn nuôi là do người chăn nuôi quyết định để đảm bảo sự thuận tiện, an ninh và tính minh bạch. Thường các ngân hàng được lập ở điểm họp mặt của người chăn nuôi trong làng hoặc là ở các điểm tạm. Đối với những nhóm cộng đồng ổn định hơn thì ngân hàng được xây dựng ở trụ sở của người lãnh đạo trên đất do người đó (hoặc một người dân) hiến tặng. Cộng đồng dân cư đóng góp sức lao động và vật liệu xây dựng có sẵn như cát sỏi dưới sự chỉ đạo của một ủy ban do hội chăn nuôi bầu ra.

Hai dấu hiệu chứng tỏ tầm ảnh hưởng của các ngân hàng thức ăn chăn nuôi là việc bán được thức ăn chăn nuôi và việc thay thế thức ăn mới mới. Cho tới nay, các ngân hàng đều đã bán được hết thức ăn và thay thế chúng.

Cộng đồng dân cư đã nhận thấy được những lợi ích trước mắt và lâu dài của chương trình ngoài việc phòng tránh hạn hán là việc nâng cao sức khỏe cho vật nuôi và sự gia tăng sản lượng sữa (điều này lại có ảnh hưởng tích cực tới chế độ dinh dưỡng và/hoặc thu nhập của người chăn nuôi). Người dân cũng cho rằng nếu như hạn hán có xảy ra, thì tỉ lệ tử vong của vật nuôi cũng sẽ giảm đi so với những vụ trước đó bởi họ đã có nguồn thức ăn có sẵn, đồng thời họ cũng giảm bớt được áp lực phải bán vật nuôi. Kể cả trong trường hợp phải giảm đàn, thì họ cũng tin rằng họ sẽ lập lại được đàn khỏe mạnh hơn và béo tốt hơn. Việc di cư để tìm đồng cỏ chăn nuôi và việc làm cũng sẽ giảm xuống.

Nhu cầu thức ăn cho vật nuôi của người chăn nuôi trên núi cao hơn và họ phải chịu giá mua cao hơn thành viên của hiệp hội để có thể bù lại được chi phí. Các hội đồng phải đối mặt với thách thức quản lý nguồn hàng sao cho có đủ thức ăn chăn nuôi phục vụ cho nhu cầu của dân địa phương.

Một lãnh đạo địa phương giải thích lợi ích căn bản của các ngân hàng thức ăn chăn nuôi là chúng giúp cho người chăn nuôi có thể 'tồn tại và phục hồi được trong hạn hán' – bởi có hạn hán thì xảy ra tình trạng khan hiếm hay không đủ tiền mua thức ăn vật nuôi, và như vậy nếu không có các ngân hàng này, người dân sẽ buộc phải bán hoặc giết vật nuôi đi, vì nếu không làm như thế thì chúng cũng sẽ chết. Việc thiết lập các ngân hàng như vậy kết hợp với việc tái tạo đàn vật nuôi (Xem Nghiên cứu 9.2) đem lại lợi ích cho người chăn nuôi ở khu vực Dakoro.

Nguồn: Đề xuất dự án Đảm bảo sự Tồn tại và Phục hồi cho Người chăn nuôi của Tổ chức Cứu trợ Thế giới Lutheran (ARVIP) (2005); Khảo sát cơ sở của ARVIP; Báo cáo giữa kỳ của John Burn, Đại học Tuft (2006); Evariste Karangwa, Meghan Armisted và Mahamadou Ouhoumoudou, nhân viên LWR, pers.comms.

Nghiên cứu 6.7: Tận dụng đường dây cung cấp thức ăn và các điểm phân phối đã có sẵn

Khi trận động đất lớn xảy ra ở bang Gujata, Ấn Độ vào năm 2001, nơi đây vẫn còn đang phải hứng chịu vụ hạn hán kéo dài hai năm liên tiếp. Hiểu một cách đúng nghĩa thì chính phủ Ấn Độ đã có sẵn một ủy ban Quốc Gia để giám sát và thực hiện các hoạt động cứu trợ trong hạn hán. Do đó, hệ thống đường sắt và xe tải đang được sử dụng để mang thức ăn chăn nuôi để cứu trợ (dạng cô đặc hay cỏ khô) cho vật nuôi ở khu vực hạn hán cũng đã được dùng để chuyển thực phẩm tới các điểm phân phối trong những tuần sau khi động đất xảy ra. Các tổ chức phi chính phủ địa phương cũng như các đơn vị trong làng đã giúp tạo nơi trú ngụ tạm thời và bố trí bãi giữ vật nuôi, đồng thời cung cấp thức ăn và nước uống cho chúng. Những tổ chức trên cũng hỗ trợ việc cân đối các khoản thu và phân phối thức ăn chăn nuôi tới những khu vực chịu ảnh hưởng của động đất từ các tổ chức tư nhân và các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

Nguồn: Goe, M.R. (2001) 'Đánh giá phạm vi ảnh hưởng của động đất tới chăn nuôi ở bang Guarat, Ấn Độ', Báo cáo của đoàn tư vấn, FAO, Bangkok/Rome; Goe, M.R. (2001) 'Hoạt động cứu trợ và phục hồi các khu vực chăn nuôi bị ảnh hưởng bởi động đất ở tỉnh Kachchh, bang Gujarat, Ấn Độ', Bản đề xuất dự án hợp tác kỹ thuật. FAO, Rome/Bangkok.

Nghiên cứu 6.8: Trợ cấp thức ăn vật nuôi khẩn cấp trong những trận lụt ở Băng-la-đét

Vùng đảo ở Băng-la-đét bao gồm các đảo cát nằm ở khu vực trũng ven sông rất dễ bị lụt lội. Đây là khu vực thường xuyên bị sói mòn và lắng phù sa. Dự án Sinh kế cho vùng đảo do Bộ phát triển Quốc Tế Vương Quốc Anh (DFID) thực hiện đã hợp tác với cư dân đảo ở Bắc Jamuna nhằm hỗ trợ sinh kế cho họ thông qua hình thức chuyển tài sản, nâng cấp nhà cửa để tăng khả năng chống chọi với lụt lội, cung cấp nước, giáo dục đào tạo và nâng cao năng lực cho người chăn nuôi.

Tháng 7 năm 2007, những trận lụt lớn bất ngờ ập xuống, ảnh hưởng tới 60% đất nước này và ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng là khu vực Bắc Jamuna. Dự án sinh kế cho vùng đảo đã có những nỗ lực cứu trợ trong suốt hai tuần liền cho tới khi lũ rút. Phạm vi của chiến dịch bao gồm cung cấp thức ăn chăn nuôi, viên lọc nước, các chiến dịch cứu hộ và hỗ trợ vật nuôi. Nửa sau của chiến dịch tập trung vào việc cung cấp thức ăn cho hơn 15.000 vật nuôi

trong khoảng thời gian 8 ngày – đủ cho 9 trên 10 hộ trong diện hỗ trợ của dự án. Ngoài ra, khoảng 3.800 người và 3.375 vật nuôi đã được cứu sống.

Người ta đã tiến hành điều tra mức độ hài lòng của người tham gia dự án và 79% hộ gia đình nhìn chung rất hài lòng và 20% tương đối hài lòng với các hoạt động cứu trợ này. Chỉ có 1% hộ tham gia đã không thỏa mãn với các hoạt động của dự án.

Nguồn: Marks, M. và R. Islam (2007). Các hoạt động cứu trợ trong lũ lụt– Chương trình sinh kế vùng đảo (tháng 8 năm 2007): Tóm tắt lại các nỗ lực cứu trợ và điều tra mức độ hài lòng của người dân', Bộ phận đổi mới, giám sát và nghiên cứu, Chương trình kế sinh nhai vùng đảo, Maxwell Stamp plc, Bộ phát triển Quốc Tế Vương Quốc Anh và Chính phủ Băng-la-đét, Luân Đôn và Dhaka.

Chương 7: Cung cấp nước

Nghiên cứu 7.1: Tác dụng của các trạm cấp nước ở Borana, Ethiopia

Tổ chức phi chính phủ Đông Phi mang tên Hành động vì sự Phát triển đã xây dựng các trạm cấp nước ở một số điểm trên các bãi chăn nuôi ở Nam Ethiopia. Các trạm cấp nước này đã rất thành công trong việc cung cấp nước dùng và do đó đã giúp cho nhiều vật nuôi tồn tại được trong những vụ hạn hán xảy ra ở khu vực trong những năm gần đây. Tuy nhiên cái giá phải trả là việc vật nuôi tập trung ở các trạm cấp nước đôi lúc dẫn đến tình trạng thiếu cỏ khô trầm trọng. Các hoạt động cứu trợ trong tương lai sẽ nỗ lực giải quyết tình trạng này bằng cách xây dựng nhiều hơn nữa các trạm cấp nước ở khu vực có nhiều bãi chăn nuôi. Trong lúc đó, các hoạt động khác của chương trình là cung cấp thức ăn cho vật nuôi ở các điểm cấp nước để đảm bảo vật nuôi được ăn uống đầy đủ.

Nguồn: www.irinnews.org/report.aspx.reportid=32688

Nghiên cứu 7.2: Hoạt động chở nước cứu trợ bằng xe tải trong hạn hán ở Somalia

Tổ chức VETAID nhận quỹ từ Văn phòng Điều phối các Vấn đề Nhân đạo của Liên Hợp Quốc (OCHA) để thực thi dự án chở nước cứu trợ bằng xe tải cho người chăn nuôi ở khu vực Gedo, Bari và Karkaar (Somalia) đang chịu ảnh hưởng nặng nề của hạn hán. Dự án ở Gedo đã chở nước cho 2.500 con sinh sản và 1.100 con cừu và dê để chúng có thể tận dụng hiệu quả hơn các bãi chăn thả ở quận Bardera và El-wak. Chương trình cứu trợ này đã giúp bảo tồn được sinh kế chính của người dân nơi đây, giúp họ có thể phục hồi nhanh sau vụ hạn hán bằng cách bảo vệ những con vật sinh sản cốt yếu. Dự án cũng cung cấp nước uống cho 3600 hộ chăn nuôi. Ngoài ra, với mục tiêu đảm bảo nguồn nước bền vững lâu dài, VETAID đã tiến hành khôi phục lại các công trình bể hứng nước mưa và chuyển xác xúc vật ra khỏi khu vực giếng và đập nước.

Nguồn: www.vetaid.org/emergency-work.asp.

Nghiên cứu 7.3: Củng cố hạ tầng cấp nước ở Pakistan

Trong vụ hạn hán xảy ra ở Pakistan năm 2000, một số sáng kiến đã được thực thi với sự tham gia của cộng đồng, các cơ quan tư nhân và tổ chức phi chính phủ nhằm giảm thiểu ảnh hưởng tới vật nuôi. Sáng kiến của CDA hỗ trợ việc xây dựng các giếng nước lớn được trang bị máy bơm năng lượng mặt trời. Dự án này đã thiết lập được các trạm cấp nước uống trên 6 triệu héc-ta đất sa mạc Cholistan nhằm cứu trợ cho người chăn nuôi và vật nuôi đang bị kẹt trong hạn hán. Dự án này là nỗ lực hết sức to lớn nhằm ứng phó với một vụ hạn hán nặng nề đe dọa sinh mạng tới 50% vật nuôi trên các vùng trong cả nước. Ngay cả quân đội cũng đã tham gia vào giải quyết hậu quả của vụ hạn hán này. Trong một thỏa thuận tương tự, kiểm lâm Punjab đã cho xây dựng 6 giếng nước ngọt và 60 trạm cấp nước với công suất khử muối tương đương với các trạm tiền đồn vùng biên giới của họ. Nhờ vậy, mỗi trạm trong 70 trạm này đã có thể cấp nước cho 500 người chăn nuôi và gia súc của họ.

Nguồn: http://findarticles.com/p/articles/mi_m0EIN/is_2000_June_27/ai_62981972

Chương 8: Nơi trú ngụ cho vật nuôi

Nghiên cứu 8.1: Người và vật nuôi trú ngụ cùng nhau trong khủng hoảng ở Kosovo

Năm 1999, trong suốt cuộc xung đột ở Kosovo, các gia đình đã sống cùng vật nuôi ở các điểm trú ngụ cho vật nuôi bởi vì nhà cửa của họ đã bị chiến tranh tàn phá nên không thể giúp họ lánh rét được nữa. Trong những đêm đông giá rét, hơi nóng từ cơ thể vật nuôi đã giữ ấm được cho con người. Việc trú ẩn cùng vật nuôi cũng giúp cho các hộ chăn nuôi này tránh nguy cơ bị mất vật nuôi. Người ta đã phải thiết kế ra các trang thiết bị mới để nâng cấp và mở rộng các điểm trú ngụ này để có đủ sức chứa cho cả người và vật nuôi.

Nguồn: A. Porter, IRC, pers.com, 1999

Nghiên cứu 8.2: Các điểm trú ngụ cho vật nuôi ở khu vực không an toàn ở Pakistan

Nhằm ứng phó với trận động đất năm 2005 ở Pakistan, một số điểm trú ngụ đã được xây dựng để các hộ chăn nuôi có thể mang vật nuôi của mình xuống trú ẩn, tránh ở các vùng cao nơi vật nuôi khó có thể chịu được thời tiết giá rét khắc nghiệt và nguy cơ thiếu thực phẩm đe dọa. Tuy nhiên, một vài hộ chăn nuôi vẫn ở lại trên núi vì sợ mất nhà cửa, đất đai và tài sản.

Nguồn: P Manfield, IOM, pers.com, 2005.

Nghiên cứu 8.3: Xây dựng chuồng trại cho vật nuôi sau động đất ở Pakistan

Tiếp sau trận động đất năm 2005 ở Pakistan, một chương trình hợp tác giữa Quỹ Tài trợ Phát triển Dosti, Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO), Chương trình lương thực Quốc tế Liên Hợp Quốc (WFP) và chính phủ Pakistan đã được thực hiện với mục đích cung cấp chỗ ở và thức ăn bổ sung cho vật nuôi để hỗ trợ các hộ chăn nuôi ở tỉnh Mansehra và Batagram. Mục tiêu của chương trình là cải thiện sức khỏe và năng xuất vật nuôi và giới thiệu kỹ thuật xây dựng phòng chống động đất. Kỹ thuật xây chuồng vách đất này thực chất là việc xây dựng bằng hỗn hợp đất sét, cát và rơm. Ưu điểm của phương pháp là dễ làm, giá thành rẻ và dựa trên vật liệu có sẵn. Các gia đình tham gia chương trình được hướng dẫn xây dựng chuồng trại bằng kỹ thuật này.

Tổng cộng, 3.000 chuồng trại đã được hỗ trợ xây dựng và 108 chuồng trại do người dân tự dựng bằng vật liệu có sẵn. Các hộ tham gia được cung cấp thức ăn bổ sung cho vật nuôi và tiêu chí hỗ trợ là các hộ bị thiệt hại nhiều nhất trong vụ động đất và sống chủ yếu bằng nghề chăn nuôi.

Nguồn: Quỹ Tài trợ Phát triển Dosti và Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (2007) 'Báo cáo dự án hỗ trợ xây dựng chuồng trại và cung cấp thức ăn bổ sung cho vật nuôi, 2006 – 2007; chi tiết cụ thể như các bản vẽ chuồng trại xây bằng vách đất có thể xem từ White, C.M (2006) 'Chuồng trại vật nuôi bằng vách đất ở Pakistan (bản vẽ kỹ thuật)', tài liệu chưa được công bố. Liên hệ: Caroline Meyer White, Kiến trúc sư xây dựng tự nhiên, Hojt Paa Straa, Skraldhedevej 8, 6950 Ringkobing, Denmark; Darcey Donovan, Eco Engineering, PE 59754, PO Box 1083, Truckee, CA 96160, USA.

Nghiên cứu 8.4: Nơi ở cho vật nuôi ở Băng-la-đét

Lũ lụt đã ảnh hưởng tới rất nhiều khu vực ở Băng-la-đét. Ở các khu vực này, cách thức người ta bảo vệ vật nuôi là dựng lên các gò đất (theo tiếng địa phương là killa) rộng, bằng phẳng và rắn chắc để có thể dồn vật nuôi lại thành bầy tránh lũ. Điểm trú bão cho người dân thường được đặt gần các gò đất này để tiện cho việc bảo vệ vật nuôi. Trước đây khi chưa có các gò tránh lũ này, có nhiều người đã từ chối trú ngụ ở các điểm trú bão.

Nguồn: Chính phủ Băng-la-đét/UNDP/ Ngân hàng Thế giới (1993) Chương trình Trú ngụ Tránh bão đa năng, Bản báo cáo cuối, Phần 1, Tháng bảy, Đại học Kỹ thuật và Công nghệ Băng-la-đét/ Học viện Nghiên cứu Phát triển Băng-la-đét, Dhaka, (thông tin do James Lewis cung cấp)

Nghiên cứu 8.5: Nơi trú ngụ tập thể cho vật nuôi ở Pakistan

Thời điểm xảy ra trận động đất năm 2005 ở Pakistan là khi cừu và dê vừa được lùa về từ các đồng cỏ, vì vậy số lượng các con vật bị chết là rất lớn. Tổng số vật nuôi (trâu, vật nuôi, gia cầm) bị chết ở các điểm chăn nuôi tĩnh còn lớn hơn nữa do chuồng trại sập. Các vật nuôi còn lại đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với người chăn nuôi, bởi chúng là nguồn cung cấp sữa quý giá cho mùa đông và là tất cả số tiền còn lại của họ. Để ứng phó với trường hợp này, tổ chức Brooke đã hỗ trợ xây dựng các điểm trú ngụ tập thể cho vật nuôi thay vì cho từng hộ. Nguyên do là nguồn kinh phí và đất đai hạn hẹp; vì vậy, việc xây dựng các điểm trú ngụ tập thể đồng nghĩa với việc nhiều vật nuôi hơn được bảo vệ khi mùa đông giá rét đang tới. Các hộ chăn nuôi ở gần nhau được khuyến khích xây dựng các chuồng gỗ đủ lớn để có thể chứa được vật nuôi của các hộ khác (có thể lên tới 30 con). Họ được hỗ trợ kỹ thuật xây dựng, các tấm nhựa, đinh và mái tôn để xây dựng. Tiêu chí lựa chọn là các hộ bị thiệt hại nặng nề và đang thiếu thốn nhất dựa trên các cuộc nói chuyện với trưởng thôn và các cuộc khảo sát trên đường. Những nhóm gia đình không thể tự xây dựng được chuồng trại sẽ được Brooke trợ giúp xây dựng. Ban đầu, nhiều người không muốn xây dựng chuồng trại chung vì sợ dịch bệnh sẽ lan truyền. Tuy nhiên, Brooke đã cung cấp vắc-xin và khám chữa bệnh cho vật nuôi trước khi tập hợp chúng lại với nhau để tránh lây lan dịch bệnh và để cải thiện sức khỏe vật nuôi. Dự án này có thêm lợi ích là việc chăm sóc vật nuôi được chia sẻ giữa phụ nữ trong các hộ gia đình để tiết kiệm sức lao động. Sau dự án này, Brooke tiếp tục tập huấn cho phụ nữ về thú y và cách chăn nuôi, và sau đó là đào tạo chính thức các nhân viên thú y cộng đồng để nâng cao sức khỏe cho vật nuôi về lâu dài.

Nguồn: Julia Macro, The Brooke, pers.com

Chương 9: Cung cấp vật nuôi cho người chăn nuôi

Nghiên cứu 9.1: Tái lập đàn bằng hình thức hỗ trợ tiền mặt ở Kenya

Quận Isiolo (tỉnh phía Đông Kenya) đã phải hứng chịu một vụ hạn hán nghiêm trọng khiến rất nhiều vật nuôi bị chết và tỉ lệ suy dinh dưỡng ở con non lên rất cao. Sau những đợt mưa kéo dài giúp cải thiện tình hình vào tháng Tư, tháng Năm năm 2006, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ đã hỗ trợ 750 hộ chăn nuôi ở 22 cộng đồng dân cư một khoản tiền mặt trị giá 30.000 đồng Kenya (tương đương 490 Đôla Mỹ) được chuyển một lần duy nhất. Số tiền này nhằm mục tiêu giúp các hộ gia đình tái lập đàn vật nuôi (tùy chọn loại) hoặc đầu tư vào các hình thức khác và cũng là để họ có tiền mặt để trang trải cho những nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống.
Nhìn chung, giá cả của vật nuôi ở các chợ trong khu vực đã không thay đổi nhiều sau đợt chuyển tiền hỗ trợ mặc dù người bán có ý đồ chặt chém do nhu cầu mua vật nuôi đột ngột tăng lên. Người được hỗ trợ tiền đã áp dụng một số biện pháp để tránh tình trạng cố tình thổi

phồng giá như là mua theo nhóm và cử một người đại diện đi mua, mua vật nuôi ở các chợ xa hơn hoặc hoãn việc mua lại một thời gian.

Một bản đánh giá đã được tiến hành 7 tháng sau khi chương trình hỗ trợ tiền mặt được thực hiện và kết quả như sau. Các hộ gia đình được hưởng cứu trợ đánh giá cao chương trình hỗ trợ bằng tiền mặt này bởi nó tạo cơ hội cho người nhận được tự quyết định mua loại vật nuôi nào và nó cũng đảm bảo chất lượng cao hơn là việc hỗ trợ tái lập đàn bằng hiện vật. Nó cũng cho phép người nhận sử dụng tiền vào các nhu cầu khác. Tổng cộng, 85% số tiền hỗ trợ được dùng để mua vật nuôi – chủ yếu là dê, cừu và vật nuôi, một số nhỏ dùng để mua lừa. Phần 15% còn lại cho các khoản khác như xây dựng chuồng trại, đầu tư vào kinh doanh/ tiểu thương, trả nợ, thanh toán các dịch vụ thú y, y tế, giáo dục và thực phẩm. Số lượng trẻ được đến trường (đặc biệt là em nữ) ở các gia đình được nhận hỗ trợ cao hơn so với các gia đình khác.

Chương trình chỉ hỗ trợ được 11% tổng số gia đình bị thiệt hại; như vậy rõ ràng là đã không đến được với mọi hộ gia đình. Nguyên nhân là do nguồn quỹ hạn hẹp. Tuy nhiên, như đã được thỏa thuận, việc hỗ trợ một lượng tiền đủ lớn cho một số lượng nhỏ các hộ gia đình sẽ hiệu quả hơn là chia nhỏ cùng một lượng tiền đó cho tất cả các hộ gia đình bị thiệt hại.

Sau bảy tháng thực hiện, tác dụng của chương trình đối với an ninh lương thực vẫn còn khiêm tốn. Các hộ hưởng trợ cấp đã có được chế độ ăn uống đa dạng hơn, chủ yếu là do có thêm nguồn sữa. Tuy nhiên, họ vẫn còn phụ thuộc nhiều vào các chương trình cung cấp thức ăn chăn nuôi. Nếu như tính dựa trên mức tăng của vật nuôi trong 5 đến 7 tháng đầu sau khi áp dụng chương trình (vật nuôi tăng 3%, dê tăng 16% và cừu tăng 25%) thì ước tính sẽ mất 2 năm để đàn vật nuôi có thể lớn tới mức đảm bảo được an ninh lương thực, và rõ ràng là đã nhanh hơn rất nhiều so với việc không có chương trình cứu trợ này. Tuy nhiên, tác dụng của chương trình chỉ có thể thấy rõ được sau một khoảng thời gian dài và đặc biệt là trong vụ hạn hán tiếp theo khi ta có thể kiểm nghiệm được khả năng phục hồi của các hộ gia đình này.

Nguồn: O'Donnell, M. (2007) 'Chương trình phục hồi sinh kế sau thảm họa bằng tiền mặt, Isiolo District, Kenya', dự thảo báo cáo đánh giá dự án, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ, Nairobi; Croucher, M., Karanja, V., Wako, R., Dokata, A. and Dima, J. (2006) 'Đánh giá tác động ban đầu của chương trình hỗ trợ sinh kế ở Merti and Sericho', Tổ chức Cứu trợ trẻ em, Nairobi.

Nghiên cứu 9.2: Hoạt động cung cấp vật nuôi như một chiến lược dự phòng hạn hán

Dự án Đảm bảo sự Tồn tại và Phục hồi cho người Chăn thả ở khu vực Dakoro, Niger do tổ chức Cứu trợ Thế giới Lutheran hợp tác với tổ chức đối tác CEB thực hiện. Dự án được khởi xướng tiếp sau chương trình cứu trợ thực phẩm chăn nuôi trong cuộc khủng hoảng lương

thực ở Niger năm 2005 với mục tiêu nâng cao khả năng phục hồi và sẵn sàng đối mặt với những vụ hạn hán và nạn đói tiếp sau của người dân vùng bị ảnh hưởng. Sau khi thảo luận với người dân ở quận Dakoro, bốn hoạt động cứu trợ chính đã được xác định là: (1) cung cấp lại vật nuôi (tái lập đàn vật nuôi); (2) ngân hàng thức ăn chăn nuôi; (3) xây dựng các điểm cấp nước và (4) tạo diễn đàn cho người dân nhằm hỗ trợ dân tham gia vào dự án trên mọi khía cạnh, giải quyết các vấn đề như mâu thuẫn giữa người trồng trọt và chăn nuôi và nâng cao nhận thức của cư dân về quyền lợi của họ.

Hợp phần dự án đã được thiết kế và lập kế hoạch trên diễn đàn có sự tham gia của người dân. Việc phân tán đàn gia súc được xác định là ưu tiên hàng đầu đối với cộng đồng chăn nuôi du mục khi gặp hạn hán trong tương lai. Khi hạn hán, nam giới trong gia đình sẽ đưa đàn vật nuôi lên phía nam để tìm kiếm cỏ, trong khi đó phụ nữ và người già sẽ ở lại chăm sóc những vật nuôi nhỏ. Khi lương thực cạn kiệt thì những vật nuôi nhỏ đó sẽ là những con đầu tiên bị định đoạt số phận. Người chăn nuôi ở đây xác định những vật nuôi đó là những con sẽ được thay thế để đảm bảo an ninh lương thực cho phụ nữ và cũng để phòng tránh việc phải bán những vật nuôi lớn.

Hoạt động được miêu tả dưới đây là hoạt động cứu trợ dự phòng hạn hán chứ không phải là hoạt động tái lập đàn vật nuôi, vì vậy số lượng con vật tương đối nhỏ. Cộng đồng ở đây thích nuôi cừu hơn là vừa cừu vừa dê (như gợi ý ban đầu của dự án), vì cừu có giá trị thị trường cao hơn.

Việc phân phối vật nuôi ở đây dựa trên cơ chế chuyển nhượng lại truyền thống của người dân (gọi là habbanaye). Theo cơ chế này, con vật sẽ được trao cho người nhận, và người nhận sẽ giữ lại lứa con đầu tiên và chuyển con gốc sang cho hộ chăn nuôi khác. Theo gợi ý của cư dân, mỗi hộ ban đầu sẽ được nhận 1 con cừu đực và 4 con cừu cái, và 200 hộ đầu tiên sẽ do chính cộng đồng dân cư đề ra dựa trên tiêu chí mức độ nghèo đói. Tới nay, lứa cừu con đầu tiên đã ra đời và các hộ đầu đã chuyển cừu bố mẹ sang các hộ tiếp sau.

Mục tiêu của dự án là hỗ trợ cho phụ nữ, rất nhiều người trước đây đã có đàn vật nuôi từ 7 đến 30 con nhưng bị mất trắng trong vụ hạn hán. Nay ít nhất họ đã có được 4 con cừu để bán trong trường hợp khốn khó hoặc để nuôi và nâng số lượng trong đàn lên vào năm sau khi những con cừu sinh sản. Nói một cách khác, những con vật được phân phối đã giúp tạo một 'quỹ dự phòng hạn hán' cho những người phụ nữ nghèo.

Hoạt động phân phối vật nuôi được hỗ trợ bởi hoạt động xây dựng các trạm cấp nước và các ngân hàng thức ăn chăn nuôi (xem lại Nghiên cứu 6.6) giúp bảo toàn sức sống cho vật nuôi và do đó bảo vệ tài sản cho người chăn nuôi.

Nguồn: Chương trình Đảm bảo sự Tồn tại và Phục hồi cho Người chăn thả (ARVIP) (2005); Khảo sát cơ sở của ARVIP; Báo cáo Giữa kỳ của John Burns, Trường Đại học Tufts, Tháng 12 năm 2006; Evariste Karangwa, Meghan Armisted và Mahamadou Ouhoumoudou, LWR, pers. comms.

Nghiên cứu 9.3: Chợ phiên vật nuôi ở Niger

Từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 6 năm 2006, khu vực phía bắc quận Dakoro, Niger (khu vực người dân sống chủ yếu bằng nghề chăn thả) đã mất tới 60% vật nuôi (chủ yếu là gia súc). Ở mức độ tổn thất này, thì cần phải mất tới 30 năm sau người dân mới có thể tái lập được những đàn như thời điểm trước khủng hoảng. Chăn nuôi ở đây là nguồn thu nhập chính, thậm chí là duy nhất của người dân. Oxfam và tổ chức AREN đã có sáng kiến giúp người chăn nuôi lập lại đàn thông qua hệ thống chợ phiên vật nuôi. Tổng cộng 1.500 hộ được nhận phiếu mua trị giá 360 Đôla mỗi phiếu để mua vật nuôi mà họ muốn (gia súc, cừu, dê, lừa) từ người buôn địa phương hay những chủ buôn lớn ở 8 phiên chợ tổ chức từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2006. Ngoài ra, để tránh tình trạng người dân bán tháo vật nuôi lấy tiền mặt để giải quyết nhu cầu thiết yếu, mỗi hộ được nhận thêm 30 Đôla tiền mặt. Các phiên chợ này được tổ chức kết hợp với dự án của PROXEL (do VSF Bỉ và KARKARA thực hiện) – dự án này chịu trách nhiệm kiểm tra sức khỏe vật nuôi và tiêm phòng cho chúng trước khi đem bán. Oxfam cũng ký kết với PROXEL để tiến hành hoạt động hỗ trợ tiếp sau cho người chăn nuôi sau khi nhận vật nuôi và hỗ trợ kỹ thuật cho họ, nổi bật là thông qua chương trình phòng bệnh thú y và nâng cao nhận thức của người chăn nuôi về kỹ thuật chăn nuôi mới.

Đánh giá một năm sau khi tiến hành chương trình đã nhấn mạnh vai trò của các hoạt động tiếp sau đến sự thành công của dự án. Tỉ lệ tăng của đàn lên tới 74%: 11.476 con vật đã được mua từ các phiên chợ. Ở tốc độ phát triển này thì ước chừng chỉ một năm sau đó số lượng đàn sẽ lên tới 20.000. Tỉ lệ giảm đàn, bao gồm cả bán và thịt vật nuôi, rất thấp (dê là 0.4%, cừu 0.6%) và điều này phù hợp với mục tiêu của chương trình là tái lập lại đàn vật nuôi. Các kết quả tích cực này theo nhận định của các nhà đánh giá là nhờ có hoạt động chăm sóc thú y sau mua và hoạt động tập huấn cho người chăn nuôi. Cộng đồng chăn nuôi được hỗ trợ cũng nhận thấy nhu cầu dịch vụ thú y của họ tăng lên nhờ có chương trình cứu trợ này.

Nguồn: Oxfam GB/VSF-B (2007) 'Báo cáo hoạt động. Hoạt động tái lập đàn vật nuôi, Quận Dakoro, Khu vực Maradi, Niger, Tháng 1 năm 2006 đến tháng 3 năm 2007, Oxfam GB/VSF-B, Niamey; Bernard, J. (2006) 'Chợ phiên vật nuôi, Thử nghiệm của Oxfam ở Sahel', Oxfam, Dakoro, Niger.

Nghiên cứu 9.4: Cộng đồng dân cư đóng góp vào việc tái lập đàn

Để ứng phó với vụ hạn hán khu vực Sừng Châu Phi diễn ra vào năm 2006, tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ đã tiến hành một chương trình tái lập đàn ở một số tỉnh trên khu vực Oromiya và Somali, Nam Ethiopia. Chương trình này được xây dựng dựa trên cơ chế tái lập đàn truyền thống về cả phương diện đối tượng người được hưởng trợ giúp và số lượng vật nuôi được cung cấp.

Năm quận mà chương trình hướng tới là những nơi mà người dân sống chủ yếu bằng nghề chăn thả bị tác động nặng nề nhất của vụ hạn hán. Các tổ chức từ thiện địa phương tham gia vào chương trình trợ giúp này là do cộng đồng dân cư Borana và Degodia Somali chỉ định và các tổ chức này đóng vai trò chính trong việc lựa chọn các hộ chăn nuôi được trợ giúp cũng như trong việc điều hành hoạt động chương trình. Ở Borana, hoạt động tái lập đàn truyền thống được người dân gọi là Bussa Gonifa. Theo đó, nếu như một người chăn nuôi bị mất vật nuôi do hạn hán, xung đột hay do bị cướp bóc và còn dưới 5 con bò thì sẽ đủ điều kiện nhận trợ cấp. Người đó sẽ được phép đề nghị xin thêm ít nhất 5 con bò từ bộ tộc của mình để có thể tiếp tục chăn nuôi. Người Degodia Somali cũng có một cơ chế tái lập đàn tương tự.

Tổ chức Cứu trợ trẻ em Mỹ đã thay thế bò bằng cừu và dê vì các vật nuôi nhỏ hơn có tỉ lệ sinh sản cao hơn và cũng được người dân thích hơn do khả năng chịu hạn tốt. Sau khi thỏa thuận với cộng đồng dân cư, tổ chức Cứu trợ trẻ em Mỹ sẽ cung cấp từ 15 đến 20 con cừu (dê), trong đó có từ 1 đến 2 con đực, và một con vật thồ cho mỗi hộ chăn nuôi và cộng đồng dân cư sẽ cân đối con số này theo cơ chế tái lập đàn truyền thống của họ. Tổng số vật nuôi được phân phát được coi là số lượng tối thiểu cho các hộ chăn nuôi đã mất hết hoặc mất gần hết vật nuôi của mình.

Đây là hoạt động hợp tác giữa tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ và đại diện các các quan nhân đạo địa phương được chỉ định khi bắt đầu tiến hành dự án. Các cơ quan này chịu trách nhiệm mua vật nuôi, lựa chọn các hộ chăn nuôi được trợ giúp và quản lý việc phân phát vật nuôi. Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ quản lý việc tiêm phòng và trị bệnh cho vật nuôi trước khi phân phối cho các hộ chăn nuôi.

Ở hai trong số các quận tiến hành dự án, số lượng vật nuôi được tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ đưa ra và số lượng vật nuôi do cộng đồng đóng góp được cân đối rất hiệu quả. Tổng cộng người dân đã đóng góp được 1.364 con cừu và dê, và họ rất tự hào khi con vật mình đóng góp chất lượng cao hơn các con được mua. Ở những khu vực khác thì việc đóng góp vật nuôi từ cộng đồng đã không thành công bằng vì hai lý do sau. Thứ nhất, ở một số khu vực, ảnh hưởng của hạn hán sâu rộng, các hộ gia đình nghèo đói hơn, do đó các tổ chức từ thiện địa phương không muốn thúc ép người dân phải đóng góp khi mà họ đều bị mất mát trong hạn hán. Thứ hai, người dân có sẵn sàng đóng góp cho dự án hay không còn phụ thuộc vào mối quan hệ với cơ quan từ thiện. Ở những nơi đã từng có các hoạt động cứu trợ dựa trên cộng đồng thì việc đóng góp thành công hơn so với những nơi mối quan hệ giữa người dân và các cơ quan cứu trợ được xác lập trong thời gian ngắn hơn hoặc không phát triển bằng.

Sau khi cân nhắc kỹ càng, tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ nhận định việc người dân đóng góp là một phương pháp hữu hiệu và rất thích hợp khi khu vực gặp hạn hán tiếp trong

tương lai, đặc biệt là ở những nơi mối quan hệ giữa cơ quan từ thiện và người dân bền chặt và những nơi hạn hán không tác động đến tất cả mọi người.

Nguồn: Gebru. G. (2007) 'Tài liệu của tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ về Chương trình Tái lập đàn ở khu vực bang Somali và Oromia', Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ, Addis Ababa.

Nghiên cứu 9.5: Phân phát vật nuôi sau trận động đất ở Pakistan

Tiếp nối các cứu trợ ban đầu như phân phối thực phẩm, lều trại và chăn màn sau trận động đất năm 2005 ở Pakistan, Hội chữ thập đỏ Đức đã khởi động một chương trình cứu trợ nhằm tăng cường dinh dưỡng cho trẻ em ở các gia đình bị thiệt hại trong trận động đất bằng cách phát cho họ một con bò sữa và một con bê. Đối tượng hưởng trợ giúp là các hộ gia đình hoặc đã mất hết vật nuôi trong thảm họa động đất, hoặc là các hộ dễ bị tổn thương như gia đình phụ nữ làm chủ và các hộ nghèo có từ 4 con trở lên. Các ủy ban cấp làng gồm đại diện người già, người thuộc các tầng lớp khác nhau, phụ nữ, lãnh đạo các giáo phái và giáo viên đã được thành lập chuyên trách việc lựa chọn các gia đình được hưởng trợ giúp. Sau đó những hộ đã được chọn lựa sẽ được kiểm tra chéo một lần nữa qua các chuyến thăm thực tế và thông qua các cuộc nói chuyện với người dân.

Trước khi giao vật nuôi cho các hộ gia đình, các hộ được huấn luyện cách chăm nom vật nuôi, bao gồm cách cho ăn, gây giống và thú y. Việc lựa chọn vật nuôi chỉ giới hạn ở một số giống và loài nhất định dựa trên các tiêu chí như khả năng thích ứng với thời tiết giá rét, sản lượng sữa, kích thước và tuổi đời. Các nhà thầu địa phương đảm nhận trách nhiệm cung cấp bò sữa và Hội chữ thập đỏ sẽ kiểm tra sức khỏe cho chúng, điều trị các bệnh về vú và diệt ve bọ, tiêm phòng và khử trùng trước khi giao cho người dân. Một hệ thống chọn lựa ngẫu nhiên đã được sử dụng để phân phối bò cho các gia đình được nhận.

Ngoài ra, tổ chức còn đào tạo các cán bộ thú y cộng động ở mỗi làng và các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ được tổ chức trong suốt quá trình thực thi dự án. Ngoài ra, tổ chức còn có kế hoạch kết nối các cán bộ thú y cộng động với các dịch vụ thú y của chính phủ như thụ tinh nhân tạo hay chiến dịch phát triển bó trong tương lai.

Nguồn: Matthew Kinyanjui, ICRC, pers.com.

Nghiên cứu 9.6: Quyết định không phân phối vật nuôi sau trận động đất ở Pakistan

Ngày mồng 8 tháng 10 năm 2005, ba quận vùng Azad Jammy Kashmir (AJK) và năm quận tỉnh biên giới Tây Bắc Pakistan (NWFP) đã phải hứng chịu một trận động đất tàn khốc. Để hỗ trợ chiến dịch phục hồi ngắn hạn và chương trình khôi phục của chính phủ, tổ chức nông lương Liên Hợp Quốc (FAO) đã đảm nhận trách nhiệm xem xét lại cơ cấu của chương trình vào tháng năm và tháng sáu năm 2006. Mục tiêu của hoạt động là tổng kết lại chiến lược sử dụng trong giai đoạn khôi phục ngắn hạn 6 tháng đầu sau động đất. Bản tổng kết đã nỗ lực

đánh giá một cách chính xác nhất tình hình cung cấp lương thực và nhu cầu của người dân ở các quận bị động đất càn quét. Kết quả tổng hợp như sau:

Quận	Tổng nhu cầu thức ăn chăn nuôi	Tổng số thức ăn chăn nuôi được cung cấp	Số dư (số thâm hụt)
	Năng lượng chuyển hóa Mê-ga-jun (m)	Năng lượng chuyển hóa Mê-ga-jun (m)	Năng lượng chuyển hóa Mê-ga-jun (m)
AJK:			
Muzaffarabad	5.361	7.560	2.199
Bagh	2.688	1.757	(931)
Rawlakot	5.092	3.306	(1.787)
NWFP:			
Mansehra	9.339	7.096	(2.242)
Battagram	4.037	1.871	(2.165)
Shangla	3.097	2.901	(197)
Abbotabad	6.339	3.336	(3.003)
Kohistan	11.962	11.103	(860)

Chú ý: *MJME là năng lượng trao đổi thô

Có thể thấy sau động đất, chỉ có quận Muzaffarabad là có lượng dư thức ăn chăn nuôi lớn. Hai quận Shangla và Kohistan (cả hai quận đều không bị mất nhiều vật nuôi trong động đất) thì khá cân đối giữa lượng cầu và lượng cung thức ăn chăn nuôi. Còn lại tất cả các quận khác đều bị thiếu hụt thức ăn chăn nuôi trầm trọng.

Dựa trên các thông số trên, tổ chức nông lương Liên Hợp Quốc đã thay đổi kế hoạch ban đầu từ việc hỗ trợ tái lập đàn vật nuôi sang cứu trợ các con vật còn lại thông qua hình thức cung cấp thức ăn chăn nuôi cho mùa đông 2006-2007, chuồng trại và dịch vụ thú y. Mặc dù có những nghi ngại về khả năng bền vững lâu dài của các nguồn cung cấp thức ăn chăn nuôi, trong số 9 tổ chức tham gia hỗ trợ ở AJK và 13 tổ chức ở NWFP, thì có tới:

- 27% cho biết sẽ cung cấp cho các con nhai lại lớn
- 33% cung cấp cho các con nhai lại nhỏ
- 33% sẽ cung cấp cho cả con nhai lại lớn và nhỏ
- 7% sẽ chỉ hỗ trợ cho đầu vào vật nuôi

Nguồn: Simon Mack, FAO, pers.com.

Nghiên cứu 9.7: Phân phối vật nuôi sau động đất ở Iran

Cuối tháng 12 năm 2003 một trận động đất 6.4 độ Richter đã giáng xuống khu vực Bam, tỉnh Kerman, phía nam Iran. Chỉ trong vòng 15 giây khi động đất xảy ra, có tới 70% nhà cửa ở thành phố và các làng lân cận đã bị sập và 40.000 trên tổng số 130.000 người dân ở đây đã bị

thiệt mạng trong động đất. Ở khu vực Bam, người dân sống chủ yếu bằng nghề trồng cây chà là và làm nông, nhưng họ cũng nuôi một lượng nhỏ vật nuôi để bổ sung nguồn thực phẩm và thu nhập, chủ yếu là gia súc, cừu và dê. Việc chăn nuôi đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với những người nông dân nghèo chỉ có rất ít đất đai hoặc thậm chí không có đất đai. Trong khi phần lớn chà là không bị ảnh hưởng bởi động đất, thì thiệt hại lên vật nuôi ước tính lên tới 31% tổng số gia súc và 26% tổng số cừu và dê. Hầu hết các con vật này ở trong những chuồng trại được dựng tạm gần nhà chủ chăn nuôi, vì vậy rất nhiều con bị chết khi chuồng trại nhà cửa sập vào người. Những con khác thì chạy toán loạn sau động đất, và một số bị lấy trộm hay bán đi để trang trải những nhu cầu cấp thiết.

Để ứng phó với thảm họa này, tổ chức Hành động chống nạn đói (ACF) Tây Ban Nha đã thiết kế một dự án phân phối vật nuôi cho các gia đình bị hại. Mỗi hộ trong tổng số 1200 hộ gia đình ở 17 làng bị động đất tàn phá ở Bam được cấp hai con dê và 300kg thực phẩm (lúa mạch). Mục tiêu của chương trình là hỗ trợ cho các hộ gia đình để họ có được nguồn sữa uống và thu nhập thêm. Dự án này hướng tới những hộ chăn nuôi bị mất hết vật nuôi, đặc biệt là góa phụ và những người dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, tiêu chí lựa chọn là các hộ này phải có kinh nghiệm chăn nuôi cừu và dê trước đây cũng như có chuồng trại để đảm bảo sự bền vững của chương trình. Việc lựa chọn các hộ này được tiến hành với sự hợp tác của hội viên hội đồng địa phương. Mạng lưới thú y Iran thầu toàn bộ hoạt động thú y cho các con vật được mua trước khi phân phối cho người dân, bao gồm việc tiêm vắc-xin phòng độc tố ruột, phòng bệnh dịch lây lan, tẩy giun sán và bổ sung vitamin và khoáng chất cho chúng.

1.200 hộ gia đình này được nhận mỗi hộ hai con dê cái, một con giống địa phương Mahali và một con giống Rachti (là giống lai giữa con địa phương Mahali và con cao sản Pakistan) và 300kg lúa mạch. Kế hoạch ban đầu của dự án là cung cấp cừu, nhưng sau khi thảo luận với các hộ gia đình thì người ta đã chuyển sang dê, vì dê dễ nuôi hơn, không đòi hỏi chăm sóc quá nhiều và sinh nhiều con hơn cừu mỗi đợt. Kế hoạch lúc đầu cũng định cung cấp các con đã mang thai sẵn, tuy nhiên, điều này sẽ gây nhiều khó khăn cho công tác hậu cần. Hơn nữa, số lượng dê đực còn sống sót sau động đất vẫn còn đủ để gây giống cho những con dê cái được phân phối. Vì vậy khả năng sinh sản sau động đất là rất nhanh.

Việc kiểm tra sau khi phân phối dê (một hoặc hai tuần sau khi dê được chuyển tới người nhận) cho thấy phần lớn các hộ gia đình hài lòng với cả giống được phân (84%) và quá trình phân phối (87%). Chỉ có duy nhất một con dê trong tổng số 70 mẫu điều tra bị đánh cắp, và một con khác được bán, sáu con được chuyển cho người thân chăm sóc do thiếu chuồng trại. Chín hộ đã bắt đầu vắt được sữa từ một trong hai con dê, hai hộ đã vắt sữa từ cả hai con, và 27 hộ đã giao phối dê.

Khi được hỏi về ảnh hưởng của dự án phân phối vật nuôi đối với đời sống, các hộ đã liệt kê các lợi ích như lợi ích kinh tế (sữa và sản phẩm len – tuy nhiên hầu hết là các lợi ích tiềm tàng vì còn quá sớm để dê sinh sản). Họ cũng nhấn mạnh các tác dụng tâm lý của chương

trình (ví dụ lũ trẻ có trò giải trí là chơi với dê, hoặc tăng động lực để tham gia vào các hoạt động khác). Hầu hết mọi người đều tin tưởng vào khả năng phục hồi lại đàn vật nuôi sau khi mất hết hay mất một phần vật nuôi trong động đất.

Nguồn: Source: ACF-Spain (2004) 'Dự án Khôi phục Sinh kế (thông qua phân phối vật nuôi)', ACF- Tây Ban Nha, Bam, Iran; Leguene, P. (2004) 'Báo cáo Đánh giá: Khôi phục Sinh kế và Đảm bảo An ninh Lương thực về Lâu dài cho người nông dân bị ảnh hưởng bởi động đất ở vùng Bam, Đông Nam Iran, Dự án do ACFUK và ACF- Tây Ban Nha hợp tác tiến hành, Luân Đôn.

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng chú giải thuật ngữ

Backloading	Dùng xe tải hoặc các phương tiện khác để chuyển một loại hàng hóa đi, và mang về một loại hàng hóa khác (Ví dụ: Các nhà buôn vật nuôi mang thức ăn đến bán ở một khu vực rồi chuyển vật nuôi ở khu vực đó đi).
Capital assets (Tài sản)	(Một bộ phận của sinh kế) Là tất cả các các nguồn lực, trang thiết bị, kỹ năng làm việc, sức khỏe và các mối quan hệ được sử dụng bởi cá nhân và hộ gia đình để sinh nhai. Tài sản chính yếu được chia thành nguồn lực con người, nguồn lực tự nhiên, nguồn lực tài chính, nguồn lực vật chất và nguồn lực xã hội.
Cluster approach Phương pháp nhóm	Là một sáng kiến mới trên thế giới hỗ trợ sự cộng tác giữa các tổ chức nhân đạo trong các hoạt động cứu trợ khẩn cấp. Các nhóm tập trung vào các phạm vi cứu trợ cụ thể (ví dụ nước và hệ thống vệ sinh, thực phẩm, vân..vân) với một cơ quan đứng ra chịu trách nhiệm với các cơ quan khác và họ cùng phát triển một chiến lược hoạt động chung
Cold chain (Dây chuyền bảo quản lạnh)	Là việc giữ thuốc (cho người hay động vật) ở một nhiệt độ theo yêu cầu trong quá trình cất giữ và vận chuyển. Ví dụ: sử dụng tủ lạnh hay các hộp lạnh di động.
Drought cycle management (quản lý chu kỳ hạn hán)	Là mô hình phân chia hạn hán thành 4 giai đoạn: - Giai đoạn dấu hiệu/cảnh báo: chậm mưa, mưa ít hay mùa mưa ngắn. Đồng cỏ và nguồn nước không được bổ sung nước. - Giai đoạn báo động: có dấu hiệu giá cả thay đổi (ví dụ giá ngũ cốc tăng lên và giá vật nuôi giảm xuống), vẫn không có mưa hoặc mưa rất ít, đồng cỏ và nguồn nước bắt đầu bị cạn. - Giai đoạn nguy cấp: giá cả thay đổi mạnh, đồng cỏ và nguồn nước hoàn toàn bị tàn phá, tình trạng di cư diễn ra, vẫn không có mưa hoặc chỉ mới bắt đầu có mưa, con người và vật nuôi ốm, việc vận chuyển đình trệ ảnh hưởng tới nguồn cung cấp thực phẩm. - Giai đoạn phục hồi: vật nuôi bắt đầu khôi phục lại, giá vật nuôi tăng lên, giá ngũ cốc giảm xuống, đồng cỏ và các nguồn nước bắt đầu phục hồi.

Livestock off-take (Giảm đàn vật nuôi)	Vật nuôi được bán hoặc bị đưa khỏi đàn
Purposive sampling (chọn mẫu có mục đích)	Việc lựa chọn một nhóm đại diễn dựa trên những tiêu chí nhất định. Ví dụ: Những người chăn nuôi bị ảnh hưởng bởi hạn hán; người chăn nuôi là nữ hay dân cư của một làng bị lụt lội càn quét.
Rapid onset (Khởi phát nhanh)	Chỉ những thảm họa bất ngờ, và nhiều lúc không có dấu hiệu báo trước, ví dụ như động đất, lụt hay sóng thần. Được chia ra làm ba giai đoạn chính: 1. Giai đoạn ngay sau thảm họa – đó là giai đoạn thảm họa vừa xảy ra và ảnh hưởng là lớn nhất, 2. Giai đoạn khôi phục ban đầu: là những ngày (hay tuần) sau thảm họa khi mà ảnh hưởng ban đầu của nó đã qua đi và một số hoạt động cứu trợ khẩn cấp đã được xúc tiến, 3. Giai đoạn phục hồi: có thể mất hàng tháng, thậm chí hàng năm để có thể xây dựng lại cuộc sống và sinh kế của con người
Real-time evaluation	Việc đánh giá hoạt động (thường là một hoạt động nhân đạo) nhằm có được phản hồi và những điều chỉnh phù hợp trong suốt quá trình tiến hành chương trình. (Xem Sandison, 2003 và Herson và Mitchell (không có ngày) ở chương 3)
Slow onset (Khởi phát chậm)	Là những thảm họa mà ảnh hưởng của nó có thể cảm thấy được dần dần, ví dụ như hạn hán. Thông thường được chia làm 4 giai đoạn (xem lại phần quản lý chu kỳ hạn hán)
Zoonosis (Bệnh vật nuôi)	Là bệnh có thể lây từ động vật sang con người.

Phụ lục 2: Ký hiệu viết tắt

ACF	Action Contre la Faim Hành động chống lại nạn đói
AJK	Vùng Azad Jammu Kashmir
ALDEF	Tập trung phát triển các vùng đất khô cằn
ARV	chống virus
AU/IBAR	Liên minh Châu Phi – Cục Nguồn lực Thú y Liên Châu Phi
CAHW	Nhân viên thú y cộng đồng
CCCM	Điều phối và quản lý trại
CEB	Đóng góp cơ bản cho giáo dục
CP	Dân sự và chính trị
DFID	Bộ phát triển Quốc Tế
DRR	Giảm thiểu nguy cơ thảm họa
EMPRES	Hệ thống phòng tránh thảm họa (sâu và bệnh cho cây trồng và động vật vượt biên giới)
EPaRDA	Hiệp hội nghiên cứu và phát triển chăn thả Ethiopia
ESC	Kinh tế, văn hóa và xã hội
EWS	Hệ thống cảnh báo sớm
FAO	Tổ chức nông lương Liên Hợp Quốc
FEWS-NET	Hệ thống cảnh báo sớm tại gia đình
FSAU	Bộ phận phân tích an ninh lương thực Somalia
GIEWS	Hệ thống cảnh báo sớm và thông tin toàn cầu
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
HEA	Phương pháp kinh tế hộ gia đình
HPAI	Bệnh cúm gia cầm
ICRC	Ủy ban chữ thập đỏ Quốc tế
IDP	người tị nạn trên chính quê hương của mình
IPC	Phân loại lồng ghép an ninh lương thực và giai đoạn cứu trợ nhân đạo
JEMED	Thanh niên với nhiệm vụ phát triển cộng đồng
LWR	Tổ chức Cứu trợ Thế giới Lutheran
M&E	giám sát và đánh giá
NORDA	Cơ quan phát triển cứu trợ miền Bắc
NWFP	Tỉnh biên giới Tây Bắc
OCHA	Văn phòng Điều phối các Vấn đề Nhân đạo của Liên Hợp Quốc
OIE	Tổ chức Thú y thế giới
PLHIV	Những người sống chung với HIV và AIDS

PRA	Phương pháp thẩm định dự án với sự tham gia của người dân nông thôn (còn gọi là PLA)
PRIM	Ma trận xác định biện pháp ứng phó có sự tham gia của người dân (LEGS)
SADC	Cộng đồng Phát triển Nam Phi
SMART	Hướng dẫn về Giám sát chuẩn và Đánh giá Hiệu quả Cứu trợ và Quá trình Chuyển đổi
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ
VAC	Ủy ban Đánh giá Khả năng Dễ bị Tổn thương
VSF	Tổ chức Bác sy Thú y không Biên giới
WFP	Chương trình Lương thực Quốc tế của Liên Hợp Quốc

Phụ lục 3: Tài liệu tham khảo

Aklilu, Y. và M. Wekesa (2002) *Hạn hán, Vật nuôi và Sinh kế: Bài học từ Hoạt động Cứu trợ Khẩn cấp năm 1999 – 2001 cho Khu vực Chăn thả ở Kenya*, Tài liệu số 40 của Mạng lưới các Hoạt động Nhân đạo, Học viện Phát triển Quốc tế, Luân Đôn, www.odihpn.org/documents/networkpaper040.pdf

FAO (2009) *Cứu trợ Vật nuôi trong những Trường hợp khẩn cấp: Hướng dẫn Thực hành*: Serie hướng dẫn về Chăn nuôi và Thú y của Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc, Rome

Trung tâm Quốc tế Feinstein (2006) *Hướng dẫn Cứu trợ Vật nuôi dựa trên Sinh kế ở các khu vực Chăn thả*, Sáng kiến về Sinh kế Chăn thả USAID, Addis Ababa

IASC (2006) *Phụ nữ, đàn ông, con gái, và con trai: Các nhu cầu khác nhau, cơ hội như nhau, Sổ tay giới trong các Hành động Nhân đạo*, IASC, Geneva.

ICRC (2006) *Đánh giá Nhu cầu Thực phẩm*: Darfur, Bộ phận An ninh kinh tế, Tháng 10, ICRC, Nairobi.

Mattinen, H. và K. Ogden (2006) 'Cứu trợ bằng Tiền mặt – Bài học từ Nam Somalia', *Thảm Họa*, 30 (3): trang 297–315.

Morton, J., D. Barton, C. Collinson và B. Heath (2002) *So sánh các cách Cứu trợ Hạn hán ở Khu vực Chăn thả Gia súc*, Học viện các Nguồn lực Tự nhiên, Đại học Greenwich ở Medway, Chatham Maritime, www.nri.org/projects/pastoralism/interventions.doc

OFDA (2003) *Cứu trợ vào Vật nuôi: Các nguyên tắc Quan trọng* cho OFDA, OFDA, Washington DC, www.usaid.gov/our_work/humanitarian_assistance/disaster_assistance/sectors/index.html

Oxfam (2005) *Chương trình Cứu trợ Vật nuôi trong các Trường hợp Khẩn cấp*, bản không công bố, Oxfam, Oxford.

Oxfam (2007) *Hướng dẫn Chương trình Sức khỏe Động vật*, Oxfam, Oxford.

ProVention Consortium (2007) *Các Thảm họa Khởi phát Chậm: Hạn hán, Lương thực và An ninh Sinh kế - Bài học từ các Chương trình Cứu trợ và Phục hồi Trước đây*. ProVention Consortium và ALNAP (Nghiên cứu, Trách nhiệm Giải trình, Thực hiện các Hành động Nhân đạo), Geneva, www.proventionconsortium.org

Simpkin, S. P. (2005) *Nghiên cứu về Vật nuôi ở khu vực Sừng Châu Phi*, ICRC, Nairobi, www.icrc.org/Web/eng/siteeng0.nsf/htmlall/regional-livestock-study-greathorn-africa/$File/Regional-Livestock-Study-BOOK.pdf

Slim, H. and A. Bonwick (2005) *Sự bảo vệ: Hướng dẫn của ALNAO cho các Cơ quan Nhân đạo*, Học viện Phát triển Quốc tế, Luân Đôn.

Dự án Sphere (2004) *Hiến chương Nhân đạo và các Tiêu chuẩn Tối thiểu khi Cứu trợ trong Thảm họa*, Dự án Sphere, Geneva, www.sphereproject.org

Trench, P., J. Rowley, M. Diarra, F. Sano và B. Keita (2007) *Sau hạn hán: Nguyên do chính của Tình trạng bị Tổn thương Triền miền ở Sahel*, Nhóm công tác Sahel, IIED, Luân Đôn.

UN OCHA (1999) *Sổ tay Hướng dẫn Ứng phó với các Thảm họa Phức tạp*, UN OCHA, New York, www.reliefweb.int/library/documents/ocha__orientation__handbook_on__.htm#1

USAID (2005) *Hướng dẫn Thực hành Đánh giá Thảm họa và Hoạt động Cứu trợ*, USAID, Washington DC, www.usaid.gov/our_work/humanitarian_assistance/disaster_assistance/resources/pdf/fog_v3.pdf

Young, H., A. Taylor, S.-A. Way và J. Leaning (2004) 'Liên hệ giữa Quyền lợi và Chuẩn mực: Quy trình Xây dựng các chuẩn tối Thiểu dựa trên Quyền về An ninh Lương thực, Dinh dưỡng và Hỗ trợ Thực phẩm', *Thảm họa*, 28 (2): 142–159.

Phụ lục 4: Lời cảm ơn

LEGS xin gửi lời cảm ơn tới

Ban chỉ đạo LEGS

Rob Allport: VSF- Bỉ, Đông Phi
Andy Catley: Trung tâm Quốc tế Feinstein, Đại học Tufts
Solomon Haile Mariam: Ban điều phối PATTEC, Liên minh Châu Phi/ DREA
Simon Mack: Ban Chăn nuôi và Y tế, Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc
Piers Simpkin: Ủy ban Chữ Thập Đỏ Quốc tế
Cathy Watson: Điều phối viên LEGS

Nhà tài trợ

Văn phòng Trợ giúp Thảm họa Quốc tế của Mỹ, Cơ Quan Phát triển Quốc tế Mỹ
Oxfam Vương Quốc Anh
Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (hỗ trợ phát triển công cụ điện tử của LEGS)
Sáng kiến chính sách chăn nuôi IGAD (do Liên minh Châu Âu tài trợ và tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc điều hành)
Đóng góp bằng hiện vật từ: AU-IBAR, FAO, ICRC, Trung tâm Quốc tế Feinstein (Đại học Tufts), VSF-Belgium, VETAID, Vetwork UK

Các tác giả chính

Cứu trợ vật nuôi dựa trên Sinh kế: Cathy Watson
Đánh giá và Phản ứng: Cathy Watson
Các tiêu chuẩn chung: Andy Catley
Giảm đàn: Yacob Aklilu
Dịch vụ Thú y: Andy Catley, David Ward
Cung cấp thức ăn chăn nuôi: Peter Thorne
Cung cấp nước: Peter Thorne
Chuồng trại vật nuôi: David Hadrill, Peter Manfield
Cung cấp vật nuôi: Hélène Berton, Andy Catley
Phát triển công cụ điện tử: Peter Thorne
Biên tập viên điều phối: Cathy Watson

Nghiên cứu tình huống, các vấn đề giao liên và đóng góp kỹ thuật

Elias Abdash, CARE
Nejat Abdi Mohammed, Cứu trợ trẻ em Mỹ
Mohammed Abdinoor, Cứu trợ trẻ em Mỹ
Yacob Aklilu, Trung tâm Quốc tế Feinstein (Đại học Tufts)
Ahmed Alkadir, Oxfam America
Meghan Armisted, tổ chức Cứu trợ thế giới Lutheran
Joseph Ashmore, Tư vấn
John Barratt, DFID
Els Bedert, VSF Bỉ
Abay Bekele, Cứu trợ Trẻ em Mỹ
Gezu Bekele, Trung tâm Quốc tế Feinstein (Đại học Tufts)
Moges Bekele, Cordaid
Joep van Binsbergen, ILRI
Stephen Blakeway, Bộ nông nghiệp, Afghanistan
Sally Crafter, FARM - Châu phi
Matthew Croucher, Cứu trợ Trẻ em Anh
Adrian Cullis, Cứu trợ Trẻ em Mỹ
John Damerell, Dự án Sphere
Jonathan Davies, WISP/IUCN
Hélène Deret, Hành động chống nạn đói
Vera Eames, Tư vấn
Tony Eastwood, Quỹ Tear
Hani Eskandar, Dự án Sphere
Karine Garnier, Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc
Getachew Gebru, ILRI
Michael Goe, Học viện Công nghệ Liên Bang Thụy Sỹ
Richard Grahn, Oxfam Anh
Paul Harvey, Quỹ ODI
Jeremy Hulme, SPANA
Noelle Huskins, Tư vấn
Carmen Jaquez, Land O'Lakes
Peta Jones, Mạng lưới Sức kéo Động vật Nam Phi / Sức kéo của lừa
Alison Joyner, Dự án Sphere
Alison Judd, Nhà tư vấn
Sarah Kahn, OIE

Evariste Karangwa, Tổ chức Cứu trợ Thế giới Lutheran
Elizabeth Karuoya, VSF Suisse
Charles Kelly, Trung tâm Nghiên cứu Hiểm họa Benfield UCL
Maurice Kiboye, COOPI
Matthew Kinyanjui, ICRC
Chung Lai, Land O'Lakes
Jennifer Lanier, Hiệp hội Nhân đạo Quốc tế
James Lewis, Nhà tư vấn
Tim Leyland, DFID
Roger Lough, Tư vấn
Julia Macro, Bệnh viện thú y Brooke
Kelley Lynch, Kelly Lynch Ảnh, Chuyện, Thiết kế
Colleen Malone, Cứu trợ Trẻ em Canada
Seif Maloo, VSF Suisse
Tim McCully, Tổ chức Cứu trợ Thế giới Lutheran
Neil Manning, Bệnh viện Thú y Brooke
Ali Mekonnen, Cứu trợ Trẻ em Mỹ
Gedlu Mekonnen, Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc
Joseph Methu, Land O'Lakes
Bruno Minjauw, Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc
Lili Mohiddin, Oxfam Vương Quốc Anh
Bonaventure Mtei, Tổ chức Thú y Thế giới
Kisa Juma Ngeiywa, Bộ Chăn nuôi - Kenya
Sjoerd Nienhuys, Tư vấn
Steve Osofsky, WCS-AHEAD (Sức khỏe Động vật vì Môi trường và Phát triển)
Mahamadou Ouhoumoudou, Tổ chức Cứu trợ Thế giới Lutheran
Simon Pope, SPANA
Ian Robinson, AA International
Tim Robinson, Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc
Antonio Rota, IFAD
Lex Ros, Dierenarts Haarlem
Paul Sayers, Land O'Lakes
Michael Scott, DFID
Mohamed Sheikh-Ali, Ủy ban chữ thập đỏ Quốc tế
Garry Smith, Tư vấn
Marjorie Sullivan, Cơ quan Phát triển Quốc tế Úc

Ali Adam Tahir, Tập đoàn Nghiên cứu Nguồn lực động vật – Liên đoàn những người Chăn thả
Tarekegn Tola, Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Mỹ
John Woodford, Bộ nông nghiệp, Afghanistan
Jeff Woodke, Tổ chức Thanh niên với Nhiệm vụ Phát triển Cộng đồng Niger
Helen Young, Trung tâm Quốc tế Feinstein (Đại học Tufts)

Các hỗ trợ khác

AU-IBAR: người dự cuộc họp lấy ý kiến phản hồi ở Nairobi, ngày 23 tháng một 2008
Oxfam GB: Cố vấn EFSL cấp quốc gia Tây Phi; Cố vấn về Nước và Vệ sinh
Quản lý chương trình Turkana ởKenya; Cố vấn EFSL cấp khu vực Tây Phi;
Quản lý Chương trình Chăn thả ở Ethiopia; Quản lý Chương trình Chăn thả ở Uganda;
Oxfam Anh Quốc: việc sử dụng dự thảo hướng dẫn về lập Chương trình Cứu trợ Vật nuôi trong Trường hợp Khẩn cấp

Các nhóm tư vấn LEGS và danh sách địa chỉ thư

LEGS được xây dựng với sự hỗ trợ và đóng góp của rất nhiều cá nhân và tập thể nên không thể liệt kê hết ở đây. Tổng số danh sách địa chỉ thư lên tới con số 1700 và rất nhiều người trong số đó đã tham gia vào phát triển LEGS thông qua việc nhận xét bản nháp, phản hồi từ thử nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm trong các cuộc họp/ hội thảo và rất nhiều đóng góp khác. Dự án LEGS chân thành cảm ơn tất cả các cá nhân và tập thể đã có những đóng góp kể trên.

Phụ lục 5 Phiếu lấy ý kiến phản hồi về LEGS

Dự án LEGS xin được chào đón tất cả mọi ý kiến phản hồi và nhận xét trên tất cả mọi khía cạnh về ấn phẩm của LEGS. Các phản hồi sẽ là cơ sở để LEGS sửa chữa trong các phiên bản tiếp sau

Tên	
Tổ chức	
Vị trí	
Email	
Địa chỉ gửi thư	

- Xin cho chúng tôi những nhận xét chung về LEGS (nội dung, hình thức, định dạng):

- Xin cho chúng tôi những nhận xét cụ thể hơn về các chương, tiêu chuẩn và/hoặc các gợi ý:

- Quý ông/bà đã từng ứng dụng LEGS trong lĩnh vực của mình chưa? Nếu có, đó là những ứng dụng gì?

- Quý ông/bà có muốn có thêm thông tin về LEGS hoặc muốn gia nhập vào danh sách địa chỉ email không? (nếu có, xin đề nghị điền đầy đủ thông tin vào bảng thông tin phía trên)

Xin hãy gửi phiếu lấy ý kiến phản hồi vào địa chỉ: coordinator@livestock-emergency.net hoặc gửi thư tới: The LEGS Project, c/o Feinstein International Center, Tufts University, 200 Boston Avenue, Suite 4800, Medford, MA 02155, USA